**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

# BẢN CÁO BẠCH

**Quyển 1/2**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Á MỸ

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500552524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 25/09/2015, do Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 06/04/2026)*

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Quyết định số 826/QĐ-SGDHCM ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Sở Giao dịch chứng khoán)*

***Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày: .....***

### TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Á MỸ**

Địa chỉ: Lô 1, Khu công nghiệp Thái Hòa – Liễn Sơn – Liên Hòa, xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: +84 211 6564 999

Website: amy.vn

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588 Fax: +84 28 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

***Phụ trách công bố thông tin:***

Ông: Trương Quang Nhật

Chức vụ: Người phụ trách công bố thông tin

Số điện thoại: +84 969384964

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Á MỸ

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500552524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 25/09/2015, do Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 06/04/2026)*

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Công văn số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Sở Giao dịch chứng khoán)*

***Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại: ..... từ ngày: .....***

### TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Á MỸ**

Địa chỉ: Lô 1, Khu công nghiệp Thái Hòa – Liễn Sơn – Liên Hòa, xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: +84 211 6564 999

Website: amy.vn

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588 Fax: +84 28 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

***Phụ trách công bố thông tin:***

Ông: Trương Quang Nhật

Chức vụ: Người phụ trách công bố thông tin

Số điện thoại: +84 969384964

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Á MỸ

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500552524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 25/09/2015, do Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 06/04/2026)*

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

| | |
|---|---|
| **Tên cổ phiếu:** | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ |
| **Loại cổ phiếu:** | Cổ phiếu phổ thông |
| **Mã cổ phiếu:** | AMY |
| **Mệnh giá:** | 10.000 VND (Mười nghìn đồng)/Cổ Phiếu |
| **Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết:** | 144.456.811 (Một trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm mười một) Cổ Phiếu |
| **Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết:** | 1.444.568.110.000 đồng (Một nghìn bốn trăm bốn mươi bốn tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu một trăm mười nghìn đồng) |

## ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588 Fax: +84 28 3914 3209

## TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 3914 3588 Fax: +84 28 3914 3209

## TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

**Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính (năm 2024, 2025)**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa nhà Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3946 1600

**Tổ chức Kiểm toán vốn điều lệ đã góp và kiểm toán tình hình sử dụng vốn**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 5678 3999

# MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH....1

1. Tổ chức đăng ký niêm yết....1
2. Tổ chức tư vấn....1

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO....2

1. Rủi ro kinh tế....2
2. Rủi ro về luật pháp....6
3. Rủi ro đặc thù ngành....7
4. Rủi ro của đợt chào bán....12
5. Rủi ro pha loãng....13
6. Rủi ro quản trị công ty....14
7. Rủi ro khác....15

III. CHỮ VIẾT TẮT....16

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT....18

1. Thông tin chung về Tổ chức đăng ký niêm yết....18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết....19
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết....21
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức đăng ký niêm yết....22
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối....28
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành....34
7. Thông tin về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác....46
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành....46
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài....47
10. Hoạt động kinh doanh....49
11. Chính sách đối với người lao động....112
12. Chính sách cổ tức....114
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành....116
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu....117
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích....117

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH....117

1. Kết quả hoạt động kinh doanh....117
2. Tình hình tài chính....121
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết 156

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức ..... 157

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG ..... 163

1. Thông tin về cổ đông sáng lập ..... 163
2. Thông tin về cổ đông lớn ..... 163
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng ..... 164

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG ..... 187

1. Loại cổ phiếu ..... 187
2. Mệnh giá cổ phiếu ..... 187
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán ..... 187
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá ..... 187
5. Giá chào bán ..... 187
6. Phương pháp tính giá ..... 187
7. Phương thức phân phối ..... 188
8. Đăng ký mua cổ phiếu ..... 190
9. Lịch trình phân phối cổ phiếu ..... 190
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu ..... 191
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu ..... 191
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết 191
13. Hủy bỏ đợt chào bán ..... 192
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài ..... 192
15. Các loại thuế có liên quan ..... 193
16. Thông tin về các cam kết ..... 194
17. Thông tin về kế hoạch đăng ký niêm yết ..... 196
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt ..... 199

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG ..... 200

1. Mục đích chào bán ..... 200
2. Phương án khả thi ..... 200
3. Thông tin về tình hình triển khai dự án: ..... 200

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG ..... 200

X. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ..... 208

1. Loại cổ phiếu ..... 208
2. Mệnh giá cổ phiếu ..... 208
3. Mã cổ phiếu (dự kiến) ..... 208
4. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết ..... 208
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký niêm yết ..... 208

6. Phương pháp tính giá ..... 210
7. Các loại thuế có liên quan ..... 210

XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ..... 213

1. Tổ chức tư vấn ..... 213
2. Đại lý phân phối ..... 213
3. Tổ chức kiểm toán ..... 214

XII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ..... 214

XIII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN ..... 215

XIV. PHỤ LỤC ..... 216

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

## I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức đăng ký niêm yết

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Á MỸ**

| | |
|---|---|
| **Ông Lương Văn Mỹ** | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT |
| **Ông Đinh Quốc Tuấn** | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
| **Bà Trần Thị Thanh Nga** | Chức vụ: Kế toán trưởng |
| **Ông Dương Phú Đạt** | Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

### 2. Tổ chức tư vấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**

Đại diện được ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Bảo — Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

(*Theo Giấy ủy quyền số 74/2025/QĐ-TGĐ.VIETCAP ngày 27/11/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap*)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 04/2025/HĐ-IBHN.VIETCAP ngày 02/06/2025 với Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ cung cấp.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư dự kiến mua cổ phiếu nên xem xét kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro được đề cập tại Bản cáo bạch này trước khi mua cổ phiếu. Việc xảy ra một hoặc nhiều rủi ro được trình bày dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và có thể ảnh hưởng đến đợt chào bán, giá chào bán Cổ phiếu và kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Ngoài ra, có thể có những vấn đề cần quan tâm và những rủi ro khác có thể gây ảnh hưởng đến khoản đầu tư vào cổ phiếu nhưng Tổ Chức Phát Hành hiện nay chưa biết đến hoặc được cho là không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ (sau đây gọi là "CTCP Công nghiệp Á Mỹ" hoặc "Công ty" hoặc "Á Mỹ") là một doanh nghiệp tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, bao gồm hai mảng chính: sản xuất gạch ốp lát và các sản phẩm sàn SPC và tấm tường (gọi chung là các sản phẩm vinyl). Đặc thù ngành nghề và phạm vi hoạt động dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

### 1. Rủi ro kinh tế

Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ nói riêng luôn gắn bó và chịu tác động trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế, bao gồm tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, rủi ro tỷ giá và các yếu tố liên quan khác. Môi trường kinh tế ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển; ngược lại nếu tình hình kinh tế bất lợi sẽ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống phát sinh từ các yếu tố vĩ mô, trong đó những nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bao gồm i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) rủi ro lạm phát; iii) lãi suất; và iv) rủi ro tỷ giá.

#### *1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế*

Tốc độ tăng trưởng kinh tế vĩ mô là yếu tố then chốt, tác động trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển của các ngành và lĩnh vực trong nền kinh tế. Quá trình này thúc đẩy tiêu dùng, mở rộng sản xuất và nâng cao khả năng hấp thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

Trong nửa đầu năm 2025, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều biến động và thách thức phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của các ngành và lĩnh vực kinh tế. Rủi ro từ chính sách thuế quan gia tăng khi nhiều quốc gia áp dụng biện pháp bảo hộ, khiến thương mại quốc tế chậm lại. Đồng thời, xung đột địa chính trị như chiến tranh Nga – Ukraine và Israel – Iran tiếp tục làm gia tăng bất ổn kinh tế toàn cầu. Cụ thể, trong Quý I/2025, Mỹ áp dụng mức thuế nhập khẩu toàn diện – 10% cho tất cả hàng hóa, riêng Trung Quốc bị áp thêm 34%, trong khi khối liên minh Châu Âu (EU), Nhật Bản và Hàn Quốc chịu mức thuế từ 25% trở lên. Điều này khiến kinh tế toàn cầu biến động, với dự báo của Ngân hàng Thế giới (World Bank) về tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu khoảng 3% năm 2025. Tuy nhiên, kinh tế toàn cầu đã có dấu hiệu phục hồi nhẹ trong Quý II-III/2025, nhờ diễn biến tích cực trong đàm phán thương mại và gia tăng giao thương giữa các quốc gia.

Tại Việt Nam, tăng trưởng GDP vẫn duy trì ở mức cao mặc dù bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn và thách thức. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2025 tăng 8,02% so với năm 2024, vượt mục tiêu đề ra và cao hơn mặt bằng chung toàn cầu. Đây cũng là mức tăng trưởng GDP cao nhất kể từ năm 2011 nếu loại trừ năm 2022 với mức hồi phục sau đại dịch COVID-19.

Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78% (đóng góp 5,30%), công nghiệp và xây dựng tăng 8,95% (43,62%), dịch vụ tăng 8,62% (51,08%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 cũng duy trì đà tăng trưởng tích cực đạt 7.008 nghìn tỷ đồng tăng 9,2% so với năm trước, phản ánh nhu cầu tiêu dùng nội địa phục hồi. Kết quả này tạo nền tảng vững chắc cho kỳ vọng tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế trong thời gian tới. Xuất nhập khẩu là điểm sáng của nền kinh tế với tổng kim ngạch ước đạt 920 tỷ USD, tăng 16,9% so với năm trước.

**Tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2025**

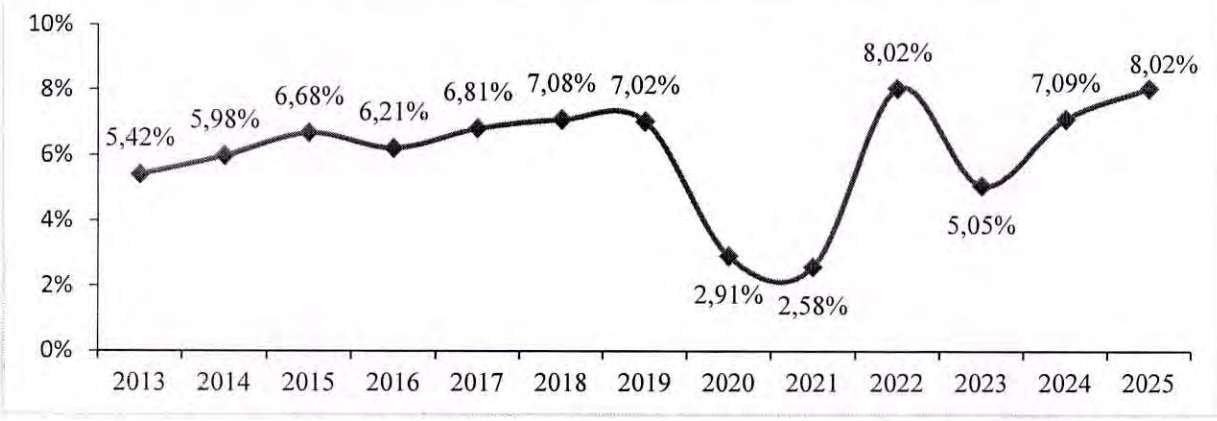


*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Nền kinh tế đi vào quỹ đạo tăng trưởng ổn định sẽ mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước nói chung cũng như Công ty nói riêng. Ngành nghề của Công ty có liên hệ mật thiết với chu kỳ phát triển của thị trường bất động sản. Trong giai đoạn kinh tế tăng trưởng, nhu cầu chi tiêu gia tăng, chi tiêu công và đầu tư tăng lên, sản xuất công nghiệp tích cực, kéo theo sự gia tăng nhu cầu về bất động sản dân cư và văn phòng. Ngược lại, khi kinh tế suy thoái, ngành bất động sản có thể chịu ảnh hưởng mạnh và rơi vào tình trạng suy thoái. Tăng trưởng kinh tế thường được đánh giá thông qua sự tăng trưởng của GDP trong kỳ so với cùng kỳ năm trước. Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng tích cực là một trong những điều kiện phát triển thuận lợi cho Công ty trong thời gian tới. Tuy nhiên, với việc nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn (chỉ số kim ngạch xuất nhập khẩu/ GDP > 150%), Việt Nam vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro khi kinh tế thế giới diễn biến phức tạp.

### *1.2. Rủi ro lạm phát*

Lạm phát là một yếu tố kinh tế vĩ mô có khả năng tác động sâu rộng đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Khi rủi ro lạm phát gia tăng, chi phí sản xuất và vận hành của doanh nghiệp thường có xu hướng tăng, trong khi giá bán sản phẩm lại phụ thuộc vào biến động của nhu cầu thị trường. Rủi ro lạm phát gia tăng có thể dẫn đến (i) áp lực gia tăng chi phí sản xuất, vận hành của doanh nghiệp trong khi vị thế doanh nghiệp không đủ lớn để chuyển giao gánh nặng chi phí thông qua việc tăng giá sản phẩm mà không làm giảm thị phần và mất đi khách hàng, và (ii) suy giảm sức mua của người tiêu dùng gây áp lực về mặt doanh thu.

**Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2025**

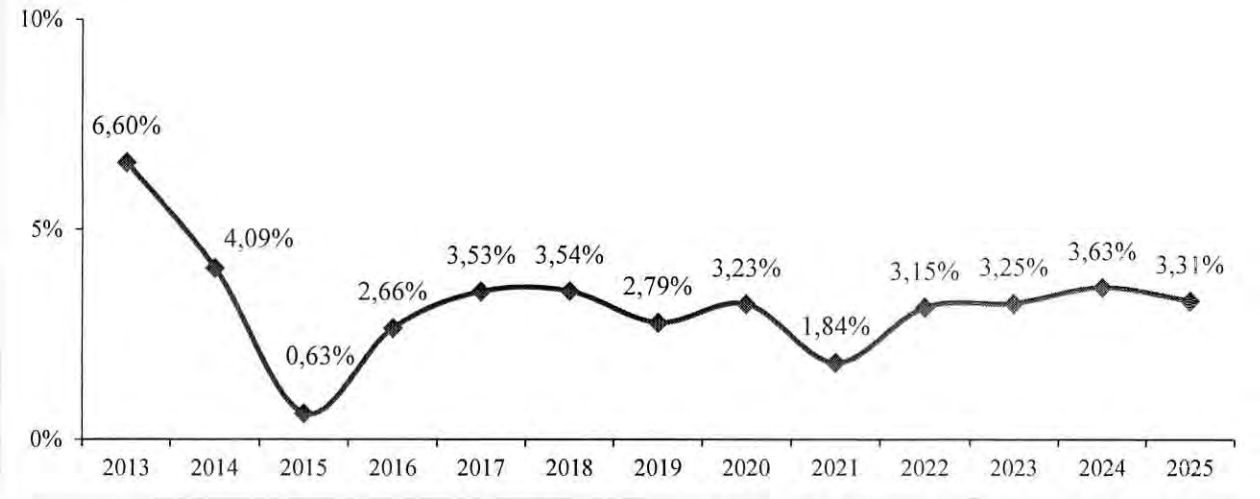


*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Dựa vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả nước trong năm 2025 tăng 3,31%, đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% theo Nghị quyết số 226/NQ-QP ngày 05/8/2025 của Chính phủ. Việc duy trì mức lạm phát hợp lý trong khi kinh tế vẫn tăng trưởng cho thấy hiệu quả của các chính sách điều hành vĩ mô bởi Chính phủ, cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương trong việc triển khai kịp thời các giải pháp nhằm giảm áp lực lạm phát. Một trong những điểm sáng chính sách là Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị, với định hướng tạo lập môi trường thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ. Theo đó, Nhà nước đã ban hành hàng loạt chính sách hỗ trợ như: gói hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tiên phong; giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận các nguồn lực quan trọng như đất đai, vốn và nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, Luật Thuế Giá trị gia tăng có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 đã góp phần trực tiếp vào việc giảm áp lực giá cả. Theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định 174/2025/NĐ-CP của Chính phủ, mức thuế VAT giảm từ 10% xuống còn 8% đối với phần lớn hàng hóa và dịch vụ, ngoại trừ một số lĩnh vực đặc thù như viễn thông, tài chính – ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và kinh doanh bất động sản. Những chính sách đồng bộ này không chỉ thúc đẩy tiêu dùng nội địa mà còn góp phần kiểm soát lạm phát.

Tuy nhiên, việc kiểm soát lạm phát năm 2026 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức trong bối cảnh có nhiều yếu tố gây áp lực lên mặt bằng giá. Cụ thể như: (i) Giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao do bị ảnh hưởng bởi căng thẳng địa chính trị, bảo hộ thương mại, Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên; (ii) thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý theo hướng tính đúng, tính đủ các yếu tố, các chi phí thực hiện vào giá dịch vụ y tế và học phí giáo dục sẽ tác động làm tăng CPI; (iii) mục tiêu tăng trưởng GDP 10% trong năm 2026 sẽ tạo thêm sức ép lên giá cả, do tăng trưởng kinh tế cao đồng nghĩa với tổng cầu, bao gồm đầu tư và tiêu dùng, đều phải tăng mạnh; (iv) tỷ giá được dự báo sẽ tiếp tục tác động lên CPI trong năm 2026 đến từ việc đẩy mạnh đầu tư và tiêu dùng, kéo

theo nhập khẩu tăng trong khi tăng trưởng xuất khẩu năm 2026 có thể gặp thách thức do kinh tế thế giới tăng trưởng chậm và (v) Các chương trình hỗ trợ phục hồi, giải ngân đầu tư công của Chính phủ, dịch vụ du lịch… dự kiến sẽ gây áp lực lên mặt bằng giá trong năm 2026.

Sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty (gạch ốp lát, sàn SPC và các loại sàn khác) là các sản phẩm không thiết yếu đối với con người, do đó, rủi ro lạm phát sẽ gây nhiều áp lực lên doanh thu của Công ty hơn so với các ngành nghề thiết yếu. Trong trường hợp bối cảnh lạm phát tại Việt Nam và toàn cầu có xu hướng tăng trở lại, chi phí hoạt động của Công ty, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, lao động, bảo trì, tài chính và các khoản chi khác, sẽ chịu áp lực gia tăng. Nếu Công ty không thể chuyển biến động trong cơ cấu chi phí do lạm phát cho người tiêu dùng, hiệu quả tài chính và triển vọng kinh doanh có thể bị ảnh hưởng. Ngoài ra, lạm phát kéo dài tiềm ẩn rủi ro về việc các Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, bao gồm việc tăng lãi suất và siết chặt tín dụng, ảnh hưởng đến khả năng và chi phí nguồn vốn của Công ty.

### *1.3. Rủi ro lãi suất*

Lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vốn, lợi nhuận và chiến lược đầu tư của doanh nghiệp. Khi lãi suất tăng, chi phí vay tăng, làm giảm biên lợi nhuận và khả năng cạnh tranh. Khi lãi suất tăng, các doanh nghiệp còn đối mặt với rủi ro tái đầu tư, rủi ro giảm giá tài sản cố định như trái phiếu và rủi ro kỳ hạn do mất cân đối giữa tài sản và nợ.

Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bốn lần điều chỉnh giảm lãi suất ở mức 0,5%/lần nhằm hỗ trợ nền kinh tế trong bối cảnh lãi suất toàn cầu tăng cao. Cụ thể, NHNN giảm 1,5%/năm đối với lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, đồng thời giảm 2,0%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ. Lãi suất tối đa tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng được giảm từ 0,5% đến 1,25%/năm, và lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm 1,5%/năm.

Bước sang năm 2024 và năm 2025, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành gồm 3,0%/năm đối với lãi suất tái chiết khấu và 4,5%/năm đối với lãi suất tái cấp vốn, nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo đó, tính đến cuối năm 2025, tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế vượt 18,4 triệu tỷ đồng, tăng 17,87% so với cuối năm 2024. Một số lĩnh vực ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng, như công nghiệp hỗ trợ tăng 27,46%, trong khi các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 30,36% so với cuối năm 2024. Tín dụng dành cho lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn ước đạt khoảng 4,2 triệu tỷ đồng, chiếm 22,42% tổng dư nợ. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, dư nợ đạt khoảng 3,5 triệu tỷ đồng, tương đương 19,11% tổng dư nợ. Việc giảm lãi suất huy động sẽ giảm gánh nặng lãi vay và qua đó tác động tích cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

Diễn biến lãi suất huy động của các ngân hàng từ cuối năm 2025 trở đi có xu hướng tăng trở lại. Tại thời điểm Quý I/2026, lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chủ yếu ở mức quanh 5,5%-6%/năm.

Để đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng kết hợp vốn vay ngắn hạn và dài hạn. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng dư nợ phải trả hợp nhất đạt 3.978 tỷ đồng, chiếm 69% tổng tài sản. Tuy nhiên, việc hơn 96% tổng nợ của Công ty đến từ nợ

ngắn hạn, với 2.326 tỷ là dư nợ vay ngắn hạn với mức lãi suất từ 3,6% đến 6,8%, phản ánh tình hình tài chính ổn định, không phụ thuộc vào nợ vay dài hạn của Công ty.

Việc sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn dẫn đến việc hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng khi có biến động lãi suất.

### *1.4. Rủi ro về tỷ giá*

Biến động tỷ giá là yếu tố vĩ mô có thể chịu ảnh hưởng từ diễn biến kinh tế, tài chính và chính sách tiền tệ của các quốc gia trên thế giới. Trước bối cảnh thị trường quốc tế diễn biến khó lường và xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất của Fed và nhiều Ngân hàng Trung ương khác, NHNN đã ban hành Quyết định số 1747/QĐ-NHNN quy định về tỷ giá giao ngay giữa đồng Việt Nam (VND) và các ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép. Theo đó, biên độ tỷ giá giao ngay giữa VND và đô la Mỹ (USD) được điều chỉnh từ mức ±3% lên mức ±5%.

Tính đến ngày 31/12/2025, đồng Việt Nam đã mất giá khoảng 3,1% so với USD. NHNN vẫn đang áp dụng chính sách tỷ giá linh hoạt, vừa theo sát diễn biến thị trường, vừa can thiệp khi cần thiết để đảm bảo ổn định và củng cố dự trữ ngoại hối. Trong năm 2025, NHNN khẳng định rằng tỷ giá trong năm sẽ phải chịu nhiều áp lực, đặc biệt từ các chính sách kinh tế của Mỹ.

Về triển vọng trung hạn, Fed đã cắt giảm lãi suất nhiều lần trong năm 2025 và phát tín hiệu thận trọng hơn trong chu kỳ nới lỏng tiếp theo. Mặc dù quan điểm giữa các nhà hoạch định chính sách còn phân hóa, thị trường kỳ vọng USD có xu hướng suy yếu trong giai đoạn 2026[1]. Diễn biến này được đánh giá có thể góp phần làm giảm áp lực lên tỷ giá USD/VND, qua đó hỗ trợ chi phí hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam.

Là một công ty chuyên xuất khẩu hàng hóa đi các nước tại Mỹ, châu Âu và châu Á, cơ cấu doanh thu của Công ty có gần 75% doanh thu đến từ thị trường quốc tế, trong đó Mỹ là thị trường quốc tế chủ lực của Công ty, đem lại hơn 62% doanh thu. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi yếu tố rủi ro về tỷ giá hối đoái.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần đang hướng tới vận hành theo mô hình công ty đại chúng và niêm yết tại HOSE nên CTCP Công nghiệp Á Mỹ phải tuân thủ chặt chẽ các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp,... và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty. Ngoài ra khi thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và thực hiện niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Công ty sẽ cần tuân thủ các quy định tại Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan.

Khung pháp lý của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để bắt kịp tốc độ phát triển kinh tế và hội nhập với thế giới, do đó luật pháp có thể điều chỉnh thường xuyên nhằm phù hợp với tình hình thực tế. Những thay đổi về pháp luật không nằm trong tầm kiểm soát của Công ty

---

[1] Thời Báo Ngân Hàng, T12/2025, "https://thoibaonganhang.vn/usd-nin-tho-cho-bien-ban-cuoc-hop-thang-12-cua-fed-175891.html"

và Công ty cũng không thể đảm bảo rằng các quy định về pháp luật trong các ngành nghề mà Công ty đang kinh doanh sẽ không thay hoặc/và điều chỉnh trong tương lai. Mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành, tùy theo mức độ, có thể trực tiếp và/hoặc gián tiếp gây ra những kết quả không mong đợi và ảnh hưởng bất lợi đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu không có sự thích ứng và điều chỉnh kịp thời.

### 3. Rủi ro đặc thù ngành

#### *3.1. Rủi ro biến động nhu cầu vật liệu xây dựng*

Lĩnh vực vật liệu xây dựng biến động song hành cùng sự phát triển của thị trường bất động sản. Khi thị trường bất động sản chững lại trong giai đoạn 2022-2023, các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng chịu rủi ro về nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng giảm khiến kết quả kinh doanh của toàn ngành giảm mạnh, dẫn đến doanh thu từ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng giảm sút. Nhu cầu thị trường sụt giảm ảnh hưởng đến doanh số bán hàng, phát sinh lỗ, gia tăng hàng tồn kho và ứ đọng vốn của doanh nghiệp.

#### *3.2. Rủi ro về cạnh tranh*

Ngành vật liệu xây dựng có rào cản gia nhập thấp do nhu cầu vốn ban đầu không quá lớn, chuỗi cung ứng nguyên liệu sẵn có tại địa phương, do đó công ty phải cạnh tranh với nhiều đối thủ hiện tại và đối thủ mới trên thị trường, đặc biệt là các công ty đến từ Trung Quốc và các công ty đến từ các quốc gia có chi phí sản xuất thấp. Không chỉ được nhập khẩu với số lượng lớn, các mặt hàng từ Trung Quốc thường có giá bán thấp hơn sản phẩm trong nước, dẫn đến doanh nghiệp thâm hụt lợi nhuận và bán hàng dưới giá vốn.

Một số công ty có điểm tương đồng gồm hoạt động sản xuất gạch ốp lát và vật liệu ốp lát với Á Mỹ bao gồm Công ty Cổ phần Gỗ An Cường, Tổng Công ty Viglacera, Công ty Cổ phần Vicostone. Các phân ngành kinh doanh mà Á Mỹ và các công ty được nêu trên cạnh tranh gồm:

- Hoạt động sản xuất gạch ốp lát: Thị trường gạch ốp lát tại Việt Nam có tính phân mảnh cao với nhiều doanh nghiệp tham gia vào thị trường, đặc biệt là các thương hiệu lớn từ nước ngoài, do đó có áp lực cạnh tranh lớn.

  Theo ước tính của Mordor Intelligence, thị trường gạch ốp lát Việt Nam có quy mô ước tính 5,9 tỷ USD năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 11,11 tỷ USD năm 2029, tương đương tốc độ tăng trưởng bình quân 13,64%/năm. Theo số liệu của Bộ Xây dựng thống kê và Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, đến cuối năm 2023 Việt Nam có 83 nhà máy sản xuất gạch ốp lát được đầu tư với tổng công suất 831 triệu m2/năm, trong đó có 57 nhà máy gạch ceramic, tổng công suất 600 triệu m2/năm; 21 nhà máy sản xuất gạch granite, tổng công suất 200 triệu m2/năm và 5 nhà máy sản xuất gạch cotto, tổng công suất 31 triệu m2/năm. Bên cạnh Á Mỹ, các thương hiệu gạch ốp lát trong nước nổi tiếng khác có thể kể đến gạch Viglacera, gạch Đồng Tâm, Thạch Bàn, Bạch Mã, Tasa, Hoàng Hà. Sản lượng gạch ốp lát đã tăng đều đặn từ những năm 2000 đến năm 2019 (trước đại dịch COVID-19 xảy ra). Năm 2018, sản lượng gạch ốp lát của Việt Nam đạt 602 triệu m2, tương đương 4,6% toàn cầu và đứng thứ 4 thế giới. Tuy nhiên, chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó có đầu ra thu hẹp, từ năm 2020 đến nay, sản lượng sản xuất chỉ đạt 50-60% tổng công suất thiết kế. Tình hình sản xuất, kinh doanh của hầu hết doanh nghiệp phần lớn gặp nhiều khó khăn. Rủi ro cạnh tranh của ngành cao khi các công ty gạch ốp lát hiện đang sản xuất ở mức khoảng 55% công suất thiết kế toàn ngành. Ngoài ra, sản phẩm ngành gạch ốp lát xuất khẩu đang vấp phải sự cạnh tranh

đến từ các đối thủ ở các quốc gia có trình độ sản xuất cao và chi phí sản xuất ở mức tương đương hoặc thấp hơn Việt Nam (ví dụ như Trung Quốc, Ấn Độ, ...) hoặc có thương hiệu đã tốt hơn (như Ý, Tây Ban Nha,...).

- Hoạt động sản xuất sản phẩm vinyl: Rủi ro chính của phân ngành này đến từ các yếu tố sau: rào cản gia nhập ngành thấp, áp lực cạnh tranh lớn từ Trung Quốc – quốc gia từng có sản lượng SPC lớn nhất thế giới, nhưng hiện đã dịch chuyển sang Việt Nam, chi phí nguyên liệu biến động, rủi ro thay đổi thị hiếu của thị trường.

  Ngành sản xuất vinyl có công nghệ sản xuất khá phổ biến và dây chuyền được cung cấp bởi nhiều nhà sản xuất Trung Quốc và nước ngoài khác với chi phí đầu tư ban đầu không quá lớn. Do không đòi hỏi trình độ công nghệ quá phức tạp, doanh nghiệp mới có thể gia nhập thị trường khá dễ dàng, dẫn đến xu hướng bùng nổ nhà máy vinyl trong nước và từ Trung Quốc chuyển hàng vào. Rào cản thương hiệu trong ngành ván sàn cũng thấp hơn so với các ngành vật liệu cao cấp, làm gia tăng mức độ cạnh tranh. Ngoài ra thị trường sàn vinyl vẫn đang tăng trưởng ổn định, nhưng rất phân mảnh và cạnh tranh chủ yếu về giá bán, mẫu mã và dịch vụ hậu mãi. Bên cạnh đó, sản phẩm vinyl không phải là lựa chọn duy nhất trong sàn ốp lát, khách hàng có thể dễ dàng chuyển sang các loại sản phẩm khác như gạch ốp lát và sàn gỗ công nghiệp.

### *3.3. Rủi ro về nguyên liệu đầu vào*

Hoạt động của CTCP Công nghiệp Á Mỹ phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung các loại nguyên liệu chính phục vụ sản xuất như cao lanh, đất sét, than đá, bột đá $CaCO_3$, bột PVC, hạt nhựa, phụ gia, màng film, giấy nền và các vật tư bao bì. Chi phí nguyên – nhiên vật liệu chiếm khoảng 60-70% chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động về giá cả và nguồn cung nguyên vật liệu và nhiên liệu đầu vào có thể gây rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng của Công ty.

Đối với nguyên vật liệu gạch ốp lát, Công ty sử dụng các nguồn nguyên vật liệu nội địa như đất sét, cao lanh, feldspar, đáp ứng được nhu cầu sản xuất gạch ốp lát trong dài hạn.

Dù là một đất nước có nhiều tài nguyên như đá vôi, dầu mỏ, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu nhiều nguyên vật liệu từ nước ngoài để sản xuất các sản phẩm vinyl như hạt nhựa PVC, phụ gia, màng film. Nghịch lý này vẫn còn tồn tại nhiều năm do ngành công nghiệp sản xuất phụ trợ trong nước vẫn chưa sản xuất được các nguyên liệu đầu vào đạt chuẩn và đang phụ thuộc nhiều vào hàng nhập khẩu. Trên thực tế sự biến động tăng giá nguyên liệu đầu vào trên thế giới trong thời gian qua cùng với các biến động địa chính trị toàn cầu, đã gây ra những khó khăn trực tiếp tới hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất trong nước bởi các doanh nghiệp này chưa chủ động được nguồn nguyên liệu sản xuất. Nếu chi phí đầu vào tăng đột biến mà Công ty không thể kịp thời điều chỉnh sản lượng sản xuất hoặc chuyển phần chi phí tăng thêm sang cho người tiêu dùng, lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực.

- Sản xuất gạch ốp lát: Đối với ngành sản xuất gạch ốp lát, rủi ro phần lớn đến từ chi phí đầu nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí năng lượng do đây là sản phẩm tiêu tốn nhiều năng lượng để chế tạo. Việc Công ty chủ động nghiên cứu để sản xuất ra những sản phẩm thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu và giảm giá thành sản xuất cũng góp phần cải thiện biên lợi nhuận. Ngoài ra, đặc thù của các nguyên vật liệu gạch ốp lát là có giới hạn về trữ lượng, do đó có thể tiềm ẩn rủi ro đến từ gián đoạn nguồn cung, chính sách quản lý

tài nguyên của địa phương thay đổi, rủi ro về thời tiết ảnh hưởng đến việc khai thác, vận chuyển.

- Sản xuất các sản phẩm vinyl: Rủi ro trong ngành sản xuất vinyl đến từ giá của hạt nhựa PVC – nguyên vật liệu chính cấu thành nên xương phải nhập khẩu hoàn toàn từ nước ngoài phần xương. Ngoài ra, Công ty cũng phải chi trả chi phí bản quyền hèm cho các bên nắm giữ bản quyền trên thế giới.

Nhìn chung, rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào vẫn được xem là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### *3.4. Rủi ro về thuế quan và các biện pháp phòng vệ thương mại của Mỹ*

Hiện nay, tỷ trọng lớn sản phẩm của Công ty được xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Tháng 4/2025, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump công bố mức thuế nhập khẩu cơ bản đối với hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam là 46%, sau đó điều chỉnh xuống 20% từ tháng 7/2025 và giảm còn 10% tại thời điểm tháng 02/2026. Tuy nhiên, tùy theo từng nhóm sản phẩm và mã hàng hóa, mức thuế thực tế áp dụng đối với các sản phẩm của Á Mỹ xuất khẩu vào Hoa Kỳ tại thời điểm tháng 02/2026 khoảng 15,3%. Trong tương lai, mức thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam nói chung và Á Mỹ nói riêng có thể tiếp tục thay đổi theo chính sách thương mại của Chính phủ Hoa Kỳ.

Việc Hoa Kỳ áp dụng hoặc điều chỉnh các mức thuế nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam, trong đó có các sản phẩm chủ lực của Công ty, có thể tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động xuất khẩu và kết quả kinh doanh của Công ty tại thị trường này. Cụ thể, mức thuế cao hơn có thể làm tăng chi phí hàng hóa đến tay người tiêu dùng Mỹ, qua đó làm giảm sức cạnh tranh về giá của sản phẩm Công ty so với hàng hóa nội địa Mỹ hoặc sản phẩm từ các quốc gia chịu mức thuế thấp hơn. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng duy trì đơn hàng, thị phần, doanh thu xuất khẩu và biên lợi nhuận của Công ty trong trường hợp không thể chuyển toàn bộ phần chi phí tăng thêm cho khách hàng cuối cùng.

Bên cạnh đó, nếu nhu cầu từ thị trường Mỹ suy giảm do tác động của thuế quan, Công ty có thể đối mặt với nguy cơ giảm sản lượng xuất khẩu, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất trong nước, làm gia tăng chi phí lưu kho, giảm hiệu quả sử dụng công suất nhà máy, thiết bị và nguồn nhân lực. Các biến động về chính sách thuế cũng có thể làm gia tăng rủi ro trong việc duy trì quan hệ thương mại với các đối tác hiện hữu tại Mỹ khi họ có xu hướng tìm kiếm nguồn cung từ các quốc gia khác có lợi thế hơn về thuế quan. Trong dài hạn, nếu những tác động này kéo dài, vị thế của Công ty tại thị trường Mỹ có thể bị ảnh hưởng, từ đó tác động đến chiến lược mở rộng thị trường quốc tế và phát triển thương hiệu của Công ty.

Tuy nhiên, hiện nay, hàng hóa Việt Nam vẫn thuộc nhóm chịu mức thuế thấp hơn hoặc tương đương nhiều quốc gia xuất khẩu cạnh tranh vào thị trường Mỹ, qua đó duy trì lợi thế nhất định về khả năng cạnh tranh. Trong bối cảnh chính sách thuế quan tại các thị trường xuất khẩu có thể thay đổi, hệ thống khách hàng ổn định, năng lực sản xuất quy mô lớn, danh mục sản phẩm đa dạng và khả năng phát triển sản phẩm theo yêu cầu khách hàng tiếp tục là những yếu tố hỗ trợ năng lực cạnh tranh trên các thị trường xuất khẩu.

### *3.5. Rủi ro thay đổi chính sách tại thị trường xuất khẩu*

Một trong những rủi ro quan trọng đối với Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ trong hoạt động xuất khẩu là sự thay đổi chính sách thương mại, môi trường và phòng vệ thương mại tại các quốc gia nhập khẩu. Trong bối cảnh xu hướng bảo hộ thương mại và "xanh hóa" chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng gia tăng, các doanh nghiệp vật liệu xây dựng xuất khẩu như Á Mỹ có thể chịu ảnh hưởng đáng kể từ các quy định mới về thuế carbon, tiêu chuẩn môi trường, truy xuất nguồn gốc và chống bán phá giá. Đặc biệt, Liên minh châu Âu (EU) đang triển khai Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM – Carbon Border Adjustment Mechanism), yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu vào EU phải kê khai và chịu chi phí phát thải carbon đối với các sản phẩm có cường độ phát thải cao như thép, xi măng, nhôm và phân bón. Theo Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc VCCI, từ năm 2026 các doanh nghiệp xuất khẩu sang EU không chỉ phải báo cáo lượng phát thải mà còn phải mua chứng chỉ CBAM tương ứng với lượng khí thải carbon của sản phẩm, làm gia tăng đáng kể chi phí xuất khẩu và giảm khả năng cạnh tranh về giá của hàng hóa Việt Nam.

Đối với doanh nghiệp vật liệu xây dựng như Á Mỹ, rủi ro này đặc biệt đáng chú ý do các sản phẩm như gạch men, vật liệu hoàn thiện hay sản phẩm vinyl đều tiêu thụ nhiều năng lượng trong quá trình sản xuất và vận chuyển. Theo phân tích của Vietnam Logistics Review, CBAM không chỉ tác động đến sản phẩm thuộc nhóm chịu thuế trực tiếp mà còn ảnh hưởng tới toàn bộ chuỗi cung ứng, bao gồm logistics, lưu kho và vận chuyển quốc tế. Nếu EU mở rộng phạm vi áp dụng CBAM đối với các sản phẩm hoàn thiện hoặc vật liệu xây dựng hạ nguồn trong tương lai, doanh nghiệp Việt Nam có thể phải đầu tư lớn vào hệ thống đo lường phát thải, chứng nhận môi trường và chuyển đổi công nghệ xanh để đáp ứng yêu cầu thị trường.

Ngoài yếu tố môi trường, các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá và chống trợ cấp cũng là rủi ro đáng kể đối với doanh nghiệp xuất khẩu. Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các quốc gia thành viên được phép áp dụng biện pháp chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa nếu xác định hàng nhập khẩu được bán thấp hơn giá trị thông thường và gây thiệt hại cho doanh nghiệp trong nước. Thực tế, nhiều quốc gia đã gia tăng áp dụng biện pháp này đối với hàng hóa châu Á trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt. Ví dụ, Reuters cho biết Ấn Độ đã áp thuế chống bán phá giá trong 5 năm đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu từ Việt Nam nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Điều này cho thấy nguy cơ các nước nhập khẩu tăng cường hàng rào thương mại có thể ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và khả năng mở rộng thị trường của doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh đó, các quy định mới về truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn ESG, phát thải carbon và logistics xanh đang ngày càng trở thành điều kiện bắt buộc trong thương mại quốc tế. Nếu không đáp ứng được yêu cầu về dữ liệu phát thải, minh bạch chuỗi cung ứng hoặc chứng nhận môi trường, doanh nghiệp có thể mất khách hàng hoặc phải chịu chi phí tuân thủ rất cao. Vì vậy, đối với Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ, rủi ro thay đổi chính sách tại các thị trường xuất khẩu không chỉ ảnh hưởng tới chi phí hoạt động mà còn tác động trực tiếp tới năng lực cạnh tranh, chiến lược thị trường và triển vọng tăng trưởng dài hạn.

### *3.6. Rủi ro giá dầu thế giới ảnh hưởng đến logistic*

Biến động giá dầu thế giới là một trong những yếu tố có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và logistics của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ – doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, gạch men và sản phẩm vinyl. Đặc thù của ngành vật liệu xây dựng là sản phẩm có trọng lượng lớn, chi phí vận chuyển chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành, do

đó giá dầu tăng thường kéo theo áp lực gia tăng chi phí logistics và làm giảm biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Theo Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA) và Ngân hàng Thế giới (WB), chi phí logistics của Việt Nam hiện tương đương khoảng 16-17% GDP, cao hơn nhiều so với mức bình quân thế giới khoảng 10-12% GDP. Điều này cho thấy doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam vốn đã phải chịu chi phí logistics ở mức cao, nên khi giá dầu thế giới biến động mạnh, tác động đến chi phí đầu vào sẽ càng rõ rệt hơn.

Đối với Á Mỹ, nhà máy đặt tại khu công nghiệp ở khu vực phía Bắc nên hoạt động phân phối sản phẩm tới miền Trung, miền Nam hoặc xuất khẩu phụ thuộc lớn vào vận tải đường bộ và vận tải biển. Chi phí vận tải được hình thành trên cơ sở giá nhiên liệu diesel hiện hành; do đó khi giá dầu tăng, doanh nghiệp vận tải thường áp dụng thêm phụ phí nhiên liệu (fuel surcharge), làm tổng chi phí logistics tăng tương ứng. Trong lĩnh vực vận tải biển, theo BASON Logistics nhiên liệu bunker hiện chiếm khoảng 30–50% tổng chi phí vận hành tàu biển. Vì vậy, khi giá dầu Brent hoặc WTI trên thị trường thế giới tăng mạnh, giá cước tàu biển thường tăng theo, ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp.

Ngoài yếu tố logistics, giá dầu còn ảnh hưởng đến nguyên liệu đầu vào của mảng sản phẩm vinyl – một trong những lĩnh vực kinh doanh chính của Á Mỹ. Các nguyên liệu như nhựa PVC, lớp phủ wear layer hay foam IXPE/EVA đều thuộc chuỗi hóa dầu, nên giá dầu tăng có thể kéo theo sự gia tăng giá nguyên liệu sản xuất. Điều này khiến doanh nghiệp chịu áp lực "chi phí kép", vừa tăng chi phí vận chuyển, vừa tăng giá nguyên liệu đầu vào. Trong khi đó, ngành vật liệu xây dựng có mức độ cạnh tranh cao, doanh nghiệp thường khó tăng giá bán ngay lập tức để bù đắp chi phí phát sinh. Theo Báo Công Luận năm 2024, chi phí vận tải và logistics có thể chiếm tới 30–40% giá thành sản phẩm ở một số ngành hàng tại Việt Nam. Với đặc thù sản phẩm cồng kềnh, khối lượng lớn như gạch men và vật liệu hoàn thiện, tỷ trọng này đối với doanh nghiệp vật liệu xây dựng thường ở mức cao hơn so với các ngành tiêu dùng thông thường.

Do đó, nếu giá dầu thế giới duy trì ở mức cao trong thời gian dài, Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ có thể đối mặt với rủi ro gia tăng chi phí logistics, suy giảm biên lợi nhuận và giảm khả năng cạnh tranh về giá trên thị trường. Ngược lại, khi giá dầu hạ nhiệt, doanh nghiệp có thể được hưởng lợi nhờ chi phí vận chuyển và nguyên liệu đầu vào giảm, qua đó cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh.

### *3.7. Rủi ro phụ thuộc vào mảng vinyl/SPC*

Trong những năm gần đây, mảng sản phẩm vinyl, đặc biệt là sản phẩm sàn SPC, đóng vai trò là động lực tăng trưởng chính của Công ty và hiện chiếm trên 63% tổng doanh thu thuần năm 2025. Do đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có mức độ phụ thuộc đáng kể vào sự tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của nhóm sản phẩm này.

Trong trường hợp nhu cầu tiêu thụ sản phẩm SPC tại các thị trường xuất khẩu chủ lực suy giảm do biến động kinh tế, thay đổi xu hướng tiêu dùng, gia tăng cạnh tranh hoặc các biện pháp bảo hộ thương mại, doanh thu và lợi nhuận của Công ty có thể bị ảnh hưởng đáng kể. Bên cạnh đó, mảng vinyl/SPC đòi hỏi Công ty phải liên tục đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã, công nghệ sản xuất và duy trì các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của khách hàng quốc tế. Nếu Công ty không kịp thời thích ứng với các thay đổi của thị trường, khả năng duy trì tăng trưởng của mảng kinh doanh này có thể bị ảnh hưởng.

Việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm, phát triển các dòng sản phẩm vinyl mới, đồng thời duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh gạch ốp lát và ngói có thể cân bằng cơ cấu doanh thu, giảm mức độ phụ thuộc vào một nhóm sản phẩm duy nhất.

### *3.8. Rủi ro đối với bản quyền hèm khóa*

Trong ngành sản xuất sàn vinyl (SPC, WPC, LVT), "bản quyền hèm" là khoản phí doanh nghiệp phải trả để được quyền sử dụng công nghệ hèm khóa độc quyền của các đơn vị sở hữu sáng chế như UNILIN (Flooring Industries Limited Sarl) hoặc I4F (14F Licensing NV).

Hèm khóa là cấu trúc liên kết giữa các tấm sàn giúp các tấm ghép với nhau mà không cần keo. Công nghệ này quyết định độ chắc chắn, khả năng chống hở mép, chống thấm và độ dễ thi công của sản phẩm. Các kiểu hèm phổ biến hiện nay thường đã được đăng ký sáng chế quốc tế. Do đó, khi doanh nghiệp sản xuất hoặc xuất khẩu sàn vinyl sử dụng thiết kế hèm thuộc sở hữu của các đơn vị nêu trên, doanh nghiệp phải ký hợp đồng cấp phép và trả phí bản quyền theo sản lượng hoặc doanh thu sản phẩm bán ra.

Đối với ngành sàn vinyl, việc sử dụng bản quyền hèm khóa từ các đơn vị như UNILIN hoặc I4F là thông lệ phổ biến của ngành. Một số chi phí bản quyền công nghệ, bản quyền hèm khóa và các chi phí liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ được ghi nhận trong giá vốn hàng bán của sản phẩm SPC. Rủi ro chính là các chủ sở hữu sáng chế có thể điều chỉnh mức phí bản quyền, thay đổi điều kiện cấp phép hoặc phát sinh tranh chấp sở hữu trí tuệ, từ đó làm tăng chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, biên lợi nhuận gộp của mảng vinyl/SPC có thể bị thu hẹp, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh chung của Công ty.

Tuy nhiên, rủi ro này được đánh giá ở mức không lớn do trên thị trường hiện có nhiều nhà cung cấp công nghệ hèm khóa được bảo hộ khác nhau, tạo sự cạnh tranh về giá và điều kiện cấp phép. Đồng thời, chi phí bản quyền hèm thường chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, Á Mỹ đã tích lũy kinh nghiệm sản xuất, thiết kế sản phẩm và phát triển thị trường trong nhiều năm, do đó giá trị cạnh tranh của Công ty không chỉ phụ thuộc vào công nghệ hèm khóa.

Về dài hạn, khi các bằng sáng chế hết thời hạn bảo hộ hoặc Công ty phát triển được các giải pháp kỹ thuật riêng đáp ứng yêu cầu pháp lý và kỹ thuật của thị trường, mức độ phụ thuộc vào các đơn vị sở hữu bản quyền hèm có thể giảm dần.

## 4. Rủi ro của đợt chào bán

### *4.1. Rủi ro của đợt chào bán*

Rủi ro của đợt chào bán là rủi ro phụ thuộc vào việc các nhà đầu tư đăng ký và nộp đủ tiền mua cổ phần so với tổng số lượng cổ phần chào bán. Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng phát triển của Công ty trong tương lai. Bên cạnh đó, đợt chào bán của Công ty không có đơn vị bảo lãnh phát hành. Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói chung có nhiều biến động về mặt vĩ mô, do đó khó tránh khỏi những rủi ro liên quan đến thị trường chứng khoán.

Trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, CTCP Công nghiệp Á Mỹ dự kiến chào bán 16.100.000 cổ phiếu tương ứng với 161.000.000.000 đồng tính theo mệnh giá. Trường hợp thị trường chứng khoán không thuận lợi như dự kiến, nhà đầu tư có khả năng sẽ chuyển sang tích

trữ tài sản thay vì đầu tư mua chứng khoán, khi đó Công ty sẽ gặp phải rủi ro không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn của Tổ Chức Phát Hành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng Khoán, hoặc các trường hợp khác dẫn tới việc UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ phiếu. Theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có quyết định hủy bỏ đợt chào bán, Công ty sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán trên một tờ báo điện tử hoặc báo in trong ba số liên tiếp và thu hồi số Cổ Phiếu đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

### *4.2. Rủi ro của phương án sử dụng tiền từ đợt chào bán*

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2026/NQ-HĐQT-AMY ngày 20/04/2026 chi tiết Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 787.290.000.000 đồng (bằng chữ: Bảy trăm tám mươi bảy tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng) (tính theo mức giá chào bán 48.900 đồng/cổ phiếu và giả định chào bán được hết 16.100.000 cổ phiếu) sẽ được Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ sử dụng cho mục đích trả nợ vay ngắn hạn và bổ sung vốn lưu động, cụ thể thanh toán cho các nhà cung cấp.

Trong trường hợp Công ty không huy động đủ số tiền dự kiến theo kế hoạch cho các mục đích nêu trên, HĐQT được quyết định hoặc trình ĐHĐCĐ thông qua các phương án bao gồm nhưng không giới hạn bởi: (i) điều chỉnh Phương án sử dụng vốn và tiến độ triển khai các mục đích sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế, (ii) sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty, (iii) huy động từ nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, và (iv) huy động nguồn vốn từ (các) cổ đông chiến lược/đối tác khác (nếu có) để đảm bảo cho các mục đích kinh doanh đã được hoạch định.

## 5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng cổ phiếu là kết quả của việc phát hành thêm cổ phiếu phổ thông của một doanh nghiệp. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra ảnh hưởng như sau:

- Tỷ lệ phần trăm sở hữu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu có thể giảm xuống nếu các cổ đông hiện hữu không tham gia mua cổ phần phát hành thêm khi vốn điều lệ Công ty tăng lên sau đợt chào bán với sự tham gia của các cổ đông khác.
- Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phần mới chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm 2026. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại.
- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

Sau khi chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 144.456.811 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 16.100.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi chào bán: 160.556.811 cổ phiếu

### *5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu*

$$\text{Thu nhập (lãi) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)} = \frac{\text{Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát (nếu có)}}{\text{Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ} = \frac{A \times 12 + B \times t}{12}$$

A: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

B: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm thành công

T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

### *5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)*

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu (BVPS)} = \frac{\text{Nguồn VCSH hợp nhất} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát} - \text{Giá trị cổ phần ưu đãi theo mệnh giá}}{\text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Số lượng cổ phiếu quỹ}}$$

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

### *5.3. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu của Công ty sẽ bị giảm trong trường hợp cổ đông không tham gia mua cổ phiếu trong đợt phát hành lần này.

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra và mức độ rủi ro cũng phụ thuộc vào tình hình thị trường cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, những rủi ro này cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của Công ty, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về các vấn đề nêu trên.

## 6. Rủi ro quản trị công ty

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào

tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Do vậy doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu, giảm thiểu tối đa rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) và khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật, biến động trong bộ máy quản trị) gây tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động, v.v. Do vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các rủi ro này để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản trị.

Trong trường hợp Công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng và niêm yết thành công trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty sẽ phải đáp ứng các yêu cầu cao hơn về quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin và kiểm soát nội bộ theo quy định đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết.

Việc chuyển đổi sang mô hình quản trị minh bạch hơn có thể tạo áp lực đối với hệ thống quản trị, nguồn nhân sự và công tác tuân thủ của Công ty trong giai đoạn đầu. Nếu Công ty chưa kịp thích ứng với các yêu cầu quản trị mới, hoạt động điều hành và hiệu quả quản trị doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng nhất định.

### 7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hoả hoạn, thiên tai, dịch họa, v.v. sẽ dẫn đến tổn thất hoặc thiệt hại đáng kể cho các nhà máy và có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất. Điều này sẽ dẫn đến sự chậm trễ trong việc cung cấp sản phẩm cho các khách hàng. Sự chậm trễ này sẽ ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty, gây ra tổn thất về mặt kinh doanh và ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả tài chính.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## III. CÁC KHÁI NIỆM

| | |
|---|---|
| **Các thuật ngữ chuyên môn** | |
| ▪ Các sản phẩm vinyl | Là nhóm vật liệu hoàn thiện được sản xuất chủ yếu từ nhựa PVC và phụ gia, có đặc tính chống nước, độ bền cao và ứng dụng phổ biến trong lĩnh vực sàn, tường và nội thất. |
| ▪ SPC (Stone Polymer Composite) | Là dòng sàn vinyl lõi cứng được cấu tạo từ bột đá và nhựa PVC, có khả năng chống nước, chịu lực và ổn định kích thước cao. |
| ▪ WPC (Wood Polymer Composite) | Là dòng sàn vinyl lõi gỗ nhựa composite với cấu trúc foam nhẹ, có đặc tính êm chân, cách âm và cách nhiệt tốt. |
| ▪ LVT (Luxury Vinyl Tile) | Là dòng sàn vinyl cao cấp cấu tạo chủ yếu từ nhựa PVC mềm nhiều lớp, mô phỏng vân gỗ hoặc đá tự nhiên với tính thẩm mỹ cao. |
| ▪ Hèm (hay hèm khóa) | Là cấu trúc liên kết được thiết kế tại các cạnh của tấm ván sàn, cho phép các tấm sàn liên kết với nhau bằng phương pháp khóa âm dương mà không cần sử dụng keo trong quá trình thi công. |
| ▪ ISO | Tiêu chuẩn của Tổ chức Tiêu chuẩn hoá Quốc Tế (ISO) |
| ▪ QCVN | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia |
| ▪ OEM | Original Equipment Manufacturer, hình thức sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm theo thiết kế, tiêu chuẩn, thương hiệu và yêu cầu kỹ thuật do khách hàng cung cấp. |
| ▪ ODM | Original Design Manufacturer, hình thức doanh nghiệp không chỉ sản xuất mà còn tham gia nghiên cứu, thiết kế, phát triển sản phẩm. Doanh nghiệp chủ động đề xuất mẫu mã, công nghệ, tính năng và giải pháp sản phẩm. |
| **Các thuật ngữ chung** | |
| ▪ Công ty/Tổ Chức Phát Hành/Á Mỹ | Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ |
| ▪ Hera | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera |
| ▪ Hoa Sơn | Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn |
| ▪ ACT | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT |
| ▪ BKS | Ban kiểm soát |
| ▪ BCTC | Báo cáo tài chính |
| ▪ CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| ▪ Chính phủ | Chính phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam |
| ▪ CTCP | Công ty Cổ phần |
| ▪ DTT | Doanh thu thuần |

| | |
|---|---|
| ▪ ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| ▪ Điều lệ | Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ |
| ▪ ĐVT | Đơn vị tính |
| ▪ HĐKD | Hoạt động kinh doanh |
| ▪ HĐLĐ | Hợp đồng lao động |
| ▪ HĐQT | Hội đồng quản trị |
| ▪ HOSE | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| ▪ SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| ▪ TGĐ | Tổng Giám đốc |
| ▪ Thuế TNDN | Thuế thu nhập doanh nghiệp |
| ▪ TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| ▪ Tổ chức tư vấn/ Vietcap | Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap |
| ▪ UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| ▪ NHNN | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |
| ▪ VCSH | Vốn chủ sở hữu |
| ▪ VĐL | Vốn điều lệ |
| ▪ VSDC | Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam |

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản có liên quan khác.

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

### 1. Thông tin chung về Tổ chức đăng ký niêm yết

| | | |
|---|---|---|
| Tên đầy đủ | : | CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Á MỸ |
| Tên công ty viết tắt | : | ASIA-US.,JSC |
| Tên tiếng Anh | : | ASIA-US INDUSTRIAL JOINT STOCK COMPANY |
| Biểu tượng của Công ty | : | |
| Giấy chứng nhận ĐKDN | : | Số 2500552524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 25/09/2015, do Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 06/04/2026 |
| Địa chỉ Trụ sở chính | : | Lô 1, KCN Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa, Xã Liên Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam |
| Điện thoại | : | +84 211 6564 999 |
| Fax | : | Không |
| Website | : | amy.vn |
| Vốn điều lệ | : | 1.444.568.110.000 *(một nghìn bốn trăm bốn mươi bốn tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu một trăm mười nghìn đồng)* |
| Vốn điều lệ thực góp | : | 1.444.568.110.000 *(một nghìn bốn trăm bốn mươi bốn tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu một trăm mười nghìn đồng)* |
| Ngành nghề kinh doanh chính | : | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (mã ngành: 2392) |
| Người đại diện theo pháp luật | : | Ông Đinh Quốc Tuấn (Chức vụ: Tổng Giám đốc) |

Ngành nghề đăng ký kinh doanh chi tiết bao gồm:

**Bảng 1: Ngành nghề đăng ký kinh doanh**

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1 | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm SPC và sản phẩm Composite | 2220 |
| 2 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 2392<br>(Chính) |
| 3 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng | 3290 |
| 4 | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 5 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ | 4673 |

| | | |
|---|---|---|
| | chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) | |
| 6 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn các sản phẩm ngành nhựa<br>- Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) | 4679 |
| 7 | Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)<br>Chi tiết: Bán lẻ các nguyên liệu, phụ liệu, sản phẩm ngành nhựa<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) | 4773 |
| 8 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>(Không thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) | 6810 |
| 9 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Hoạt động ủy thác xuất khẩu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) | 8299 |

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ được thành lập vào ngày 25/09/2015 tại Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) với định hướng trở thành doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực sản xuất vật liệu và sản phẩm công nghiệp chất lượng cao tại Việt Nam. Công ty hoạt động trong các ngành chủ lực như sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm vinyl và các giải pháp công nghiệp phục vụ xây dựng và hạ tầng. Với nền tảng kinh nghiệm nhiều năm trên thị trường cùng hệ thống quản trị minh bạch, Công ty không ngừng đầu tư công nghệ hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Trải qua quá trình phát triển bền vững, Á Mỹ đã xây dựng được chuỗi giá trị sản xuất đồng bộ, tạo dựng uy tín với đối tác và khách hàng, đồng thời khẳng định vị thế của mình trong ngành công nghiệp hỗ trợ và vật liệu xây dựng tại Việt Nam.

**Bảng 2: Quá trình hình thành và phát triển**

| Năm | Cột mốc quan trọng |
|---|---|
| **2015** | Tháng 9/2015, CTCP Công nghiệp Á Mỹ được thành lập tại tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) với vốn điều lệ ban đầu 40 tỷ đồng |
| **2016** | Tháng 12/2016, nhà máy đầu tiên của Á Mỹ thuộc Công ty con - CTCP Gốm Á Mỹ Hoa Sơn đi vào hoạt động, với sản lượng 100 triệu viên/năm, tập trung sản xuất gạch xây dựng |
| **2017** | Tháng 02/2017, nhà máy sản xuất gạch ốp lát cao cấp AMYGRES đi vào hoạt động<br>Tháng 08/2017, sản phẩm của Á Mỹ được bán ra thị trường trong nước |
| **2018** | Tháng 9/2018, sản phẩm của Á Mỹ được xuất khẩu sang thị trường quốc tế |
| **2019** | Tháng 2/2019, nhà máy gạch AMYGRES được mở rộng, nâng tổng công suất lên 15 triệu m2/năm với 04 cụm sản xuất |
| **2020** | Tháng 6/2020, nhà máy SPC số 1 được xây dựng với 3 dây chuyền với tổng công suất 3 triệu m2/năm |
| **2021** | Đầu năm 2021, Công ty xuất khẩu sản phẩm sang Châu Âu và mở rộng hoạt động tại các thị trường Châu Úc và khu vực Trung Á<br>Tháng 9/2021, Công ty chiến thắng hạng mục Best Tile in Asia giải Luxury Lifestyle Awards do tổ chức Luxury Lifestyle Awards (LLA) có trụ sở chính tại New York, Mỹ bình chọn và trao tặng<br>Tháng 11/2021, nhà máy gạch số 2 là nhà máy sản xuất Ngói và Gạch ốp lát Hera Tiles chính thức đi vào vận hành<br>Tháng 12/2021, nhà máy SPC số 2 đi vào hoạt động, nâng tổng công suất lên 22 triệu m2/năm với 18 dây chuyền |
| **2022** | Tháng 4/2022, Công ty được Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) đưa vào danh sách Top 5 Công ty Vật liệu xây dựng uy tín nhóm sản phẩm Gạch, đá ốp lát và danh sách Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam. Công ty liên tục giữ vững vị trí cho đến nay. |
| **2023** | Năm 2023, Công ty khởi công xây dựng nhà máy Á Mỹ Hoa Sơn chuyên sản xuất các sản phẩm vinyl<br>Công ty được trao tặng giải thưởng **Môi trường làm việc tốt nhất Châu Á - "Best Companies To Work For in Asia" do** Tạp chí HR Asia tổ chức |
| **2024** | Năm 2024, nhà máy Á Mỹ Hoa Sơn đi vào hoạt động, tổng công suất 7 triệu m2/năm với 11 dây chuyền |

| Năm | Cột mốc quan trọng |
|---|---|
| | Công ty đạt giải thưởng Thương hiệu quốc gia Việt Nam do Bộ Công thương chủ trì tổ chức, giải thưởng Sao Vàng Đất Việt do Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam chủ trì tổ chức |
| **2025** | Nhà máy SPC mở rộng lên 25 dây chuyền sản xuất<br>Tháng 8/2025, Công ty tăng vốn điều lệ lên hơn 1.070 tỷ đồng sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành riêng lẻ |
| **2026** | Tháng 3/2026, Công ty tăng vốn điều lệ lên hơn 1.444 tỷ đồng sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức |

### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết

Cơ cấu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ và công ty con được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Tại thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ không có công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hay chi phối Công ty. Công ty hiện có 03 công ty con nằm trong hệ sinh thái và không có công ty liên kết. Thông tin về các Công ty con được trình bày chi tiết tại Mục IV. 5.2 Bản cáo bạch này.

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ ở thời điểm hiện tại, cụ thể như sơ đồ bên dưới:

**Cơ cấu sở hữu của Công ty**

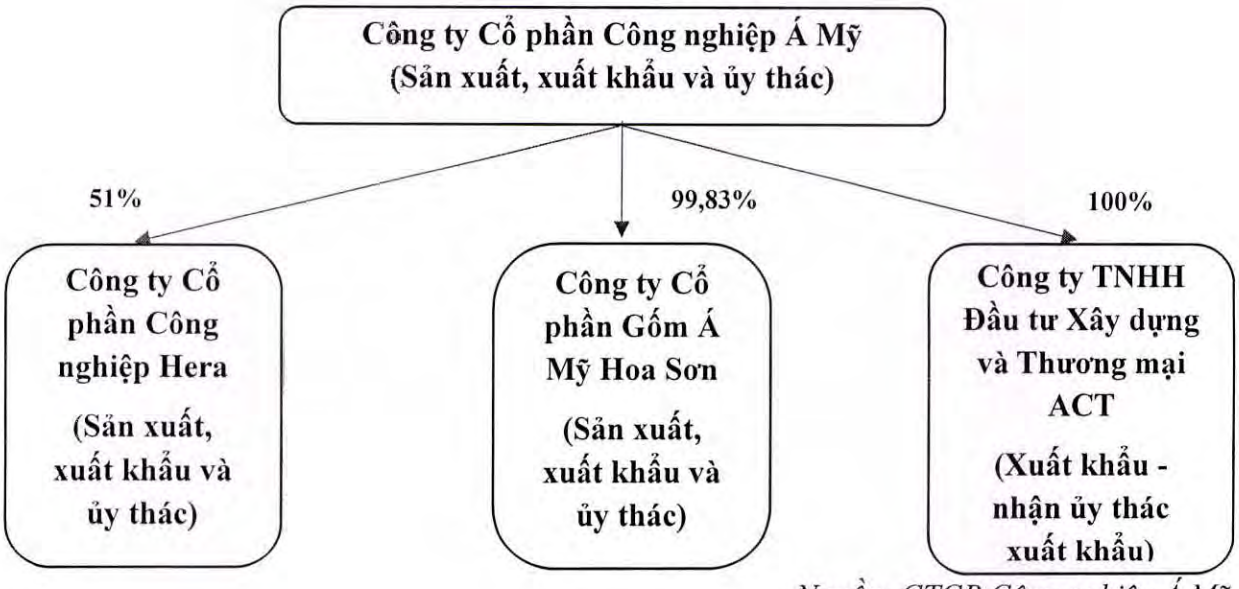


*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Thông tin về công ty con của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ hiện nay như sau:

**Bảng 3: Thông tin về công ty con của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ**

| STT | Tên công ty | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Địa điểm hoạt động | Hoạt động kinh doanh chính | Ngày thành lập | Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | 2500586548 | KCN Thái Hòa – Liễn Sơn – Liên Hòa, xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ | Sản xuất vật liệu xây dựng | 17/07/2017 | 300.000 | 99,83% |
| 2 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | 2500602581 | Khu Thị Tứ, xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ | Sản xuất vật liệu xây dựng | 26/04/2018 | 400.000 | 51% |
| 3 | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 2500570964 | Lô 1, KCN Thái Hòa, Liễn Sơn, Liên Hòa, Xã Liên Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam | Kinh doanh gạch ốp lát, vật liệu xây dựng | 09/09/2016 | 50.000 | 100% |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Á Mỹ, Hoa Sơn và Hera là các công ty sản xuất, đồng thời thực hiện hoạt động thương mại thông qua cả hình thức xuất khẩu ủy thác qua ACT và xuất khẩu trực tiếp. ACT là công ty trách nhiệm hữu hạn do Á Mỹ sở hữu 100% vốn điều lệ, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại sản phẩm.

Việc các công ty sản xuất thực hiện ủy thác xuất khẩu cho ACT nhằm tập trung đầu mối kinh doanh quốc tế, thống nhất quản lý khách hàng, doanh số và công nợ; tận dụng đội ngũ chuyên môn về xuất nhập khẩu để thực hiện các nghiệp vụ ngoại thương; đồng thời quản lý tập trung dòng tiền và ngoại tệ, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị tài chính của Tập đoàn.

Đối với các trường hợp khách hàng có yêu cầu xuất khẩu trực tiếp hoặc theo các thỏa thuận độc quyền đã ký kết, Á Mỹ sẽ trực tiếp thực hiện xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thông qua công ty con phù hợp trong hệ thống (Hoa Sơn hoặc Hera).

Ngoài hoạt động bán hàng và xuất khẩu thông qua các công ty trong hệ thống nêu trên, Á Mỹ và các công ty con không thực hiện bán hàng hoặc xuất khẩu thông qua bất kỳ tổ chức, doanh nghiệp nào khác.

## 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức đăng ký niêm yết

CTCP Công nghiệp Á Mỹ được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi năm 2025. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Công ty như sau:

**Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty**

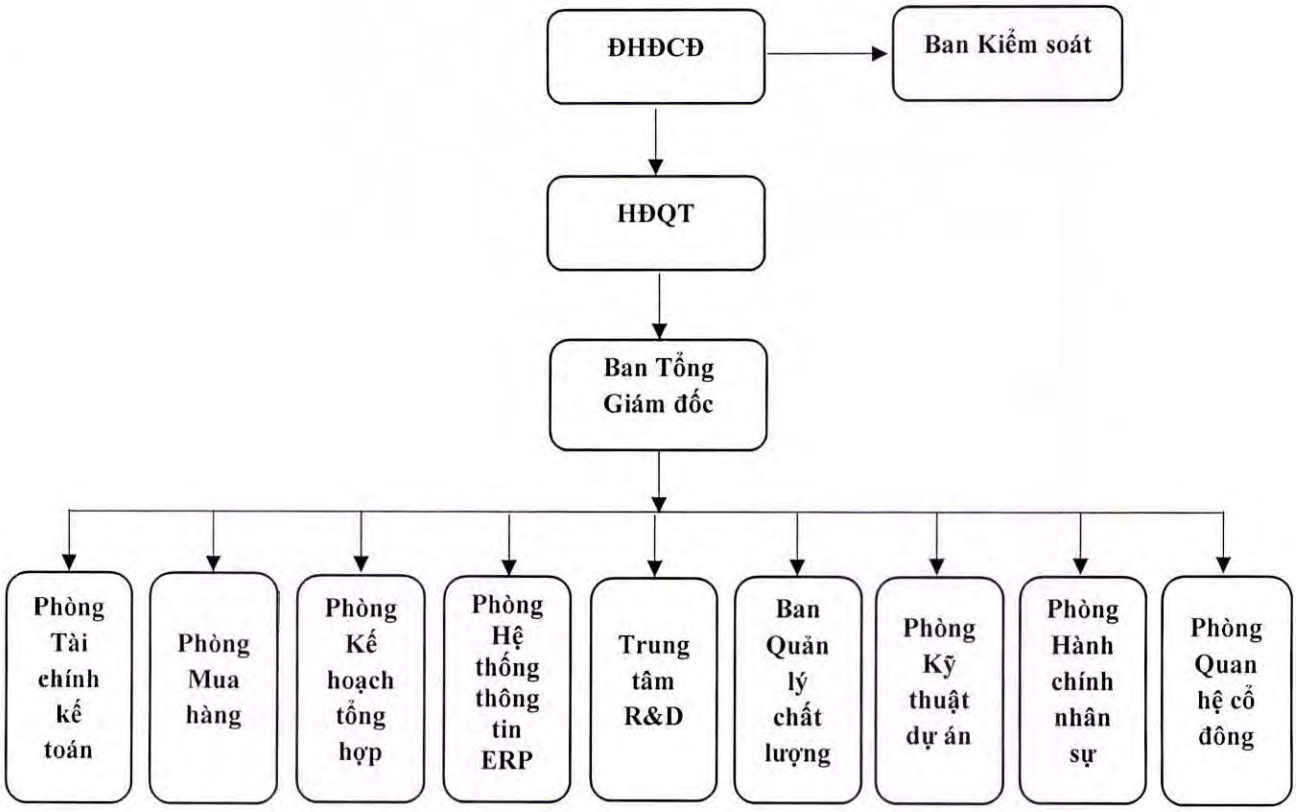


*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

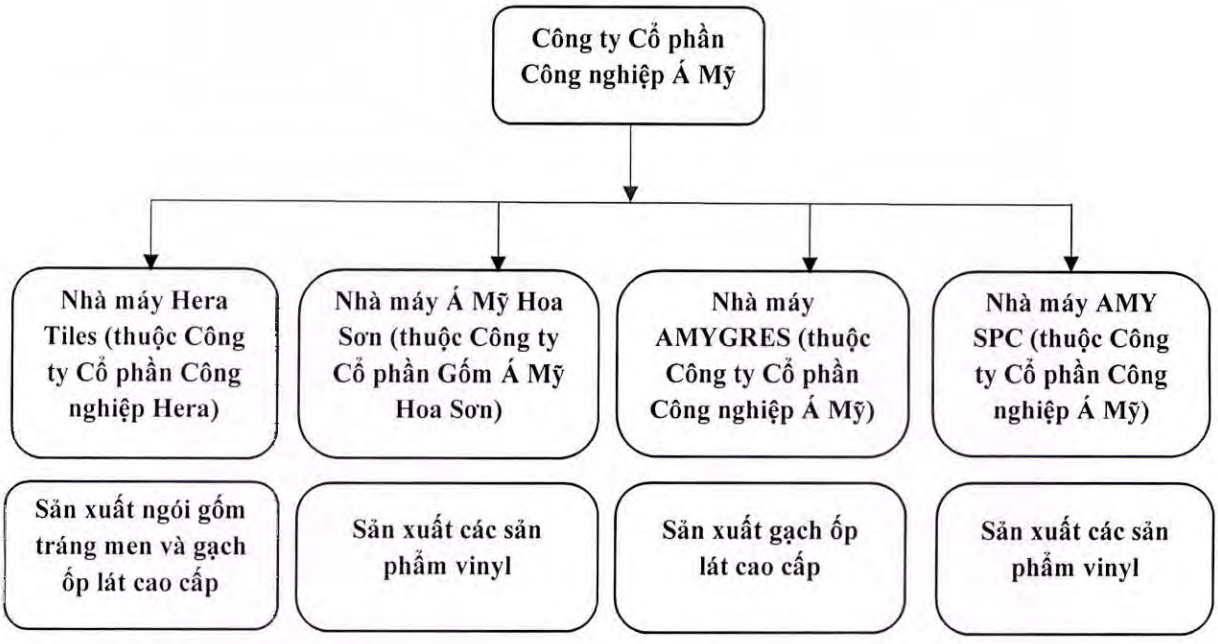


### *4.1. Đại hội đồng cổ đông*

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết,

nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### *4.2. Hội đồng Quản trị*

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. HĐQT của Công ty hiện có 07 thành viên, gồm Chủ tịch HĐQT và 06 thành viên HĐQT trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định trong Điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### *4.3. Ban Kiểm Soát*

Ban Kiểm Soát (BKS) là cơ quan được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện việc giám sát HĐQT và Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS của Công ty hiện gồm 03 thành viên, bao gồm 01 trưởng BKS và 02 thành

viên BKS. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

a. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông;

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, TGĐ và người điều hành khác của doanh nghiệp, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

i. Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

### *4.4. Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc là bộ phận điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty, bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Ban TGĐ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên ban TGĐ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Theo phân công quản lý hiện nay, Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách, chỉ đạo các mảng trọng yếu trong hoạt động điều hành của Công ty, bao gồm tài chính, mua hàng, sản xuất, nghiên cứu và phát triển, nhân sự và các lĩnh vực khác theo nhu cầu quản trị từng thời kỳ. Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và trực tiếp phụ trách các mảng kinh doanh, marketing, thiết kế, phát triển thị trường và các nhiệm vụ khác theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, phù hợp với Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và quy định pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổng Giám đốc được quy định trong Điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

### *4.5. Phòng Tài chính kế toán*

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho TGĐ trong công tác xây dựng, vận hành, quản trị hoạt động tài chính, kế toán của Á Mỹ và các công ty thành viên; tham mưu, giúp việc cho TGĐ quản lý, điều hành công tác đào tạo, hướng dẫn chính sách chế độ mới về tài chính kế toán cho các công ty thành viên.

### *4.6. Phòng Mua hàng*

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng theo dõi, tổng hợp nhu cầu thu mua nguyên vật liệu, sản phẩm hàng hóa và các nguồn lực khác với giá tốt nhất, nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp diễn ra một cách suôn sẻ. Bên cạnh đó phòng mua hàng cũng xử lý các giấy tờ và thủ tục kế toán liên quan đến việc mua hàng, cũng như đảm bảo quá trình mua hàng được thực hiện đúng với các quy định của doanh nghiệp, tổ chức.

### *4.7. Phòng Kế hoạch tổng hợp*

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, có chức năng cốt lõi là tham mưu, xây dựng, điều phối và giám sát kế hoạch sản xuất – kinh doanh, trọng tâm là lập và theo dõi kế hoạch sản xuất, đảm bảo sự đồng bộ giữa sản xuất, cung ứng và tiêu thụ; đồng thời tổng hợp, phân tích số liệu, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và đề xuất điều chỉnh phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty.

### *4.8. Phòng Hệ thống thông tin ERP*

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, có chức năng chính là lập kế hoạch và ngân sách dự án ERP cho các module quản trị điều hành, nghiên cứu chuyển đổi số các hoạt động sản xuất kinh doanh và cải tiến các ứng dụng chuyển đổi số cho quản trị, triển khai thực hiện và đánh giá hiệu quả

các dự án ERP theo phê duyệt của ban lãnh đạo, cập nhật phổ biến tài liệu ISO và giám sát việc tuân thủ quy trình ISO, 5S và đánh giá, cải tiến quy trình.

### *4.9. Trung tâm R&D*

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, có chức năng chính là nghiên cứu và phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, cải tiến quy trình sản xuất và định hướng chiến lược phát triển thông qua việc nghiên cứu nhu cầu của thị trường và hành vi của khách hàng.

### *4.10. Ban Quản lý chất lượng*

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, có chức năng chính là xây dựng, kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn đã ban hành; tiếp nhận, xử lý khiếu nại của khách hàng; giám sát chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất và đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và kỳ vọng của thị trường.

### *4.11. Phòng Kỹ thuật dự án*

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng quản lý kỹ thuật và triển khai các hạng mục xây dựng, sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng của Công ty. Phòng có nhiệm vụ lập bản vẽ, dự toán, giám sát thi công, nghiệm thu công trình và quản lý các vấn đề liên quan đến xây dựng, hạ tầng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### *4.12. Phòng Hành chính nhân sự*

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, TGĐ trong công tác hành chính, cơ cấu nhân sự và tổ chức bộ máy phù hợp với mô hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty. Phòng hành chính nhân sự có nhiệm vụ xử lý các công tác văn thư – lưu trữ, lễ tân, các công việc liên quan đến tiền lương, bảo hiểm, thi đua khen thưởng cho cán bộ nhân viên Công ty; đào tạo quản trị nguồn nhân lực của Công ty.

### *4.13. Phòng Quan hệ cổ đông*

Trực thuộc Ban Tổng Giám đốc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, TGĐ trong các công việc liên quan tới cổ đông, cũng như công tác đối ngoại, truyền thông báo chí.

## 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

### *5.1. Công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của Tổ Chức đăng ký niêm yết*

Tại thời điểm hiện tại, Công ty không có công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

### *5.2. Công ty thành viên và những công ty mà Tổ Chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối*

#### *5.2.1. Thông tin tổng quan*

**Bảng 4: Công ty thành viên và những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**

| STT | Tên công ty | Hoạt động kinh doanh chính | Sản phẩm chính | Ngày thành lập | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng) | Tỷ lệ sở hữu của Á Mỹ | | | Tỷ lệ biểu quyết của Á Mỹ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 | |
| 1 | Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | Sản xuất vật liệu xây dựng | Các sản phẩm vinyl | 17/07/2017 | 2500586548 | 300.000 | 99,62% | 99,83% | 99,83% | 99,62% | 99,83% | 99,83% | Công ty con |
| 2 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Sản xuất vật liệu xây dựng | Ngói gốm tráng men và gạch ốp lát cao cấp | 26/04/2018 | 2500602581 | 400.000 | 51% | 51% | 51% | 51% | 51% | 51% | Công ty con |
| 3 | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | Kinh doanh gạch ốp lát, vật liệu xây dựng | Xuất nhập khẩu thương mại hàng hóa | 09/09/2016 | 2500570964 | 50.000 | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | Công ty con |

### *5.2.2. Thông tin tài chính*

**Bảng 5: Thông tin tài chính Công ty con**

| TT | Tên công ty | Năm 2024 (triệu đồng) | | | | | Năm 2025 (triệu đồng) | | | | | Quý 1/2026 (triệu đồng) | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Doanh thu thuần | Lợi nhuận gộp | Lợi nhuận trước thuế | Lợi nhuận sau thuế | Vốn chủ sở hữu | Doanh thu thuần | Lợi nhuận gộp | Lợi nhuận trước thuế | Lợi nhuận sau thuế | Vốn chủ sở hữu | Doanh thu thuần | Lợi nhuận gộp | Lợi nhuận trước thuế | Lợi nhuận sau thuế | Vốn chủ sở hữu |
| 1 | Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | 23.161 | 1.433 | (7.206) | (7.253) | 121.662 | 212.642 | 42.957 | 26.232 | 22.094 | 314.002 | 60.764 | 12.809 | 7.318 | 5.818 | 319.820 |
| 2 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | 1.036.641 | 182.250 | 65.522 | 56.454 | 437.076 | 1.043.774 | 184.313 | 88.216 | 69.989 | 472.065 | 236.758 | 15.909 | (6.591) | (6.591) | 425.475 |
| 3 | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 1.798.894 | 128.568 | 12.044 | 9.930 | 29.769 | 1.801.915 | 119.714 | (1.870) | (3.838) | 50.874 | 345.278 | 24.700 | (970) | (970) | 49.904 |

*Nguồn: BCTC Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn, Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT đã được kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC Quý I/2026 tự lập*

- **Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn**

Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn (Á Mỹ Hoa Sơn) được thành lập năm 2017 và là đơn vị sở hữu nhà máy đầu tiên của CTCP Công nghiệp Á Mỹ, chuyên sản xuất gạch đỏ. Đến năm 2024, nhà máy Á Mỹ Hoa Sơn tiếp tục đi vào hoạt động với định hướng sản xuất các sản phẩm vinyl, gồm 11 dây chuyền với tổng công suất đạt 7 triệu m²/năm. Hiện nay, nhà máy đã vận hành ổn định và đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh hợp nhất của CTCP Công nghiệp Á Mỹ, với lợi nhuận đạt 22 tỷ đồng trong năm 2025 và 5,8 tỷ đồng trong quý I/2026.

- **Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera (Hera) được thành lập năm 2018 cùng với việc khởi công xây dựng nhà máy Hera trên khu đất có diện tích 250.000 m² tại khu Thị Tứ, xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ. Đến năm 2021, nhà máy Hera Tiles chính thức đi vào hoạt động với công suất 15 triệu m²/năm. Hera chuyên sản xuất gạch ốp lát, ngói tráng men và phụ kiện ngói. Các sản phẩm của Hera chủ yếu tiêu thụ tại thị trường nội địa và một phần được xuất khẩu sang một số thị trường nước ngoài.

Năm 2025, Hera ghi nhận gần 70 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Trong Quý I/2026, Hera ghi nhận khoản lỗ 6,6 tỷ đồng, kết quả này chủ yếu mang tính thời điểm và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố đặc thù của ngành vật liệu xây dựng, cụ thể:

- Quý I hằng năm là giai đoạn thấp điểm của ngành gạch ốp lát do nhu cầu xây dựng và hoàn thiện công trình thường giảm trong thời gian trước, trong và ngay sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.
- Sản lượng tiêu thụ và sản lượng sản xuất trong kỳ giảm so với mức bình quân năm, trong khi phần lớn chi phí cố định của nhà máy như khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công, chi phí quản lý và vận hành vẫn được duy trì ở mức tương đối ổn định. Điều này làm cho chi phí sản xuất tính trên mỗi đơn vị sản phẩm tăng lên, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận.
- Trong cùng thời gian, giá một số nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng, trong khi việc điều chỉnh giá bán sản phẩm thường có độ trễ nhất định do chịu tác động bởi cạnh tranh và mặt bằng giá chung của ngành vật liệu xây dựng, dẫn đến biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp trong ngắn hạn.

Ban lãnh đạo đánh giá khoản lỗ trong Quý I/2026 không phản ánh xu hướng suy giảm dài hạn của Hera mà chủ yếu xuất phát từ yếu tố mùa vụ và diễn biến ngắn hạn của thị trường. Khi nhu cầu xây dựng phục hồi trong các quý tiếp theo, sản lượng tiêu thụ tăng lên sẽ giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả sử dụng công suất, qua đó giảm tác động của chi phí cố định trên đơn vị sản phẩm.

**Rủi ro kiểm soát công ty con khi tỷ lệ sở hữu của Á Mỹ tại Hera ở mức 51%**

Mặc dù CTCP Công nghiệp Á Mỹ hiện sở hữu 51% vốn điều lệ tại CTCP Công nghiệp Hera, Ban lãnh đạo đánh giá rủi ro kiểm soát đối với Hera ở mức thấp do Hera hoạt động trong mô hình quản trị và điều hành tập trung của toàn hệ thống Á Mỹ.

Các cổ đông lớn trong hệ sinh thái Á Mỹ đều trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp và được phân công chức năng chuyên môn rõ ràng. Trong đó, ACT đảm nhiệm hoạt động thương mại, phát triển thị trường và phân phối sản phẩm; CTCP Công nghiệp Á Mỹ giữ vai trò điều phối chung, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân bổ đơn hàng giữa các đơn vị sản xuất, thực

hiện mua sắm nguyên vật liệu quy mô lớn nhằm tối ưu giá mua và điều kiện thương mại, đồng thời là đầu mối làm việc với các tổ chức tín dụng để thu xếp các giải pháp tài chính cho toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, Công ty mẹ tập trung các bộ phận chức năng chuyên môn như chuyển đổi số, quản lý chất lượng, quản lý dự án kỹ thuật và nghiên cứu phát triển. Các bộ phận này trực tiếp xây dựng tiêu chuẩn quản trị, triển khai hệ thống ERP, kiểm soát chất lượng, hỗ trợ đầu tư, cải tiến công nghệ và phối hợp triển khai các dự án tại Hera cũng như các công ty thành viên khác, qua đó đảm bảo sự đồng bộ về công nghệ, quy trình vận hành và hệ thống quản trị trên toàn hệ thống.

Trong khi đó, Ban lãnh đạo tại Hera tập trung vào công tác vận hành sản xuất, kiểm soát chất lượng, nghiên cứu công nghệ và tối ưu chi phí sản xuất theo định hướng chung của Tập đoàn.

Do đó, quyền kiểm soát của Công ty mẹ đối với Hera không chỉ được bảo đảm thông qua tỷ lệ sở hữu chi phối mà còn thông qua sự gắn kết chặt chẽ về chiến lược, hoạt động kinh doanh, tài chính, mua hàng, công nghệ và quản trị. Ban lãnh đạo đánh giá khả năng phát sinh rủi ro mất quyền kiểm soát hoặc xung đột lợi ích có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Hera là không đáng kể trong điều kiện hoạt động hiện nay.

- **Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT**

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT (ACT) được thành lập năm 2016, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại và phân phối sản phẩm. Bên cạnh chức năng thương mại, ACT còn đóng vai trò là đầu mối triển khai hoạt động kinh doanh, marketing, phát triển thị trường và hỗ trợ bán hàng chung cho các đơn vị trong hệ sinh thái Á Mỹ. ACT thực hiện mua/nhận sản phẩm từ CTCP Công nghiệp Á Mỹ, Á Mỹ Hoa Sơn và Hera để phân phối cho các đối tác bên ngoài. Đồng thời, CTCP Công nghiệp Á Mỹ cũng thực hiện ủy thác cho ACT bán hàng xuất khẩu đối với một số đơn hàng và thị trường phù hợp. Ngược lại, trong một số trường hợp, Hera và Á Mỹ Hoa Sơn cũng thực hiện ủy thác xuất khẩu thông qua CTCP Công nghiệp Á Mỹ do Công ty mẹ đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu từ khách hàng hoặc thị trường xuất khẩu nhất định. Thông qua ACT, các hoạt động tiếp cận khách hàng, phát triển kênh phân phối, quảng bá sản phẩm, hỗ trợ bán hàng và phối hợp triển khai chính sách thương mại được tổ chức tập trung nhằm nâng cao hiệu quả khai thác thị trường cho toàn hệ thống. Hoạt động của ACT mang tính chất thuần thương mại nên phần lớn chi phí phát sinh sẽ được phân bổ cho các công ty con và công ty mẹ trong hệ thống.

Năm 2025, ACT ghi nhận lỗ 3,8 tỷ đồng, trong đó một phần nguyên nhân đến từ việc thanh lý một số mặt hàng nhập khẩu tồn kho với giá bán thấp hơn giá vốn. Việc thanh lý này nằm trong kế hoạch tái cơ cấu danh mục sản phẩm và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong các năm trước, ACT nhập khẩu một số dòng sản phẩm như gạch khổ lớn, thiết bị vệ sinh và phụ kiện nhằm bổ sung hệ sinh thái sản phẩm phục vụ khách hàng, đồng thời đánh giá nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm mới. Trên cơ sở kết quả kinh doanh và định hướng phát triển của Tập đoàn, nhóm sản phẩm gạch khổ lớn đã được đầu tư sản xuất trong nước và nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ năm 2026, do đó Công ty không còn nhu cầu duy trì hoạt động nhập khẩu đối với dòng sản phẩm này. Đối với nhóm thiết bị vệ sinh và một số phụ kiện truyền thống, Công ty đánh giá tiềm năng phát triển và hiệu quả kinh doanh chưa đạt kỳ vọng nên đã chủ động thu hẹp hoạt động và thanh lý hàng tồn kho còn lại. Khoản lỗ phát sinh từ hoạt động thanh lý hàng tồn kho mang tính chất một lần, phục vụ quá trình tái cơ cấu danh mục sản

phẩm nhằm tập trung nguồn lực cho các ngành hàng cốt lõi và nâng cao hiệu quả hoạt động trong dài hạn.

Bên cạnh ảnh hưởng từ việc thanh lý một số mặt hàng thiết bị vệ sinh nhập khẩu tồn kho với giá bán thấp hơn giá vốn, kết quả kinh doanh của ACT còn chịu tác động bởi đặc thù hạch toán và phân bổ chi phí trong nội bộ hệ thống.

ACT thực hiện các hoạt động thương mại, xuất khẩu ủy thác và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ bán hàng cho các đơn vị thành viên trong hệ thống. Theo nguyên tắc ghi nhận doanh thu và xuất hóa đơn đúng kỳ, vào thời điểm cuối tháng hoặc cuối quý, một số khoản chi phí liên quan đến hoạt động hỗ trợ thương mại, logistics, phát triển thị trường và xuất khẩu chưa được tập hợp đầy đủ chứng từ thực tế. Để đảm bảo việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xuất hóa đơn đúng thời điểm, Công ty thực hiện ước tính các khoản chi phí này trên cơ sở dữ liệu hiện có.

Trong một số trường hợp, chi phí thực tế phát sinh sau khi tập hợp đầy đủ có thể thấp hơn hoặc cao hơn mức chi phí đã ước tính ban đầu. Phần chênh lệch sẽ được điều chỉnh vào các kỳ kế toán liền kề theo đúng quy định kế toán hiện hành. Do đó, kết quả kinh doanh riêng lẻ của ACT tại một số thời điểm có thể phát sinh biến động hoặc ghi nhận lỗ mang tính chất tạm thời do chênh lệch thời điểm giữa việc ghi nhận doanh thu, phân bổ chi phí và điều chỉnh số liệu thực tế.

Với vai trò là đơn vị thương mại, đầu mối kinh doanh, marketing, phát triển thị trường và hỗ trợ phân phối trong hệ sinh thái Á Mỹ, hiệu quả hoạt động của ACT cần được xem xét trên cơ sở tổng thể của hệ thống. Ban lãnh đạo đánh giá các khoản lỗ nêu trên chủ yếu mang tính chất thời điểm và không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

### *5.3. Công ty thành viên gián tiếp sở hữu thông qua các công ty thành viên trực tiếp*

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ không có các công ty thành viên gián tiếp sở hữu thông qua các công ty thành viên trực tiếp.

### *5.4. Công ty liên kết của Công ty*

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ không có công ty liên kết.

## 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết

Tại thời điểm thành lập ngày 25/09/2015, vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 11 đợt thay đổi vốn điều lệ (không bao gồm góp vốn thành lập) nhằm mục đích mở rộng và nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Vốn điều lệ hiện nay là 1.444.568.110.000 đồng (Một nghìn bốn trăm bốn mươi bốn tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu một trăm mười nghìn đồng), tương ứng 144.456.811 cổ phần. Chi tiết quá trình tăng, giảm vốn như sau:

**Bảng 6: Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết**

| Thời điểm | Lần tăng/ giảm | VĐL trước khi tăng/giảm (triệu đồng) | VĐL tăng/giảm thêm (triệu đồng) | VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng) | Phương thức tăng/giảm vốn | Đơn vị cấp phép | Mục đích sử dụng vốn theo kế hoạch và thực tế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2015 | Thành lập | 0 | 40.000 | 40.000 | - Góp vốn thành lập Công ty | - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ), đăng ký lần đầu, ngày 25/09/2015 | (i) Đầu tư xây dựng nhà xưởng, vật kiến trúc; (ii) Đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị; (iii) Bổ sung vốn lưu động |
| 2016 | Lần 1 | 40.000 | 55.000 | 95.000 | - Phát hành 5.500.000 cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu với giá là 10.000 đồng/cổ phần;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-AMY, ngày 24 tháng 3 năm 2016 | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ), đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 30/03/2016 | (i) Đầu tư xây dựng nhà xưởng, vật kiến trúc; (ii) Đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị; (iii) Đầu tư vào công ty con; (iv) Thanh toán tiền nhà cung cấp; (v) Bổ sung vốn lưu động |
| 2016 | Lần 2 | 95.000 | 50.000 | 145.000 | - Phát hành 5.000.000 cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu với giá là 10.000 đồng/cổ phần;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú | (i) Đầu tư xây dựng nhà xưởng, vật kiến trúc; (ii) Đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị; (iii) Đầu tư vào công ty con; (iv) Thanh toán tiền nhà cung cấp; (v) Bổ sung vốn |

| Thời điểm | Lần tăng/ giảm | VĐL trước khi tăng/giảm (triệu đồng) | VĐL tăng/giảm thêm (triệu đồng) | VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng) | Phương thức tăng/giảm vốn | Đơn vị cấp phép | Mục đích sử dụng vốn theo kế hoạch và thực tế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | 20/2016/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2016 | Thọ), đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 15/12/2016 | lưu động |
| 2017 | Lần 3 | 145.000 | 55.000 | 200.000 | - Phát hành 5.500.000 cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu với giá là 10.000 đồng/cổ phần;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2017/NQ-ĐHĐCĐ-AMY, ngày 15 tháng 04 năm 2017 | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ), đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 05/07/2017 | (i) Đầu tư xây dựng nhà xưởng, vật kiến trúc; (ii) Đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị; (iii) Đầu tư vào công ty con; (iv) Thanh toán tiền nhà cung cấp; (v) Thanh toán nợ vay ngân hàng; (vi) Bổ sung vốn lưu động |
| 2017 | Lần 4 | 200.000 | (30.000) | 170.000 | - Thực hiện tách công ty để thành lập Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn có vốn điều lệ 30 tỷ đồng<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 05/2017/ĐHĐCĐ-AMY, ngày 10 tháng 07 năm 2017 | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ), đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 17/07/2017 | |
| 2018 | Lần 5 | 170.000 | 95.000 | 265.000 | - Phát hành 1.870.200 cổ phần phổ thông riêng lẻ hoán đổi nợ vay cổ đông với giá là 10.000 đồng/cổ phần tương ứng số tiền 18.702 triệu đồng; Phát hành 4.977.800 cổ phần | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ), đăng ký thay đổi | (i) Đầu tư xây dựng nhà xưởng, vật kiến trúc; (ii) Đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị; (iii) Đầu tư vào công ty con; (iv) Thanh toán tiền nhà cung cấp; (v) Thanh toán nợ vay ngân hàng; (vi) Cho |

| Thời điểm | Lần tăng/ giảm | VĐL trước khi tăng/giảm (triệu đồng) | VĐL tăng/giảm thêm (triệu đồng) | VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng) | Phương thức tăng/giảm vốn | Đơn vị cấp phép | Mục đích sử dụng vốn theo kế hoạch và thực tế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá là 10.000 đồng/cổ phần tương ứng số tiền 49.778 triệu đồng; Phát hành 2.652.000 cổ phần phổ thông để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu tương ứng số tiền 26.520 triệu đồng;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2018/ ĐHĐCĐ-AMY, ngày 27 tháng 04 năm 2018<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-AMY, ngày 07 tháng 03 năm 2019 | lần thứ 6, ngày 20/06/2018 | công ty con vay vốn; (vii) Bổ sung vốn lưu động |
| 2019 | Lần 6 | 265.000 | 55.000 | 320.000 | - Phát hành riêng lẻ 5.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng để hoán đổi các khoản nợ vay cổ đông;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2019/ ĐHĐCĐ-AMY, ngày 12 tháng 09 năm 2019 | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ), đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 27/09/2019 | (i) Đầu tư xây dựng nhà xưởng, vật kiến trúc; (ii) Đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị; (iii) Đầu tư vào công ty con; (iv) Thanh toán tiền nhà cung cấp; (v) Thanh toán nợ vay ngân hàng; (vi) Cho công ty con vay vốn; (vii) Bổ sung vốn lưu động |
| 2022 | Lần 7 | 320.000 | 448.000 | 768.000 | - Phát hành 44.800.000 cổ | - Đại hội đồng cổ đông | (i) Đầu tư xây dựng nhà |

| Thời điểm | Lần tăng/ giảm | VĐL trước khi tăng/giảm (triệu đồng) | VĐL tăng/giảm thêm (triệu đồng) | VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng) | Phương thức tăng/giảm vốn | Đơn vị cấp phép | Mục đích sử dụng vốn theo kế hoạch và thực tế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | phần phổ thông bao gồm 8.823.919 cổ phần trả cổ tức từ nguồn lợi nhận sau thuế chưa phân phối và 35.976.081 cổ phần chào bán riêng lẻ với giá 10.000 đồng/cổ phần;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ-AMY, ngày 16 tháng 01 năm 2022<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-AMY, ngày 12 tháng 04 năm 2023 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ), đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 24/02/2022 | xưởng, vật kiến trúc; (ii) Đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị; (iii) Đầu tư vào công ty con; (iv) Thanh toán tiền nhà cung cấp; (v) Thanh toán nợ vay ngân hàng; (vi) Bổ sung vốn lưu động |
| 2022 | Lần 8 | 768.000 | 102.389 | 870.389 | - Phát hành thêm 10.238.900 cổ phần phổ thông với giá 10.000 đồng/cổ phần bao gồm 6.874.600 cổ phần chào bán cho các cổ đông hiện hữu và 3.364.300 cổ phần chào bán riêng lẻ;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/2022/NQ-ĐHĐCĐ-AMY, ngày 10 tháng 12 năm 2022 | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ), đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 21/12/2022 | (i) Đầu tư xây dựng nhà xưởng, vật kiến trúc; (ii) Đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị; (iii) Đầu tư vào công ty con; (iv) Thanh toán tiền nhà cung cấp; (v) Thanh toán nợ vay ngân hàng; (vi) Bổ sung vốn lưu động |
| 2025 | Lần 9 | 870.389 | 191.485 | 1.061.874,53 | - Phát hành 19.148.553 cổ phần phổ thông cho các cổ | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công | Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh |

| Thời điểm | Lần tăng/ giảm | VĐL trước khi tăng/giảm (triệu đồng) | VĐL tăng/giảm thêm (triệu đồng) | VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng) | Phương thức tăng/giảm vốn | Đơn vị cấp phép | Mục đích sử dụng vốn theo kế hoạch và thực tế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | đông hiện hữu để trả cổ tức;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ-AMY, ngày 30 tháng 06 năm 2025 | nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 22/09/2025 | của các đơn vị thành viên |
| 2025 | Lần 10 | 1.061.874,53 | 8.176 | 1.070.050,53 | - Phát hành 817.600 cổ phần phổ thông để chào bán riêng lẻ với giá 10.000 đồng/cổ phần;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ-AMY, ngày 02 tháng 12 năm 2025 | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ, đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 12/12/2025 | Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán riêng lẻ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty |
| 2026 | Lần 11 | 1.070.050,53 | 374.517,58 | 1.444.568,11 | - Phát hành 37.451.758 cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu để trả cổ tức;<br>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 30 tháng 03 năm 2026 | - Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ<br>- Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ, đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 06/04/2026 | Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

**Chi tiết quá trình tăng và giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát hành kể từ thời điểm thành lập đến nay:**

**Góp vốn thành lập**

- Vốn điều lệ đăng ký: 40.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông góp vốn/cổ đông sáng lập: 3
- Ngày bắt đầu góp vốn: 01/10/2015
- Ngày hoàn thành góp vốn: 10/10/2015
- Cơ sở pháp lý:

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 25/09/2015 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

  - Nghị quyết số 01/2015/NQ-AMY ngày 21/09/2015 về việc Thành lập Công ty

  - Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 25/10/2015 của Đại hội đồng Cổ động Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ về việc thông qua phương án sử dụng số vốn điều lệ góp lần đầu của các cổ đông sáng lập khi đăng ký thành lập doanh nghiệp đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 21/09/2015

**Thay đổi vốn lần 1: Tăng vốn từ 40.000.000.000 đồng lên 95.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 1, ngày 30 tháng 03 năm 2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 95.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu;
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 5.500.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 55.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 3
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 3
- Thời điểm bắt đầu tăng: 26/03/2016
- Thời điểm hoàn thành tăng: 26/03/2016
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 24/03/2016

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 1, ngày 30 tháng 03 năm 2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

  - Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng Cổ động Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ về việc thông qua phương án sử dụng số vốn điều lệ góp lần đầu của các cổ đông sáng lập khi đăng ký thành lập doanh nghiệp đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 24/03/2016.

**Thay đổi vốn lần 2: Tăng vốn từ 95.000.000.000 đồng lên 145.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 3, ngày 15 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 95.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 145.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và cán bộ quản lý
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 5.000.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 50.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 3
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 9
- Thời điểm bắt đầu tăng: 30/11/2016
- Thời điểm hoàn thành tăng: 01/12/2016
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 20/2016/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 30/11/2016

  - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 20/2016/BB-ĐHCĐ ngày 30/11/2016 về việc thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ và thay đổi địa điểm đăng ký kinh doanh

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 3, ngày 15 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

  - Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng Cổ động Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ về việc thông qua phương án sử dụng số vốn điều lệ góp lần đầu của các cổ đông sáng lập khi đăng ký thành lập doanh nghiệp đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 24/03/2016

**Thay đổi vốn lần 3: Tăng vốn từ 145.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 4, ngày 05 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 145.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 200.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu;
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 5.500.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 55.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 9
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 9

- Thời điểm bắt đầu tăng: 30/04/2017
- Thời điểm hoàn thành tăng: 30/06/2017
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2017/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 15/04/2017

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2017/NQ-ĐHĐCD-AMY ngày 20/05/2017 về việc thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2017/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 15/04/2017

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 4, ngày 05 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

**Thay đổi vốn lần 4: Giảm vốn từ 200.000.000.000 đồng xuống 170.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 5, ngày 17 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp**

- Vốn điều lệ trước khi giảm: 200.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi giảm: 170.000.000.000 đồng
- Thời điểm bắt đầu giảm: 18/09/2017
- Thời điểm hoàn thành giảm: 30/09/2017
- Hình thức giảm vốn điều lệ: Giảm vốn do tách Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn ra khỏi Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
- Số lượng cổ đông trước khi giảm vốn điều lệ: 9
- Số lượng cổ đông sau khi giảm vốn điều lệ: 9
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 05/2017/ĐHĐCĐ-AMY của Công ty ngày 10/07/2017-
  - Hợp đồng tách doanh nghiệp số 01/HĐTDN/AMY-HOASON ngày 31/08/2017 và phụ lục hợp đồng tách doanh nghiệp số 01/PLHĐTDN/AMY-HOASON ngày 01/06/2018

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 5, ngày 17 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

**Thay đổi vốn lần 5: Tăng vốn từ 170.000.000.000 đồng lên 265.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 6, ngày 20 tháng 06 năm 2018 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 170.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 265.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành 1.870.200 cổ phần phổ thông riêng lẻ hoán đổi nợ vay cổ đông với giá là 10.000 đồng/cổ phần; Phát hành 4.977.800 cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá là 10.000 đồng/cổ phần; Phát hành 2.652.000 cổ phần phổ thông để chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 9.500.000 cổ phần

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 95.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 9
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 9
- Thời điểm bắt đầu tăng: 04/05/2018
- Thời điểm hoàn thành tăng: 07/03/2019
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/2018/ĐHĐCĐ-AMY của Công ty ngày 27/04/2018

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 01/06/2018 về việc thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/ĐHĐCĐ-AMY ngày 27/04/2018

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 6, ngày 20 tháng 06 năm 2018 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 07/03/2019 về việc phân chia lợi nhuận và xác nhận hoàn tất việc góp vốn điều lệ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 số 01/2018/ĐHĐCĐ-AMY ngày 27/04/2018

**Thay đổi vốn lần 6: Tăng vốn từ 265.000.000.000 đồng lên 320.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 7, ngày 27 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 265.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 320.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông để hoán đổi các khoản nợ vay cổ đông
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 5.500.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 55.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 9
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 9
- Thời điểm bắt đầu tăng: 24/09/2019
- Thời điểm hoàn thành tăng: 25/09/2019
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/2019/ĐHĐCĐ-AMY của Công ty ngày 12/09/2019

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 14/10/2019 về việc thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện

hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/ĐHĐCĐ-AMY ngày 12/09/2019

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 7, ngày 27 tháng 09 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

**Thay đổi vốn lần 7: Tăng vốn từ 320.000.000.000 đồng lên 768.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 8, ngày 24 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 320.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 768.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành 8.823.919 cổ phần trả cổ tức từ nguồn lợi nhận sau thuế chưa phân phối và 35.976.081 cổ phần chào bán riêng lẻ với giá 10.000 đồng/cổ phần;
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 44.800.000 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 448.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 9
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 10
- Thời điểm bắt đầu tăng: 16/12/2021
- Thời điểm hoàn thành tăng: 12/04/2023
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15.12/2021/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 15/12/2021 thông qua việc ký thỏa thuận đặt mua cổ phần với các nhà đầu tư

  - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ-AMY của Công ty ngày 16/01/2022

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 18/02/2022 về việc thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 16/01/2022

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 12/04/2023 về việc phân chia lợi nhuận và và xác nhận hoàn tất việc góp vốn điều lệ

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 8, ngày 24 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

**Thay đổi vốn lần 8: Tăng vốn từ 768.000.000.000 đồng lên 870.389.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 9, ngày 21 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 768.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 870.389.000.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phần phổ thông với giá 10.000 đồng/cổ phần bao

gồm 6.874.600 cổ phần chào bán cho các cổ đông hiện hữu và 3.364.300 cổ phần chào bán riêng lẻ

- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 10.238.900 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 102.389.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 10
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 31
- Thời điểm bắt đầu tăng: 19/01/2022
- Thời điểm hoàn thành tăng: 16/12/2022
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 14/01/2022 thông qua việc ký thỏa thuận đặt mua cổ phần

  - Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 07/2022/NQ-ĐHĐCĐ-AMY của Công ty ngày 10/12/2022

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 15/01/2023 về việc thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/2022/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 10/12/2022

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 9, ngày 21 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp

**Thay đổi vốn lần 9: Tăng vốn từ 870.389.000.000 đồng lên 1.061.874.530.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 12, ngày 22 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 870.389.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 1.061.874.530.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phần phổ thông để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu;
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng cổ tức
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 19.148.553 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 191.485.530.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 29
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 29
- Thời điểm bắt đầu tăng: 21/08/2025
- Thời điểm hoàn thành tăng: 21/08/2025
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 04/2025/NQ-ĐHĐCĐ-AMY của Công ty ngày 30/06/2025

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 12, ngày 22 tháng 09 năm 2025 do Sở Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp

**Thay đổi vốn lần 10: Tăng vốn từ 1.061.874.530.000 đồng lên 1.070.050.530.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 13, ngày 12 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 1.061.874.530.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 1.070.050.530.000 đồng
- Hình thức phát hành: Chào bán riêng lẻ
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 817.600 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 8.176.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 29
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 91
- Thời điểm bắt đầu tăng: 05/12/2025
- Thời điểm hoàn thành tăng: 09/12/2025
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ-AMY của Công ty ngày 02/12/2025 thông qua chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ công ty lên 1.070.050.530.000 đồng

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 13, ngày 12 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp

**Thay đổi vốn lần 11: Tăng vốn từ 1.070.050.530.000 đồng lên 1.444.568.110.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524, thay đổi lần thứ 14, ngày 06 tháng 04 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp**

- Vốn điều lệ trước phát hành: 1.070.050.530.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 1.444.568.110.000 đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 37.451.758 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 374.517.580.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 91
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 91

- Thời điểm bắt đầu tăng: 30/03/2026
- Thời điểm hoàn thành tăng: 30/03/2026
- Cơ sở pháp lý:

  - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 27/03/2026 về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của công ty từ 1.070.050.530.000 đồng lên 1.444.568.110.000 đồng

  - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 14, ngày 06 tháng 04 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp

**Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với các đợt tăng vốn trên:**

Những đợt tăng và giảm vốn điều lệ cho giai đoạn từ ngày 25/09/2015 đến ngày 07/04/2026 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Căn cứ theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 339/2026/UHY-BCKT ngày 14/04/2026 về Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ cho giai đoạn từ ngày 25/09/2015 đến ngày 07/04/2026, ý kiến của đơn vị kiểm toán như sau:

*"Theo ý kiến của chúng tôi, các thông tin trình bày trong Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ cho giai đoạn từ 25/09/2015 đến ngày 06/04/2026 đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ và phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp."*

**Theo Công văn số 235/CV-ĐKKD ngày 05/5/2026 của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ** về hồ sơ đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ, theo đó Công ty có 03 lần thay đổi vốn điều lệ tại lần thứ 5 ngày 17/07/2017, lần thứ 6 ngày 20/06/2018, lần thứ 8 ngày 24/02/2022 thực hiện chưa đúng quy định. Tuy nhiên căn cứ quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ không đề xuất xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty.

Sau khi nhận thức được việc thực hiện chưa đúng quy định, Công ty đã chủ động khắc phục, thực hiện việc góp đủ vốn điều lệ theo đúng số vốn đã đăng ký, đảm bảo thống nhất giữa vốn điều lệ đăng ký và vốn góp thực tế. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ góp vốn điều lệ, không còn tồn tại chênh lệch hay hậu quả phát sinh liên quan.

## 7. Thông tin về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, Công ty không có các khoản góp vốn, thoái vốn lớn (có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện) tại các doanh nghiệp khác.

## 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

### *8.1. Cổ phiếu phổ thông*

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất ngày 30/05/2026:

**Bảng 7: Cơ cấu cổ đông của Công ty**

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ đông | Số lượng CP | Tỷ lệ %/VĐL |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Cổ đông trong nước** | 91 | 144.456.811 | 100% |
| | - Cá nhân | 91 | 144.456.811 | 100% |
| | - Tổ chức | - | - | 0% |
| **2** | **Cổ đông nước ngoài** | - | - | 0% |
| | - Cá nhân | - | - | 0% |
| | - Tổ chức | - | - | 0% |
| | - Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | - | - | 0% |
| **3** | **Cổ phiếu quỹ** | - | - | 0% |
| **TỔNG CỘNG (1+2+3)** | | **91** | **144.456.811** | **100%** |

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/05/2026 của Công ty*

### *8.2. Cổ phiếu ưu đãi*

Không có.

### *8.3. Các loại chứng khoán khác*

Không có.

## 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định pháp luật: 50%.

Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo các quy định về pháp luật hiện hành đối với từng ngành nghề kinh doanh của Công ty căn cứ theo: (1) Biểu cam kết dịch vụ khi gia nhập WTO của Việt Nam; (2) Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Phụ lục IV) kèm theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020; (3) Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (Phụ lục I) kèm theo Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ; và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng 8: Xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty**

| STT | Mã ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh | Tên ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh | Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế) | Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan | Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài | Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa (nếu có) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 2220 | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất sản phẩm SPC và sản phẩm Composite | 50% | | 50% | |
| 2. | 2392 (Chính) | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | 50% | | 50% | |
| 3. | 3290 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng | 50% | | 50% | |
| 4. | 4330 | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt, hoàn thiện công trình xây dựng | 50% | | 50% | |
| 5. | 4673 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) | 100% | Không quy định | 100% | Không quy định |
| 6. | 4679 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn các sản phẩm ngành nhựa<br>- Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) | 100% | | 100% | |
| 7. | 4773 | Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)<br>Chi tiết: Bán lẻ các nguyên liệu, phụ liệu, sản phẩm ngành nhựa<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu | 100% | | 100% | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) | | | | |
| 8. | 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>(Không thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) | 50% | | 50% | |
| 9. | 8299 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động ủy thác xuất khẩu<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật<br>(Không thực hiện việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật) | 100% | | 100% | |
| **Tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty là 50%** | | | | | | |

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức đăng ký niêm yết theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức đăng ký niêm yết hiện tại: 0% (theo Danh sách cổ đông tại ngày 30/05/2026).

## 10. Hoạt động kinh doanh

### *10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh*

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng phục vụ nhu cầu xây dựng dân dụng và công nghiệp. Hoạt động kinh doanh của công ty tập trung vào việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và thẩm mỹ của thị trường trong nước. Bên cạnh hoạt động sản xuất, công ty còn phát triển hệ thống phân phối thông qua các đại lý, nhà phân phối và đối tác thương mại nhằm mở rộng độ phủ thị trường.

Đặc điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh của Á Mỹ là sự kết hợp giữa sản xuất và thương mại, trong đó doanh nghiệp chú trọng đầu tư vào công nghệ sản xuất, cải tiến mẫu mã sản phẩm và nâng cao chất lượng để tăng khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, công ty cũng chú trọng xây dựng

mạng lưới khách hàng ổn định, bao gồm các nhà thầu xây dựng, cửa hàng vật liệu xây dựng và các dự án bất động sản.

Các dòng sản phẩm chủ lực gồm gạch ốp lát ceramic, porcelain và các sản phẩm sàn vinyl như SPC, WPC, LVT cùng các sản phẩm tấm ốp tường, vật liệu nội thất liên quan. Hoạt động kinh doanh của Công ty có một số đặc thù nổi bật như sau:

Về hoạt động sản xuất, ngành gạch ốp lát và sàn vinyl là ngành có mức độ đầu tư tài sản cố định lớn, yêu cầu hệ thống nhà máy, dây chuyền công nghệ hiện đại và tiêu thụ nhiều nguyên liệu đầu vào như đất sét, Feldspar, bột đá, men màu, nhựa PVC, film, wearlayer và phụ gia. Quá trình sản xuất mang tính liên tục, đòi hỏi doanh nghiệp phải duy trì công suất vận hành ổn định để tối ưu chi phí sản xuất và khấu hao máy móc. Đồng thời, chất lượng sản phẩm phụ thuộc lớn vào công nghệ nung, in kỹ thuật số, xử lý bề mặt và tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng trong từng công đoạn sản xuất.

Đối với mảng sàn vinyl, đặc thù của ngành là yêu cầu cao về công nghệ hèm khóa, cấu tạo lõi SPC/WPC/LVT, độ bền, khả năng chống nước, chống trơn trượt và thân thiện môi trường. Ngoài ra, doanh nghiệp thường phải chi trả chi phí bản quyền hèm khóa hoặc hợp tác với các đơn vị sở hữu công nghệ quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu.

Về hoạt động xuất khẩu, doanh thu của Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể từ nhu cầu xây dựng và bất động sản tại các thị trường quốc tế. Hoạt động xuất khẩu thường phụ thuộc vào biến động tỷ giá, chi phí logistics, giá cước vận tải biển, rào cản thương mại và chính sách phòng vệ thương mại của từng quốc gia nhập khẩu. Đồng thời, các thị trường xuất khẩu lớn thường yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng, môi trường và trách nhiệm xã hội cao, buộc doanh nghiệp phải liên tục đầu tư nâng cấp công nghệ và hệ thống quản trị sản xuất.

Về thị trường nội địa, hoạt động kinh doanh của Công ty gắn chặt với diễn biến của ngành bất động sản, đầu tư công và nhu cầu xây dựng dân dụng. Do đặc thù ngành vật liệu xây dựng có tính cạnh tranh cao, Công ty cần duy trì hệ thống phân phối rộng khắp, chính sách bán hàng linh hoạt và danh mục sản phẩm đa dạng nhằm đáp ứng nhiều phân khúc khách hàng khác nhau. Ngoài ra, yếu tố thương hiệu, mẫu mã, xu hướng thiết kế và khả năng phát triển sản phẩm mới đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì thị phần.

Bên cạnh hoạt động sản xuất và thương mại, Công ty còn có đặc thù vận hành theo mô hình hệ sinh thái vật liệu xây dựng, bao gồm các công ty con và đơn vị liên kết hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và phân phối. Mô hình này giúp Công ty chủ động hơn trong chuỗi cung ứng, mở rộng thị trường tiêu thụ và tối ưu hiệu quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Hoạt động bán hàng**

Á Mỹ và các công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh đồng thời tại cả thị trường nội địa và xuất khẩu, tùy thuộc vào đặc điểm từng thị trường, nhóm khách hàng và định hướng kinh doanh của từng đơn vị thành viên. Công ty áp dụng chính sách bán hàng và chiết khấu linh hoạt theo từng kênh phân phối nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, mở rộng thị phần và tối ưu hiệu quả kinh doanh.

Cụ thể:

- Đối với kênh xuất khẩu và khách hàng dự án:

Công ty thực hiện cơ chế phê duyệt giá bán riêng cho từng khách hàng, từng đơn hàng và từng mã sản phẩm trên cơ sở xem xét quy mô đơn hàng, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện giao hàng, thị trường tiêu thụ, biến động chi phí nguyên vật liệu, chi phí logistics và mặt bằng giá cạnh tranh tại từng thời điểm.

Do đặc thù hoạt động xuất khẩu và bán hàng dự án mang tính chất đàm phán trực tiếp, giá bán thường đã bao gồm các yếu tố ưu đãi thương mại, vì vậy phần lớn khách hàng thuộc nhóm này không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại riêng biệt hoặc chỉ áp dụng ở mức thấp tùy từng chương trình bán hàng cụ thể.

Đối với sản phẩm gạch ốp lát, tỷ lệ chiết khấu năm 2025 đối với kênh xuất khẩu và kênh dự án lần lượt là 0,24% và 0,04%. Đối với sản phẩm sàn vinyl SPC xuất khẩu, tỷ lệ chiết khấu năm 2025 là 0,46%. Các sản phẩm khác hầu như không áp dụng chính sách chiết khấu riêng tại kênh này nhằm đảm bảo hiệu quả biên lợi nhuận và duy trì khả năng cạnh tranh tại các thị trường quốc tế.

- Đối với kênh nội địa và hệ thống phân phối:

Công ty và các công ty con áp dụng bảng giá bán theo khung giá được phê duyệt định kỳ cho từng dòng sản phẩm, từng khu vực và từng thời kỳ kinh doanh. Trên cơ sở đó, các nhà phân phối, đại lý, khách hàng OEM, ODM và khách hàng thương mại được hưởng các chính sách chiết khấu phù hợp nhằm thúc đẩy doanh số, gia tăng độ phủ thị trường và hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối.

Đối với sản phẩm gạch ốp lát, tỷ lệ chiết khấu năm 2025 đối với kênh nhà phân phối và OEM/ODM lần lượt là 23,29% và 13,35%. Đối với sản phẩm SPC nội địa, tỷ lệ chiết khấu là 9,63%; trong khi sản phẩm ngói nội địa và ngói OEM, ODM có tỷ lệ chiết khấu lần lượt là 17,99% và 7,51%.

Các chính sách chiết khấu nội địa bao gồm:

- Chiết khấu theo chương trình bán hàng;
- Chiết khấu theo tháng, quý hoặc năm;
- Chiết khấu theo sản lượng/doanh số;
- Chiết khấu theo từng khách hàng hoặc từng khu vực;
- Chiết khấu theo từng nhóm sản phẩm, mã sản phẩm;
- Các chính sách hỗ trợ thương mại và marketing khác theo từng thời kỳ.

Tùy thuộc từng chương trình kinh doanh và chính sách bán hàng của từng công ty thành viên, các hình thức chiết khấu có thể được áp dụng đồng thời cho cùng một khách hàng trên cơ sở điều kiện và nguyên tắc được phê duyệt nội bộ.

Việc áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt theo từng kênh phân phối giúp CTCP Công nghiệp Á Mỹ và các công ty con chủ động thích ứng với biến động của thị trường vật liệu xây dựng, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh tại cả thị trường nội địa và quốc tế.

**Thông tin về các đối tác xuất khẩu**

Các khách hàng chủ lực của Công ty là các nhà nhập khẩu, phân phối và bán lẻ vật liệu hoàn thiện nội thất, sàn vinyl và vật liệu xây dựng có quy mô lớn tại Hoa Kỳ, Canada, Chile và Colombia. Mạng lưới phân phối rộng khắp của các khách hàng này giúp sản phẩm của Công ty tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng cuối tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm. Thông tin các khách hàng chính như sau:

| STT | Khách hàng | Thông tin cơ bản | Thị trường hoạt động chính | Thời gian hợp tác với Á Mỹ đến hiện tại |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Novalis International Ltd | Nhà thiết kế, sản xuất và phân phối sàn vinyl cao cấp (LVT, SPC, WPC), thuộc hệ sinh thái Novalis, có hơn 25 năm kinh nghiệm trong ngành sàn vinyl. | Hoa Kỳ, Canada và toàn cầu | 2020 đến hiện tại |
| 2 | FD Sales Company LLC | Đơn vị mua hàng thuộc hệ thống bán lẻ vật liệu xây dựng và sàn lớn của Hoa Kỳ (Floor & Decor), chuyên nhập khẩu và phân phối sàn, gạch, vật liệu hoàn thiện nội thất. | Hoa Kỳ | 2022 đến hiện tại |
| 3 | M S International Inc | Một trong những nhà nhập khẩu và phân phối vật liệu hoàn thiện nội thất lớn nhất Bắc Mỹ, kinh doanh gạch, đá tự nhiên, đá nhân tạo, sàn SPC, LVT và vật liệu xây dựng. | Hoa Kỳ và Canada | 2020 đến hiện tại |
| 4 | United Weavers of America | Nhà sản xuất và phân phối thảm trải sàn, sản phẩm trang trí nội thất và vật liệu phủ sàn lâu đời tại Mỹ. | Hoa Kỳ | 2023 đến hiện tại |
| 5 | Novalis Enterprise Ltd | Công ty thành viên trong hệ sinh thái Novalis, có trụ sở tại Hồng Kông, thực hiện hoạt động thương mại và cung ứng sàn vinyl cho hệ thống phân phối tại Bắc Mỹ. | Hoa Kỳ, Canada | 2022 đến hiện tại |
| 6 | Prime Source LLC | Nhà phân phối vật liệu xây dựng và hoàn thiện nội thất quy mô lớn tại Mỹ. Trong lĩnh vực sàn, công ty cung cấp các dòng SPC, LVT và vật liệu hoàn thiện cho thị trường dân dụng và thương mại. | Hoa Kỳ | 2023 đến hiện tại |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 7 | Sodimac S.A. | Chuỗi bán lẻ vật liệu xây dựng, nội thất và cải tạo nhà ở tại Chile. | Chile và khu vực Nam Mỹ | 2022 đến hiện tại |
| 8 | Sodimac Colombia S.A. | Công ty thành viên của Sodimac tại Colombia, vận hành hệ thống siêu thị vật liệu xây dựng, nội thất và trang trí nhà ở. | Colombia | 2023 đến hiện tại |

Ngoài việc xuất khẩu OEM và ODM, Công ty đã tham gia vào chuỗi cung ứng của các thương hiệu và hệ thống phân phối lớn tại Bắc Mỹ và Mỹ Latinh, đồng thời giúp giảm phụ thuộc vào một kênh bán hàng đơn lẻ mặc dù doanh thu vẫn tập trung chủ yếu tại thị trường Hoa Kỳ.

Riêng đối với Novalis International Ltd, Á Mỹ nhập khẩu nguyên vật liệu film và wearlayer từ đối tác này và sản xuất sản phẩm vinyl cung cấp cho Novalis International Ltd.

### *10.1.1. Các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty*

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ đang sản xuất và kinh doanh 2 mảng: sản xuất gạch ốp lát và sản xuất các sản phẩm vinyl.

**a. Sản phẩm gạch ốp lát:**

➢ Về sản phẩm

Hiện tại, Công ty đang sở hữu 03 thương hiệu gạch ốp lát chủ lực gồm AMYGRES, Lorenzo Bernini và Calido, với danh mục khoảng 50 dòng sản phẩm chính.

- AMYGRES định vị ở phân khúc cao cấp và trung cao, tập trung vào các dòng sản phẩm chất lượng cao, thiết kế hiện đại, kích thước lớn, phù hợp với các công trình nhà ở cao cấp, biệt thự, khách sạn và dự án bất động sản quy mô lớn.
- Lorenzo Bernini thuộc phân khúc trung cao, định hướng bán lẻ thông qua hệ thống showroom lớn, chú trọng trải nghiệm trưng bày và tư vấn trực tiếp, hướng đến nhóm khách hàng cá nhân và hộ gia đình có yêu cầu thẩm mỹ cao.
- Calido tập trung vào phân khúc trung và trung thấp, với chiến lược phân phối tại các điểm bán nhỏ và đại lý địa phương, nhằm mở rộng độ phủ thị trường và tiếp cận nhóm khách hàng phổ thông, nhạy cảm về giá.

Đặc điểm chung của các dòng sản phẩm bao gồm:

- Kích thước chính: 15x90cm, 20x120cm, 30x60cm, 40x80cm, 60x60cm, 60x120cm, 80x80cm, 100x100 cm
- Vân gạch: đá cẩm thạch, sa đá thạch, vân xi măng, vân gỗ, travertine (đá vôi trầm tích tự nhiên)
- Xương gạch: xương porcelain, porcelain đồng chất, xương semi-porcelain và xương ceramic
- Ứng dụng cho nhiều bề mặt khác nhau: gạch ốp tường, gạch lát sàn, trang trí

Các sản phẩm đa dạng về xương gạch (porcelain, ceramic…), họa tiết vân (vân đá, vân gỗ, xi măng, vân họa tiết), màu sắc, hình dạng và kích thước, đáp ứng nhiều nhu cầu và phân khúc khách hàng khác nhau. Á Mỹ cung cấp đến khách hàng 24 kiểu bề mặt đa dạng, phù hợp cho nhiều phong cách và không gian sống.

**Ảnh Họa tiết vân**

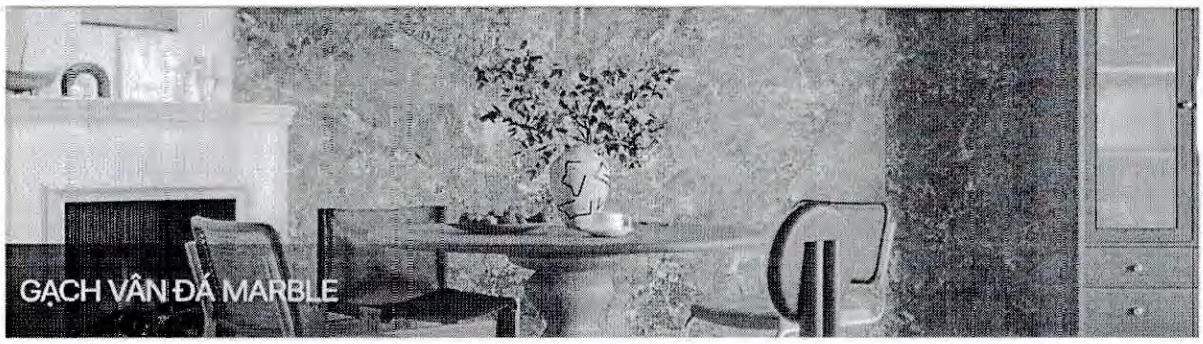











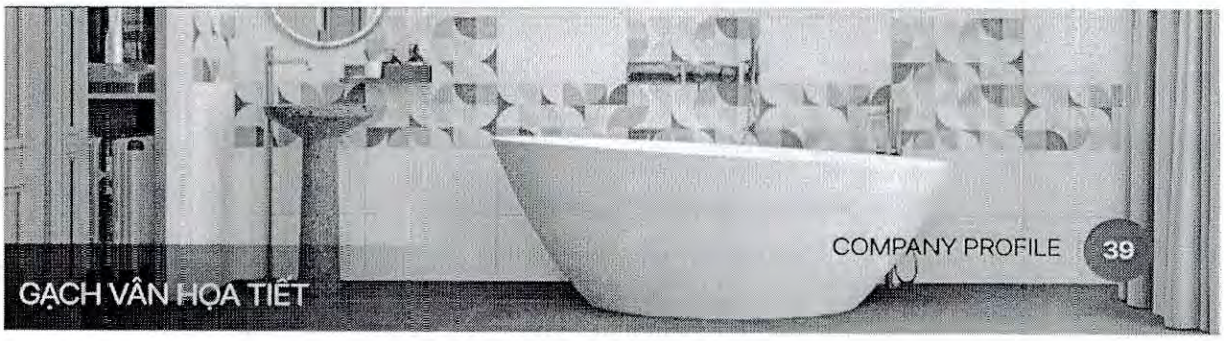


*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

**Ảnh Bề mặt gạch ốp lát**




*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

Năm 2025, Công ty đã sản xuất thành công và đưa ra thị trường sản phẩm gạch Big Slab, dòng gạch khổ lớn cao cấp, có kích thước vượt trội so với gạch truyền thống, kích thước lớn nhất lên đến 120x240. Nhờ bề mặt rộng và ít đường ron, Big Slab mang lại cảm giác liền mạch, sang trọng và hiện đại cho không gian. Sản phẩm được ứng dụng công nghệ in kỹ thuật số để tái hiện chân thực các họa tiết vân, giúp thay thế hiệu quả cho đá tự nhiên với chi phí hợp lý hơn.

Gạch Big Slab được sử dụng phổ biến trong các công trình cao cấp như biệt thự, khách sạn, trung tâm thương mại và khu nghỉ dưỡng (resort). Ngoài ứng dụng lát nền và ốp tường, sản phẩm còn được dùng làm mặt bàn bếp, bàn đảo, lavabo hoặc quầy bar nhờ khả năng chống thấm, chịu nhiệt và chống trầy xước tốt. Đây là xu hướng vật liệu hoàn thiện đang phát triển mạnh tại thị trường châu Âu, Mỹ và Việt Nam.

➢ Về công nghệ

Công ty là tập trung phát triển các dòng sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng, độ an toàn và giá trị thẩm mỹ. Trong quá trình sản xuất, Công ty ứng dụng công nghệ in Smart Tek giúp tái tạo bề mặt vân đá, vân gỗ chân thực với độ sắc nét và chiều sâu cao, mang lại hiệu ứng tự nhiên và sang trọng cho sản phẩm.

Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty còn được tích hợp công nghệ chống trơn trượt với bề mặt nhám vi cấu trúc, giúp tăng độ ma sát, nâng cao độ an toàn khi sử dụng tại các khu vực có độ ẩm cao hoặc mật độ di chuyển lớn. Đồng thời, công nghệ ANS ion âm được ứng dụng nhằm hỗ trợ kháng khuẩn, giảm bụi mịn và góp phần cải thiện chất lượng không khí trong không gian sống. Việc kết hợp nhiều công nghệ tiên tiến giúp sản phẩm của Công ty đáp ứng xu hướng vật liệu xây dựng hiện đại, an toàn và thân thiện với môi trường.

➢ Về sản xuất

Công ty có 2 nhà máy đang trong vận hành tại tỉnh Phú Thọ, tổng công suất đạt 30 triệu m2/năm,

thông tin nhà máy như sau:

**Bảng 9: Nhà máy gạch ốp lát**

| STT | Thông tin nhà máy | Trực thuộc Công ty | Địa điểm | Diện tích | Công suất | Sản phẩm chính |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nhà máy Gạch Á Mỹ | Cty CPCN Á Mỹ | Lô 1, KCN Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa, xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ | 73.714 m2 | 15 triệu m2/ năm | Gạch ốp lát, Gạch khổ lớn (Big slab) |
| 2 | Nhà máy Hera | Cty CPCN Hera | Khu Thị Tứ, xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ | 250.000 m2 | 15 triệu m2 / năm | Gạch ốp lát, Ngói tráng men, Phụ kiện ngói |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

**Hình ảnh Nhà máy Gạch Á Mỹ**



*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

**Hình ảnh Nhà máy gạch Hera**

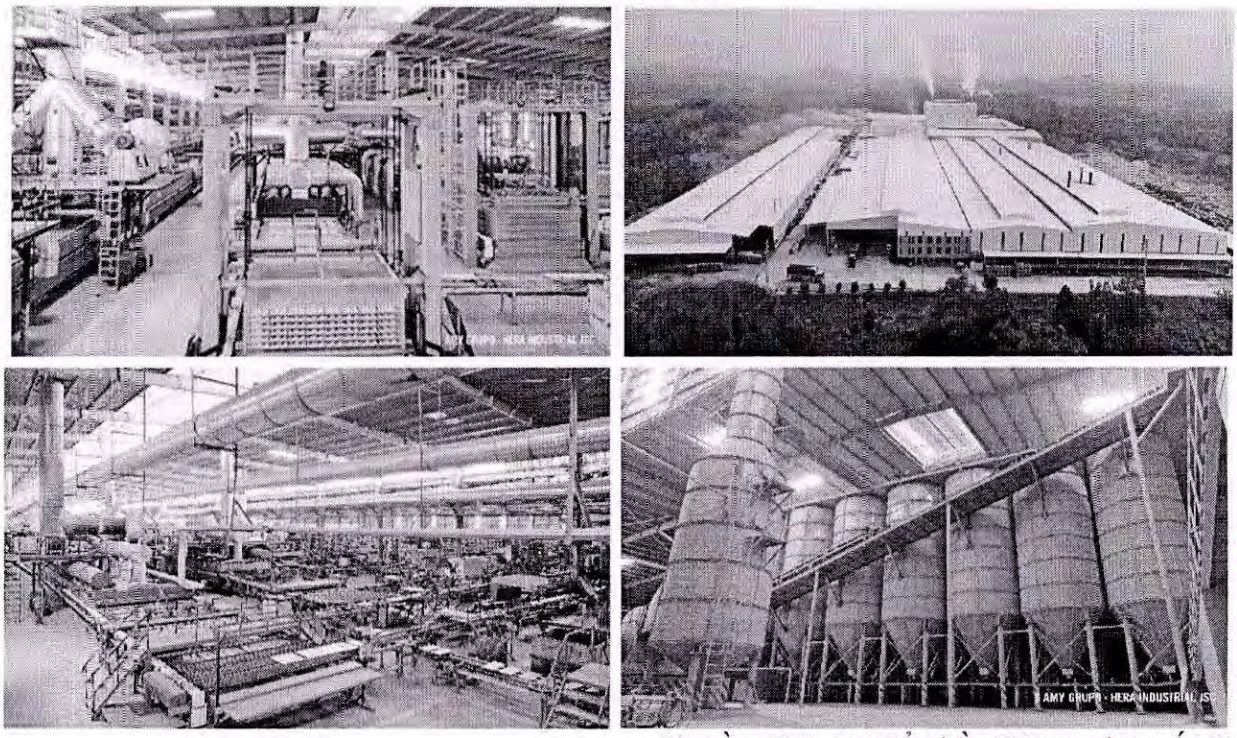

*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

**Hình ảnh Lưu đồ quy trình sản xuất các sản phẩm gạch của Á Mỹ**

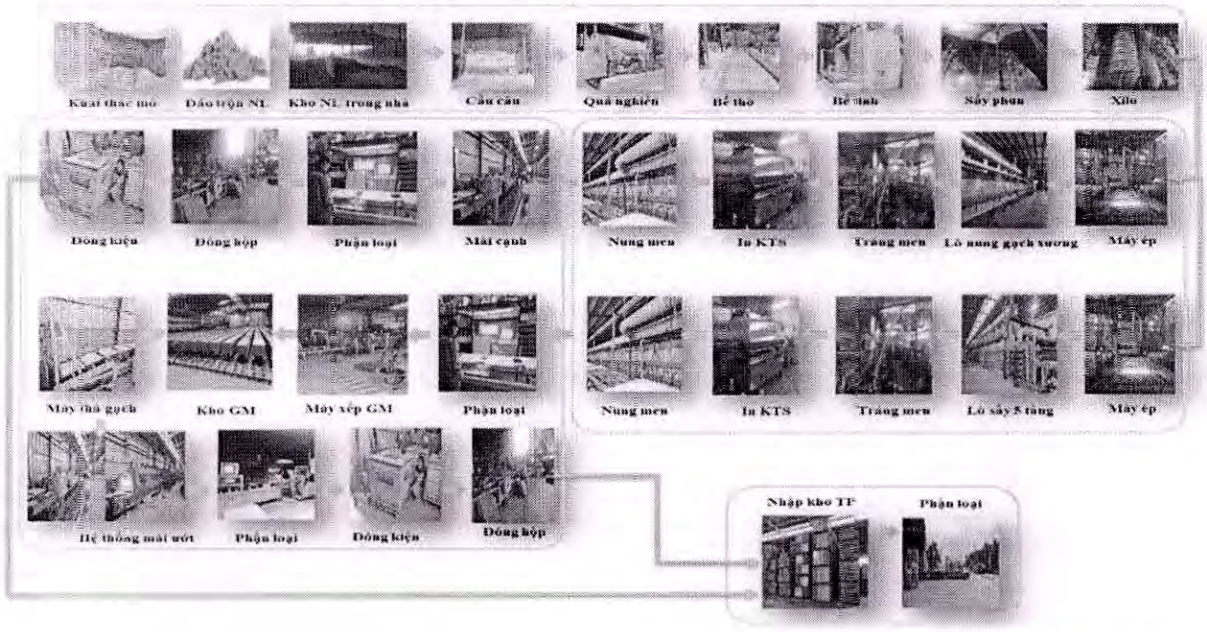


*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

**b. Sản xuất sản phẩm ngói**

Ngoài các sản phẩm chủ lực là gạch và sàn vinyl, Công ty cung cấp ngói gốm tráng men chất lượng cao do nhà máy gạch Hera sản xuất, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ và độ bền cho các công trình dân dụng và thương mại. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, sử dụng lớp men bền màu giúp tăng khả năng chống thấm, chống rêu mốc và duy trì độ bóng đẹp trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Sản phẩm ngói của Công ty có ưu điểm có khả năng thoát

nước, tự làm sạch đồng thời các nhiệt và điều hòa không khí của căn nhà.

Bên cạnh chất lượng sản phẩm, Công ty chú trọng phát triển bộ sưu tập màu sắc theo xu hướng kiến trúc hiện đại với 7 gam màu chủ đạo đa dạng, phù hợp nhiều phong cách thiết kế từ truyền thống đến cao cấp. Các màu sắc được nghiên cứu nhằm tạo sự hài hòa với tổng thể công trình, đồng thời góp phần nâng cao giá trị thẩm mỹ và độ nhận diện cho mái nhà. Nhờ sự kết hợp giữa công nghệ sản xuất tiên tiến và định hướng thiết kế hiện đại, sản phẩm ngói gốm tráng men của Công ty ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong các dự án nhà ở, biệt thự, khu nghỉ dưỡng và công trình kiến trúc cao cấp.

**Hình ảnh Sản phẩm ngói gốm tráng men**

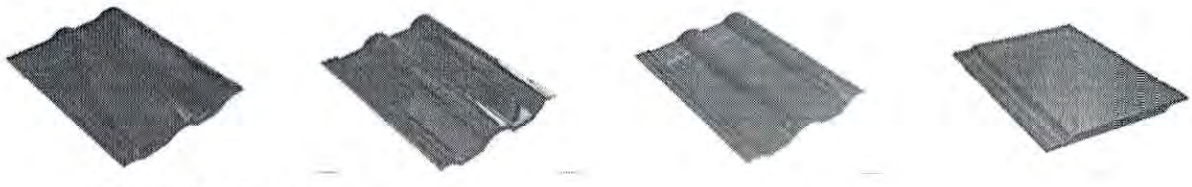

**c. Sản phẩm vinyl:**

Các sản phẩm vinyl của Công ty bao gồm sản phẩm liên quan đến sàn (sàn SPC, WPC, LVT) và tấm ốp tường (tấm tường rigid và tấm tường carbon gia cường).

❖ **Sản phẩm sàn SPC**

Tại Việt Nam, sản phẩm sàn SPC vẫn còn tương đối mới và đang được các nhà đầu tư và kiến trúc sư của các dự án quốc tế lớn trong nước tiên phong nghiên cứu và ứng dụng. Là một xu hướng tất yếu, sàn SPC sẽ định hình xu hướng tiêu dùng cao cấp cho các ứng dụng bề mặt trong các dự án xây dựng hiện đại trên khắp Việt Nam. Á Mỹ là một trong những công ty công nghệ tiên phong phát triển sàn SPC sản xuất tại Việt Nam cho thị trường toàn cầu.

Sàn SPC (Stone Polymer Composite) hay sàn SPC lõi đá bền là dòng vật liệu lát sàn thế hệ mới, có nguyên liệu chính là hạt nhựa, bột đá vôi và chất kết dính ổn định theo tỷ lệ tiêu chuẩn tối ưu. Tất cả các thành phần này được hình thành dưới nhiệt độ 200°C và áp suất cao 400 kg/cm². Nhờ cấu trúc lõi cứng (rigid core), sản phẩm có độ ổn định cao, hạn chế co ngót và cong vênh trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm thay đổi. Mỗi sản phẩm sàn SPC bao gồm năm lớp cơ bản như sau:

- Trên cùng là lớp chống tia UV, giúp ngăn chặn tác động của tia cực tím, giữ cho màu vân gỗ ổn định trong suốt vòng đời sản phẩm.
- Tiếp theo là lớp phủ bảo vệ chống trầy xước và chống bám bẩn, giúp tăng cường độ bền và tái tạo kết cấu vân gỗ 3D chân thực.
- Lớp thứ 3 là film kỹ thuật số, cung cấp các họa tiết bề mặt nhằm đem đến vẻ đẹp thị giác cho sàn nhà. Công nghệ bề mặt của Á Mỹ cho phép tạo ra các thiết kế bề mặt mô phỏng đá, gỗ và sợi dệt vô cùng chân thực cùng với khả năng kiểm soát quá trình sản xuất chặt chẽ cho phép Công ty nhanh chóng phát triển các bộ sưu tập mới và nhanh chóng tùy chỉnh theo yêu cầu khác biệt của khách hàng.
- Lớp thứ tư là lớp lõi đá composite SPC, có độ dày từ 3,2mm đến 7mm, được làm từ polymer cao phân tử và bột đá vôi. Lớp này có độ bền vật lý và cơ học cao, giúp ván sàn chắc chắn, chống thấm nước, chống mối mọt và chống cháy. Bốn cạnh của lớp lõi này được thiết kế với hệ thống khóa để đảm bảo sự khớp hoàn hảo giữa các tấm trong quá trình lắp đặt.

- Ở dưới cùng là lớp đế, giúp cách âm, nâng đỡ lớp sàn phụ và tạo cảm giác êm ái, thoải mái khi đi lại trên bề mặt.

**Hình ảnh Sàn SPC cơ bản**




*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

Sản phẩm sàn SPC sở hữu nhiều ưu điểm nổi bật như:

- Độ bền cơ học cao, chịu lực tốt
- Chống trầy xước và chống mài mòn hiệu quả
- Khả năng chống nước gần như tuyệt đối, phù hợp với khí hậu nhiệt đới ẩm
- Khả năng kháng mối mọt và chống ăn mòn

Bên cạnh đó, sàn SPC được ứng dụng công nghệ hèm khóa tiên tiến như Uniclick và I4F, giúp các tấm ván liên kết chặt chẽ với nhau mà không cần keo dán.

Nhờ các đặc tính trên, sàn SPC ngày càng được sử dụng rộng rãi trong nhà ở dân dụng, căn hộ chung cư, văn phòng và công trình thương mại.

Ngoài 5 lớp cơ bản trên, các dòng sản phẩm của Công ty sẽ được bổ sung thêm lớp hoặc thay thế bằng các vật liệu cao cấp hơn.

➢ Công ty đang sản xuất 3 dòng sản phẩm sàn vinyl chính bao gồm:

- **Sàn SPC (Stone Polymer Composite):** bao gồm sàn SPC thông thường và sàn Engineered SPC, phiên bản cao cấp được tối ưu để giống sàn gỗ thật hơn và trải nghiệm tốt hơn.

**Hình ảnh Sàn Engineering SPC**

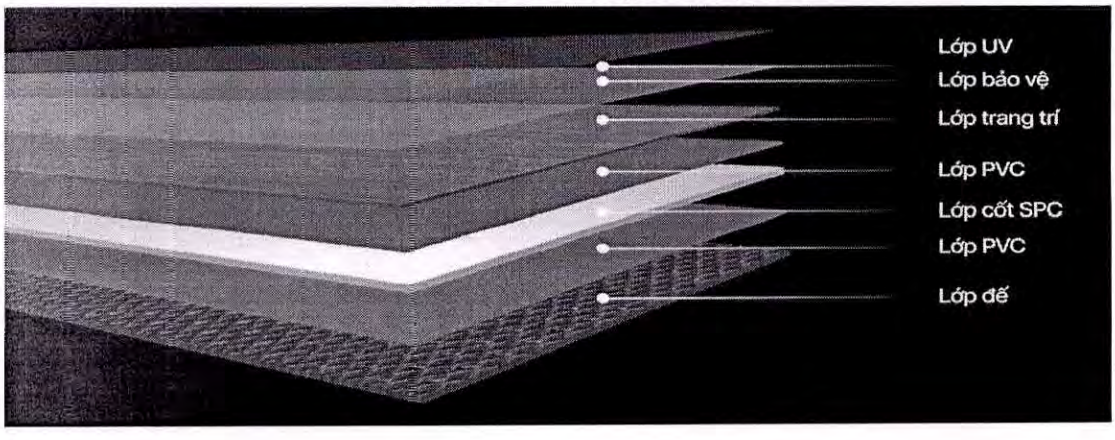

*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

- **Sàn WPC (Wood Polymer Composite)** là sàn gỗ cao cấp chịu nước có thành phần tương tự như sàn SPC nhưng tỷ lệ bột đá thấp hơn, trong khi PVC và phụ gia cao hơn, tạo cảm giác mềm và thoải mái dưới chân hơn nhưng có độ bền thấp hơn SPC và dễ trầy xước hơn.

**Hình ảnh Sàn WPC**

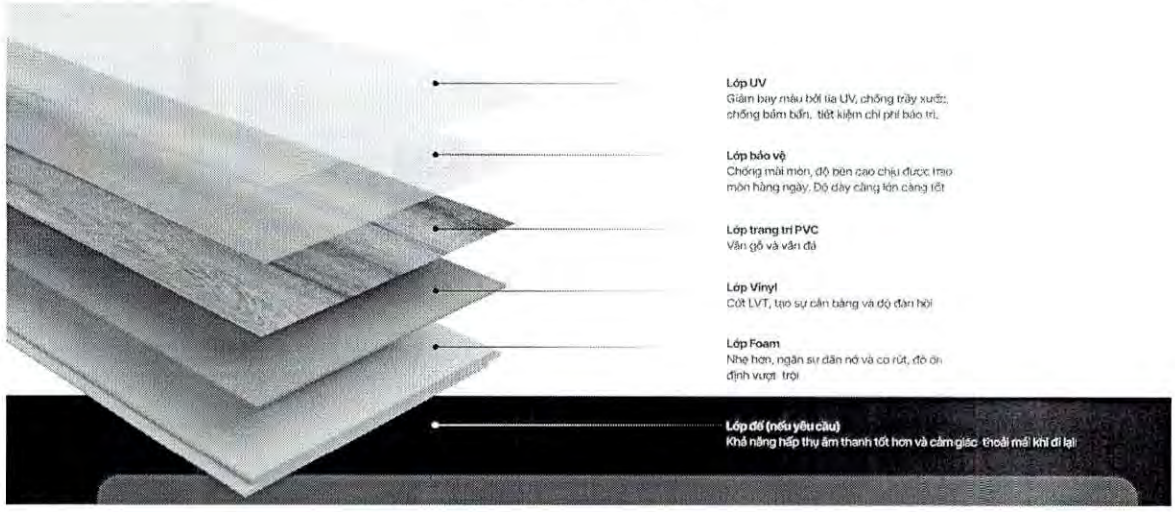


*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

- **Sàn LVT (Luxury Vinyl Tile)** là dòng sàn vinyl cao cấp được sản xuất từ nhựa PVC với lớp film trang trí mô phỏng gỗ hoặc đá tự nhiên, có ưu điểm thẩm mỹ cao, chống nước và dễ thi công. Sàn LVT tạo cảm giác mềm và thoải mái dưới chân hơn nhưng có độ bền thấp hơn SPC và dễ trầy xước hơn sàn SPC và WPC.\

**Hình ảnh Sàn LVT cơ bản**




*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

❖ **Sản phẩm tấm ốp tường**

Một dòng sản phẩm của Công ty là tấm ốp tường do Nhà máy Hoa Sơn sản xuất mới được bán ra thị trường vào đầu năm 2025. Tấm ốp tường nhựa là một giải pháp đột phá, thay thế hoàn hảo cho các vật liệu truyền thống như gỗ, đá, hay giấy dán tường. Được sản xuất từ bột PVC nguyên sinh, bột đá, hợp chất carbon và phụ gia cao cấp, sản phẩm này không chứa Formaldehyde nhờ

sử dụng keo PUR trong quá trình sản xuất, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho sức khỏe người dùng.

Nhà máy Hoa Sơn sở hữu hệ thống dây chuyền sản xuất chuyên biệt cho tấm ốp tường bao gồm 02 dây chuyền sản xuất tấm tường rigid với công suất 57.000 m2/tháng và 01 dây chuyền sản xuất tấm tường carbon gia cường với tổng công suất 49.000 m2/tháng.

**Tấm tường rigid** là dòng tấm ốp tường có kết cấu cứng chắc với lõi vật liệu ổn định, thường được sản xuất từ nhựa polymer cải tiến hoặc vật liệu composite có độ bền cao. Sản phẩm có khả năng chống nước, chống mối mọt, hạn chế co ngót và duy trì độ phẳng trong quá trình sử dụng. Nhờ đặc tính dễ thi công, trọng lượng nhẹ và đa dạng mẫu mã, tấm tường rigid được sử dụng rộng rãi trong trang trí nội thất, cải tạo không gian và các công trình yêu cầu vật liệu bền, thẩm mỹ và dễ bảo trì.

**Hình ảnh Tấm tường rigid**

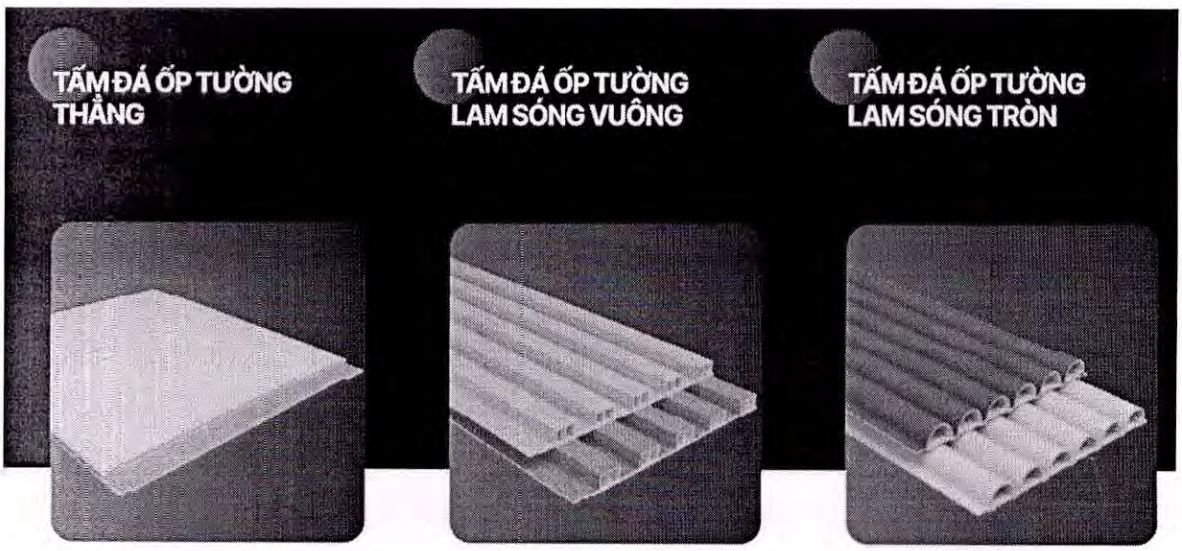


*Nguồn: Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ*

**Tấm tường carbon gia cường** là dòng vật liệu ốp tường thế hệ mới được cấu tạo từ nền polymer hoặc vật liệu composite kết hợp với thành phần sợi carbon gia cường nhằm tăng độ cứng, khả năng chịu lực và độ ổn định của sản phẩm. Nhờ đặc tính bền nhẹ, chống cong vênh, chống ẩm và chịu va đập tốt, loại tấm này được ứng dụng trong các công trình nội thất hiện đại như nhà ở, khách sạn, văn phòng và trung tâm thương mại. Bên cạnh đó, bề mặt sản phẩm có thể được phủ film trang trí vân gỗ, vân đá hoặc màu sắc hiện đại nhằm nâng cao giá trị thẩm mỹ và tối ưu quá trình thi công.

Tấm ốp tường cacbon gia cường được cấu tạo từ các lớp vật liệu khác nhau, mỗi lớp đảm nhận một vai trò riêng biệt trong việc nâng cao chất lượng và tính năng của sản phẩm:

- Lớp UV/PET: Lớp ngoài cùng giúp bảo vệ bề mặt của tấm ốp khỏi tác động của tia UV và bụi bẩn, đồng thời giúp tấm ốp giữ được độ bền màu lâu dài.
- Lớp trang trí: Đây là lớp thể hiện các họa tiết trang trí như vân đá, vân gỗ, vân vải, kim loại, hoặc màu sắc đơn giản. Lớp này mang lại vẻ đẹp thẩm mỹ cho không gian.
- Lớp PVC: Gồm hai lớp trên và dưới, thành phần chính của lớp PVC là 41% PVC nguyên sinh, 53% bột đá ($CaCO_3$), và 6% phụ gia, giúp tăng độ cứng cáp và khả năng chịu lực.

- Lớp lõi Foam: Thành phần gồm 45% PVC, 45% bột đá, và 10% phụ gia. Lớp này giúp tăng cường độ bền, khả năng chịu lực và tính cách âm cho tấm ốp.

**Hình ảnh Tấm tường carbon**

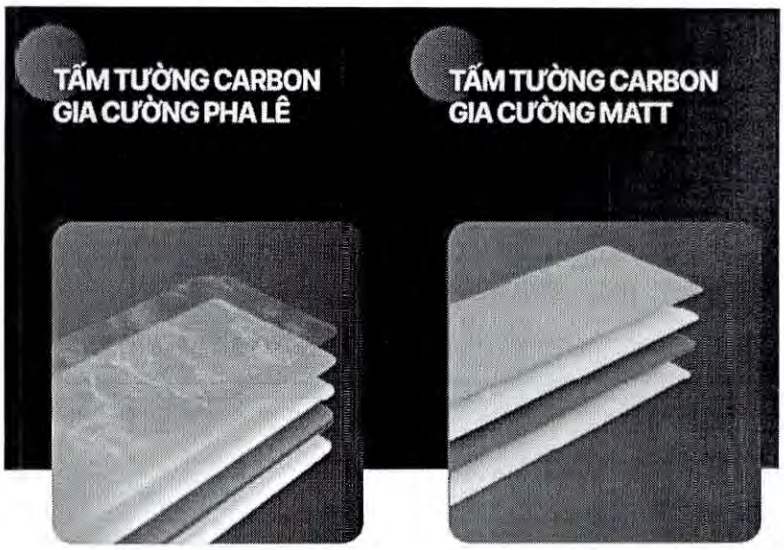


*Nguồn: Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ*

➢ Về công nghệ

Công ty định hướng phát triển các dòng vật liệu sàn và vật liệu hoàn thiện cao cấp với trọng tâm là ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, tính thẩm mỹ và trải nghiệm sử dụng của sản phẩm. Các dòng sản phẩm của Công ty được tích hợp nhiều công nghệ tiên tiến như công nghệ in dập nổi đồng bộ EIR (Embossed In Register), thiết kế cấu trúc đa lớp Engineered SPC và công nghệ vát cạnh tự nhiên Carpentered Edge kết hợp với công nghệ ANS ion âm với cơ chế kháng khuẩn, giúp tái hiện chân thực vẻ đẹp của gỗ và đá tự nhiên, đồng thời tăng độ bền, khả năng chống nước và chống trầy xước, bảo vệ sức khỏe người dùng.

➢ Về sản suất

Công ty có 2 nhà máy đang trong vận hành tại tỉnh Phú Thọ, tổng công suất đạt 45 triệu m2/năm, trong đó:

**Bảng 10: Nhà máy sản xuất sản phẩm vinyl**

| STT | Thông tin nhà máy | Trực thuộc Công ty | Địa điểm | Diện tích | Công suất | Sản phẩm chính |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nhà máy AMY SPC | Cty CP Công nghiệp Á Mỹ | Lô 1, KCN Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa, Xã Liên Hòa, Tỉnh Phú Thọ | 120.000 m2 | 38 triệu m2/ năm | SPC |
| 2 | Nhà máy Hoa Sơn | Cty CP Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | Lô 1, KCN Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa, Xã Liên Hòa, Tỉnh Phú Thọ | 47.000 m2 | 7 triệu m2/ năm | SPC, WPC và LVT |

*Nguồn: Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ*

**Hình ảnh nhà máy SPC Á Mỹ**

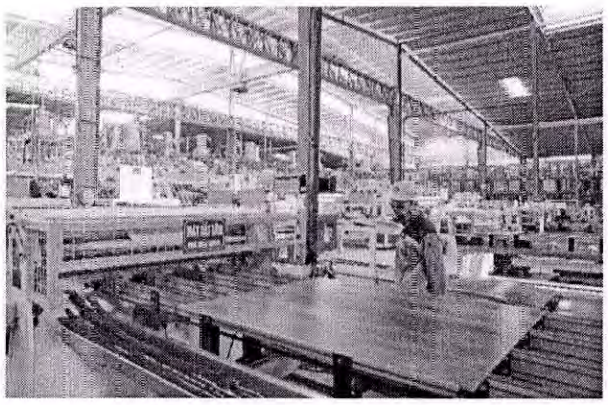
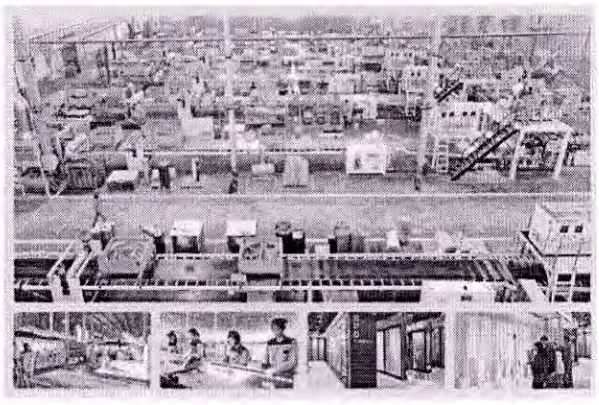

*Nguồn: Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ*

**Hình ảnh nhà máy Hoa Sơn**

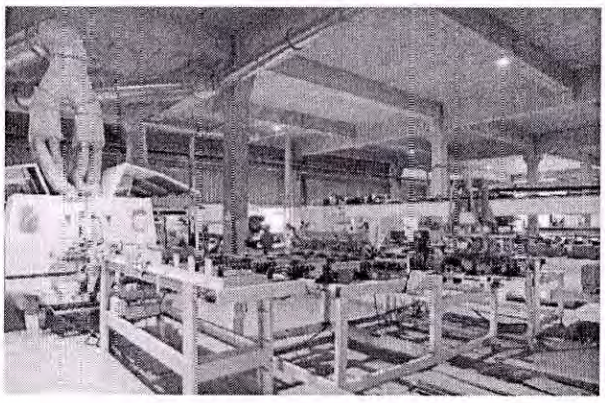
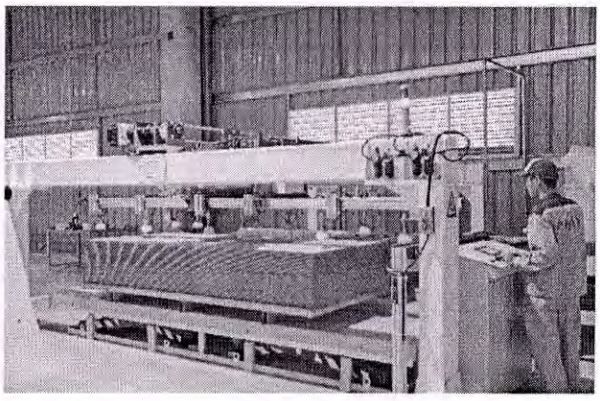

*Nguồn: Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Á Mỹ*

**Lưu đồ quy trình sản xuất các sản phẩm vinyl của Á Mỹ**

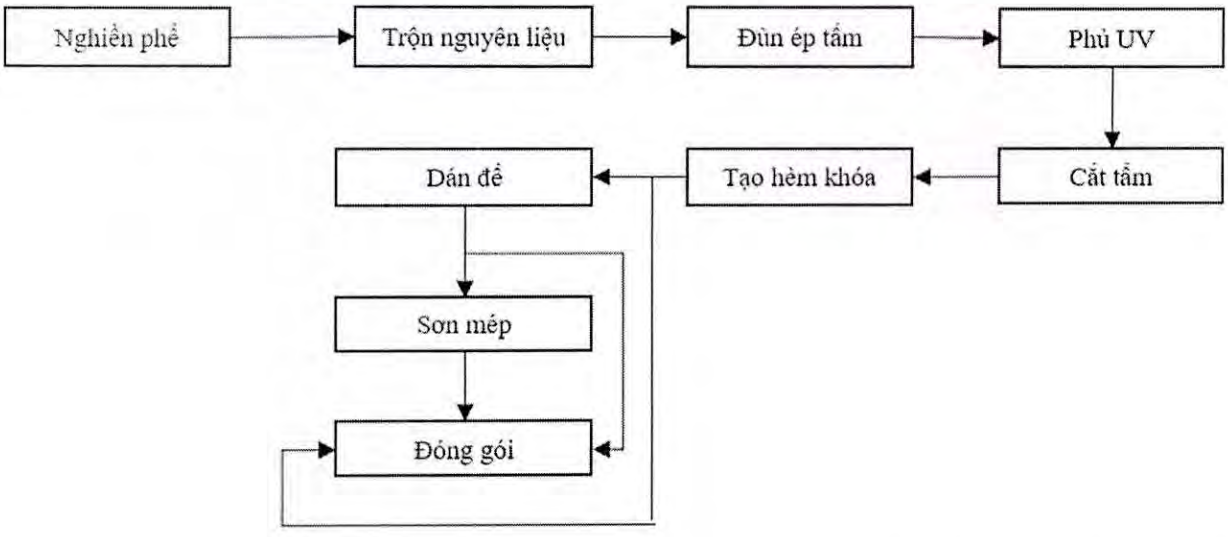


*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

**d. Sản phẩm khác**

Ngoài các sản phẩm nêu trên, Công ty còn cung cấp phụ kiện composite sản xuất trên 01 dây chuyền với công suất 30.000 thanh/tháng và phân phối bột nhựa PVC cho các đối tác trong ngành với khối lượng năm 2025 là 6.922 tấn.

***10.1.2. Nguyên vật liệu***

**a. Nguồn nguyên liệu:**

Trong lĩnh vực sản xuất gạch ốp lát của Công ty, 3 loại nguyên liệu đất sét, feldspar và than chiếm tỷ trọng lớn nhất (lần lượt chiếm tỷ trọng 24,3%, 41,6% và 20,1% tổng khối lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất gạch ốp lát và ngói năm 2025).

Trong lĩnh vực sản xuất vinyl của Công ty, 3 loại nguyên liệu bột đá vôi tự nhiên, bột nhựa và film chiếm tỷ trọng lớn nhất (lần lượt chiếm tỷ trọng 53%, 17,3% và 11,3% tổng khối lượng nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất SPC năm 2025).

Các nguyên liệu chính được sử dụng trong 2 lĩnh vực sản xuất gạch ốp lát và sản phẩm vinyl như sau:

**Bảng 11: Nguyên vật liệu chính qua các năm (Hợp nhất)**

| STT | Tên nguyên vật liệu | Đơn vị | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên vật liệu sản xuất gạch ốp lát** | | | | | |
| 1 | Đất sét | Tấn | 177.433 | 168.791 | 22.660 |
| 2 | Feldspar | Tấn | 163.377 | 288.710 | 54.557 |
| 3 | Than | Tấn | 127.067 | 139.740 | 32.646 |
| 4 | Cao lanh | Tấn | 34.128 | 78.238 | 17.553 |
| 5 | Nhóm Phụ gia dung môi | Tấn | 9.099 | 8.639 | 2.025 |
| 6 | Frit | Tấn | 8.565 | 8.619 | 1.630 |
| 7 | Men | Tấn | 1.383 | 1.173 | 1.560 |
| 8 | Men in | Tấn | 441 | 570 | 54 |
| 9 | Màu in | Tấn | 364 | 345 | 54 |
| **Nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm vinyl** | | | | | |
| 1 | Bột đá vôi tự nhiên | Tấn | 108.519 | 145.999 | 41.124 |
| 2 | Bột nhựa | Tấn | 37.657 | 47.483 | 14.156 |
| 3 | Film | Tấn | 24.537 | 31.138 | 11.223 |
| 4 | Tấm đế | Tấn | 20.620 | 27.911 | 7.833 |
| 5 | Wearlayer | Tấn | 8.615 | 11.906 | 4.341 |
| 6 | Phụ gia | Tấn | 6.442 | 9.356 | 3.198 |
| 7 | Sơn | Tấn | 440 | 716 | 191 |
| 8 | UV | Tấn | 519 | 751 | 213 |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

**b. Sự ổn định của nguồn cung cấp:**

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã hình thành được một hệ thống kênh cung cấp nguyên liệu với nhiều nguồn cung cấp ổn định. Bên cạnh đó, Công ty cũng duy trì mối quan hệ kinh doanh với nhiều đối tác lớn cả ở trong nước và nước ngoài. Chính nhờ những mối quan hệ gắn bó, chặt chẽ này mà Công ty có thể chủ động hơn về thông tin thị trường, nguồn cung nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, qua đó Công ty có thể thực hiện được các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính dài hạn.

**Bảng 12: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Tên nguyên vật liệu | Tên nhà cung cấp | Năm 2024 | Năm 2025 | Quý 1/2026 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên liệu sản xuất gạch & ngói** | | | | | |
| 1 | Than | Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch Vụ và Thương Mại Thuận Thành | 166.466 | 178.191 | 37.802 |
| 2 | Men | NITTO GANRYO KOGYO CO., LTD | 18.077 | - | - |
| 3 | Feldspar | Công ty Tnhh Kinh Doanh Vận Tải ST | 16.268 | - | - |
| 4 | Frit | Công ty TNHH Fritta Việt Nam | 16.170 | - | - |
| 5 | Màu in | Công ty TNHH ESMALGLASS-ITACA Việt Nam | 13.339 | - | 2.857 |
| 6 | Đất sét | Công ty TNHH Kinh Doanh Vận Tải ST | 6.455 | 37.383 | - |
| 7 | Feldspar | CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN LINH PHƯƠNG | - | 24.884 | - |
| 8 | Frit | CÔNG TY TNHH VITTO | - | 23.102 | - |
| 9 | Men | Công ty TNHH Thương Mại và Xuất Nhập Khẩu Vinh Dương | - | 18.812 | - |
| **Nguyên liệu sản xuất sản phẩm vinyl** | | | | | |
| 1 | Film | NOVALIS INTERNATIONAL LIMITTED | 189.630 | 313.682 | 127.691 |
| 2 | Tấm đế | CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM | 185.994 | 167.380 | - |
| 3 | Bột nhựa | IVICT (SINGAPORE) PTE., LTD | 178.973 | 583.948 | 127.035 |
| 4 | Wearlayer | NOVALIS INTERNATIONAL LIMITTED | 170.178 | 286.082 | 91.343 |
| 5 | Phụ gia | Công ty Cổ phần HOPEWAY | 65.859 | - | - |
| 6 | Phụ gia | Jiangsu Suchuang Environmental Protechtion Technology Co., Ltd | | 145.808 | - |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

**c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu:**

Do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên sự biến động của giá cả nguyên vật liệu trên thị trường cũng có tác động lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong 5 năm trở lại đây, thị trường nguyên vật liệu không chỉ trong nước mà cả trên thế giới đều biến động rất phức tạp. Đỉnh điểm giá lên cao năm 2021-2022, đến năm 2024 xu hướng giảm dần, năm 2025 ổn định, tuy nhiên có nhiều yếu tố bất ổn địa chính trị tác động cục bộ, đặc biệt tác động tới tỷ giá ngoại tệ. Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động thực hiện chiến lược mua nguyên liệu hợp lý, nên ảnh hưởng của biến động được Công ty đánh giá là không lớn.

### *10.1.3. Trình độ công nghệ*

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ xác định đầu tư công nghệ và đổi mới hoạt động sản xuất là một trong những định hướng chiến lược trọng tâm. Công ty liên tục triển khai các chương trình đầu tư nhằm ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao hiệu quả vận hành và đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm. Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) được chú trọng, kết hợp với việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các đối tác quốc tế, qua đó từng bước nâng cao trình độ kỹ thuật, cải tiến quy trình sản xuất và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực.

Công ty đã nghiên cứu chế tạo và đưa vào ứng dụng một số công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất và chế tạo bề mặt các loại sàn gạch ốp lát và sản phẩm vinyl như sau:

- **Sản phẩm gạch ốp lát:**

  Công ty áp dụng các công nghệ sau trong sản xuất gạch ốp lát:

- **Công nghệ in bề mặt Smart Tek**

  Smart Tek là công nghệ in kỹ thuật số tiên tiến được ứng dụng trong ngành gạch ceramic và porcelain nhằm tái tạo bề mặt vật liệu với độ chân thực và sắc nét cao. Công nghệ này sử dụng hệ thống đầu in inkjet hiện đại kết hợp phần mềm điều khiển thông minh để phun mực trực tiếp lên bề mặt gạch với độ phân giải cao, giúp tạo ra các họa tiết vân đá, vân gỗ, xi măng hoặc hiệu ứng tự nhiên có chiều sâu và tính thẩm mỹ cao. Công nghệ in kỹ thuật số hiện nay cho phép tái tạo bề mặt gạch gần như tương đồng với vật liệu tự nhiên cả về màu sắc lẫn hiệu ứng thị giác.

  Điểm nổi bật của Smart Tek là khả năng đồng bộ giữa họa tiết in và cấu trúc bề mặt (synchronized texture), giúp đường vân và hiệu ứng nổi trên bề mặt gạch trùng khớp với hình ảnh được in, mang lại cảm giác chân thực khi quan sát và chạm vào. Công nghệ này giúp hạn chế hiện tượng lặp vân, tăng độ tự nhiên của sản phẩm và tạo hiệu ứng 3D sống động hơn so với công nghệ in truyền thống.

  Ngoài yếu tố thẩm mỹ, Smart Tek còn giúp tối ưu quá trình sản xuất nhờ khả năng thay đổi mẫu mã linh hoạt thông qua phần mềm mà không cần thay trục in cơ học như công nghệ cũ. Điều này giúp giảm thời gian setup, giảm hao phí nguyên liệu, đồng thời hỗ trợ sản xuất nhiều bộ sưu tập với số lượng nhỏ nhưng đa dạng thiết kế. Công nghệ in kỹ thuật số cũng cho phép in trên các bề mặt có kết cấu phức tạp, cạnh gạch hoặc gạch khổ lớn mà vẫn đảm bảo độ sắc nét và tính đồng nhất của hoa văn.

  Nhờ ứng dụng công nghệ Smart Tek, các dòng gạch hiện đại không chỉ đạt giá trị thẩm mỹ cao mà còn đáp ứng xu hướng thiết kế kiến trúc cao cấp với bề mặt chân thực, tinh tế và khác biệt.

- **Công nghệ chống trơn trượt**

Công nghệ chống trơn trượt là công nghệ xử lý và tạo vi cấu trúc trên bề mặt gạch nhằm tăng độ ma sát khi tiếp xúc, giúp hạn chế nguy cơ trượt ngã trong quá trình sử dụng. Công nghệ này có thể kết hợp giữa lớp men đặc biệt, kỹ thuật tạo nhám hoặc dập nổi bề mặt để duy trì khả năng chống trơn ngay cả trong điều kiện ẩm ướt, đồng thời vẫn đảm bảo tính thẩm mỹ và dễ vệ sinh cho sản phẩm.

Nhờ sự kết hợp giữa khuôn định hình bề mặt chuyên biệt và lớp men matt có hệ số ma sát cao, công nghệ chống trơn trượt giúp bề mặt gạch đạt cấp độ chống trượt R12, tiệm cận R13 theo tiêu chuẩn DIN 51130 của Đức – tiêu chuẩn quốc tế đánh giá khả năng chống trơn trượt dựa trên góc nghiêng của bề mặt. Đây là mức chống trượt rất cao, thường được ứng dụng cho các khu vực yêu cầu tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt như khu vực hồ bơi, phòng tắm, hành lang ngoài trời, khu thương mại, nhà hàng, resort và các công trình công cộng có mật độ di chuyển lớn.

Công nghệ này không chỉ tăng độ bám chân trong điều kiện khô và ướt mà còn giúp hạn chế nguy cơ té ngã do trơn trượt, đặc biệt phù hợp với gia đình có trẻ nhỏ và người cao tuổi. Bên cạnh yếu tố an toàn, bề mặt gạch vẫn duy trì được tính thẩm mỹ hiện đại với hiệu ứng matt tự nhiên, mang lại cảm giác sang trọng, tinh tế và dễ dàng vệ sinh trong quá trình sử dụng.

- **Công nghệ ANS ion âm**

Công nghệ ANS ion âm với cơ chế kháng khuẩn là công nghệ ứng dụng các hạt ion âm (Negative Ions) tích hợp trong bề mặt vật liệu nhằm hỗ trợ ức chế vi khuẩn, giảm mùi và cải thiện chất lượng không khí trong không gian sử dụng. Cơ chế hoạt động dựa trên việc giải phóng ion âm giúp phá vỡ môi trường sống của một số loại vi khuẩn và trung hòa các tác nhân gây mùi, góp phần tạo môi trường sống sạch sẽ, an toàn và thân thiện hơn với người dùng.

➢ **Sản phẩm vinyl**

- **Công nghệ in dập nổi bề mặt**

Công nghệ in dập nổi bề mặt EIR (Embossed In Register) trên sàn SPC là công nghệ đồng bộ giữa lớp vân in và lớp dập nổi bề mặt, giúp các chi tiết như thớ gỗ, mắt gỗ hoặc vân đá được nổi đúng theo hình ảnh in trên bề mặt sàn. Nhờ đó, sản phẩm tạo hiệu ứng chân thực cao cả về thị giác lẫn cảm giác chạm, mang lại trải nghiệm gần giống vật liệu tự nhiên như gỗ hoặc đá thật.

- **Thiết kế cấu trúc đa lớp (Engineered SPC)**

Thiết kế cấu trúc đa lớp (Engineered SPC) là công nghệ tối ưu cấu tạo sàn SPC bằng cách kết hợp nhiều lớp vật liệu chức năng như lớp phủ UV, lớp chống mài mòn, lớp film trang trí, lõi SPC cải tiến và lớp đệm âm. Cấu trúc này giúp sản phẩm tăng độ ổn định, giảm tiếng ồn, cải thiện cảm giác khi di chuyển và nâng cao tính thẩm mỹ, mang lại trải nghiệm gần giống sàn gỗ tự nhiên hơn so với SPC thông thường.

- **Công nghệ vát cạnh tự nhiên kết hợp lớp phủ bảo vệ bo chạm khắc (Carpentered Edge)**

Công nghệ này giúp xử lý cạnh sàn giúp tạo hiệu ứng mép ván chân thực như gỗ tự nhiên được gia công thủ công. Phần cạnh được vát tinh xảo và phủ lớp bảo vệ chuyên dụng nhằm tăng độ bền, hạn chế thấm nước, chống sứt mẻ và duy trì tính thẩm mỹ trong quá trình sử dụng. Công nghệ này giúp các tấm sàn có chiều sâu thị giác rõ hơn và tạo cảm giác cao cấp, tự nhiên cho không gian nội thất.

Bên cạnh hoạt động sản xuất tại nhà xưởng, Công ty từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành văn phòng và hệ thống quản trị nội bộ. Phần mềm quản lý kho và đặt hàng được xây dựng trên cơ sở nhu cầu và đơn hàng của khách hàng, cho phép tự động tổng hợp đơn và chuyển hóa thành kế hoạch sản xuất. Hoạt động xuất hàng được cập nhật theo thời gian thực không chỉ trên hệ thống của Công ty mà còn đồng bộ với hệ thống của khách hàng. Quá trình chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu luồng thông tin giữa các khối vận hành và bộ phận quản lý, đồng thời tăng cường tính liên thông trong công tác điều hành sản xuất – kinh doanh.

### *10.1.4. Tính thời vụ của các hoạt động sản xuất kinh doanh*

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng thường ít có tính thời vụ vì nhu cầu thị trường được phân bổ khá đều trong suốt năm. Các hoạt động xây dựng và sửa chữa nhà cửa, công trình dân dụng – công nghiệp diễn ra liên tục, không tập trung vào một mùa nhất định, giúp sản lượng tiêu thụ ổn định. Do đặc thù sản phẩm có vòng đời sử dụng dài và ít chịu tác động của xu hướng ngắn hạn, nên ngành này không hình thành mùa cao điểm rõ rệt. Các nhà máy của Công ty cũng duy trì sản xuất liên tục để tối ưu công suất máy móc, giảm chi phí khấu hao đồng thời đáp ứng đơn hàng đều đặn. Ngoài ra, yếu tố khí hậu và mùa lễ tết chỉ ảnh hưởng gián tiếp đến tiến độ thi công, nên nhìn chung nhu cầu vật liệu vẫn ổn định quanh năm, giúp ngành ít gặp rủi ro tồn kho và duy trì doanh thu bền vững.

CTCP Công nghiệp Á Mỹ là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, cụ thể là gạch ốp lát và sản phẩm vinyl. Đây là lĩnh vực thiết yếu, gắn liền trực tiếp với ngành bất động sản, xây dựng và triển vọng của nền kinh tế Việt Nam.

Với đặc thù của Công ty là gần 90% doanh thu xuất khẩu đến từ thị trường Mỹ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào diễn biến của thị trường bất động sản Mỹ. Hiện lãi suất vay thế chấp 30 năm ở Mỹ vẫn đang nới lỏng cùng với số căn nhà được rao bán hàng tháng đang ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân phối sản phẩm của Công ty vào thị trường lớn khó tính này. Ngoài ra, thị trường sản phẩm vinyl được dự báo sẽ tăng trưởng vượt trội so với các phân nhóm sản phẩm ốp lát khác, với tốc độ tăng trưởng bình quân 8,4%/năm trong giai đoạn 2026-2033 nhờ vào việc chuyển dịch mang tính cấu trúc từ các sản phẩm ốp lát truyền thống như gạch sang các giải pháp mới có mẫu mã hấp dẫn, dễ dàng trong việc lắp đặt và chi phí cạnh tranh. Ở các thị trường châu Âu và Mỹ, vinyl đang chiếm dần thị phần của sàn gỗ và gạch ốp lát nhờ vào chu kỳ cải tạo và sửa chữa nhà ở mạnh mẽ.

### *10.1.5. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm 2024, 2025 và 3 tháng đầu năm 2026*

- **Cơ cấu sản lượng**

**Bảng 13: Cơ cấu sản lượng bán ra của Công ty (Hợp nhất)**

| STT | Sản phẩm - dịch vụ | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 | % Tăng/(giảm) 2025-2024 | Quý 1/2026 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Sản phẩm gạch và ngói** | | | | | |
| 1 | Gạch ốp lát | m2 | 18.588.625 | 18.622.024 | 0,18% | 4.177.117 |
| 2 | Ngói | viên | 41.057.007 | 36.100.936 | -12,07% | 5.444.827 |
| **II** | **Sản phẩm vinyl** | **m2** | **20.473.548** | **27.996.968** | **36,75%** | **7.791.960** |
| 1 | SPC | m2 | 20.473.292 | 27.774.240 | 35,66% | 7.774.57 |
| 2 | Tấm ốp lát composite (WPC, LVT, tấm tường) | m2 | 256 | 222.728 | 86.903,13% | 17.384 |
| 4 | Phụ kiện | md/ thanh/ hộp | 36.454 | 62.672 | 71,92% | 44.231 |
| 5 | Bột nhựa PVC | Tấn | 10.380 | 6.922 | -33,31% | 4.072 |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Giai đoạn 2024–2025, cơ cấu sản lượng tiêu thụ của Công ty tiếp tục chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm vinyl, đặc biệt là dòng sản phẩm SPC. Tổng sản lượng tiêu thụ sản phẩm vinyl đạt 27,99 triệu m² trong năm 2025, tăng 36,75% so với năm 2024. Trong đó, sản lượng SPC đạt 27,77 triệu m², tăng 35,66%, tiếp tục là nhóm sản phẩm tăng trưởng chủ lực và đóng vai trò động lực chính cho sự gia tăng doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, nhóm tấm ốp lát composite (WPC, LVT, tấm tường) ghi nhận mức tăng trưởng đột biến từ 256 m² lên 222.728 m², phản ánh hiệu quả của việc mở rộng danh mục sản phẩm và khai thác các phân khúc vật liệu hoàn thiện mới.

Đối với nhóm sản phẩm gạch và ngói, sản lượng gạch ốp lát duy trì ổn định ở mức 18,62 triệu m² trong năm 2025, tăng nhẹ 0,18% so với năm trước, cho thấy Công ty vẫn giữ vững vị thế trên thị trường truyền thống. Trong khi đó, sản lượng ngói giảm 12,07%, từ 41,06 triệu viên xuống 36,10 triệu viên, phản ánh xu hướng dịch chuyển nhu cầu sang các dòng vật liệu hoàn thiện mới có giá trị gia tăng cao hơn.

Nhóm phụ kiện đi kèm cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực 71,92%, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm và gia tăng giá trị bán hàng trên mỗi khách hàng. Ngược lại, sản lượng tiêu thụ bột nhựa PVC giảm 33,31%, từ 10.380 tấn xuống 6.922 tấn, phù hợp với định hướng tập trung nguồn lực vào các sản phẩm vật liệu hoàn thiện có biên lợi nhuận cao hơn thay vì hoạt động thương mại nguyên liệu.

Trong Quý I/2026, xu hướng tăng trưởng của nhóm sản phẩm vinyl tiếp tục được duy trì với sản lượng tiêu thụ đạt 7,79 triệu m², tương đương khoảng 27,8% sản lượng cả năm 2025. Sản lượng gạch ốp lát đạt 4,18 triệu m², ngói đạt 5,44 triệu viên, cho thấy hoạt động sản xuất và tiêu thụ của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định ngay từ đầu năm. Kết quả này phản ánh hiệu quả của chiến lược đầu tư mở rộng công suất, phát triển các dòng sản phẩm vinyl thế hệ mới và mở rộng thị trường xuất khẩu, qua đó từng bước chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang các phân khúc có tốc độ tăng trưởng và giá trị gia tăng cao hơn.

❖ **Cơ cấu doanh thu**

**Bảng 14: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Doanh thu thuần | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % Tăng / (giảm) 2025-2024 | Quý 1/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **6.036.997** | **97,4%** | **6.997.594** | **98,0%** | **15,9%** | **1.785.650** | **97,8%** |
| **Sản phẩm gạch và ngói** | **2.358.721** | **38,0%** | **2.315.556** | **32,4%** | **(1,8%)** | **481.100** | **26,9%** |
| Sản phẩm gạch | 1.924.943 | 31,1% | 1.934.515 | 27,1% | 0,5% | 427.955 | 23,97% |
| Sản phẩm ngói | 433.778 | 7,0% | 381.041 | 5,3% | (12,2%) | 53.145 | 2,98% |
| **Sản phẩm vinyl** | **3.439.996** | **55,5%** | **4.500.151** | **63,0%** | **30,8%** | **1.229.543** | **68,86%** |
| SPC | 3.438.381 | 55,5% | 4.432.336 | 62,1% | 28,9% | 1.222.171 | 68,4% |
| Tấm ốp lát composite | 1.614 | 0,0% | 67.815 | 0,9% | 4.101,0 % | 7.372 | 0,4% |
| **Kinh doanh bột nhựa PVC** | **211.423** | **3,4%** | **126.613** | **1,8%** | **(40,1%)** | **69.913** | **3,9%** |
| **Khác** | **26.858** | **0,4%** | **55.274** | **0,8%** | **105,8%** | **5.094** | **0,3%** |
| **Doanh thu hoạt động tài chính** | **150.807** | **2,4%** | **137.539** | **1,9%** | **(8,8%)** | **40.435** | **2,21%** |
| **Thu nhập khác** | **11.642** | **0,2%** | **6.117** | **0,1%** | **(47,5%)** | **574** | **0,03%** |
| **Tổng cộng** | **6.199.446** | **100%** | **7.141.250** | **100%** | **15,2%** | **1.826.859** | **100%** |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Trong giai đoạn 2024–2025, tổng doanh thu thuần của Công ty tăng từ 6.037 tỷ đồng lên 6.998 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 15,9%. Kết quả này cho thấy hoạt động kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tích cực, tuy nhiên cơ cấu doanh thu giữa các nhóm sản phẩm có sự thay đổi rõ rệt.

Đối với nhóm sản xuất gạch và ngói, doanh thu giảm nhẹ từ 2.359 tỷ đồng năm 2024 xuống 2.316 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với mức giảm giảm 1,8%, và tỷ trọng đóng góp trong tổng doanh thu giảm từ 38% xuống còn 32,4%. Trong đó, doanh thu gạch tăng nhẹ từ 1.925 tỷ đồng lên 1.935 tỷ đồng (tăng 0,5%), phù hợp với mức tăng sản lượng khoảng 0,9%, cho thấy thị trường và giá bán tương đối ổn định. Ngược lại, doanh thu ngói giảm từ 434 tỷ đồng xuống 381 tỷ đồng (giảm 12,2%).

Nhóm sản phẩm vinyl tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của Công ty, chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu. Doanh thu nhóm này tăng từ 3.440 tỷ đồng năm 2024 lên 4.500 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với mức tăng 30,8%, kéo tỷ trọng doanh thu từ 55,5% lên 63%. Trong đó, sản phẩm sàn SPC chiếm xấp xỉ 98,5% tổng doanh thu của nhóm sản phẩm vinyl, cho thấy SPC vẫn tiếp tục đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển dài hạn. Riêng tấm ốp lát composite, mặc dù quy mô còn nhỏ, nhưng doanh thu tăng từ 1,6 tỷ đồng lên 67,8 tỷ đồng, tương đương tăng 4.101%, cho thấy tiềm năng phát triển lớn của dòng sản phẩm vật liệu mới. Thị trường Mỹ vẫn là thị trường trọng điểm của Công ty đối với nhóm sản phẩm vinyl. Năm 2025, doanh thu từ mảng vinyl tại thị trường Mỹ đạt khoảng 4.009 tỷ đồng, chiếm gần 90% tổng doanh thu thuần các sản phẩm vinyl, tăng 29,7% so với mức 3.090 tỷ đồng của năm 2024.

Đối với kinh doanh bột nhựa PVC, doanh thu giảm mạnh từ 211,4 tỷ đồng xuống 126,6 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 40,1%, khiến tỷ trọng trong tổng doanh thu giảm từ 3,4% xuống còn 1,8%. Điều này cho thấy Công ty đang thu hẹp vai trò kinh doanh mảng nguyên liệu để tập trung phục vụ cho hoạt động chính là sản xuất.

Doanh thu khác của Công ty đến từ các hoạt động bán các mặt hàng khác ngoài gạch ngói và sản phẩm vinyl (thiết bị vệ sinh và bao bì). Doanh thu nhóm này tăng từ 26,9 tỷ đồng lên 54,7 tỷ đồng (tăng 105%), song tỷ trọng chỉ chiếm dưới 1%, nên mức đóng góp vào tổng doanh thu không đáng kể.

Tổng thể, kết quả kinh doanh năm 2025 cho thấy sự tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ nhóm sản phẩm vinyl, trong khi gạch – ngói và bột nhựa PVC giảm dần vai trò trong cơ cấu doanh thu. Điều này phản ánh rõ xu hướng chuyển dịch chiến lược của Công ty sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

Trong Quý I/2026, tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt 1.786 tỷ đồng. Cơ cấu doanh thu tiếp tục cho thấy xu hướng tập trung vào nhóm sản phẩm vinyl khi nhóm này đạt 1.230 tỷ đồng, chiếm 68,86% tổng doanh thu, trong đó riêng sản phẩm SPC đạt 1.222 tỷ đồng, tương ứng 68,4% tổng doanh thu hợp nhất. Trong khi đó, nhóm gạch và ngói đạt 481 tỷ đồng, chiếm 26,9% tổng doanh thu; doanh thu ngói tiếp tục duy trì tỷ trọng thấp ở mức 3,0%. Hoạt động kinh doanh bột nhựa PVC đạt 69,9 tỷ đồng, chiếm 3,9% tổng doanh thu, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác và hoạt động tài chính lần lượt đạt 5,1 tỷ đồng và 40,4 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy định hướng chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang nhóm sản phẩm vinyl tiếp tục được duy trì trong năm 2026.

**Bảng 15: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Doanh thu thuần | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % Tăng / (giảm) 2025-2024 | Quý 1/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **5.632.481** | **97,3%** | **6.435.989** | **97,2%** | **14,3%** | **1.654.689** | **96,5%** |
| **Sản phẩm gạch ốp lát** | **1.435.581** | **24,8%** | **1.365.933** | **20,6%** | **(4,9%)** | **277.498** | **16,2%** |
| Sản phẩm gạch | 1.435.581 | 24,8% | 1.365.933 | 20,6% | (4,9%) | 277.498 | 16,2% |
| **Sản phẩm vinyl** | **3.441.546** | **59,5%** | **4.449.994** | **67,2%** | **29,3%** | **1.223.123** | **71,4%** |
| SPC | 3.441.546 | 59,5% | 4.449.994 | 67,2% | 29,3% | 1.223.123 | 71,4% |
| **Kinh doanh bột nhựa PVC** | **251.212** | **4,3%** | **150.321** | **2,3%** | **(40,2%)** | **65.591** | **3,8%** |
| **Khác** | **504.142** | **8,7%** | **469.741** | **7,1%** | **(6,8%)** | **88.477** | **5,2%** |
| **Doanh thu hoạt động tài chính** | **145.458** | **2,5%** | **177.271** | **2,7%** | **21,9%** | **58.929** | **3,4%** |
| **Thu nhập khác** | **9.496** | **0,2%** | **7.657** | **0,1%** | **(19,4%)** | **559** | **0,03%** |
| **Tổng cộng** | **5.787.435** | **100%** | **6.620.917** | **100%** | **14,4%** | **1.714.177** | **100 %** |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Trong giai đoạn 2024–2025, doanh thu thuần của Công ty mẹ tăng từ 5.632 tỷ đồng lên 6.436 tỷ đồng, tương ứng tăng 14,3%. Kết quả này cho thấy hoạt động kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tích cực, tuy nhiên cơ cấu doanh thu giữa các nhóm sản phẩm có sự thay đổi rõ rệt.

Tương tự như cơ cấu doanh thu hợp nhất, doanh thu của sản phẩm gạch vẫn giảm nhẹ và được bù đắp bởi sự tăng trưởng mạnh mẽ của nhóm sản phẩm vinyl. Doanh thu dòng sản phẩm gạch giảm nhẹ 4,9% so với năm 2024 trong khi sản phẩm vinyl chứng kiến doanh thu tăng mạnh hơn 29%, đến từ sản phẩm tấm ốp sàn SPC.

Doanh thu mảng kinh doanh bột nhựa giảm giảm 40,2%, từ 251,2 tỷ năm 2024 xuống còn 150,3 tỷ năm 2025, phù hợp với xu hướng giảm trong cơ cấu doanh thu hợp nhất do Công ty đẩy mạnh sản xuất sản phẩm vinyl phục vụ mục đích xuất khẩu nên hạn chế bán bột nhựa PVC ra bên ngoài thị trường.

Doanh thu hoạt động tài chính và Thu nhập khác 2024 - quý 1/2026 chiếm tỷ trọng dưới 8% trong tổng doanh thu thuần Công ty mẹ.

Trong Quý I/2026, doanh thu thuần của Công ty mẹ đạt 1.655 tỷ đồng, trong đó nhóm sản phẩm vinyl tiếp tục giữ vai trò chủ lực với doanh thu 1.223 tỷ đồng, chiếm 71,4% tổng doanh thu. Ngược lại, doanh thu gạch ốp lát đạt 277,5 tỷ đồng, chiếm 16,2%, trong khi doanh thu bột nhựa PVC đạt 65,6 tỷ đồng, tương ứng 3,8% tổng doanh thu.

❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp**

**Bảng 16: Lợi nhuận gộp theo sản phẩm (hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Lợi nhuận gộp | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % Tăng / (giảm) 2025-2024 | Quý 1/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| **Sản phẩm gạch và ngói** | **515.296** | **34,3%** | **472.464** | **35,2%** | **(8,3%)** | **53.124** | **15,64%** |
| Sản phẩm gạch | 458.249 | 30,5% | 416.238 | 31,0% | (9,2%) | 55.401 | 16,31% |
| Sản phẩm ngói | 57.047 | 3,8% | 56.226 | 4,2% | (1,4%) | (2.278) | (0,67%) |
| **Sản phẩm vinyl** | **985.387** | **65,6%** | **869.245** | **64,7%** | **(11,8%)** | **285.935** | **84.2%** |
| SPC | 984.564 | 65,6% | 869.632 | 64,7% | (11,7%) | 291.367 | 85,8% |
| Tấm ốp lát composite | 823 | 0,1% | (387) | 0,0% | (147,0%) | (5.432) | (1,6%) |
| **Kinh doanh bột nhựa PVC** | **6.937** | **0,5%** | **(1.079)** | **(0,1%)** | **(115,5%)** | **1.949** | **0,57%** |
| **Khác** | **(6.250)** | **(0,4%)** | **2.821** | **0,2%** | **(145,1%)** | **(1.393)** | **(0,41%)** |
| **Tổng cộng** | **1.501.370** | **100,0%** | **1.343.452** | **100,0%** | **(10,5%)** | **339.615** | **100,0%** |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Trong giai đoạn 2024–2025, mặc dù doanh thu thuần hợp nhất tăng mạnh 15,9%, từ 6.037 tỷ đồng lên 6.998 tỷ đồng, nhưng lợi nhuận lại có xu hướng suy giảm từ 1.501,4 tỷ đồng xuống còn 1.343,5 tỷ đồng, tương đương mức giảm 10,5%. Điều này cho thấy biên lợi nhuận gộp toàn Công ty chịu áp lực đáng kể do sự thay đổi cơ cấu sản phẩm và chi phí.

Đối với nhóm sản xuất gạch và ngói, doanh thu giảm nhẹ 1,8% trong khi lợi nhuận gộp giảm từ 515,3 tỷ đồng xuống 472,5 tỷ đồng, tương ứng giảm 8,3%. Trong đó, sản phẩm gạch ghi nhận lợi nhuận gộp giảm 9,2% (từ 458,2 tỷ đồng xuống 416,2 tỷ đồng), dù doanh thu và sản lượng tăng nhẹ, phản ánh biên lợi nhuận bị thu hẹp. Sản phẩm ngói có lợi nhuận gộp giảm nhẹ 1,4%, từ 57 tỷ đồng xuống 56,2 tỷ đồng, phù hợp với xu hướng doanh thu giảm và gia tăng áp lực cạnh tranh về giá. Nhìn chung, nhóm gạch – ngói theo chiến lược của Công ty không còn đóng vai trò tạo lợi nhuận chủ đạo như giai đoạn trước.

Ngược lại, nhóm sản phẩm vinyl tiếp tục là trụ cột về cả doanh thu và lợi nhuận. Doanh thu nhóm sản phẩm vinyl tăng mạnh 30,8%, tuy nhiên lợi nhuận gộp giảm từ 985,4 tỷ đồng xuống còn 869 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 11,8% do chịu tác động từ thuế đối ứng của chính quyền Mỹ khiến công ty phải chia sẻ một phần biên lợi nhuận với các khách hàng ở Mỹ. Đối với thị trường Mỹ, lợi nhuận gộp của nhóm sản phẩm vinyl năm 2025 đạt 726 tỷ đồng, giảm 15,9% so với mốc 862 tỷ đồng của năm 2024. Tỷ trọng lợi nhuận gộp của sản phẩm vinyl trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty là 64,7%. Ngoài ra, dòng tấm ốp lát composite dù doanh thu tăng rất mạnh (từ 1,6 tỷ đồng lên 67,8 tỷ đồng) nhưng lợi nhuận gộp lại chuyển từ lãi 823 triệu

đồng sang lỗ 387 triệu đồng, cho thấy đây vẫn là sản phẩm trong giai đoạn đầu tư, thử nghiệm thị trường, chi phí sản xuất và bán hàng còn cao.

Đối với kinh doanh bột nhựa PVC, doanh thu giảm mạnh 40,1% kéo theo lợi nhuận gộp đảo chiều từ lãi 6,9 tỷ đồng sang lỗ 1,08 tỷ đồng, cho thấy mảng nguyên liệu vẫn đóng vai trò phụ trợ bên cạnh nhiệm vụ chính là cung cấp nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất SPC.

Nhóm sản phẩm khác có sự cải thiện tích cực, từ mức lỗ 6,25 tỷ đồng năm 2024 sang lãi 2,82 tỷ đồng năm 2025, tuy quy mô đóng góp còn nhỏ nhưng góp phần bù đắp một phần suy giảm lợi nhuận ở các mảng khác.

Tổng hợp lại, năm 2025 cho thấy sự lệch pha giữa tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận: doanh thu tăng mạnh nhờ mở rộng SPC và sản phẩm mới, nhưng lợi nhuận gộp tăng rất chậm do biên lợi nhuận giảm nhẹ ở nhóm sản phẩm gạch – ngói, SPC và phát sinh lỗ ở các mảng mới. Điều này phản ánh Công ty đang trong giai đoạn tái cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng trưởng quy mô, chấp nhận hi sinh một phần lợi nhuận ngắn hạn để xây dựng nền tảng cho các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong trung và dài hạn.

**Mức độ ảnh hưởng của các chính sách thuế và phòng vệ thương mại đến doanh thu, lợi nhuận của sản phẩm vinyl**

Sản phẩm vinyl là nhóm sản phẩm chủ lực trong cơ cấu doanh thu của Công ty, đồng thời có tỷ trọng xuất khẩu lớn, đặc biệt là vào thị trường Mỹ. Trong năm 2025, nhóm sản phẩm vinyl, chủ yếu là SPC, tiếp tục duy trì tăng trưởng doanh thu tích cực, cho thấy nhu cầu thị trường và năng lực khai thác đơn hàng của Công ty vẫn được duy trì. Tuy nhiên, do thị trường Mỹ áp dụng và điều chỉnh các chính sách thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu, khách hàng tại thị trường này có xu hướng đàm phán lại giá mua, cơ chế chia sẻ chi phí và kế hoạch đặt hàng nhằm bù đắp một phần tác động từ thuế nhập khẩu.

Về bản chất, các khoản thuế nhập khẩu tại thị trường Mỹ không phải là khoản chi phí do Công ty trực tiếp nộp thay cho khách hàng, tuy nhiên có ảnh hưởng gián tiếp đến hiệu quả kinh doanh thông qua áp lực giảm giá bán, điều chỉnh điều kiện thương mại hoặc chia sẻ một phần biên lợi nhuận với khách hàng để duy trì quan hệ kinh doanh dài hạn. Do đó, mặc dù doanh thu nhóm sản phẩm vinyl/SPC năm 2025 vẫn tăng so với năm 2024, lợi nhuận gộp của nhóm sản phẩm này giảm do biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp.

Trong bối cảnh này, các đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất tại Trung Quốc, đang chịu tác động bất lợi lớn hơn do mức thuế nhập khẩu cao hơn và các biện pháp kiểm soát thương mại chặt chẽ hơn từ phía Mỹ. Điều này làm suy giảm đáng kể khả năng cạnh tranh về giá và khả năng tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp này. Nhờ đó, Công ty có lợi thế tương đối trong việc duy trì và mở rộng thị phần tại thị trường Mỹ, dù vẫn phải chia sẻ một phần áp lực chi phí với khách hàng.

Trong năm 2025, Công ty chưa ghi nhận trường hợp sản phẩm SPC của Công ty bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại riêng biệt như chống bán phá giá, chống trợ cấp hoặc tự vệ tại các thị trường xuất khẩu chủ lực. Tuy nhiên, Công ty đánh giá đây là rủi ro cần theo dõi thường xuyên do tỷ trọng xuất khẩu cao và bối cảnh chính sách thương mại quốc tế có nhiều biến động. Công ty đã và đang tăng cường kiểm soát hồ sơ xuất xứ, hồ sơ nguyên liệu đầu vào, quy trình

sản xuất và tài liệu chứng minh năng lực sản xuất thực tế tại Việt Nam nhằm hạn chế rủi ro bị xem xét là hàng hóa trung chuyển hoặc gian lận xuất xứ.

**Bảng 17: Lợi nhuận gộp theo sản phẩm (riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Lợi nhuận gộp | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % Tăng / (giảm) 2025-2024 | Quý 1/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| **Sản phẩm gạch ốp lát** | **358.073** | **26,1%** | **302.663** | **25,8%** | **(15,5%)** | **44.899** | **13,9%** |
| Sản phẩm gạch | 358.073 | 26,1% | 302.663 | 25,8% | (15,5%) | 44.899 | 13,9% |
| **Sản phẩm vinyl** | **985.814** | **72,0%** | **873.505** | **74,5%** | **(11,4%)** | **271.183** | **84,3%** |
| SPC | 985.814 | 72,0% | 873.505 | 74,5% | (11,4%) | 271.183 | 84,3% |
| **Kinh doanh bột nhựa PVC** | **6.221** | **0,5%** | **754** | **0,1%** | **(87,9%)** | **1.683** | **0.5%** |
| **Khác** | **19.389** | **1,4%** | **(5.095)** | **(0,4%)** | **(126,3%)** | **4.094** | **1,3%** |
| **Tổng cộng** | **1.369.497** | **100,0%** | **1.171.826** | **100,0%** | **(14,4%)** | **321.859** | **100%** |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Trong năm 2025, tổng lợi nhuận gộp của Công ty đạt 1.172 tỷ đồng, giảm 14,4% so với năm trước. Cơ cấu lợi nhuận tiếp tục dịch chuyển theo hướng tập trung vào nhóm sản phẩm vinyl – lĩnh vực cốt lõi với tỷ trọng đóng góp đạt 74,5%. Tuy nhiên, lĩnh vực này cũng chứng kiến lợi nhuận gộp sụt giảm 11,4% do ảnh hưởng từ chính sách thuế quan của chính quyền tổng thống Mỹ Donald Trump – thị trường xuất khẩu lớn nhất của nhóm sản phẩm vinyl.

Ngược lại, nhóm sản phẩm gạch ốp lát ghi nhận mức giảm 15,5%, dẫn đến tỷ trọng đóng góp trong cơ cấu lợi nhuận gộp giảm nhẹ còn 25,8%. Các hoạt động kinh doanh phụ như bột nhựa PVC và các mảng khác tiếp tục suy giảm mạnh, thậm chí phát sinh lỗ, qua đó không còn đóng góp đáng kể vào tổng lợi nhuận.

Xu hướng này cho thấy Công ty đang từng bước tái cơ cấu hoạt động, tập trung nguồn lực vào nhóm sản phẩm vinyl nhằm tối ưu hiệu quả kinh doanh.

❖ **Cơ cấu chi phí**

**Bảng 18: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/tổng doanh thu (hợp nhất)**

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | Quý 1/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | % Tổng doanh thu | Giá trị | % Tổng doanh thu | Giá trị | % Tổng doanh thu |
| **I** | **Tổng doanh thu** | **6.199.446** | **100,0%** | **7.141.250** | **100,0%** | **1.826.659** | **100,0%** |
| 1 | Doanh thu thuần | 6.036.997 | 97,4% | 6.997.594 | 98,0% | 1.785.650 | 97,8% |
| 2 | Doanh thu tài chính | 150.807 | 2,4% | 137.539 | 1,9% | 40.435 | 2,2% |
| 3 | Thu nhập khác | 11.642 | 0,2% | 6.117 | 0,1% | 574 | 0,0% |
| **II** | **Chi phí** | **5.184.690** | **83,6%** | **6.188.634** | **86,7%** | **1.582.756** | **86,6%** |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 4.535.627 | 73,2% | 5.654.142 | 79,2% | 1.446.034 | 79,2% |
| 2 | Chi phí tài chính | 149.638 | 2,4% | 138.920 | 1,9% | 43.136 | 2,4% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 368.885 | 6,0% | 250.761 | 3,5% | 62.398 | 3,4% |
| 4 | Chi phí quản lý | 118.074 | 1,9% | 134.049 | 1,9% | 31.001 | 1,7% |
| 5 | Chi phí khác | 12.466 | 0,2% | 10.762 | 0,2% | 187 | 0,0% |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý và chi phí khác. Tỷ trọng chi phí chiếm khoảng 84%-87% tổng doanh thu hợp nhất, trong đó giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất khoảng 73%-79%. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng lớn thứ hai, khoảng 3,5%-6,0% tổng doanh thu hợp nhất hàng năm, theo sau là chi phí tài chính (1,9%-2,4%) và chi phí quản lý (1,9%) và cuối cùng là chi phí khác (0,2%). Chi phí tài chính hợp nhất của Công ty chủ yếu đến từ chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay vốn của Công ty và các công ty con (chiếm 64% chi phí tài chính năm 2024 và 77,5% chi phí tài chính năm 2025).

Chi phí bán hàng hợp nhất của Công ty chủ yếu là chi phí bản quyền hèm và chi phí vận chuyển (2 loại chi phí này trung bình khoảng 310-330 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 84%-85% chi phí bán hàng), chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác. Từ năm 2025, chi phí bản quyền hèm được tính vào giá vốn hàng bán nên chi phí lớn nhất trong chi phí bán hàng hợp nhất là chi phí vận chuyển, chiếm tỷ trọng 73,7%.

Chi phí quản lý hợp nhất của Công ty chủ yếu là chi phí nhân viên (chiếm khoảng 55%-58% tổng chi phi quản lý), chi phí dịch vụ mua ngoài, thuế phí và lệ phí cùng các chi phí khấu hao và trích lập dự phòng.

**Thông tin về chi phí bản quyền hèm khóa:**

**Bảng 19: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/tổng doanh thu (riêng lẻ)**

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | Quý 1/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | % Tổng doanh thu | Giá trị | % Tổng doanh thu | Giá trị | % Tổng doanh thu |
| **I** | **Tổng doanh thu** | **5.787.435** | **100,0%** | **6.620.917** | **100,0%** | **1.714.177** | **100,0%** |
| 1 | Doanh thu thuần | 5.632.481 | 97,3% | 6.435.989 | 97,2% | 1.654.689 | 96,5% |
| 2 | Doanh thu tài chính | 145.458 | 2,5% | 177.271 | 2,7% | 58.929 | 3,4% |
| 3 | Thu nhập khác | 9.496 | 0,2% | 7.657 | 0,1% | 559 | 0,0% |
| **II** | **Chi phí** | **5.184.690** | **83,6%** | **5.718.038** | **86,4%** | **1.445.282** | **79,1%** |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 4.262.984 | 73,7% | 5.264.163 | 79,5% | 1.332.831 | 77,8% |
| 2 | Chi phí tài chính | 89.562 | 1,5% | 84.455 | 1,3% | 28.107 | 1,6% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 389.894 | 6,7% | 256.469 | 3,9% | 60.890 | 3,6% |
| 4 | Chi phí quản lý | 91.921 | 1,6% | 104.169 | 1,6% | 23.360 | 1,4% |
| 5 | Chi phí khác | 6.043 | 0,1% | 8.782 | 0,1% | 94 | 0,0% |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý và chi phí khác. Tỷ trọng chi phí chiếm khoảng 84%-86% tổng doanh thu hợp nhất, trong đó giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất khoảng 74%-80%. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng lớn thứ hai, khoảng 3,9%-6,7% tổng doanh thu hợp nhất hàng năm, theo sau là chi phí quản lý (1,6%) và chi phí tài chính (1,3%-1,5%) và cuối cùng là chi phí khác (0,1%). Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu đến từ chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay vốn của Công ty (chiếm 56% chi phí tài chính năm 2024 và 80,1% chi phí tài chính năm 2025).

Chi phí bán hàng của Công ty chủ yếu là chi phí dịch vụ bán hàng và ủy thác xuất khẩu và chi phí vận chuyển (2 loại chi phí này chiếm khoảng 190-225 tỷ đồng/năm, tương đương 50%-87% chi phí bán hàng), chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý của Công ty chủ yếu là chi phí nhân viên (chiếm khoảng 51%-56% tổng chi phi quản lý), chi phí dịch vụ mua ngoài, thuế phí và lệ phí cùng các chi phí khấu hao và trích lập dự phòng.

### *10.1.6. Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ*

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ luôn luôn hướng tới việc xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy đáp ứng các tiêu chuẩn sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Một số tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, sản xuất của Công ty bao gồm:

- Tiêu chuẩn ISO 9001:2015
- Tiêu chuẩn ISO 14001:2015
- Tiêu chuẩn ISO 14064:2018
- Tiêu chuẩn ISO 14067:2018
- Tiêu chuẩn ISO 45001:2018
- Tiêu chuẩn ISO 50001
- Tiêu chuẩn Anh British Standard
- Chứng nhận Tuân thủ châu Âu CE
- Chứng nhận tiêu chuẩn FloorScore
- Chứng chỉ ASTM
- Chứng chỉ GreenGuard
- Tuân thủ các QCVN chuyên ngành

Công ty thực hiện nghiêm ngặt quy trình kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra của Công ty bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ. Theo đó nhanh chóng phát hiện và điều chỉnh để đảm bảo chất lượng đồng nhất.

### *10.2. Tài sản*

**Tài sản cố định**

**Bảng 20: Tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | | Năm 2025 | | | Quý 1/2026 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
| **I** | **TSCĐ hữu hình** | **2.504.811** | **1.295.274** | **1.209.537** | **2.962.685** | **1.450.815** | **1.511.870** | **2.980.717** | **1.519.003** | **1.461.714** |
| 1 | Nhà cửa và vật kiến trúc | 447.547 | 172.058 | 275.489 | 542.750 | 206.937 | 335.812 | 546.000 | 216.017 | 329.983 |
| 2 | Máy móc thiết bị | 1.931.043 | 1.069.267 | 861.776 | 2.240.573 | 1.173.853 | 1.066.720 | 2.252.562 | 1.227.897 | 1.024.665 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 113.217 | 49.007 | 64.209 | 156.393 | 62.954 | 93.439 | 159.186 | 67.391 | 91.740 |
| 4 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 4.267 | 2.458 | 1.808 | 5.047 | 3.181 | 1.866 | 5.047 | 3.368 | 91.794 |
| 5 | Tài sản cố định khác | 8.735 | 2.484 | 6.252 | 17.922 | 3.889 | 14.033 | 17.922 | 4.330 | 13.592 |
| **II** | **TSCĐ vô hình** | **120.357** | **13.625** | **106.733** | **120.357** | **17.807** | **102.551** | **120.358** | **18.852** | **101.506** |

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | | Năm 2025 | | | Quý 1/2026 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 119.342 | 13.144 | 106.199 | 119.342 | 17.177 | 102.166 | 119.343 | 18.186 | 101.157 |
| 2 | Phần mềm máy vi tính | 1.014 | 481 | 533 | 1.014 | 629 | 385 | 1.015 | 666 | 348 |
| | **Tổng cộng** | **2.625.168** | **1.308.899** | **1.316.269** | **3.083.042** | **1.468.622** | **1.614.421** | **3.101.075** | **1.537.855** | **1.563.220** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

**Bảng 21: Tài sản cố định của Công ty (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | | | Năm 2025 | | | Quý 1/2026 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Khấu hao lũy kế | Giá trị còn lại |
| **I** | **TSCĐ hữu hình** | **1.522.620** | **1.039.557** | **483.063** | **1.563.579** | **1.061.412** | **502.167** | **1.579.891** | **1.094.522** | **485.36** |
| 1 | Nhà cửa và vật kiến trúc | 209.034 | 130.288 | 78.746 | 217.205 | 147.001 | 70.204 | 220.455 | 150.644 | 69.81 |
| 2 | Máy móc thiết bị | 1.247.556 | 873.166 | 374.390 | 1.276.634 | 872.357 | 404.277 | 1.286.904 | 899.551 | 387.35 |
| 3 | Phương tiện vận tải | 65.076 | 35.526 | 29.550 | 68.570 | 41.295 | 27.275 | 71.363 | 43.512 | 27.85 |
| 4 | Thiết bị dụng cụ quản lý | 953 | 576 | 377 | 1.169 | 759 | 411 | 1.169 | 815 | 35 |
| **II** | **TSCĐ vô hình** | **36.414** | **7.069** | **29.345** | **36.414** | **9.470** | **26.944** | **36.414** | **10.071** | **26.34** |
| 1 | Quyền sử dụng đất | 35.684 | 6.792 | 28.893 | 35.685 | 9.080 | 26.605 | 35.685 | 9.652 | 26.03 |
| 2 | Phần mềm máy vi tính | 729 | 277 | 452 | 729 | 390 | 339 | 729 | 419 | 31 |
| | **Tổng cộng** | **1.559.034** | **1.046.626** | **512.408** | **1.599.993** | **1.070.882** | **529.111** | **1.616.305** | **1.104.593** | **511.71** |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 kiểm toán và BCTC quý 1/2026 tự lập*

Bảng dưới đây liệt kê danh sách 10 tài sản cố định lớn của CTCP Công nghiệp Á Mỹ:

**Bảng 22: Chi tiết về tài sản cố định lớn của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Công ty | Tên tài sản | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | 31/03/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| 1 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Hệ thống lò nung, lò sấy | 131.113 | 93.351 | 131.113 | 80.325 | 131.113 | 77.069 |
| 2 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Hệ thống máy ép | 83.343 | 57.390 | 83.343 | 49.382 | 83.343 | 47.380 |
| 3 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nm2 - Hệ thống lò nung | 78.265 | - | 41.356 | - | 41.356 | - |
| 4 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Nhà xưởng | 76.295 | 60.144 | 76.295 | 55.201 | 76.295 | 53.965 |
| 5 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Hệ thống lò sấy, lò nung | 65.546 | 50.154 | 65.546 | 43.682 | 65.546 | 42.064 |
| 6 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Quyền sử dụng đất | 62.883 | 59.177 | 62.883 | 57.867 | 62.883 | 57.539 |
| 7 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Hệ thống nghiền xương | 56.903 | 39.946 | 56.903 | 34.372 | 56.903 | 32.978 |
| 8 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Trạm than | 56.659 | 39.012 | 56.659 | 33.568 | 56.659 | 32.208 |
| 9 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nhà xưởng SPC2-DA10 | 44.700 | 26.848 | 44.700 | 20.462 | 44.700 | 18.866 |
| 10 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Hệ thống lò sấy + lò nung - DA4 | 44.240 | 2.681 | 44.240 | - | 44.240 | - |
| | **Tổng cộng** | | **699.947** | **428.703** | **663.038** | **374.859** | **663.038** | **362.069** |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

**Bảng 23: Chi tiết về tài sản cố định lớn của Công ty (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Công ty | Tên tài sản | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | 31/03/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại |
| 1 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nm2 - Hệ thống lò nung | 78.265 | - | 41.356 | - | 41.356 | - |
| 2 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nhà xưởng SPC2-DA10 | 44.700 | 26.848 | 44.700 | 20.462 | 44.700 | 18.866 |
| 3 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Hệ thống lò sấy + lò nung - DA4 | 44.240 | 2.681 | 44.240 | - | 44.240 | - |
| 4 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nm2 - Hệ thống lò nung lần 1 - DA2 - GĐ2 | 40.420 | - | 40.420 | - | 40.420 | - |
| 5 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nhà Văn Phòng_NM2 | 39.139 | 33.921 | 39.139 | 32.352 | 39.139 | 31.960 |
| 6 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Cải tạo Dây chuyền 2 | 35.985 | 32.258 | 35.985 | 27.118 | 35.985 | 25.832 |
| 7 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nm2 - Quyền sử dụng đất | 30.670 | 25.550 | 30.670 | 24.933 | 30.670 | 24.779 |
| 8 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Hệ thống lò sấy + lò nung - DA5 | 25.822 | 7.373 | 25.822 | 3.160 | 25.822 | 2.106 |
| 9 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nm2 - Lò sấy 5 tầng - DA2 - GD2 | 23.950 | - | 23.950 | - | 23.950 | - |
| 10 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Cải tạo GM | 20.346 | 18.239 | 20.346 | 15.332 | 20.346 | 14.605 |
| | **Tổng cộng** | | **383.537** | **146.870** | **346.628** | **123.357** | **346.628** | **118.148** |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Bảng 24: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Chi phí | 2024 | 2025 | Quý 1/2026 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Số dư đầu năm | 103.405 | 322.817 | 399.294 |
| 2 | Tăng trong năm | 363.904 | 569.085 | 61.186 |
| 3 | Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (138.211) | (490.483) | (17.218) |
| 4 | Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (565) | - | - |
| 5 | Chuyển sang chi phí trả trước | (5.289) | (2.064) | - |
| 6 | Biến động khác | (427) | (61) | - |
| 7 | Chuyển sang phải thu ngắn hạn khác | - | - | - |
| 8 | Số dư cuối năm | 322.817 | 399.294 | 443.262 |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

Nguyên giá khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang tài sản cố định hữu hình năm 2025:

| | Số tiền (đồng) |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 94.036.272.922 |
| Máy móc và thiết bị | 355.244.298.901 |
| Phương tiện vận chuyển | 40.554.475.826 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 648.330.389 |
| Tài sản khác | 0 |
| **Tổng cộng** | **490.483.378.038** |

Trong năm 2025, Công ty thực hiện chuyển một phần đáng kể chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang sang tài sản cố định hữu hình sau khi các hạng mục hoàn thành và đưa vào sử dụng. Giá trị chuyển đổi chủ yếu tập trung ở nhóm máy móc và thiết bị là Hệ thống nạp trộn liệu tự động, Hệ thống dây chuyền đùn, Hệ thống dây chuyền UV, Dây chuyền trộn, Dây chuyền click tạo hèm, máy phát điện, trạm biến áp... Bên cạnh đó, Công ty cũng ghi nhận tăng nguyên giá đối với nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiền vận chuyển là Nhà xưởng sản xuất số 1, số 2, hệ thống thoát nước, đường giao thông và các công trình phụ trợ; hệ thống điện, thang máy và xe nâng điện. Các khoản chuyển đổi này là cơ sở để Công ty bắt đầu trích khấu hao và ghi nhận chi phí trong các kỳ hoạt động tiếp theo.

**Bảng 25: Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Các công trình xây dựng | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| Hệ thống tháp công nghệ gạch khổ lớn | - | 98.841 | 98.986 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Dự án sản xuất tấm gạch ốp lát Composite của Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | 153.678 | 42.365 | 48.998 |
| Máy móc đang lắp đặt nhà máy Hoa Sơn | 139.944 | 20.909 | 27.575 |
| Dự án sản xuất gạch ốp lát cao cấp và ngói lợp của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | 21.653 | 26.784 | 30.354 |
| Hệ thống máy in KTS dc gạch khổ lớn | - | 26.945 | 26.958 |
| Dây chuyền in tráng men gạch khổ lớn | - | 25.004 | 25.274 |
| Cải tạo lò cho dây chuyền bigslab | - | 20.313 | 20.981 |
| Hệ thống dây chuyền mài gạch khổ lớn | - | 20.004 | 24.555 |
| Hệ thống tháp công nghệ gạch khổ lớn | - | 14.830 | 15.901 |
| Cải tạo GM dây chuyền bigslab | - | 11.246 | 11.500 |
| Kho chất đốt sinh thái | 5.569 | - | |
| Các hạng mục khác | 1.973 | 92.052 | 112.180 |
| **Tổng cộng** | **322.817** | **399.294** | **443.262** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

**Bảng 26: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Chi phí | 2024 | 2025 | Quý 1/2026 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Số dư đầu năm | 72.461 | 7.542 | 309.236 |
| 2 | Tăng trong năm | 70.775 | 464.835 | 43.221 |
| 3 | Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (132.607) | (161.382) | (16.321) |
| 4 | Chuyển sang tài sản cố định vô hình | (565) | - | - |
| 5 | Chuyển sang chi phí trả trước | (2.096) | (1.699) | - |
| 6 | Biến động khác | (427) | (61) | - |
| 7 | Chuyển sang phải thu ngắn hạn khác | - | - | - |
| 8 | Số dư cuối năm | 7.542 | 309.236 | 336.144 |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

**Bảng 27: Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Các công trình xây dựng | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| Hệ thống tháp công nghệ gạch khổ lớn | - | 98.841 | 98.986 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Hệ thống máy in KTS dc gạch khổ lớn | - | 26.945 | 26.958 |
| Dây chuyền in tráng men gạch khổ lớn | - | 25.004 | 25.734 |
| Cải tạo lò cho dây chuyền bigslab | - | 20.313 | 20.981 |
| Hệ thống dây chuyền mài gạch khổ lớn | - | 20.004 | 21.555 |
| Kho chất đốt sinh thái | 5.569 | - | - |
| Hệ thống tháp công nghệ gạch khổ lớn | - | 14.830 | 15.901 |
| Cải tạo GM dây chuyền bigslab | - | 11.246 | 11.500 |
| Các hạng mục khác | 1.973 | 92.052 | 114.989 |
| **Tổng cộng** | **7.542** | **309.236** | **336.144** |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

### *10.3. Thị trường hoạt động*

Á Mỹ hiện là một trong những doanh nghiệp vật liệu xây dựng có vị thế đáng kể tại Việt Nam. Thị trường nội địa chiếm hơn 25% tổng doanh thu của Công ty, thị trường quốc tế chiếm gần 75% doanh thu của Công ty, trong đó Mỹ là thị trường quốc tế chủ lực của Công ty, đem lại hơn 62% doanh thu. Hiện nay, Công ty đang duy trì hệ thống phân phối với hơn 150 showroom trên toàn quốc, cùng quan hệ với nhiều khách hàng lớn là những chuỗi dự án khách sạn, bất động sản dân cư và các nhà thầu xây dựng lớn trong nước.

**Lĩnh vực sản xuất gạch ốp lát**

Sản xuất gạch ốp lát là một trong hai ngành sản phẩm chính của Công ty. Trong lĩnh vực gạch ốp lát, Á Mỹ nằm trong nhóm các nhà sản xuất lớn nhất Việt Nam với quy mô công suất khoảng 3% tổng công suất toàn ngành. Xét trong nhóm doanh nghiệp niêm yết, Công ty đứng thứ hai về doanh thu gạch men năm 2024 và thuộc nhóm có biên lợi nhuận gộp cao nhất ngành.

Trong giai đoạn 2021-2025, ngành sản xuất gạch ốp lát có tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 18,5%/năm. Trong giai đoạn 2024-2025, lĩnh vực sản xuất gạch ốp lát chiếm tỷ trọng khoảng 33% tổng doanh thu của Á Mỹ. Trong đó, Việt Nam vẫn là thị trường tiêu thụ chính của Công ty, đóng góp hơn 55% tổng doanh thu gạch ốp lát và 100% doanh thu ngói, theo sau là Mỹ, đóng góp gần 26% tổng doanh thu của lĩnh vực này.

Trong những năm qua, Công ty chủ động kiểm soát tốc độ tăng trưởng sản lượng một cách thận trọng nhằm duy trì khả năng thương lượng giá với khách hàng, đồng thời đảm bảo hiệu quả lợi nhuận của mảng kinh doanh này. Trong thời gian tới, Công ty dự kiến đầu tư cải tạo dây chuyền sản xuất gạch hiện có nhằm nâng cao công suất và đưa ra một số sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

**Lĩnh vực sản xuất vinyl**

Đối với sản phẩm vinyl, Á Mỹ là một trong những doanh nghiệp tăng trưởng nhanh của ngành, đồng thời nằm trong nhóm 5 doanh nghiệp nhập khẩu PVC lớn nhất Việt Nam năm 2024. Công ty cũng thuộc nhóm doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm vinyl/SPC hàng đầu sang thị trường Mỹ, qua đó từng bước khẳng định vị thế trong ngành vật liệu xây dựng và vật liệu hoàn thiện nội thất.

Lĩnh vực sản xuất sản phẩm vinyl có tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 71,9%/năm trong giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2025, sản phẩm vinyl chiếm tỷ trọng 64,3% tổng doanh thu thuần của Á Mỹ. Mỹ là thị trường quốc tế chủ lực của Công ty, đóng góp gần 90% tổng doanh thu sản phẩm vinyl theo sau là Nam Mỹ và châu Âu (lần lượt chiếm 7,8% và 2,5% tổng doanh thu sản phẩm vinyl).

Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo thị trường hoạt động chi tiết như sau:

**Bảng 28: Doanh thu thuần theo thị trường hoạt động của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Thị trường hoạt động | Năm 2024 | | Năm 2025 | | Quý 1/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| **Gạch ốp lát** | **1.924.943** | **31,9%** | **1.934.515** | **27,7%** | **427.955** | **23,96%** |
| Việt Nam | 1.061.883 | 17,6% | 1.196.050 | 17,1% | 234.807 | 13,15% |
| Mỹ | 494.837 | 8,2% | 362.824 | 5,2% | 75.262 | 4,21% |
| Bắc Mỹ | 106.708 | 1,8% | 166.483 | 2,4% | 47.195 | 2,64% |
| Châu Âu | | | 11.713 | 0,2% | 2.342 | 0,13% |
| Châu Á | 261.516 | 4,3% | 197.444 | 2,8% | 68.349 | 3,83% |
| **Ngói và phụ kiện ngói** | **433.778** | **7,2%** | **381.041** | **5,4%** | **53.145** | **2,98%** |
| Việt Nam | 433.778 | 7,2% | 381.041 | 5,4% | 53.145 | 2,98% |
| **SPC** | **3.438.381** | **57,0%** | **4.432.336** | **63,3%** | **1.222.171** | **68,44%** |
| Việt Nam | 14.357 | 0,2% | 9.709 | 0,1% | 7.900 | 0,44% |
| Mỹ | 3.089.885 | 51,2% | 3.952.646 | 56,5% | 1.113.574 | 62,36% |
| Bắc Mỹ | 6.700 | 0,1% | 4.405 | 0,1% | 3.456 | 0,19% |
| Châu Âu | 71.739 | 1,2% | 110.771 | 1,6% | 19.568 | 1,10% |
| Châu Á | 5.392 | 0,1% | 2.608 | 0,0% | - | - |
| Nam Mỹ | 250.309 | 4,1% | 352.198 | 5,0% | 77.673 | 4,35% |
| **Composite** | **1.614** | **0,0%** | **67.815** | **1,0%** | **7.371** | **0,4%** |
| Việt Nam | 1.309 | 0,0% | 4.932 | 0,1% | 1.145 | 0,06% |
| Mỹ | 305 | 0,0% | 56.834 | 0,8% | 1.512 | 0,08% |
| Châu Âu | - | - | 3.267 | 0,0% | 4.707 | 0,26% |
| Châu Á | - | - | 2.777 | 0,0% | 7 | 0,00% |
| Nam Mỹ | - | - | 5 | 0,0% | - | - |
| **Bột nhựa PVC** | **211.423** | **3,5%** | **126.613** | **1,8%** | **69.913** | **3,92%** |
| Việt Nam | 211.423 | 3,5% | 126.613 | 1,8% | 69.913 | 3,92% |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Khác** | **26.858** | **0,4%** | **55.274** | **0,8%** | **5.094** | **0.3%** |
| Việt Nam | 26.103 | 0,4% | 55.068 | 0,8% | 4.917 | 0,28% |
| Mỹ | 587 | 0,0% | 176 | 0,0% | 129 | 0,01% |
| Châu Á | 168 | 0,0% | 29 | 0,0% | 48 | 0,00% |
| **Tổng cộng** | **6.036.997** | **100,0%** | **6.997.594** | **100,0%** | **1.785.649** | **100%** |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

**Bảng 29: Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất theo thị trường (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Thị trường hoạt động | Năm 2024 | | Năm 2025 | | Quý 1/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| **Gạch ốp lát** | **458.249** | **30,5%** | **416.238** | **31,0%** | **55.402** | **16,31%** |
| Việt Nam | 134.228 | 8,9% | 162.695 | 12,1% | 7.431 | 2,17% |
| Mỹ | 209.694 | 14,0% | 142.643 | 10,6% | 23.583 | 6,89% |
| Bắc Mỹ | 28.501 | 1,9% | 44.240 | 3,3% | 11.032 | 3,22% |
| Châu Âu | - | - | 4.905 | 0,4% | 897 | 0,26% |
| Châu Á | 85.825 | 5,7% | 61.754 | 4,6% | 12.459 | 3,64% |
| **Ngói và phụ kiện ngói** | **57.047** | **3,8%** | **56.226** | **4,2%** | **(2.278)** | **(0,67%)** |
| Việt Nam | 57.047 | 3,8% | 56.226 | 4,2% | (2.278) | (0,67%) |
| **SPC** | **984.564** | **65,6%** | **869.632** | **64.7%** | **291.366** | **85,8%** |
| Việt Nam | 3.307 | 0,2% | 2.609 | 0,2% | 2.397 | 0,70% |
| Mỹ | 862.146 | 57,4% | 726.403 | 54,2% | 255.418 | 74,59% |
| Bắc Mỹ | 2.412 | 0,2% | 1.235 | 0,1% | 1.089 | 0,32% |
| Châu Âu | 23.136 | 1,5% | 33.059 | 2,5% | 24.590 | 7,18% |
| Châu Á | 1.869 | 0,1% | 730 | 0,1% | 7.877 | 2,30% |
| Nam Mỹ | 91.694 | 6,1% | 105.597 | 7,9% | (5) | 0,00% |
| **Composite** | **823** | **0,1%** | **(387)** | **0,0%** | **(5.431)** | **(1,6%)** |
| Việt Nam | 644 | 0,0% | 937 | 0,1% | 123 | 0,04% |
| Mỹ | 179 | 0,0% | (1.298) | (0,1%) | 51 | 0,01% |
| Châu Âu | - | - | 803 | 0,1% | (5.586) | (1,63%) |
| Châu Á | - | - | (832) | (0,1%) | (19) | (0,01%) |
| Nam Mỹ | - | - | 3 | 0,0% | - | - |
| **Bột nhựa PVC** | **6.937** | **0,1%** | **(1.079)** | **(0,1%)** | **1.949** | **0,57%** |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Việt Nam | 6.937 | 0,5% | (1.079) | (0,1%) | 1.949 | 0,57% |
| **Khác** | **(6.250)** | **-0,4%** | **2.821** | **0.2%** | **(1.393)** | **(0,41%)** |
| Việt Nam | (6.772) | -0,5% | 2.633 | 0.2% | (1.568) | (0,46%) |
| Mỹ | 490 | 0,0% | 163 | 0,0% | 129 | 0,04% |
| Châu Á | 32 | 0,0% | 25 | 0,0% | 48 | 0,01% |
| Châu Âu | | | | | (2) | 0,00% |
| **Tổng cộng** | **1.501.370** | **100,0%** | **1.343.452** | **100,0%** | **342.412** | **100,0%** |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

### *10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính*

**Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư**

Năm 2024, Công ty triển khai đầu tư xây dựng Nhà máy Á Mỹ Hoa Sơn chuyên sản xuất các sản phẩm vinyl với tổng giá trị đầu tư trên 430 tỷ đồng. Đến năm 2025, nhà máy chính thức đi vào hoạt động với quy mô 11 dây chuyền, tổng công suất đạt 7 triệu m²/năm.

Trong giai đoạn 2024–2025, Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng Nhà máy SPC lên 25 dây chuyền sản xuất với tổng giá trị đầu tư khoảng 300 tỷ đồng. Việc mở rộng giúp nâng tổng công suất tối đa của nhà máy AMY lên khoảng 38 triệu m²/năm, đáp ứng nhu cầu sản xuất đến hết năm 2027 mà chưa cần đầu tư thêm nhà máy mới. Đồng thời, Công ty đầu tư đồng bộ hệ thống máy móc, thiết bị như hệ thống nạp trộn liệu tự động, hệ thống dây chuyền đùn, dây chuyền UV, dây chuyền trộn, dây chuyền click tạo hèm, máy phát điện, trạm biến áp… Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư bổ sung nhà xưởng sản xuất số 1, số 2 cùng hệ thống hạ tầng phụ trợ gồm hệ thống thoát nước, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, thang máy và xe nâng điện.

Các khoản đầu tư trên đã góp phần nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường và tạo động lực tăng trưởng doanh thu cho Công ty và các công ty con trong giai đoạn 2024–2025.

Năm 2024, nhóm sản phẩm vinyl ghi nhận mức tăng trưởng mạnh về sản lượng và doanh thu. Sản lượng tiêu thụ tăng từ 10.585.242 m² năm 2023 lên 20.474.900 m² năm 2024, tương ứng tăng 93,4%. Doanh thu nhóm sản phẩm này tăng từ 1.750 tỷ đồng lên 3.440 tỷ đồng, tương ứng tăng 96,6%.

Sang năm 2025, nhóm sản phẩm vinyl tiếp tục duy trì vai trò là động lực tăng trưởng chính của Công ty với tốc độ tăng trưởng 36,7%. Trong đó, dòng sản phẩm tấm ốp lát SPC đạt sản lượng 27.774.240 m², tăng 7.300.948 m² so với năm 2024, tương ứng tăng 35,7%. Doanh thu nhóm sản phẩm vinyl tăng từ 3.440 tỷ đồng năm 2024 lên 4.500 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng 30,8%, qua đó nâng tỷ trọng doanh thu của nhóm sản phẩm này từ 55,5% lên 63% tổng doanh thu của Công ty.

**Bảng 30: Các dự án lớn đang triển khai của Công ty**

| STT | Tên dự án | Địa điểm | Thời gian khởi công | Tổng mức đầu tư dự kiến | Tình trạng hiện tại |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đầu tư dự án Big slab | Cty CP Công nghiệp Á Mỹ | Trong Quý IV năm 2025 | 295.468.311.000 | Đang triển khai |
| 2 | Cải tạo nhà máy AMYGRES | Cty CP Công nghiệp Á Mỹ | Trong Quý I năm 2026 | 94.339.526.609 | Đang triển khai |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Cải tạo nhà máy SPC giai đoạn 2 | Cty CP Công nghiệp Á Mỹ | Trong Quý III-IV năm 2026 | 337.090.012.342 | Đang triển khai |
| 4 | Đầu tư dự án Big slab giai đoạn 2 (thay lò nung than bằng hệ thống khí gas, mua thêm máy cán,...) | Cty CP Công nghiệp Á Mỹ | Trong Quý III-IV năm 2026 | 441.540.000.000 | Đang triển khai |
| 5 | Đầu tư thêm cho Nhà máy Hoa Sơn | Cty CP Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | Trong Quý III-IV năm 2026 | 125.875.000.000 | Đang triển khai |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Trên bảng là một số dự án đầu tư tiêu biểu của Công ty đã và đang chuẩn bị thực hiện trong năm 2025 và 2026 với mục tiêu ổn định sản xuất, duy trì chất lượng tài sản, bổ sung tài sản cần thiết và cải tạo lại các điều kiện lao động, điều kiện môi trường tại các nhà máy của công ty. Ngoài ra còn nhiều hạng mục nhỏ khác được đầu tư song song, liên tục trong quá trình vận hành nhà máy.

Hiện nay các dự án đầu tư chưa hoàn thiện do đó Công ty chưa thể đánh giá được hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các dự án.

**Đánh giá hiệu quả đầu tư vào các công ty con**

Căn cứ số liệu tài chính của các công ty con giai đoạn 2024 – Quý I/2026, có thể đánh giá hoạt động đầu tư của Á Mỹ vào các công ty con đạt hiệu quả tương đối tích cực, tuy nhiên mức độ đóng góp giữa các đơn vị có sự khác biệt đáng kể. Hiệu quả đầu tư được phản ánh thông qua khả năng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và chỉ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) của từng công ty con.

Đối với Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn, hiệu quả hoạt động đã cải thiện rõ rệt sau giai đoạn đầu tư ban đầu. Năm 2024, công ty ghi nhận lỗ sau thuế 7,3 tỷ đồng, tương ứng ROE âm khoảng 7,9%. Tuy nhiên, sang năm 2025, doanh thu thuần tăng mạnh từ 23,2 tỷ đồng lên 212,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 22,1 tỷ đồng, tương ứng ROE đạt khoảng 10,1%. Quý I/2026, công ty tiếp tục ghi nhận lợi nhuận sau thuế 5,8 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy khoản đầu tư của Á Mỹ vào Á Mỹ Hoa Sơn đã bắt đầu phát huy hiệu quả khi nhà máy dần ổn định công suất và cải thiện hiệu quả vận hành.

Đối với Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera, đây là công ty con có hiệu quả hoạt động ổn định và đóng góp tích cực vào kết quả hợp nhất của toàn hệ thống. Năm 2024, Hera đạt doanh thu thuần 1.036,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 56,5 tỷ đồng, tương ứng ROE khoảng 13,8%. Năm 2025, lợi nhuận sau thuế tiếp tục tăng lên 70,0 tỷ đồng với ROE đạt khoảng 15,4%, phản ánh khả năng khai thác vốn hiệu quả và duy trì biên lợi nhuận ổn định. Mặc dù Quý I/2026 ghi nhận khoản lỗ ngắn hạn 6,6 tỷ đồng, Hera vẫn duy trì quy mô vốn chủ sở hữu lớn ở mức 425,5 tỷ đồng, cho thấy nền tảng tài chính tương đối vững mạnh. Đây được xem là khoản đầu tư mang lại hiệu quả cao và ổn định cho CTCP Công nghiệp Á Mỹ.

Trong khi đó, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT có quy mô doanh thu lớn, đạt khoảng 1.800 tỷ đồng trong cả năm 2024 và 2025.Tuy nhiên, do đặc thù là đơn vị thương mại trong hệ sinh thái, biên lợi nhuận thường ở mức thấp hơn so với các đơn vị sản xuất và kết quả kinh doanh có thể biến động theo cơ cấu hàng hóa, thời điểm ghi nhận chi phí và chính sách kinh doanh từng kỳ.. Năm 2024, công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế 9,9 tỷ đồng, tương ứng ROE khoảng 40% do quy mô vốn chủ sở hữu còn thấp. Tuy nhiên, sang năm 2025, công ty phát sinh lỗ sau thuế 3,8 tỷ đồng, Quý I/2026 tiếp tục ghi nhận lỗ nhẹ.

Nhìn chung, hoạt động đầu tư của Á Mỹ vào các công ty con đang cho thấy xu hướng tích cực, đặc biệt tại các đơn vị sản xuất cốt lõi như Hera và Á Mỹ Hoa Sơn khi khả năng sinh lời và quy mô vốn chủ sở hữu đều được cải thiện.

**Hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính của Tổ chức phát hành**

Trong giai đoạn 2024–2025, hoạt động kinh doanh hợp nhất của CTCP Công nghiệp Á Mỹ duy trì xu hướng tăng trưởng về quy mô nhưng lợi nhuận có sự điều chỉnh do thay đổi cơ cấu sản phẩm và chi phí hoạt động. Tổng giá trị tài sản tăng 8,1%, từ 5.318 tỷ đồng lên 5.750 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần tăng 15,9%, đạt 6.998 tỷ đồng, cho thấy Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Cơ cấu doanh thu chuyển dịch tích cực sang nhóm sản phẩm vinyl, với doanh thu tăng 30,8% và chiếm 63,0% tổng doanh thu thuần năm 2025, trở thành động lực tăng trưởng chính của Công ty. Ngược lại, doanh thu sản phẩm gạch và ngói giảm nhẹ 1,8%, còn mảng kinh doanh bột nhựa PVC giảm 40,1%. Mặc dù doanh thu tăng, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 10,5% xuống 1.343 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 7,8%, còn 750,7 tỷ đồng, chủ yếu do lợi nhuận gộp của các nhóm sản phẩm chủ lực suy giảm và biên lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi chi phí đầu vào cũng như giai đoạn đầu phát triển các dòng sản phẩm mới. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty chịu tác động nhất định từ các chính sách thuế quan và phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ do đây là thị trường xuất khẩu trọng điểm. Tuy nhiên Công ty có khả năng thích ứng nhờ lợi thế sản xuất tại Việt Nam, năng lực ODM và thị trường xuất khẩu đa dạng.

Trong Quý I/2026, Công ty ghi nhận doanh thu thuần 1.786 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 193,6 tỷ đồng. Doanh thu từ sản phẩm vinyl tiếp tục chiếm tỷ trọng cao 68,9%, cho thấy chiến lược tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao đang phát huy hiệu quả và tạo nền tảng cho tăng trưởng trong các kỳ tiếp theo.

### *10.5. Các hợp đồng lớn*

Công ty không có hợp đồng ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

Danh sách một số hợp đồng lớn Công ty đã ký kết và đang thực hiện trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

**Bảng 31: Các hợp đồng lớn sản xuất gạch ốp lát, ngói của Công ty (Hợp nhất)**

| STT | Tên hợp đồng | Đối tác tham gia | Đơn vị ký hợp đồng | Giá trị (triệu đồng) | Thời điểm ký kết | Thời gian thực hiện | Sản phẩm dịch vụ đầu ra | Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông Công ty | Các điều khoản quan trọng khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01/2026/20880101/HĐMB-PS/ACT | Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Minh Phú | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 120.000 | 22/12/2025 | Năm 2026 | Gạch ốp lát, ngói | Không có | Không có |
| 2 | 01/2025/20880101/HĐMB-PS/ACT | Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Minh Phú | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 110.000 | 01/01/2025 | Năm 2025 | Gạch ốp lát, ngói | Không có | Không có |
| 3 | 01/2025/20900418/HĐMB-CG/ACT | Công ty Cổ phần gạch ốp lát Hòa Bình Minh | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 235.724 | 01/01/2025 | 01/01/2025-31/12/2027 | Gạch ốp lát, ngói | Không có | Không có |
| 4 | 01/2024/20880101/HĐMB-PS/ACT | Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Minh Phú | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 50.000 | 28/12/2023 | Năm 2024 | Gạch ốp lát, ngói | Không có | Không có |
| 5 | 001-24/HĐNT/ACT-HSG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 371.201 | 25/03/2024 | 25/03/2024-30/04/2028 | Gạch ốp lát, ngói | Không có | Không có |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

**Bảng 32: Các hợp đồng lớn sản xuất SPC của Công ty (Hợp nhất)**

| STT | Tên hợp đồng | Đối tác tham gia | Đơn vị ký hợp đồng | Giá trị (triệu đồng) | Thời điểm ký kết | Thời gian thực hiện | Sản phẩm dịch vụ đầu ra | Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông Công ty | Các điều khoản quan trọng khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Second Amendment to Supply Agreement với Novalis Enterprises Limited | Novalis Enterprise Ltd | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 176.421 | 01/12/2022 | 2022 - 2026 | SPC | Không có | Không có |
| 2 | Principal Agreement với Prime Source LLC | Prime Source LLC | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 176.754 | 28/12/2023 | 2023-2026 | SPC | Không có | Không có |
| 3 | Supply Agreement với Novalis International Limited | Novalis International Ltd | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 6.148.538 | 30/10/2020 | 2020-2026 | SPC | Không có | Không có |
| 4 | Buyer/Seller Agreement on Manufacturing of LVT Products với MS International, Inc | M S International Inc | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | 941.615 | 30/11/2020 | 2020-2026 | SPC | Không có | Không có |
| 5 | Principal Agreement với United Weavers | United Weavers | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 2.769.405 | 28/12/2023 | 2023-2026 | SPC | Không có | Không có |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Vendor Buyer Agreement với Sodimac S.A | Sodimac S.A | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 327.184 | 20/01/2023 | 2023-2026 | SPC | Không có | Không có |
| 7 | Phụ lục/danh sách công ty thuộc hệ thống Sodimac liên quan đến Vendor Buyer Agreement | Sodimac Colombia S.A | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | 214.907 | 18/12/2023 | 2023-2026 | SPC | Không có | Không có |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT là đơn vị chuyên thực hiện hoạt động thương mại và xuất khẩu các sản phẩm do các công ty sản xuất trong Tập đoàn sản xuất. Năm 2025, sản lượng hàng hóa đối với các hợp đồng lớn do ACT đứng tên ký kết nêu trên chiếm trên 90% tổng sản lượng tiêu thụ của Á Mỹ, Hera và Hoa Sơn. Với vai trò là đầu mối thương mại tập trung, ACT đại diện Tập đoàn ký kết và thực hiện phần lớn các hợp đồng có quy mô lớn với khách hàng, góp phần thống nhất quản lý hoạt động bán hàng, khách hàng và công nợ.

Các hợp đồng trên không có điều khoản quan trọng nào khác so với các hợp đồng kinh tế thông thường.

**Bảng 33. Các hợp đồng lớn với nhà cung cấp của Công ty (Hợp nhất)**

| STT | Tên hợp đồng | Đối tác tham gia | Đơn vị ký hợp đồng | Giá trị (triệu đồng) | Thời điểm ký kết | Thời gian thực hiện | Sản phẩm dịch vụ đầu vào | Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông Công ty | Các điều khoản quan trọng khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01/2026/HDMB/AMY-HV | Công ty TNHH Khoáng Sản và Vận Tải Hùng Vương | Công ty cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | 10.471 | 02/01/2026 | Năm 2026 | Feldspar | Không có | Không có |
| 2 | 01/2026/HĐNT/AMY-TT | Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch Vụ và | Công ty cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | 37.801 | 02/01/2026 | Năm 2026 | Than | Không có | Không có |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Thương Mại Thuận Thành | | | | | | | |
| 3 | NSPC_TH_25_02_047 | Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Điện Lực Miền Bắc | Công ty cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | 211.797 | 12/02/2025 | 12/02/2025-11/02/2030 | Dịch vụ điện | Không có | Không có |
| 4 | C1VN25706 | SACMI IMOLA S.C., | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | 96.604 | 28/03/2025 | 28/03/2025-28/04/2025 | Máy móc | Không có | Không có |
| 5 | 01/2024/HĐNT/AMY-TT | Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch Vụ và Thương Mại Thuận Thành | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | 344.658 | 02/01/2024 | 02/01/2024-01/01/2026 | Than | Không có | Không có |
| 6 | 1006/HDDNT/ANTRANG-AMY-2024 | Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại và Vận Tải An Trang | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | 23.959 | 01/07/2024 | 01/07/2024-01/07/2025 | Dịch vụ vận tải | Không có | Không có |
| 7 | NSPC_TH_20_02_047 | Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Điện Lực Miền Bắc | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | 184.177 | 12/02/2020 | 12/02/2020-12/02/2025 | Dịch vụ điện | Không có | Không có |
| 8 | HĐNT-AMY20240501-RY | CÔNG TY TNHH RUNYANG TECHNOLOGY VIỆT NAM | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | 205.403 | 01/05/2024 | 01/05/2024-01/05/2025 | Tấm đế | Không có | Không có |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

### *10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn*

#### *10.6.1. Nhà cung cấp lớn*

Danh sách một số nhà cung cấp lớn của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

**Bảng 34: Các nhà cung cấp lớn của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Nhà cung cấp lớn | Năm 2024 | | Năm 2025 | | Quý 1/2026 | | Sản phẩm/ dịch vụ | Mối quan hệ với người nội bộ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị giao dịch | Tỷ lệ trên tổng doanh số mua của sản phẩm/dịch vụ | Giá trị giao dịch | Tỷ lệ trên tổng doanh số mua của sản phẩm/dịch vụ | Giá trị giao dịch | Tỷ lệ trên tổng doanh số mua của sản phẩm/dịch vụ | | |
| **Sản xuất gạch ốp lát** | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch Vụ và Thương mại Thuận Thành (*) | 166.466 | 63% | 178.191 | 69% | 37.801 | 33% | Than | Không có |
| 2 | Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Điện Lực Miền Bắc | 83.577 | 59% | 87.133 | 60% | 22.479 | 70% | Dịch vụ điện | Không có |
| 3 | Công ty TNHH Kinh Doanh Vận Tải ST | 6.455 | 27% | 37.383 | 53% | - | - | Đất sét | Không có |
| 4 | Công ty TNHH Khoáng sản Linh Phương | - | - | 24.884 | 24% | - | - | Feldspar | Không có |
| 4 | SACMI IMOLA S.C., | - | - | 104.024 | 42% | - | - | Máy móc | Không có |
| **Sản xuất SPC** | | | | | | | | | |
| 1 | NOVALIS INTERNATIONAL LIMITTED | 189.630 | 57% | 313.682 | 72% | 127.691 | 81% | Film | Không có |
| 2 | CÔNG TY TNHH RUNYANG | 185.994 | 96% | 167.380 | 67% | 16.480 | 26% | Tấm đế | Không có |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | TECHNOLOGY VIỆT NAM | | | | | | | | |
| 3 | IVICT (SINGAPORE) PTE., LTD | 178.973 | 26% | 583.948 | 70% | 127.035 | 54% | Bột nhựa | Không có |
| 4 | NOVALIS INTERNATIONAL LIMITTED | 189.630 | 66% | 286.082 | 80% | 91.343 | 74% | Wearlayer | Không có |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

(*) Giá trị giao dịch với Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch Vụ và Thương mại Thuận Thành theo bảng trên chỉ bao gồm giá trị giao dịch để sản xuất gạch ốp lát, chưa bao gồm giá trị giao dịch thương mại

### *10.6.2. Khách hàng lớn:*

Danh sách một số khách hàng lớn của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

**Bảng 35: Các khách hàng lớn của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Khách hàng lớn | Giá trị giao dịch | | | | | | Sản phẩm/ dịch vụ | Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông Công ty |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 2024 | Tỷ lệ trên tổng doanh thu của sản phẩm/ dịch vụ | 2025 | Tỷ lệ trên tổng doanh thu của sản phẩm/ dịch vụ | Quý 1/2026 | Tỷ lệ trên tổng doanh thu của sản phẩm/ dịch vụ | | |
| **Sản xuất gạch ốp lát** | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần gạch ốp lát Hòa Bình Minh | 164.034 | 3,1% | 200.820 | 3,8% | 36.938 | 7% | Gạch và ngói | Không có |
| 2 | Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Minh Phú | 148.671 | 2,8% | 145.294 | 2,7% | 34.914 | 6% | Gạch và ngói | Không có |
| 3 | Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoa Sen | 142.276 | 2,7% | 203.024 | 3,8% | 30.246 | 5% | Gạch và ngói | Không có |
| **Sản xuất SPC** | | | | | | | | | |
| 1 | NOVALIS INTERNATIONAL LIMITTED | 1.728.841 | 25% | 2.958.641 | 33% | 946.986 | 77% | SPC | Không có |
| 2 | UNITED WEAVERS OF AMERICA | 806.005 | 12% | 643.231 | 7% | 137.730 | 11% | SPC | Không có |
| 3 | M S INTERNATIONAL INC | 438.291 | 6% | 315.839 | 4% | 21.781 | 2% | SPC | Không có |
| 4 | Sodimac S.A | 103.132 | 1% | 209.538 | 2% | 39.657 | 2% | SPC | Không có |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

### *10.7. Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành*

#### *10.7.1. Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành*

Công ty Cổ Phần Công nghiệp Á Mỹ được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2015. Sau hơn 10 năm hoạt động, quy mô tổng tài sản của Công ty đã đạt 5.735 tỷ đồng tại 31/12/2025, so với các công ty niêm yết/đăng ký giao dịch khác cùng ngành tại ngày 31/12/2025 như:

**Bảng 36: So sánh Kết quả kinh doanh năm 2025 các công ty tương tự trong ngành đã niêm yết/giao dịch trên sàn(*)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | CTCP Vicostone | CTCP Gỗ An Cường | Tổng Công ty Viglacera |
|---|---|---|---|---|
| Tổng tài sản | 5.750.383 | 5.750.397 | 6.971.996 | 26.436.634 |
| Vốn chủ sở hữu | 1.772.432 | 5.132.695 | 4.335.179 | 8.638.854 |
| Vốn điều lệ | 1.070.050 | 1.600.000 | 1.507.879 | 4.483.500 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 6.997.594 | 4.128.893 | 4.608.703 | 13.314.758 |
| Doanh thu tài chính | 137.539 | 141.641 | 185.567 | 142.780 |
| Lợi nhuận / (Lỗ) khác | (4.645) | (15.440) | 8.063 | 88.667 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 952.617 | 832.348 | 648.929 | 2.201.839 |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ | 716.410 | 694.463 | 503.989 | 1.403.242 |
| Lợi nhuận sau thuế (4 quý gần nhất) / vốn chủ sở hữu bình quân (%) | 38,3% | 13,56% | 11,84% | 16,59% |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 của CTCP Vicostone, CTCP Gỗ An Cường, Tổng Công ty Viglacera được kiểm toán*

*(*): Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp cùng ngành vật liệu xây dựng và ốp lát tại thời điểm kết thúc năm 2025.*

Ngành vật liệu xây dựng và gạch ốp lát tại Việt Nam có mức độ cạnh tranh cao do sự tham gia của nhiều doanh nghiệp lớn trong nước và doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp dẫn đầu như Tổng Công ty Viglacera, CTCP Vicostone, CTCP Gỗ An Cường, Prime Group hay Đồng Tâm đều sở hữu hệ thống nhà máy quy mô lớn, mạng lưới phân phối rộng và thương hiệu lâu năm trên thị trường. Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh còn đến từ các doanh nghiệp Trung Quốc với lợi thế về giá thành và công nghệ sản xuất. Tuy nhiên, nhu cầu vật liệu xanh, vật liệu vinyl và sản

phẩm cao cấp đang gia tăng tạo cơ hội cho các doanh nghiệp có năng lực sản xuất lớn, biên lợi nhuận tốt và khả năng xuất khẩu mạnh như Á Mỹ mở rộng thị phần trong thời gian tới.

Theo dữ liệu tổng hợp bởi Vietcap, Á Mỹ là một trong những doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh và hiệu quả hoạt động nổi bật trong ngành vật liệu xây dựng, đặc biệt ở nhóm sản phẩm vật liệu ốp lát và sàn vinyl. Doanh thu thuần của Công ty tăng trưởng hai chữ số trong 5 năm qua với CAGR đạt 38,3% trong giai đoạn 2021–2025. Sự tăng trưởng được thúc đẩy nhờ vị thế dẫn đầu trong quá trình chuyển dịch sản xuất sàn vinyl từ Trung Quốc sang Việt Nam. Dòng sản phẩm sàn vinyl đạt tăng trưởng CAGR 72,4% (2021– 2025), vượt trội đáng kể so với CAGR khoảng 19% của ngành gạch ốp lát.

Theo dữ liệu tổng hợp từ Vietcap, doanh nghiệp hiện nằm trong nhóm các nhà sản xuất gạch lớn nhất trong nước, với quy mô công suất chiếm khoảng 3% tổng công suất gạch men toàn ngành. Trong bối cảnh Việt Nam hiện thuộc nhóm 5 quốc gia sản xuất gạch ốp lát lớn nhất thế giới với tổng công suất khoảng 800 triệu m²/năm (Hiệp hội Gốm sứ Xây dựng Việt Nam (VIBCA)x), vị thế này cho thấy Á Mỹ đã nhanh chóng mở rộng quy mô và tạo dựng chỗ đứng đáng kể trên thị trường nội địa.

Xét trong nhóm doanh nghiệp niêm yết ngành vật liệu xây dựng, Á Mỹ hiện đứng thứ hai về doanh thu gạch men năm 2024, chỉ sau Viglacera, đồng thời thuộc nhóm doanh nghiệp có biên lợi nhuận gộp cao nhất ngành với mức khoảng 22%. Đây là mức sinh lời vượt trội so với nhiều doanh nghiệp sản xuất gạch truyền thống, phản ánh khả năng tối ưu chi phí sản xuất, tập trung vào phân khúc trung – cao cấp và nâng cao giá trị sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty đạt khoảng 41,3%, cao hơn đáng kể so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành như Vicostone, Gỗ An Cường và Viglacera.

Không chỉ nổi bật ở mảng gạch ốp lát, Á Mỹ còn sở hữu lợi thế cạnh tranh rõ rệt trong lĩnh vực sàn vinyl SPC. Theo thống kê thị trường năm 2024, Công ty nằm trong nhóm 5 doanh nghiệp nhập khẩu PVC lớn nhất Việt Nam. Quy mô nhập khẩu lớn giúp Công ty chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào, tăng lợi thế đàm phán với nhà cung cấp và duy trì giá vốn cạnh tranh hơn so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành. Đây là yếu tố quan trọng trong bối cảnh nguyên liệu PVC chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất SPC.

Ở thị trường xuất khẩu, Á Mỹ cũng đang từng bước khẳng định vị thế trong nhóm doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng hàng đầu Việt Nam. Theo dữ liệu từ Vietnam Customs và tổng hợp của Vietcap, Công ty nằm trong nhóm các doanh nghiệp xuất khẩu gạch ceramic sang Mỹ lớn nhất theo giá trị trong năm 2025, đồng thời thuộc nhóm doanh nghiệp xuất khẩu SPC đáng chú ý sang thị trường này. Việc sở hữu đồng thời năng lực cạnh tranh ở cả mảng gạch truyền thống và vật liệu vinyl giúp cơ cấu sản phẩm của Á Mỹ đa dạng hơn so với nhiều doanh nghiệp trong ngành vốn chỉ tập trung vào một dòng sản phẩm đơn lẻ.

Ngoài ra, Công ty còn có lợi thế cạnh tranh đáng kể so với một số doanh nghiệp có nguồn gốc Trung Quốc hoạt động tại Việt Nam khi không chịu tác động từ các mức thuế chống bán phá giá đối với một số nguyên liệu đầu vào như CaCO3 tại thị trường Mỹ. Điều này hỗ trợ Á Mỹ duy trì khả năng cạnh tranh về giá bán và biên lợi nhuận trong hoạt động xuất khẩu.

Với hệ thống gồm 2 nhà máy gạch có tổng công suất khoảng 30 triệu m²/năm và 2 nhà máy SPC công suất khoảng 45 triệu m²/năm tại Phú Thọ, cùng tốc độ tăng trưởng lợi nhuận kép giai đoạn

2021–2025 đạt khoảng 68,3%, Á Mỹ đang cho thấy tiềm năng trở thành một trong những doanh nghiệp vật liệu xây dựng và vật liệu ốp lát hàng đầu Việt Nam trong trung và dài hạn.

### *10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành*

**Ngành gạch ốp lát**

Trong khoảng một thập kỷ trở lại đây, Việt Nam đã từng bước nâng cao mức độ tự chủ trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, với quy mô năng lực sản xuất lớn và chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Cách thức tổ chức sản xuất – kinh doanh, quản lý môi trường và trình độ công nghệ của ngành hiện được đánh giá thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực ASEAN. Đặc biệt, Việt Nam là một trong những quốc gia sản xuất gạch ốp lát lớn trên thế giới, với tổng công suất thiết kế toàn ngành đạt hàng trăm triệu m² mỗi năm và khoảng 80 nhà máy đang hoạt động ở nhiều quy mô khác nhau. Trong đó, các doanh nghiệp chủ lực chiếm gần 80% thị phần nội địa. Theo báo cáo "Phân tích quy mô thị phần gạch ốp lát Việt Nam – Dự báo xu hướng tăng trưởng 2024–2029" của Mordor Intelligence, Việt Nam hiện đứng thứ 5 thế giới về sản xuất gạch ốp lát và thuộc nhóm dẫn đầu tại châu Á.

Sự phát triển của ngành vật liệu xây dựng nói chung, cũng như phân khúc gạch ốp lát nói riêng, có mối liên hệ chặt chẽ với thị trường xây dựng – bất động sản. Đối với các sản phẩm gạch ốp lát và vinyl của Công ty, nhu cầu tiêu thụ phụ thuộc chủ yếu vào thị trường bất động sản dân cư và bất động sản công nghiệp như nhà máy, nhà xưởng và kho bãi. Trong giai đoạn 2011–2023, ngành xây dựng Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng cao, xấp xỉ 11%, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Đông Nam Á, nhờ sự phục hồi của hoạt động xây dựng, đẩy mạnh đầu tư công, cùng nhu cầu gia tăng từ phân khúc nhà ở và các công trình thương mại – dịch vụ trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa.

Bên cạnh đó, việc mở rộng các dự án hạ tầng trọng điểm, phát triển các khu đô thị mới và triển khai chương trình nhà ở xã hội đang tiếp tục thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ gạch ốp lát. Trong bối cảnh này, các chủ đầu tư ngày càng ưu tiên lựa chọn vật liệu có chất lượng cao, độ bền tốt và mẫu mã đa dạng. Xu hướng chuyển dịch từ gạch ceramic truyền thống sang các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn như gạch porcelain, granite và gạch khổ lớn đang góp phần tái cơ cấu danh mục sản phẩm tiêu thụ trên thị trường nội địa.

Theo Statista, thị trường vật liệu xây dựng và phần cứng tại Việt Nam được dự báo đạt tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 2,57%/năm trong giai đoạn 2024–2028, nhờ nhu cầu ổn định từ lĩnh vực xây dựng nhà ở, thương mại và công nghiệp. Đến năm 2030, sản lượng một số nhóm vật liệu chủ yếu được ước tính gồm: gạch ốp lát đạt khoảng 670–690 triệu m², trong đó xuất khẩu chiếm 130–140 triệu m²; gạch xây đất sét nung đạt 22–25 tỷ viên quy tiêu chuẩn; và vật liệu xây dựng không nung đạt 16–20 tỷ viên quy tiêu chuẩn.

Song song với tăng trưởng về nhu cầu, việc ứng dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến như tự động hóa, in kỹ thuật số và quy trình sản xuất thân thiện với môi trường đang giúp các doanh nghiệp trong ngành nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu chi phí và đa dạng hóa sản phẩm. Đồng thời, các hiệp định thương mại tự do cùng mức độ hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng mở ra cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu gạch ốp lát sang khu vực ASEAN và châu Âu. Với nền tảng sản xuất hiện đại, nguồn nguyên liệu trong nước tương đối dồi dào và năng lực thiết kế

ngày càng được cải thiện, ngành gạch ốp lát được đánh giá là một trong những phân khúc vật liệu xây dựng có triển vọng tăng trưởng ổn định trong trung và dài hạn, cả ở thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

**Ngành sản xuất vinyl**

Trong những năm gần đây, thị trường sàn vinyl Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ, phản ánh xu hướng thay thế các vật liệu truyền thống bằng các giải pháp linh hoạt, bền, chống ẩm cao và dễ thi công. Sàn vinyl là loại vật liệu composite được cấu thành từ bột đá vôi, PVC và chất ổn định, mang lại độ bền vượt trội, khả năng chống nước và ổn định kích thước trong điều kiện khí hậu nóng ẩm - yếu tố phù hợp với nhu cầu trong nước và xuất khẩu hiện nay. Theo dữ liệu thị trường, giá trị thị trường SPC tại Việt Nam đạt khoảng 312,4 triệu USD vào năm 2024 và dự kiến tăng lên khoảng 562,3 triệu USD vào năm 2030, với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) trên 10% trong giai đoạn 2024–2030 nhờ nhu cầu gia tăng từ các công trình dân dụng, thương mại và công nghiệp.
Đà tăng trưởng này chủ yếu được thúc đẩy bởi các yếu tố:

- Nhu cầu cao đối với vật liệu lát sàn có độ bền, chống nước tốt trong điều kiện khí hậu nóng ẩm và nhu cầu cải tạo, xây mới công trình dân dụng và thương mại.
- Sự thay đổi trong thói quen lựa chọn vật liệu của người tiêu dùng và nhà thầu, dịch chuyển từ vật liệu truyền thống sang các sản phẩm SPC có tuổi thọ cao, bảo dưỡng thấp và thiết kế đa dạng.
- Ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, bao gồm tự động hóa và in kỹ thuật số hoa văn giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất, đồng thời mở rộng phân khúc sản phẩm cao cấp.

Ngoài ra, đà tăng trưởng của ngành còn được hỗ trợ bởi khả năng mở rộng xuất khẩu sang thị trường quốc tế nhờ lợi thế cạnh tranh về chi phí, vị trí logistics thuận lợi và các hiệp định thương mại tự do. Các nhà sản xuất SPC tại Việt Nam đang từng bước củng cố vai trò cung cấp cho các thị trường như Bắc Mỹ, châu Âu và ASEAN, góp phần gia tăng giá trị xuất khẩu tổng thể của ngành vật liệu xây dựng.

### *10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới*

**a. Định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới**

Trong chiến lược phát triển ngành vật liệu xây dựng đến năm 2030, Nhà nước định hướng phát triển theo hướng hiện đại hóa công nghệ, nâng cao giá trị gia tăng, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện môi trường, đồng thời từng bước giảm các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, tiêu hao năng lượng lớn và phát thải cao. Đối với ngành gạch ốp lát, chính sách tập trung vào việc đổi mới dây chuyền sản xuất, ứng dụng công nghệ nung tiết kiệm năng lượng, sử dụng nguyên liệu thay thế và tăng tỷ lệ tự động hóa, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường trong nước cũng như quốc tế. Song song với đó, Nhà nước khuyến khích phát triển các dòng vật liệu mới và vật liệu hoàn thiện thế hệ mới, trong đó có gạch ốp lát thế hệ mới và tấm ốp lát SPC, nhằm đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, giảm phụ thuộc vào vật liệu truyền thống và phù hợp với xu hướng xây dựng hiện đại.

Chính phủ và Bộ Xây dựng đã triển khai nhiều chính sách, chương trình liên quan để hỗ trợ ngành sản xuất gạch ốp lát và vật liệu xây dựng, mà tập trung vào môi trường sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật và chuyển dịch sang vật liệu sản xuất hiện đại, bền vững. Dưới đây là các chính sách và định hướng chính liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát và tấm ốp lát SPC:

- **Chương trình phát triển vật liệu xây dựng thay thế gạch nung**

  Nhà nước phê duyệt chương trình thúc đẩy sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung đến năm 2030, nhằm thay thế gạch nung truyền thống bằng các sản phẩm nhẹ, tiết kiệm năng lượng và ít ô nhiễm môi trường.

  Mục tiêu thay thế khoảng 35–40% sản lượng gạch nung vào năm 2025 và 40–45% vào năm 2030; đồng thời chú trọng ứng dụng công nghệ hiện đại, sản xuất vật liệu kích cỡ lớn và sản phẩm nhẹ phù hợp thị trường. Điều này gián tiếp tạo điều kiện để doanh nghiệp gạch ốp lát chuyển đổi sản xuất sang các dòng sản phẩm mới, tăng giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

- **Quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm nâng cao**

  Ban hành Thông tư số 10/2024/TT-BXD quy định việc phân nhóm và kiểm soát chất lượng vật liệu xây dựng, siết chặt tiêu chuẩn cho các nhóm vật liệu xây dựng, trong đó có gạch ốp lát. Mục tiêu của Thông tư là đảm bảo các sản phẩm lưu hành trên thị trường phải tương thích tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn xây dựng, giúp nâng cao uy tín thương hiệu nội địa và khuyến khích sản phẩm chất lượng cao.

  Ngoài ra Bộ Xây dựng còn ban hành **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng QCVN 16:2023/BXD**, quy định các nhóm vật liệu xây dựng bắt buộc phải đạt chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy trước khi lưu thông trên thị trường

- **Hỗ trợ tín dụng, chính sách kích thích thị trường xây dựng**

  Bộ Xây dựng đã đề xuất các biện pháp hỗ trợ ngành vật liệu xây dựng bao gồm giảm lãi suất cho doanh nghiệp, các chương trình tín dụng quy mô lớn (gói 120 nghìn tỷ đồng hỗ trợ nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo chung cư cũ…), giúp phục hồi nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng nói chung, trong đó có gạch ốp lát và tấm ốp lát SPC. Các đề xuất này đang được phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính triển khai nhằm giảm chi phí vốn cho doanh nghiệp.

- **Hỗ trợ mở rộng thị trường – phòng vệ thương mại**

  Bộ Xây dựng phối hợp với các bộ, ngành xem xét các biện pháp phòng vệ thương mại đối với nhập khẩu vật liệu xây dựng, bảo vệ doanh nghiệp nội địa khỏi tình trạng cạnh tranh không lành mạnh nếu cần. Đồng thời thúc đẩy môi trường cạnh tranh công bằng và hỗ trợ doanh nghiệp nội địa nâng cao khả năng xuất khẩu.

- **Khuyến khích phát triển vật liệu xây dựng xanh và thân thiện môi trường**

  Việt Nam đã ban hành Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, trong đó nhấn mạnh việc áp dụng công nghệ hiện đại, giảm tiêu hao năng lượng, thúc đẩy tái sử dụng và tái chế chất thải trong sản xuất vật liệu. Cùng với đó, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu và Cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào

năm 2050 tại Hội nghị COP26 đã tạo sức ép cũng như động lực mạnh mẽ để các doanh nghiệp vật liệu chuyển đổi mô hình sản xuất. Chính sách này mở rộng cơ hội cho các doanh nghiệp vật liệu ốp lát phát triển sản phẩm thân thiện môi trường, phù hợp với tiêu chuẩn xanh như LEED, Lotus.

Trên bình diện quốc tế, xu thế của ngành vật liệu ốp lát đang dịch chuyển theo hướng sản phẩm có tính thẩm mỹ cao, đa dạng thiết kế, dễ thi công và phù hợp với các mô hình xây dựng công nghiệp hóa, bao gồm cả nhà lắp ghép và cải tạo công trình hiện hữu. Trong khi gạch ốp lát truyền thống tiếp tục được nâng cấp về mẫu mã, kích thước và tính năng kỹ thuật, thì các vật liệu composite như SPC ngày càng được ưa chuộng nhờ ưu điểm về chống nước, ổn định kích thước và thi công nhanh. Đồng thời, chuỗi cung ứng toàn cầu đang có xu hướng dịch chuyển sang các quốc gia có năng lực sản xuất tốt và chi phí cạnh tranh, tạo cơ hội cho Việt Nam mở rộng vai trò trong chuỗi giá trị vật liệu hoàn thiện khu vực và thế giới.

Nhờ lợi thế về năng lực sản xuất, nguồn nguyên liệu trong nước, hệ thống logistics và việc tham gia sâu vào các hiệp định thương mại tự do, ngành gạch ốp lát và vật liệu ốp lát thế hệ mới tại Việt Nam được đánh giá có điều kiện thuận lợi để vừa củng cố thị trường nội địa, vừa mở rộng xuất khẩu, đặc biệt tại các thị trường ASEAN, châu Âu và Bắc Mỹ. Do đó, các dự án đầu tư mở rộng hoặc nâng cấp dây chuyền sản xuất gạch ốp lát và SPC không chỉ phù hợp với định hướng phát triển ngành của Nhà nước mà còn phù hợp với xu thế tiêu dùng và công nghệ toàn cầu, tạo nền tảng cho tăng trưởng ổn định và bền vững trong trung và dài hạn.

**b. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Định hướng phát triển của Công ty trong lĩnh vực sản xuất gạch ốp lát và sàn vinyl SPC/WPC được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành vật liệu xây dựng Việt Nam, các chủ trương của Nhà nước cũng như xu thế tiêu dùng vật liệu hoàn thiện trên thế giới. Hiện nay, ngành vật liệu xây dựng Việt Nam đang được định hướng phát triển theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, tăng tỷ lệ tự động hóa và ưu tiên các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường. Các chiến lược phát triển vật liệu xây dựng của Chính phủ cũng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ nội địa hóa và mở rộng xuất khẩu. Trong bối cảnh đó, việc Công ty đầu tư mở rộng công suất nhà máy gạch và sàn vinyl, ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, nâng cao chất lượng bề mặt và phát triển các dòng sản phẩm cao cấp phù hợp với định hướng phát triển của ngành và mục tiêu tăng trưởng xanh của Việt Nam.

Đối với mảng gạch ốp lát, xu hướng thị trường hiện nay đang chuyển dịch mạnh sang các dòng sản phẩm kích thước lớn, bề mặt cao cấp, độ bền cao và có tính thẩm mỹ cao nhằm đáp ứng nhu cầu của phân khúc trung và cao cấp. Việc Công ty tập trung phát triển các dòng gạch khổ lớn, sản phẩm có giá trị gia tăng cao và nâng cao chất lượng thiết kế bề mặt phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại tại cả thị trường trong nước và quốc tế. Đồng thời, nhu cầu thay thế vật liệu hoàn thiện truyền thống bằng các sản phẩm có độ bền cao, dễ vệ sinh, chi phí bảo trì thấp tiếp tục tạo dư địa tăng trưởng cho ngành gạch ốp lát trong dài hạn.

Đối với mảng sàn vinyl SPC/WPC/LVT, xu hướng tiêu dùng toàn cầu đang gia tăng đối với các dòng vật liệu nhẹ, chống nước, dễ thi công, có khả năng tái chế và thay thế gỗ tự nhiên trong các công trình nhà ở, thương mại và dịch vụ. Các dòng sàn SPC/WPC/LVT được đánh giá có nhiều

ưu điểm như độ bền cao, khả năng chống ẩm, chống mối mọt, tính ổn định tốt và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với xu hướng phát triển vật liệu xanh và tiết kiệm tài nguyên. Trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ sàn vinyl tiếp tục tăng tại các thị trường lớn như Mỹ và châu Âu, việc Công ty đầu tư quy mô lớn vào sản xuất SPC/WPCLVT được đánh giá là phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường quốc tế và tạo tiềm năng mở rộng xuất khẩu trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, việc Việt Nam tham gia sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP hay RCEP đang tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vật liệu xây dựng mở rộng thị trường xuất khẩu. Việc Công ty chủ động nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật, quản trị chất lượng và năng lực cung ứng theo chuẩn quốc tế phù hợp với định hướng hội nhập của ngành vật liệu xây dựng Việt Nam. Với lợi thế về hệ thống nhà máy quy mô lớn, năng lực nghiên cứu phát triển sản phẩm và vị thế ngày càng gia tăng trong ngành gạch ốp lát và sàn vinyl, định hướng phát triển của Công ty được đánh giá có tính phù hợp và bền vững, đồng thời có khả năng tận dụng tốt cơ hội tăng trưởng từ cả thị trường nội địa và xuất khẩu trong trung và dài hạn.

### *10.8. Hoạt động Marketing*

**Quảng cáo**

Hoạt động marketing của Á Mỹ được triển khai theo hướng kết hợp giữa marketing truyền thống và marketing hiện đại, tập trung vào việc gia tăng nhận diện thương hiệu, thúc đẩy bán hàng tại showroom và xây dựng hình ảnh doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng uy tín, có năng lực công nghệ và chất lượng sản phẩm ổn định. Công ty đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ bán hàng như trưng bày mẫu mã, catalogue, biển hiệu thương hiệu và tổ chức các chương trình khuyến mại theo mùa xây dựng, qua đó gia tăng mức độ hiện diện thương hiệu tại các cửa hàng vật liệu xây dựng và showroom.

Song song với đó, Á Mỹ từng bước tăng cường các hoạt động marketing số như xây dựng website, quảng bá trên các nền tảng mạng xã hội, triển khai nội dung giới thiệu sản phẩm, ứng dụng công nghệ 3D trong trình diễn không gian ốp lát, giúp khách hàng dễ dàng hình dung và lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu sử dụng. Các hoạt động truyền thông hướng đến nhóm khách hàng chuyên nghiệp như kiến trúc sư, nhà thầu và chủ đầu tư cũng được chú trọng thông qua hội chợ triển lãm ngành xây dựng, hội thảo kỹ thuật và chương trình giới thiệu sản phẩm mới, góp phần mở rộng kênh bán hàng dự án và nâng cao giá trị thương hiệu trong phân khúc trung và cao cấp.

Ngoài ra, Công ty chú trọng xây dựng hình ảnh thương hiệu gắn với yếu tố chất lượng, ổn định và phù hợp với điều kiện sử dụng tại Việt Nam, đồng thời từng bước định vị các dòng sản phẩm gạch ốp lát và vinyl cao cấp như các giải pháp vật liệu hiện đại, tiết kiệm chi phí thi công và thân thiện môi trường. Chiến lược marketing này phù hợp với xu hướng tiêu dùng vật liệu xây dựng hiện nay, khi khách hàng ngày càng quan tâm đến tổng chi phí vòng đời sản phẩm, tính bền vững và trải nghiệm sử dụng, không chỉ đơn thuần là giá bán ban đầu.

**Phân phối**

- **Thị trường xuất khẩu và hệ thống phân phối quốc tế**

Hoạt động xuất khẩu hiện là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của Á Mỹ, với chiến lược tập trung mở rộng độ phủ tại các thị trường phát triển và từng bước thâm nhập sâu vào hệ thống chuỗi bán lẻ vật liệu xây dựng (VLXD) quốc tế. Mô hình phân phối của Công ty

được định hướng theo hướng OEM/ODM kết hợp phát triển thương hiệu riêng, qua đó giúp nâng cao sản lượng tiêu thụ, cải thiện biên lợi nhuận và tăng mức độ nhận diện tại thị trường nước ngoài.

**Mở rộng thị trường: Hiện diện mạnh mẽ tại thị trường quốc tế và nội địa**

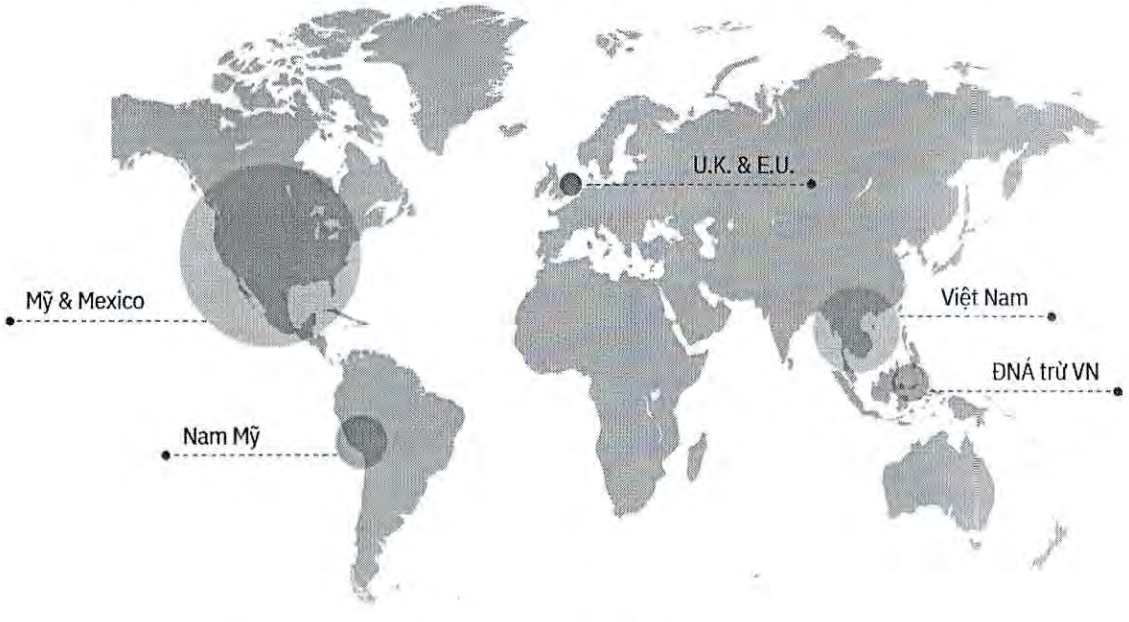


- **Chiến lược khai thác chuỗi bán lẻ quốc tế**

Nhìn lại chặng đường phát triển vừa qua, điều Á Mỹ đạt được không chỉ nằm ở quy mô sản xuất hay số lượng thị trường xuất khẩu, mà còn thể hiện qua kết quả mở rộng thị trường quốc tế một cách rõ nét. Năm 2021, tổng doanh thu xuất khẩu của Công ty đạt khoảng 76,8 triệu USD; đến năm 2025, con số này đã tăng lên khoảng 198 triệu USD, tương đương tăng khoảng 2,6 lần sau 4 năm, với tốc độ tăng trưởng kép bình quân khoảng 26,7%/năm.

Ngay từ những giai đoạn đầu phát triển, Á Mỹ không chỉ tập trung vào thị trường nội địa mà đã xác định thị trường mục tiêu là toàn cầu, hướng đến các khu vực có sức tiêu thụ lớn như Bắc Mỹ, Nam Mỹ, châu Âu, châu Á và Trung Đông, trong đó Hoa Kỳ là một trong những thị trường trọng điểm. Đến nay, sản phẩm của Công ty đã hiện diện tại hơn 30 quốc gia, phản ánh năng lực mở rộng thị trường, khả năng thích ứng với nhu cầu đa dạng của khách hàng quốc tế và hiệu quả của chiến lược phát triển xuất khẩu.

Sự tăng trưởng về doanh thu xuất khẩu trong giai đoạn 2021–2025 cho thấy Á Mỹ đã từng bước xây dựng được nền tảng sản xuất, công nghệ, hệ thống quản trị chất lượng và đội ngũ vận hành đủ năng lực để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chuỗi cung ứng. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực vật liệu hoàn thiện trên thị trường toàn cầu.

➢ **Hệ thống phân phối nội địa**

Bên cạnh hoạt động xuất khẩu, thị trường nội địa tiếp tục đóng vai trò nền tảng ổn định trong cơ cấu doanh thu của Á Mỹ. Năm 2025, doanh thu nội địa đạt khoảng 79,9 triệu USD, tăng trưởng 5,5% YoY, phản ánh nhu cầu tiêu thụ ổn định của thị trường xây dựng và hoàn thiện nội thất trong nước.

Á Mỹ hiện vận hành mô hình phân phối nội địa theo hướng kiểm soát tập trung, giúp đảm bảo tính đồng bộ về thương hiệu, chính sách giá và chất lượng dịch vụ trên toàn hệ thống.

Mô hình phân phối của AMY GRUPO được tổ chức theo nhiều cấp bao gồm: nhà phân phối độc quyền cấp tỉnh, đại lý ủy quyền, showroom thương hiệu, kênh dự án (B2B) và OEM/ODM.

- **Nhà phân phối độc quyền cấp tỉnh**

Công ty hiện có hơn 34 nhà phân phối độc quyền trên toàn quốc, mỗi đơn vị phụ trách một khu vực hoặc tỉnh thành riêng biệt. Mô hình phân phối độc quyền giúp Công ty:

- Hạn chế tình trạng cạnh tranh chéo và phá giá giữa các đại lý;
- Tăng khả năng kiểm soát thị trường và chính sách bán hàng;
- Tối ưu quản lý công nợ và hàng tồn kho theo từng khu vực;
- Duy trì sự ổn định của hệ thống phân phối dài hạn.

Các nhà phân phối cấp tỉnh đóng vai trò trung tâm trong việc cung cấp hàng hóa cho hệ thống đại lý và cửa hàng bán lẻ địa phương.

- **Đại lý ủy quyền và showroom thương hiệu**

Hệ thống đại lý ủy quyền do các nhà phân phối quản lý trực tiếp, tập trung vào hoạt động bán hàng cho người tiêu dùng cuối cùng. Một số đại lý lớn có thể nhập hàng trực tiếp từ Công ty theo cơ chế riêng.

Á Mỹ hiện sở hữu hơn 150 showroom thương hiệu trên toàn quốc, đóng vai trò là điểm giới thiệu bộ sưu tập mới, trải nghiệm sản phẩm và hỗ trợ hoạt động marketing thương hiệu. Việc đầu tư vào hệ thống showroom giúp Công ty nâng cao nhận diện thương hiệu, tăng trải nghiệm khách hàng và thúc đẩy doanh số tại các khu vực trọng điểm.

Đối với các đại lý không thuộc hệ thống ủy quyền, Công ty yêu cầu phải mua hàng thông qua nhà phân phối độc quyền cấp tỉnh nhằm tăng cường khả năng kiểm soát giá bán, chính sách thị trường và hạn chế xung đột kênh phân phối.

- **Kênh dự án (B2B)**

Ngoài hệ thống phân phối truyền thống, Á Mỹ còn phát triển mạnh kênh dự án B2B – một trong những phân khúc có giá trị đơn hàng lớn và khả năng tiêu thụ ổn định.

Hiện sản phẩm của Công ty đã hiện diện tại hơn 180 dự án trên toàn quốc, bao gồm nhiều công trình khách sạn, trung tâm thương mại, khu nghỉ dưỡng, căn hộ cao cấp và khu đô thị lớn. Một số dự án tiêu biểu có thể kể đến như: Crown Phú Quốc, Lumi Hanoi, Lotte Mall Westlake Hanoi, Pullman Hải Phòng, Aeon Mall Hải Phòng, Scenia Bay Nha Trang, The MarQ, Eco Green và Sora Gardens.

Bên cạnh đó, Á Mỹ cũng duy trì quan hệ hợp tác với nhiều nhà thầu xây dựng lớn như Coteccons, Unicons, Delta, Ricons, Newtecons và Ecoba; đồng thời là đối tác cung cấp vật liệu cho nhiều chủ đầu tư bất động sản lớn như MIK Group, Novaland, BRG, Mường Thanh, Hongkong Land, Đất Xanh Group và Xuân Mai Corp.

Việc hiện diện tại nhiều dự án quy mô lớn giúp Công ty nâng cao uy tín thương hiệu, gia tăng độ phủ thị trường và tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực đối với hệ thống bán lẻ và phân phối truyền thống.

### *10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế*

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ đã được cấp các giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu như sau:

**Bảng 37: Danh sách nhãn hiệu của Công ty**

| STT | Nhãn hiệu | Số giấy chứng nhận | Thời gian được cấp | Sản phẩm tương ứng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | AMYUSGRES | 314869 | 27/02/2019 | Nhóm 19: Gạch men; gạch ốp lát Nhóm 35: Dịch vụ mua bán: Gạch, gạch ốp lát, xi măng, đá hoa cương, gỗ xây dựng, kính xây dựng, tấm gỗ lát sàn, ván gỗ sàn. |
| 2 | POLOGRESAMY | 315186 | 03/06/2019 | Nhóm 19: Gạch men; gạch ốp lát Nhóm 35: Dịch vụ mua bán: Gạch, gạch ốp lát, xi măng, đá hoa cương, gỗ xây dựng, kính xây dựng, tấm gỗ lát sàn, ván gỗ sàn. |
| 3 | AMYQUTONE | 329562 | 09/10/2019 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 4 | AMYCLAYTAN | 329563 | 09/10/2019 | Nhóm 19: Gạch; ngói (không bằng kim loại); đất sét nung (vật liệu chịu lửa); gạch men dùng để ốp lát; gạch ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 5 | CASANOVA | 329564 | 09/10/2019 | Nhóm 19: Gạch; ngói (không bằng kim loại); đất sét nung (vật liệu chịu lửa); gạch men dùng để ốp lát; gạch ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 6 | BERNINI | 332847 | 10/11/2019 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 7 | LOZENRO | 332848 | 10/11/2019 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 8 | AMYGRES | 332849 | 10/11/2019 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 9 | ASTON WEBB | 336412 | 11/11/2019 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 10 | THOMAS CUBITT | 336413 | 11/11/2019 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 11 | FRANK LLOYD | 336414 | 11/11/2019 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 12 | AMYGRUPO | 339633 | 12/11/2019 | Nhóm 36: Kinh doanh nhà, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các bất động sản khác; dịch vụ môi giới bất động sản; tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật). |
| 13 | AMYGRUPO | 343170 | 21/01/2020 | Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng các loại; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ quản lý kinh doanh và giao dịch thương mại; dịch vụ hoạt động văn phòng. |
| 14 | AMYGRUPO | 343171 | 21/01/2020 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 15 | AMYGRUPO | 343172 | 21/01/2020 | Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn cho thuê chỗ ở tạm thời; dịch vụ nhà hàng cung cấp thực phẩm, đồ uống. |
| 16 | AXA | 345721 | 25/02/2020 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 17 | IRISA | 345722 | 25/02/2020 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 18 | SENORAS | 359336 | 08/11/2020 | Nhóm 11: Các sản phẩm và thiết bị sứ vệ sinh: xí bệt, chậu xí, chậu rửa, bồn tiểu, tiểu treo, bồn tắm. Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại (các sản phẩm gạch ốp lát) |
| 19 | CALIDO | 359337 | 08/11/2020 | Nhóm 11: Các sản phẩm và thiết bị sứ vệ sinh: xí bệt, chậu xí, chậu rửa, bồn tiểu, tiểu treo, bồn tắm. Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại (các sản phẩm gạch ốp lát) |
| 20 | NEWSUN | 359481 | 13/08/2020 | Nhóm 11: Các sản phẩm và thiết bị sứ vệ sinh: xí bệt, chậu xí, chậu rửa, bồn tiểu, tiểu treo, bồn tắm. Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại (các sản phẩm gạch ốp lát) |
| 21 | UNISPACE | 359482 | 13/08/2020 | Nhóm 11: Các sản phẩm và thiết bị sứ vệ sinh: xí bệt, chậu xí, chậu rửa, bồn tiểu, tiểu treo, bồn tắm. Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại (các sản phẩm gạch ốp lát) |
| 22 | ABATH | 369783 | 11/11/2020 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 23 | AMILUX | 369784 | 11/11/2020 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 24 | ASANI | 369785 | 11/11/2020 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 25 | VISPA | 402440 | 11/08/2021 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 26 | SAIGRES | 408468 | 01/07/2022 | Nhóm 19: Gạch ốp lát; gạch men. Nhóm 35: Dịch vụ mua bán gạch, gạch ốp lát, xi măng, đá hoa cương, gỗ xây dựng, kính xây dựng, tấm gỗ lát sàn, vật liệu xây dựng không bằng kim loại. |
| 27 | LORENZO | 414034 | 14/03/2022 | Nhóm 19: Gạch, ngói đất sét nung; gạch men dùng để ốp lát; gạch, ngói làm từ đá; vật liệu xây dựng phi kim loại. |
| 28 | LAMINATO PORCELAIN SLAB | 437481 | 09/12/2022 | Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại (các sản phẩm gạch ốp lát) |
| 29 | AMYGRES DURAWAL | 455171 | 20/06/2023 | Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại cụ thể là các sản phẩm gạch ốp lát; tấm ốp tường, không bằng kim loại; tấm gỗ lát; ván gỗ; vật liệu lát bằng gỗ. |
| 30 | AMYGRES QUEEN | 466739 | 16/11/2023 | Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại cụ thể là các sản phẩm gạch ốp lát; ngói; tấm ốp tường, không bằng kim loại; tấm gỗ lát; ván gỗ; vật liệu lát bằng gỗ. |
| 31 | SMART TEK | 469000 | 24/11/2023 | Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại cụ thể là các sản phẩm gạch ốp lát; tấm ốp tường, không bằng kim loại; tấm gỗ lát; ván gỗ; vật liệu lát bằng gỗ. |
| 32 | INNOFLOR | 507891 | 10/01/2024 | Nhóm 19 |
| 33 | PROCORE | 507893 | 10/01/2024 | Nhóm 19 |
| 34 | VSTONE | 511356 | 31/10/2024 | Nhóm 19 |
| 35 | VINFLOR | 507892 | 10/01/2024 | Nhóm 19 |
| 36 | EVERTILES | 530571 | 25/02/2025 | Nhóm 19 |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

### *10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển*

Trong những năm gần đây, Công ty định hướng hoạt động nghiên cứu – phát triển (R&D) gắn với yêu cầu thực tiễn vật liệu xanh, an toàn với môi trường, thân thiện cho người sử dụng và tiết kiệm năng lượng. Công ty đánh giá chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Việc định hướng R&D gắn với xu thế vật liệu xanh, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường không chỉ giúp Công ty đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và các thị trường xuất khẩu, mà còn phù

hợp với định hướng phát triển bền vững của ngành vật liệu xây dựng trong nước và quốc tế. Hoạt động R&D của Công ty tập trung vào hai định hướng chính gồm phát triển vật liệu mới và tối ưu hóa tính chất của các vật liệu hiện hữu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, gia tăng năng suất và giảm giá thành sản xuất.

- Công ty thường xuyên rà soát và hoàn thiện hệ thống quản lý, kiểm soát chất lượng trong toàn bộ hoạt động sản xuất tại các nhà xưởng nhằm đảm bảo sự ổn định và đồng bộ của quy trình vận hành. Định hướng trọng tâm của Công ty là tăng cường ứng dụng công nghệ và từng bước tự động hóa nhằm giảm sự phụ thuộc vào lao động thủ công tại các công đoạn có cường độ lao động cao như bốc dỡ và đóng gói thành phẩm, qua đó nâng cao năng suất và hạn chế rủi ro phát sinh do yếu tố con người. Bên cạnh đó, Công ty triển khai các hệ thống giám sát và cảnh báo sớm nhằm phát hiện kịp thời các sự cố kỹ thuật và rủi ro trong quá trình vận hành, từ đó chủ động áp dụng các biện pháp khắc phục phù hợp. Các giải pháp này góp phần nâng cao mức độ an toàn lao động, giảm thiểu nguy cơ gián đoạn sản xuất và hỗ trợ cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh trong trung và dài hạn. Song song với việc đầu tư tự động hóa, Công ty chú trọng nghiên cứu đặc tính nguyên vật liệu, tối ưu công thức phối trộn, điều chỉnh thông số máy móc và cải thiện quy trình vận hành nhằm ổn định chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất, giảm hao hụt và tối ưu chi phí sản xuất.
- Bắt kịp xu hướng sản xuất xanh và tối ưu hóa năng lượng. Công ty đã tuân thủ các tiêu chuẩn ESG quốc tế với các sản phẩm SPC, LVT, WPC không chứa phthalate, có khả năng tái chế hoàn toàn. Một số kết quả nổi bật từ hoạt động R&D gồm việc làm chủ công nghệ sản xuất LVT Looselay không cần keo dán, đi đầu trong việc phát triển và sản xuất thành công các vật liệu mỏng và nhẹ (Light SPC), cùng với việc nghiên cứu và thương mại hóa thành công các dòng vật liệu Non-PVC, đồng thời tích hợp công nghệ kháng khuẩn và anion nhằm nâng cao tính ứng dụng và hiệu năng của sản phẩm. Ngoài ra, chiến lược phát triển các dòng sản phẩm xanh, có khả năng tái chế, không chứa các chất độc hại và đáp ứng tiêu chuẩn ESG quốc tế được đánh giá là yếu tố quan trọng giúp Công ty mở rộng khả năng tiếp cận các thị trường xuất khẩu lớn, đặc biệt tại Mỹ, Châu Âu và các hệ thống bán lẻ quốc tế.
- Tối ưu hóa chi phí năng lượng thông qua việc ứng dụng nhiên liệu thay thế, tinh chỉnh quy trình vận hành và đầu tư hệ thống thiết bị hiệu suất cao, tái sử dụng lại nhiệt dư thừa để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Lắp đặt hệ thống điện mặt trời (1,35 MWp), sản lượng khoảng 5,8 triệu kWh/năm, đáp ứng khoảng 15% nhu cầu điện toàn hệ thống thông qua nguồn năng lượng tái tạo. Việc đầu tư vào các giải pháp tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng tái tạo như hệ thống điện mặt trời giúp Công ty giảm áp lực chi phí điện năng trong bối cảnh giá năng lượng có xu hướng biến động tăng trong dài hạn. Các giải pháp tối ưu hóa năng lượng và tự động hóa không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả vận hành mà còn hỗ trợ giảm tác động môi trường, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty.
- Song song với công tác R&D, Công ty cũng chú trọng nghiên cứu, mở rộng và hoàn thiện hệ thống phân phối. Các sản phẩm gạch ốp lát và tấm ốp lát SPC/composite của Công ty được đưa vào nhiều kênh phân phối hơn, từ đó nâng cao độ phủ thị trường và khả năng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Việc kết hợp giữa R&D sản phẩm và phát triển hệ thống phân phối được đánh giá tạo ra hiệu ứng hỗ trợ lẫn nhau, góp phần củng cố thương hiệu và duy trì đà tăng trưởng doanh thu.

- Hoạt động xây dựng chiến lược và kế hoạch triển khai của Công ty tập trung vào nghiên cứu nhu cầu thị trường một cách bài bản, làm cơ sở cho định hướng phát triển các dòng vật liệu xây dựng thế hệ mới. Song song đó, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) được định hướng gắn với mục tiêu xây dựng và phát triển thương hiệu Công ty. Chính sách R&D sẽ được triển khai linh hoạt, phù hợp với nhu cầu thị trường và tình hình sản xuất – kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn. Mặc dù Công ty không theo dõi chi phí R&D như một khoản mục riêng biệt do các chi phí liên quan được phân bổ trong chi phí sản xuất, chi phí quản lý, chi phí thử nghiệm sản phẩm và đầu tư máy móc thiết bị, Công ty vẫn duy trì đầu tư thường xuyên cho hoạt động nghiên cứu, cải tiến công nghệ và phát triển sản phẩm mới. Trong thời gian tới, Công ty định hướng tiếp tục duy trì chính sách R&D linh hoạt, bám sát nhu cầu thị trường và xu hướng tiêu dùng mới nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong trung và dài hạn.

### *10.11. Chiến lược kinh doanh*

#### *10.11.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*

- Trở thành một trong những công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tiên tiến thế hệ mới.
- Định vị thương hiệu Công ty bằng việc hoạch định chiến lược marketing năng động, phù hợp xu hướng và tối ưu. Chú trọng công tác bảo vệ và phát triển thương hiệu, duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng doanh nghiệp, giới truyền thông, chấp hành các cấp để cải tiến giá trị, phát triển tốt hình ảnh doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho công ty.
- Công ty định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu, đảm bảo mỗi sản phẩm làm ra đều đạt tiêu chuẩn cao nhất. Theo đó, chú trọng phát triển công nghệ xanh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và góp phần bảo vệ môi trường.
- Áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo được các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.
- Định hướng phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, công ty hướng đến chính sách lương thưởng cạnh tranh, các chế độ đãi ngộ cho nhân viên và người thân, các chính sách phát triển nghề nghiệp, trên tinh thần cởi mở, hợp tác để người lao động yên tâm công tác.

#### *10.11.2. Chiến lược thực thi và phát triển*

**Chiến lược phát triển trung và dài hạn giai đoạn 2025 - 2030**

Giai đoạn 2025–2030, Công ty định hướng phát triển theo mô hình doanh nghiệp sản xuất vật liệu ốp lát tích hợp, hiện đại, chú trọng đổi mới công nghệ, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, phát triển bền vững và mở rộng thị trường xuất khẩu. Chiến lược phát triển gắn với các định hướng của Nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Công ty xác định tăng trưởng phải đi đôi với hiệu quả, quản trị rủi ro và phát triển thương hiệu, từng bước chuyển dịch từ cạnh tranh bằng giá sang cạnh tranh bằng chất lượng, thiết kế, dịch vụ và giải pháp tổng thể cho công trình.

Công ty xây dựng lợi thế cạnh tranh thông qua khả năng duy trì chất lượng sản phẩm ổn định, cải thiện hiệu quả chi phí và nâng cao mức độ đáp ứng đối với nhu cầu của khách hàng. Việc không ngừng cải tiến quy trình và tiêu chuẩn sản xuất giúp Công ty nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng, gia tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm và thích ứng linh hoạt với biến động của thị trường. Những yếu tố này góp phần củng cố vị thế cạnh tranh của Công ty trong ngành vật liệu xây dựng và tạo cơ sở cho tăng trưởng ổn định, bền vững trong trung và dài hạn.

Chiến lược phát triển được triển khai cụ thể theo từng mảng hoạt động chính như sau:

- Ở lĩnh vực sản xuất gạch ốp lát, Công ty tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu từ các dòng gạch ceramic truyền thống sang các dòng gạch khổ lớn, bề mặt kỹ thuật số, đáp ứng xu hướng thẩm mỹ và yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao của thị trường. Công ty chú trọng đầu tư chiều sâu vào công nghệ sản xuất, tự động hóa, tiết kiệm năng lượng và kiểm soát chất lượng đồng bộ, đồng thời tăng cường năng lực thiết kế mẫu mã và phát triển bộ sưu tập theo không gian ứng dụng. Song song với việc củng cố hệ thống phân phối truyền thống, Á Mỹ đẩy mạnh kênh bán hàng dự án và mở rộng thị trường xuất khẩu, từng bước nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh bền vững của mảng gạch ốp lát.
- Lĩnh vực sản xuất SPC được xác định là lĩnh vực tăng trưởng chiến lược, đóng vai trò động lực mở rộng thị trường và đa dạng hóa danh mục sản phẩm trong trung và dài hạn. Định hướng phát triển tập trung vào đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, tiêu chuẩn hóa chất lượng sản phẩm, tối ưu chi phí và đa dạng hóa cấu trúc kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của phân khúc cải tạo nhà ở, công trình thương mại và nội thất hoàn thiện nhanh. Công ty định vị sàn SPC là giải pháp vật liệu nhẹ, bền, chống nước, dễ thi công và có chi phí vòng đời thấp, phù hợp với xu hướng sử dụng vật liệu thân thiện môi trường và tiết kiệm tài nguyên. Bên cạnh kênh xuất khẩu thông qua hợp tác OEM/ODM, Công ty đã gây dựng được uy tín của mình tại các thị trường khu vực, qua đó nâng cao quy mô sản xuất và hiệu quả đầu tư của mảng SPC trong giai đoạn 2025–2030.

**Nguồn vốn và nguồn lực**

Để đạt được chiến lược phát triển trung và dài hạn giai đoạn 2026-2030 nói trên, Công ty sẽ cần chuẩn bị sẵn sàng về nguồn vốn và nguồn lực.

Các kế hoạch mở rộng nói trên sẽ được triển khai trên cơ sở tối ưu hóa cơ cấu vốn, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nguồn vốn sau đây: (i) sử dụng vốn tự có tích lũy từ hoạt động sản xuất kinh doanh, (ii) kết hợp vốn vay từ các tổ chức tín dụng, và (iii) huy động từ các cổ đông Công ty khi cần thiết. Chính sách sử dụng vốn được thiết kế nhằm cân bằng giữa khả năng mở rộng quy mô nhanh và đảm bảo an toàn tài chính dài hạn.

Về chi tiết cơ cấu và mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán để phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh trong những năm tới, vui lòng tham khảo mục IX. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để biết thêm chi tiết.

Đối với nguồn lực nhân sự, Công ty tiếp tục thực hiện và nâng cao các chính sách tuyển dụng và đào tạo nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt bao gồm các đội ngũ nghiên cứu và phát

triển, chuyên gia kỹ sư hàng đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, hóa học và công nghệ thông tin. Đồng thời, Công ty cũng tập trung đào tạo nhân sự chuyên sâu về kỹ thuật vận hành máy móc hiện đại trong nhà máy sản xuất.

### *10.12. Trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan*

Tổ chức đăng ký niêm yết không hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

## 11. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

### *11.1. Cơ cấu tổ chức và tổ chức nhân sự của Công ty mẹ*

Trước thời điểm tiến hành chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO), Công ty chưa phải là công ty đại chúng, do đó, một số chức danh quản lý chưa được bổ sung đầy đủ. Nhằm mục đích minh bạch và đáp ứng các quy định pháp luật có liên quan sau khi trở thành công ty đại chúng và được niêm yết trên HOSE, Công ty đã tiến hành rà soát, bổ nhiệm, tái bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo này để đảm bảo tránh xung đột lợi ích, đồng thời thành lập một số phòng chuyên trách.

### *11.2. Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty*

Số lượng lao động của Công ty và công ty con trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán là 2024 và 2025 lần lượt là 2.247 và 2.208 người, quý 1/2026 là 2.185 người.

Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động tại thời điểm 31/12/2025 được thể hiện trong bảng sau.

**Bảng 38: Cơ cấu lao động (hợp nhất)**

| Cơ cấu lao động | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | 31/03/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | Tỷ trọng | Số lượng | Tỷ trọng | Số lượng | Tỷ trọng |
| **Phân loại theo giới tính** | **2.247** | **100%** | **2.208** | **100,0%** | **2.185** | **100%** |
| Nam | 1.398 | 62,2% | 1.366 | 61,9% | 1355 | 62% |
| Nữ | 849 | 37,8% | 842 | 38,1% | 830 | 38% |
| **Phân loại theo trình độ** | **2.247** | **100%** | **2.208** | **100,0%** | **2.185** | **100%** |
| Trên đại học | 13 | 0,6% | 13 | 0,6% | 10 | 0,46% |
| Đại học | 338 | 15,0% | 356 | 16,1% | 321 | 14,69% |
| Cao đẳng, Trung cấp | 327 | 14,6% | 336 | 15,2% | 325 | 14,87% |
| Sơ cấp và công nhân kỹ thuật | 105 | 4,7% | 102 | 4,6% | 92 | 4,21% |
| Lao động phổ thông | 1.464 | 65,2% | 1.401 | 63,5% | 1286 | 58,86% |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

### *11.3. Chế độ làm việc*

Chế độ làm việc của người lao động tại Công ty luôn tuân thủ theo Bộ Luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động.

Thời gian làm việc: Công ty làm việc không quá 8h/công, 24 công/thời gian làm việc từ thứ 2 đến sáng thứ 7, nghỉ từ chiều thứ 7 đến chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh, người lao động có thể làm thêm giờ theo sự thỏa thuận, không vượt quá giới hạn pháp luật cho phép, không quá 200 giờ trong một năm.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Thực hiện theo Bộ luật Lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ luật Lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện nặng nhọc độc hại, nguy hiểm.
- Nghỉ phép năm 16 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm.
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ Giải phóng Miền Nam 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 02 ngày.

### *11.4. Chính sách tuyển dụng, đào tạo*

Công ty thực hiện tuyển dụng theo theo nguyên tắc công khai, công bằng và minh bạch, phù hợp với nhu cầu từng đơn vị.

Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể và phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, phòng ban.

Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho CBCNV trong các phòng ban, phân xưởng. CBCNV mới được đào tạo hội nhập, phổ biến nội quy, quy chế và hướng dẫn công việc. Đối với các cán bộ quản lý, công ty hỗ trợ chi phí các khóa học nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng quản lý. Với khối sản xuất, để duy trì sự phát triển và ổn định sản xuất, Công ty vẫn duy trì hình thức đào tạo tại chỗ; công nhân lành nghề được hưởng trợ cấp đào tạo khi hướng dẫn, đào tạo công nhân mới.

### *11.5. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp/ phúc lợi*

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó, gắn với khung lương Công ty và kết quả đánh giá hiệu quả công việc. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn

vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

**An toàn lao động:**

- Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho NLĐ.
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động và tập huấn phòng cháy chữa cháy hàng năm cho lao động toàn Công ty.
- Bảo đảm nơi làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và các yếu tố đó phải được định kỳ kiểm tra, đo lường.
- Bảo đảm các điều kiện an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị, nhà xưởng đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động hoặc đạt các tiêu chuẩn về an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc đã được công bố, áp dụng.

**Phúc lợi:**

- 100% lao động được đóng BHXH theo quy định của pháp luật.
- Thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết; có hỗ trợ công tác phí, chi phí điện thoại, xăng xe.
- Hỗ trợ ăn trưa/ăn ca; tổ chức các hoạt động phúc lợi, thăm hỏi, hiếu hỷ, các sự kiện văn hóa và đoàn thể.

### *11.6. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động*

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

## 12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

- Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp hoặc theo các phương thức thanh toán khác theo quy định pháp luật. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.
- HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Trong hai năm 2024 và 2025 và Quý 1/2026, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông như sau:

**Bảng 39: Tình hình chi trả cổ tức qua các năm gần nhất**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2024 (*) | Năm 2025 (**) | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Lần 1/2025 | Lần 2/2025 | Lần 3/2025 |
| **Tỷ lệ cổ tức (%)** | 9,7% | 58% | Tiền mặt: 29%<br>Cổ phiếu: 22% | 28% |
| **Hình thức chi trả** | Tiền mặt | Tiền mặt | Tiền mặt & cổ phiếu | Tiền mặt |
| **Cổ tức bằng tiền (VNĐ)** | 84.000 | 508.000 | 307.944 | 299.614 |
| **Cổ tức bằng cổ phiếu (VNĐ)** | - | - | 191.486 | - |
| **Tổng giá trị cổ tức (VNĐ)** | 84.000 | 508.000 | 499.429 | 299.614 |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

*(*) Trong năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức tại cuộc họp ngày 19/01/2024 và đã chi trả hết cho cổ đông*

*(**) Trong năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức tại các cuộc họp ngày 10/01/2025, 30/06/2025 và 02/12/2025 và đã chi trả hết cho cổ đông*

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

**Bảng 40: Thông tin về các hợp đồng thuê đất và thuê hoạt động của Công ty**

| STT | Địa điểm thuê | Đơn vị thuê | Số, ngày hợp đồng | Thời hạn thuê | | Loại đất | Mục đích sử dụng đất | Số tiền thuê đã trả | Diện tích ($m^2$) | Tình trạng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Từ ngày | Đến ngày | | | | | |
| 1 | Xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | + Số: 2930/HĐTĐ Ngày 01/08/2017 + Số: 3146/HĐTĐ Ngày 12/11/2018 | 01/08/2017 | 01/12/2065 | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp | Thực hiện dự án Nhà máy chế biến vật liệu (nguyên vật liệu) gốm sứ xây dựng | 4.756.000.986 | 260.883 | 214.728,5 m2 đã được cấp GCN quyền sử dụng đất 46.154,5 m2 đang làm thủ tục cấp GCN quyền sử dụng đất |
| 2 | Xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ | Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | Số: 3018/HĐTĐ Ngày HĐ: 15/11/2017 | 15/11/2017 | 01/12/2065 | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp | Thực hiện dự án Nhà máy chế biến vật liệu (nguyên vật liệu) gốm sứ xây dựng | 889.528.812 | 47.725 | 41.039,9 m2 đã được cấp GCN quyền sử dụng đất 6.685,1 m2 đang làm thủ tục cấp GCN quyền sử dụng đất |
| 3 | Khu Thị Tứ, Xã Liên Hòa, tỉnh Phú Thọ | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Số: 3442/HĐTĐ Ngày HĐ: 19/05/2021 | 25/01/2021 | 21/01/2069 | Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp | Xây dựng Nhà máy gạch ốp lát cao cấp, gạch cotton và ngói lợp công suất 15 triệu m2 sản phẩm/năm | 1.325.005.539 | 260.632 | 136.107,4 m2 đã được cấp GCN quyền sử dụng đất 124.524,6 m2 đang làm thủ tục cấp GCN quyền sử dụng đất |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Các hợp đồng thuê đất được liệt kê ở bảng trên trên đều là đất trả tiền một lần.

### 14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu

Công ty cam kết không có nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến (1) hoạt động kinh doanh, (2) tình hình tài chính của Công ty, (3) đợt chào bán, (4) giá cổ phiếu chào bán và (5) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

### 15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

#### *1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần đây và lũy kế đến quý gần nhất*

Bảng dưới đây tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong giai đoạn 2024 – 2025 và lũy kế quý 1/2026.

**Bảng 41: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | %Tăng/ (giảm) 2024-2025 | Quý 1/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 5.318.036 | 5.750.383 | 8,1% | 5.345.069 |
| Doanh thu thuần | 6.036.997 | 6.997.594 | 15,9% | 1.785.650 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 1.015.580 | 957.261 | (5,7%) | 243.515 |
| Lợi nhuận/(lỗ) khác | (824) | (4.645) | 463,7% | 405 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN | 1.014.756 | 952.617 | (6,1%) | 243.920 |
| Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN | 814.609 | 750.742 | (7,8%) | 193.558 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức bằng tiền | 64,6% | 84,8% | | |
| Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá cổ phiếu | Tiền mặt: 9,7% | Tiền mặt: Lần 1: 58%<br>Lần 2: 29%<br>Lần 3: 28%<br>Cổ phiếu: 22% | | Cổ phiếu: 26% |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và 2025, tự lập quý 1/2026*

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản hợp nhất của doanh nghiệp đạt 5.750 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cuối năm 2024. Mức tăng này chủ yếu đến từ tài sản dài hạn tăng 354 tỷ do tài sản cố định hữu hình (tăng 298 tỷ), chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn (tăng 76 tỷ). Phần còn lại đến từ tài sản ngắn hạn (tăng 78 tỷ), trong đó bao gồm khoản phải thu ngắn hạn (tăng 45 tỷ), hàng tồn kho (giảm 53 tỷ) và tài sản ngắn hạn khác (tăng 79 tỷ, trong đó chi phí trả trước ngắn hạn tăng 15 tỷ, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tăng 61 tỷ, thuế và các khoản phải thu Nhà nước tăng 3,8 tỷ).

Vốn chủ sở hữu tại cùng thời điểm đạt 1.772 tỷ đồng, giảm 17,4% so với cuối năm trước, do trong năm 2025 Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt 3 lần với tổng số tiền 1.115,6 tỷ đồng. Vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 1.444,6 tỷ đồng tại thời điểm 06/4/2026 sau 11 lần tăng vốn.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 của doanh nghiệp đạt 6.997 tỷ đồng, tăng trưởng 15,9% so với năm 2024. Trong năm qua, doanh nghiệp đạt tăng trưởng doanh thu chủ yếu từ gia tăng sản lượng, nhờ lượng đơn hàng tấm ốp lát SPC xuất khẩu vào Mỹ tăng vọt. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần từ HĐKD đạt 957.3 tỷ giảm 5.7% so với năm 2024, lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất 2025 lần lượt đạt 952,6 và 750,7 tỷ đồng, giảm nhẹ 6,1% và 7,8% so với năm 2024.

Sự biến động này chủ yếu đến từ các yếu tố mang tính chủ động trong quản trị hoạt động kinh doanh của Công ty, cùng với những tác động bất lợi từ bối cảnh thị trường trong kỳ. Lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ do Công ty chủ động trích lập dự phòng hàng tồn kho cũ đã lỗi thời để dự trữ hàng mẫu mã mới cao cấp hơn đồng thời chủ động giảm biên lợi nhuận gộp để chia sẻ rủi ro với các đối tác là chuỗi siêu thị lớn ở Mỹ nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực từ thuế quan của chính quyền tổng thống Mỹ Donald Trump.

Cụ thể, trong năm 2025, Công ty đã chủ động thực hiện xử lý một số nhóm hàng tồn kho chậm luân chuyển và hàng phái sinh nhằm tối ưu hóa cơ cấu tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động và đảm bảo chất lượng tài sản. Việc điều chỉnh giá bán để xử lý các nhóm hàng này dẫn đến chênh lệch giữa giá vốn và giá bán hơn 40 tỷ đồng, qua đó ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp trong kỳ. Đây là khoản ảnh hưởng mang tính chất ngắn hạn, phục vụ mục tiêu làm lành mạnh hóa danh mục hàng tồn kho và cải thiện hiệu quả vận hành trong các giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 19,2 tỷ đồng theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán, nhằm phản ánh đầy đủ giá trị có thể thu hồi của hàng tồn kho và chủ động ghi nhận các rủi ro tiềm ẩn. Việc trích lập này thể hiện sự minh bạch trong công tác quản trị tài chính, đồng thời tạo nền tảng ổn định hơn cho kết quả kinh doanh các kỳ tiếp theo.

Ngoài các yếu tố trên, trong năm 2025, mặt bằng lãi suất ngân hàng tăng trung bình khoảng 3% so với giai đoạn trước đã làm gia tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng nhất định đến lợi nhuận sau thuế. Đồng thời, trước sự thay đổi về chính sách thuế nhập khẩu vào thị trường Mỹ, Công ty đã chủ động điều chỉnh giá bán, chia sẻ một phần chi phí phát sinh với khách hàng nhằm duy trì sức cạnh tranh, bảo vệ thị phần và củng cố quan hệ hợp tác dài hạn. Chính sách này tạo áp lực nhất định lên biên lợi nhuận trong ngắn hạn nhưng góp phần đảm bảo sự ổn định của thị trường đầu ra.

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá rằng các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận trong năm 2025 phần lớn mang tính thời điểm và đã được chủ động xử lý, hấp thụ vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục tập trung triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, bao gồm kiểm soát chi phí, tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ.

Với nền tảng năng lực sản xuất đã được đầu tư trong các năm trước, hệ thống khách hàng ổn định và định hướng tăng trưởng bền vững, Công ty kỳ vọng duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực trong các năm tiếp theo, đồng thời từng bước cải thiện biên lợi nhuận khi các yếu tố bất lợi trong năm 2025 được giảm thiểu.

Bước sang năm 2026, doanh thu thuần quý 1/2026 đạt 1.785,7 tỷ đồng, tăng 36,6% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 243,5 tỷ đồng, tăng 34,3%, dẫn đến tổng lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 243,9 tỷ đồng và 193,6 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 37,7% và 37,3% so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 42: Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | %Tăng/ (giảm) 2024-2025 | Quý 1/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 4.298.083 | 4.656.102 | 8,3% | 4.410.619 |
| Doanh thu thuần | 5.632.481 | 6.435.989 | 14,3% | 1.654.689 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 943.576 | 904.004 | (4,2%) | 268.430 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 145.458 | 177.271 | 21,9% | 40.435 |
| Chi phí tài chính | 89.563 | 84.455 | (6%) | 43.136 |
| Lợi nhuận/ (lỗ) khác | 3.453 | (1.124) | (132,6%) | 464 |
| Lợi nhuận trước thuế | 947.029 | 902.880 | (4,7%) | 268.895 |
| Lợi nhuận sau thuế | 756.203 | 722.728 | (4,4%) | 219.704 |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024 và 2025, Báo cáo tài chính riêng quý 1/2026*

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty mẹ đạt 4.656 tỷ đồng, tăng 8,3% so với cuối năm 2024. Mức tăng này chủ yếu đến từ tài sản dài hạn tăng 393 tỷ do tài sản cố định hữu hình (tăng 17 tỷ), chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn (tăng 302 tỷ), đầu tư tài chính dài hạn (tăng 223 tỷ), tài sản dài hạn khác tăng 2,4 tỷ và khoản phải thu dài hạn (giảm 151 tỷ). Phần còn lại đến từ tài sản ngắn hạn (giảm 35 tỷ), trong đó bao gồm khoản phải thu ngắn hạn (tăng 31 tỷ), hàng tồn kho (giảm 135 tỷ) và tài sản ngắn hạn khác (tăng 71 tỷ, trong đó chi phí trả trước ngắn hạn tăng 5,35 tỷ, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tăng 66 tỷ).

Vốn chủ sở hữu tại cùng thời điểm đạt 1.500 tỷ đồng, giảm 20,4% so với cuối năm trước, do trong năm 2025 Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt 3 lần với tổng số tiền 1.115,5 tỷ đồng. Vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 1.444,6 tỷ đồng tại thời điểm 06/04/2026 sau 11 lần tăng vốn.

Doanh thu thuần năm 2025 của doanh nghiệp đạt 6.436 tỷ đồng, tăng trưởng 14,3% so với năm 2024. Trong năm qua, doanh nghiệp đạt tăng trưởng doanh thu chủ yếu từ gia tăng sản lượng, nhờ lượng đơn hàng tấm ốp lát SPC xuất khẩu vào Mỹ tăng vọt. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế và sau thuế riêng lẻ năm 2025 đạt lần lượt 902,9 tỷ đồng và 722,7 tỷ đồng, giảm nhẹ 4.7% và 4,4% so với năm 2024.

Tương tự như báo cáo hợp nhất, doanh thu thuần riêng lẻ quý 1/2026 đạt 1.654,7 tỷ đồng, tăng 35,2% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 268,4 tỷ đồng, tăng 38,7%, dẫn đến tổng lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 268,9 tỷ đồng và 219,7 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 42,1% và 41,9% so với cùng kỳ năm trước.

**Các chỉ tiêu khác để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động:** Không có

**Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập:** Không có

### *1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết*

#### *1.2.1. Những nhân tố thuận lợi*

- Thị trường bất động sản – xây dựng có sự phục hồi trong năm 2024-2025, với dấu hiệu nổi bật là nguồn cung nhà ở thương mại đã có sự tăng trưởng trở lại đáng kể. Nhờ đó nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm vật liệu hoàn thiện, bao gồm gạch ốp lát và sàn vinyl đã phần nào hồi phục. Trong bối cảnh Chính phủ tiếp tục thúc đẩy đầu tư công, phát triển hạ tầng, nhà ở xã hội và các khu công nghiệp, nhu cầu đối với vật liệu xây dựng được kỳ vọng từng bước cải thiện, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Sàn vinyl và các dòng gạch ốp lát có tính năng kỹ thuật cao ngày càng được thị trường ưa chuộng nhờ các ưu điểm như độ bền cao, khả năng chống nước, thân thiện với môi trường, thi công nhanh, và chi phí hợp lý. Xu hướng chuyển dịch từ vật liệu truyền thống sang các giải pháp vật liệu nhẹ, tiện lợi và tiết kiệm chi phí tạo dư địa tăng trưởng cho phân khúc sản phẩm vinyl – lĩnh vực được Công ty xác định là mũi nhọn phát triển.
- Công ty sở hữu hệ thống nhà máy với dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn, cho phép sản xuất đa dạng các dòng sản phẩm gạch ốp lát và sàn vinyl, đáp ứng nhiều phân khúc thị trường khác nhau. Việc chủ động năng lực sản xuất giúp Công ty linh hoạt điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo diễn biến nhu cầu thị trường, đồng thời tối ưu chi phí sản xuất trên đơn vị sản phẩm thông qua lợi thế về quy mô. Công suất hệ thống nhà xưởng lớn giúp công ty có lợi thế quy mô so với các đối thủ nội địa nhỏ hơn trong cùng ngành.
- Công ty đã xây dựng được mạng lưới phân phối thông qua hệ thống đại lý, nhà phân phối và kênh dự án tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước. Thương hiệu của Công ty có uy tín lâu năm và đã được thị trường nhận diện trong lĩnh vực vật liệu hoàn thiện, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng, duy trì sản lượng tiêu thụ ổn định và hỗ trợ việc mở rộng thị phần trong dài hạn.

- Công ty chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao mức độ tự động hóa trong sản xuất nhằm cải thiện năng suất, giảm tỷ lệ hao hụt và nâng cao tính ổn định của chất lượng sản phẩm. Đồng thời, hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, cải tiến mẫu mã và bề mặt hoàn thiện được đẩy mạnh nhằm đáp ứng tốt hơn xu hướng tiêu dùng và yêu cầu kỹ thuật của thị trường trong nước và xuất khẩu.

#### *1.2.2. Những nhân tố khó khăn*

- Nhu cầu tiêu thụ gạch ốp lát và sàn vinyl chịu ảnh hưởng lớn từ tiến độ triển khai các dự án xây dựng và tình hình giao dịch bất động sản. Khi thị trường bất động sản suy giảm hoặc chậm phục hồi, nhu cầu vật liệu hoàn thiện có thể giảm, ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ và dòng tiền của Công ty.
- Nguyên liệu sản xuất gạch và sàn vinyl như bột đá, nhựa PVC, phụ gia hóa chất và chi phí năng lượng (điện, than, gas) chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất. Biến động giá nguyên vật liệu và chi phí năng lượng có thể làm tăng giá vốn hàng bán, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận nếu Công ty không kịp thời điều chỉnh giá bán.
- Ngành gạch ốp lát và sàn vinyl có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong nước và các nhà sản xuất nước ngoài, đặc biệt là các sản phẩm nhập khẩu giá cạnh tranh. Áp lực về giá, mẫu mã và chính sách chiết khấu cho đại lý có thể ảnh hưởng đến khả năng mở rộng thị phần và mức sinh lời của Công ty.
- Đối với hoạt động xuất khẩu, sản phẩm phải đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về an toàn, môi trường và nguồn gốc nguyên liệu tại các thị trường như châu Âu và Bắc Mỹ. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn này đòi hỏi chi phí đầu tư cho công nghệ, kiểm soát chất lượng và chứng nhận sản phẩm, làm gia tăng chi phí vận hành.

#### *1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất*

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, không có bất cứ biến động lớn nào có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết.

## 2. Tình hình tài chính

### *2.1. Các chỉ tiêu cơ bản*

#### *2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh*

➢ **Báo cáo về vốn điều lệ**

**Bảng 43: Báo cáo về vốn điều lệ**

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng số cổ phiếu đã phát hành | 87.038.900 | 107.005.053 | 144.456.811 |

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Tổng số cổ phiếu đang lưu hành | 87.038.900 | 107.005.053 | 144.456.811 |
| 3 | Vốn điều lệ (đồng) | 870.389.000.000 | 1.070.050.530.000 | 1.444.568.110.000 |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025, tự lập quý 1/2026*

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ, mã số doanh nghiệp 2500552524, được thành lập và đăng ký lần đầu ngày 25/09/2015 với vốn điều lệ ban đầu là 40 tỷ đồng. Đến ngày 06/4/2026, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên 1.444.568.110.000 đồng.

- **Báo cáo về vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh Công ty đã được quản lý và sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả, tập trung vào các hoạt động cốt lõi. Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã tiến hành thay đổi vốn điều lệ tổng cộng 11 lần, đồng thời tận dụng vốn vay một cách hợp lý để mở rộng quy mô vốn hoạt động, đầu tư vào các dự án và phát triển mở rộng hệ thống nhà xưởng, nhà máy sản xuất, cũng như bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công ty. Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ bao gồm:

**Bảng 44: Báo cáo về vốn kinh doanh của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Vốn kinh doanh | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
| **A** | **Nợ phải trả** | **3.171.758** | **3.977.951** | **3.398.680** | **2.413.093** | **3.155.765** | **2.690.577** |
| **I** | **Nợ ngắn hạn** | **2.967.556** | **3.826.287** | **3.244.907** | **2.413.093** | **3.092.465** | **2.627.277** |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 901.277 | 1.099.540 | 862.524 | 809.540 | 1.073.984 | 846.729 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 40.273 | 49.129 | 30.459 | 3.702 | 2.873 | 2.959 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 210.909 | 220.434 | 49.657 | 197.169 | 190.765 | 45.732 |
| 4 | Phải trả người lao động | 71.527 | 78.651 | 30.800 | 44.337 | 46.845 | 18.785 |
| 5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 47.471 | 39.339 | 70.459 | 45.778 | 36.017 | 34.901 |
| 6 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 25 | 25 | 17 | 25 | 25 | 17 |
| 7 | Phải trả ngắn hạn khác | 12.757 | 12.604 | 19.734 | 11.942 | 11.910 | 13.930 |
| 8 | Vay ngắn hạn | 1.683.317 | 2.326.564 | 2.181.257 | 1.300.600 | 1.730.046 | 1.664.224 |
| **II** | **Nợ dài hạn** | **204.203** | **151.664** | **153.773** | **-** | **63.300** | **63.300** |
| 1 | Phải trả người bán dài hạn | 4.214 | 4.118 | 6227 | - | - | - |
| 2 | Người mua trả tiền trước dài hạn | - | - | - | - | 63.300 | 63.300 |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | 750 | - | | - | - | - |
| 4 | Vay dài hạn | 197.945 | 147.546 | 147.546 | - | - | - |
| 5 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 1.293 | - | | - | - | - |
| **B** | **Vốn chủ sở hữu** | **2.146.279** | **1.772.432** | **1.946.389** | **1.884.990** | **1.500.337** | **1.720.040** |
| 1 | Vốn cổ phần | 870.389 | 1.070.050 | 1.444.568 | 870.389 | 1.070.050 | 1.444.568 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 1.061.257 | 470.603 | 292.863 | 1.014.601 | 430.286 | 275.472 |
| 3 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 214.633 | 231.778 | 208.958 | - | - | - |

*Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2024 và năm 2025, tự lập Quý 1/2026*

➢ **Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

**Bảng 45: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

| STT | Vốn kinh doanh | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
| **I** | **Tài sản ngắn hạn** | **3.614.756** | **3.692.767** | **3.298.819** | **3.129.827** | **3.094.849** | **2.841.269** |
| 1 | Tiền và tương đương tiền | 632.493 | 290.967 | 209.363 | 481.366 | 262.949 | 134.839 |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 653.069 | 1.001.682 (*) | 663.786 | 610.396 | 826.875 (*) | 741.964 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 1.137.048 | 1.181.603 (*) | 1.259.706 | 1.161.342 | 1.192.402 (*) | 1.240.958 |
| 4 | Hàng tồn kho | 1.085.513 | 1.032.415 | 984.068 | 811.162 | 676.194 | 590.632 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 106.633 | 186.099 | 181.896 | 65.562 | 136.429 | 132.877 |
| **II** | **Tài sản dài hạn** | **1.703.281** | **2.057.616** | **2.046.250** | **1.168.255** | **1.561.253** | **1.569.349** |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 6.394 | 518 | 1.380 | 303.852 | 153.300 | - |
| 2 | Tài sản cố định | 1.316.270 | 1.614.421 | 1.563.220 | 512.408 | 529.111 | 511.712 |
| 3 | Tài sản dở dang dài hạn | 322.817 | 399.294 | 443.262 | 7.542 | 309.236 | 336.144 |
| 4 | Đầu tư tài chính dài hạn | 10.000 | 10.000 | 13.000 | 339.766 | 562.500 | 718.800 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 47.800 | 33.383 | 25.388 | 4.687 | 7.107 | 2.693 |
| | **Tổng tài sản** | **5.318.037** | **5.750.383** | **5.345.069** | **4.298.083** | **4.656.102** | **4.410.619** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2024 và năm 2025, tự lập Quý 1/2026*

(*) Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026. Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 trên BCTC quý 1/2026. Chi tiết như sau:

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2025 (đã được trình bày trước đây) | Trình bày lại | 31/12/2025 (được trình bày lại) | 31/12/2025 (đã được trình bày trước đây) | Trình bày lại | 31/12/2025 (được trình bày lại) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn, trong đó | 1.001.682 | 5.280 | 1.006.962 | 826.875 | 66.280 | 893.154 |
| *Cho vay ngắn hạn* | - | *5.280* | *5.280* | - | *66.280* | *66.280* |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 5.280 | (5.280) | 0 | 66.280 | (66.280) | 0 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn, trong đó | 10.000 | - | 10.000 | 9.000 | 153.300 | 162.300 |
| *Cho vay dài hạn* | - | - | - | - | *153.300* | *153.300* |
| Phải thu về cho vay dài hạn | - | - | - | 153.300 | (153.300) | - |

*Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ tự lập Quý 1/2026*

**Đánh giá chung về vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty:**

***Về dư nợ vay***

Tại ngày 31/03/2026, tổng dư nợ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty đạt 2.181 tỷ đồng, giảm so với mức 2.326 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025 nhưng vẫn cao hơn so với mức 1.683 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024. Các khoản vay chủ yếu là các khoản tín dụng ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại lớn, được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền hàng, thanh toán các khoản L/C đến hạn và phục vụ chu kỳ sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty.

***Về vốn chủ sở hữu***

Vốn chủ sở hữu của Công ty Á Mỹ giảm từ 2.146 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2024 xuống còn 1.772 tỷ đồng tại 31/12/2025, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận cho cổ đông với quy mô lớn trong năm 2025.

Cụ thể, trong năm 2025, Công ty đã thực hiện phân phối cổ tức với tổng giá trị khoảng 1.307 tỷ đồng, bao gồm 1.115 tỷ đồng chi trả bằng tiền mặt và 191 tỷ đồng bằng cổ phiếu. Quy mô phân phối này cao hơn mức lợi nhuận sau thuế phát sinh trong năm, dẫn đến khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm từ 1.061 tỷ đồng xuống còn 471 tỷ đồng, qua đó làm giảm tương ứng quy mô vốn chủ sở hữu.

Việc giảm vốn chủ sở hữu nêu trên không xuất phát từ sự suy giảm năng lực tài chính hay kết quả kinh doanh, mà là hệ quả của chính sách phân phối lợi nhuận sau giai đoạn Công ty duy trì tỷ lệ tích lũy cao để phục vụ chiến lược mở rộng quy mô hoạt động. Trong các năm đầu phát triển, phần lớn lợi nhuận tạo ra được Công ty giữ lại để tái đầu tư vào mở rộng công suất, nâng cao năng lực sản xuất và hoàn thiện hệ thống phục vụ kế hoạch kinh doanh dài hạn.

Hiện nay, Công ty đã hoàn thành phần lớn các hạng mục đầu tư theo định hướng phát triển, với năng lực sản xuất và cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng kế hoạch kinh doanh đến hết năm 2027. Do đó, trong giai đoạn tới, nhu cầu đầu tư mới sẽ giảm dần so với giai đoạn mở rộng ban đầu, giúp Công ty duy trì trạng thái dòng tiền hoạt động tích cực, khả năng tài chính lành mạnh và chủ động trong cân đối nguồn vốn.

Theo kế hoạch, Công ty tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, với quy mô kinh doanh dự kiến tăng trưởng trên 20%/năm trong các năm tiếp theo. Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông trong năm 2025 được thực hiện trên cơ sở Công ty đã đảm bảo đủ nguồn lực tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư trọng điểm và nhu cầu vốn lưu động.

Đồng thời, đến ngày 31/03/2026, vốn chủ sở hữu của Công ty đã tăng trở lại lên mức 1.946 tỷ đồng nhờ kết quả kinh doanh tích cực trong quý I/2026, cho thấy khả năng tạo lợi nhuận và củng cố nguồn vốn nội tại của Công ty vẫn được duy trì tốt.

Như vậy, biến động giảm vốn chủ sở hữu trong năm 2025 mang tính chất kỹ thuật do chính sách phân phối lợi nhuận, phản ánh việc tối ưu hóa cơ cấu vốn và lợi ích cổ đông, không phản ánh sự suy giảm về sức khỏe tài chính hay hiệu quả hoạt động của Công ty.

***Về tiền và các khoản tương đương tiền***

Việc số dư tiền và các khoản tương đương tiền giảm từ 632 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024 xuống 291 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025 và 209 tỷ đồng tại ngày 31/03/2026 chủ yếu xuất phát từ yếu tố thời điểm và cơ cấu phân bổ nguồn tiền của Công ty, không phản ánh sự suy giảm về khả năng tạo lợi nhuận hay khả năng thanh toán.

- Thứ nhất, các thời điểm cuối năm 2025 và cuối Quý I/2026 nằm gần các thời điểm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức cho cổ đông. Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tổng giá trị khoảng 1.115,6 tỷ đồng. Việc chi trả cổ tức làm giảm số dư tiền mặt tại thời điểm cuối kỳ, nhưng đây là việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua, không phải là khoản chi làm suy giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi.
- Thứ hai, trong năm 2025, Công ty đã cơ cấu lại một phần nguồn tiền nhàn rỗi. Một phần các khoản tương đương tiền, chủ yếu là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, được chuyển sang nắm giữ các công cụ tài chính có kỳ hạn và lợi suất phù hợp hơn, bao gồm trái phiếu. Do đó, một phần nguồn tiền không còn được trình bày tại khoản mục tiền và tương đương tiền mà được ghi nhận tại các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn. Đây là sự dịch chuyển trong cơ cấu tài sản tài chính, không phải là sự mất đi của nguồn lực tài chính.
- Thứ ba, trong Quý I/2026, Công ty sử dụng nguồn tiền để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán cho nhà cung cấp, thanh toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, đồng thời tiếp tục đầu tư cho các hạng mục xây dựng cơ bản, máy móc và thiết bị đang triển khai. Cụ thể, tại 31/03/2026, phải trả người bán ngắn hạn giảm so với cuối năm 2025, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng giảm mạnh, trong khi chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng so với cuối năm 2025. Điều này cho thấy tiền mặt được sử dụng cho các nghĩa vụ thanh toán thực tế và hoạt động đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh.

Về khả năng cân đối nguồn vốn, tại ngày 31/03/2026, Công ty vẫn duy trì nguồn tiền và đầu tư tài chính đạt khoảng 872 tỷ đồng, hệ số nợ/tổng tài sản ở mức 65% và hệ số thanh toán hiện hành đạt 1,01 lần, cho thấy Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn. Đồng thời, Công ty duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, dòng tiền ổn định, không có nợ quá hạn và luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các tổ chức tín dụng. Vì vậy, Công ty đánh giá việc sử dụng vốn vay và cơ cấu nguồn vốn hiện tại phù hợp với nhu cầu vốn lưu động và nằm trong khả năng kiểm soát, cân đối của doanh nghiệp.

Công ty chủ động cân đối giữa tiền mặt và các khoản đầu tư tài chính, chủ yếu là đầu tư ngắn hạn, nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, qua đó cải thiện dòng tiền, lợi nhuận và gia tăng giá trị cho cổ đông. Đồng thời, Công ty luôn duy trì nguồn lực tài chính chủ động và đảm bảo thanh khoản để triển khai hoạt động cốt lõi cũng như đáp ứng đầy đủ nghĩa vụ tài chính. Các khoản đầu tư tài chính được Công ty lựa chọn thận trọng, phân bổ phù hợp với nhu cầu thanh khoản. Chi tiết danh mục đầu tư và đánh giá của Công ty về rủi ro liên quan được cụ thể như sau:

- **Tiền và tương đương tiền**

**Bảng 46: Thông tin về tiền và khoản tương đương tiền của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | % Tăng/(giảm) 2025-2024 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Tiền mặt | 778 | 249 | (68,0%) | 1.584 |
| Tiền gửi ngân hàng | 154.615 | 47.121 | (69,5%) | 163.880 |
| Các khoản tương đương tiền(*) | 477.100 | 243.597 | (48,9%) | 43.900 |
| **Tổng cộng** | **632.493** | **290.967** | **(54,0%)** | **209.363** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

(*) Thể hiện khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng mức lãi suất dao động từ 3,5% đến 5,3% một năm tại các ngân hàng thương mại.

**Bảng 47: Thông tin về tiền và khoản tương đương tiền của Công ty (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | % Tăng/(giảm) 2024-2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|
| Tiền mặt | 246 | 109 | (55,7%) | 1.342 |
| Tiền gửi ngân hàng | 146.120 | 21.142 | (85,5%) | 91.497 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 335.000 | 241.697 | (27,9%) | 42.000 |
| **Tổng cộng** | **481.366** | **262.949** | **(45,4%)** | **134.839** |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

(*) Thể hiện khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng mức lãi suất dao động từ 3,5% đến 5,3% một năm tại các ngân hàng thương mại.

- **Đầu tư tài chính ngắn hạn**

**Bảng 48: Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (Hợp nhất)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Hợp nhất | | | Riêng lẻ | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
| **Ngắn hạn** | **650.069** | **1.001.682** | **663.786** | **607.396** | **826.875** | **741.964** |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 35.250 | 274.913 | 270.313 | 35.000 | 274.913 | 270.313 |
| Trái phiếu | 614.819 | 726.769 | 388.863 | 572.396 | 551.962 | 386.041 |
| Cho vay ngắn hạn (*) | - | - | 4.610 | - | - | 85.610 |
| **Dài hạn** | **10.000** | **10.000** | **13.000** | **9.000** | **9.000** | **165.300** |
| Trái phiếu | 10.000 | 10.000 | 13.000 | 9.000 | 9.000 | 12.000 |
| Cho vay dài hạn (*) | - | - | - | - | - | 153.300 |
| **Tổng cộng** | **660.069** | **1.011.682** | **676.786** | **616.396** | **835.875** | **907.264** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và quý 1/2026 tự lập*

(*) Đây là các khoản cho vay cán bộ nhân viên Công ty và CTCP Gốm Á Mỹ Hoa Sơn được hạch toán vào Phải thu về cho vay trong BCTC kiểm toán năm 2024 và 2025 trước khi Thông tư 99/2025/TT-BTC (thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC) được ban hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và 2025 chủ yếu bao gồm trái phiếu doanh nghiệp được phân loại tại bảng bên dưới, nhờ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh duy trì ổn định, Công ty tích lũy được lượng tiền nhàn rỗi đáng kể. Do đó, với mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, Công ty chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư bên ngoài nhằm gia tăng thu nhập tài chính. Công ty ưu tiên lựa chọn các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp, do các tổ chức hoạt động trong những lĩnh vực có khung pháp lý rõ ràng và minh bạch về tài chính là ngân hàng và công ty chứng khoán phân phối.

### Trái phiếu ngắn hạn và dài hạn

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và các công ty con của Á Mỹ nắm giữ 726,77 tỷ đồng (1/1/2025: 614,8 tỷ đồng) trái phiếu với kỳ hạn ngắn từ 1 tháng đến 6 tháng với lãi suất thực nhận từ 6,1%-9,2% và 10 tỷ đồng trái phiếu dài hạn với lãi suất thực nhận 5,98% – 6,45%. Thông tin về số dư trái phiếu như sau:

| Đơn vị phát hành | Công ty mua trái phiếu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/3/2026 | 10/06/2026 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | | **614.819.096.395** | **726.769.459.130** | **388.863.269.389** | **104.525.302.180** |
| ***Đơn vị phân phối:*** *Công ty Cổ phần Chứng khoán HD* | | | | | |
| Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 80.250.000.578 | 40.672.629.614 | 149.668.477.589 | - |
| Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet | CTCP Công nghiệp Hera | 39.430.946.000 | 17.291.850.423 | - | - |
| Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet | CTCP Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | - | 1.482.095.648 | - | - |
| Công ty Cổ phần Sovico | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 39.500.000.000 | 63.851.361.691 | 21.778.522.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 162.061.780.800 | 60.144.667.055 | 83.782.061.510 | 10.544.006.828 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | | 213.596.201.345 | 10.231.417.800 | - |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh | CTCP Công nghiệp Hera | 2.992.442.459 | 156.033.740.319 | 2.822.093.148 | - |
| ***Đơn vị phân phối:*** *Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) - CN Vĩnh Phúc* | | | | | |
| CTCP Bất động sản HANO - VID | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 54.450.320.852 | 27.238.270.677 | 17.773.388.551 | 12.460.897.575 |
| CTCP Bất động sản Mỹ | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 41.827.750.973 | 24.862.104.116 | 24.862.104.116 | 19.621.260.272 |
| CTCP Đầu tư Phát triển Bất động sản TNR Holdings Việt Nam | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | - | 67.288.596.450 | 51.027.375.348 | 34.981.308.178 |
| CTCP Đầu tư và Cho thuê Tài sản TNL | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 34.865.991.234 | 54.307.941.792 | 26.917.829.327 | 26.917.829.327 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Khách sạn TNH | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 9.437.944.009 | - | - | |

| ***Đơn vị phân phối:*** *Công ty Cổ phần chứng khoán VPBANK* | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 100.001.899.467 | - | - | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Phú Thịnh Phát | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 50.000.020.023 | - | - | - |
| **Dài hạn** | | **10.000.000.000** | **10.000.000.000** | **13.000.000.000** | **12.000.000.000** |
| Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | CTCP Công nghiệp Á Mỹ | 9.000.000.000 | 9.000.000.000 | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 |
| Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | CTCP Công nghiệp Hera | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | - |
| **Tổng cộng** | | **624.819.096.395** | **736.769.459.130** | **401.863.269.389** | **116.525.302.180** |

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/03/2026, Công ty và công ty con đã tất toán toàn bộ danh mục trái phiếu có giá trị ghi sổ cuối năm 2025 là 664.047.060.713 đồng. Tại ngày 31/03/2026, số dư trái phiếu ngắn hạn và dài hạn do Công ty cùng công ty con nắm giữ ghi nhận lần lượt là:

- Trái phiếu ngắn hạn: 388.863.269.389 đồng (trong đó giá trị trái phiếu mua mới chiếm 323.318.777.824 đồng).
- Trái phiếu dài hạn: 13.000.000.000 đồng (trong đó bao gồm 3.000.000.000 đồng trái phiếu mua mới của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ).

Tính đến ngày 10/06/2026, tổng giá trị trái phiếu Á Mỹ mà Công ty hiện sở hữu là 116.525.302.180 đồng, riêng công ty con của Á Mỹ đã tất toán và không còn nắm giữ trái phiếu. Lũy kế từ ngày 01/01/2026 đến ngày 10/06/2026, Công ty và công ty con đã bán ra lượng trái phiếu có tổng giá trị ghi sổ đạt 982.250.684.752 đồng, với mức lãi suất áp dụng cho các kỳ hạn từ 1 đến 6 tháng dao động từ 5,8% đến 8,8%/năm.

Thông tin về các tổ chức phát hành và các trái phiếu Công ty đang sở hữu tại 10/6/2026:

| STT | Đơn vị phát hành | Số GCN ĐKDN | Ngành nghề kinh doanh chính | Hình thức phát hành | Trạng thái |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico | 0101205067 | Hoạt động công ty nắm giữ tài sản | Trái phiếu riêng lẻ | Đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch TPDNRL |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | CTCP Bất động sản HANO - VID | 0105025361 | Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất | Trái phiếu phát hành ra công chúng | Đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch TPDNRL |
| 3 | CTCP Bất động sản Mỹ | 0102377213 | Kinh doanh bất động sản | Trái phiếu phát hành ra công chúng | Đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch TPDNRL |
| 4 | CTCP Đầu tư Phát triển Bất động sản TNR Holdings Việt Nam | 0107462896 | Kinh doanh bất động sản | Trái phiếu phát hành ra công chúng | Đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch TPDNRL |
| 5 | CTCP Đầu tư và Cho thuê Tài sản TNL | 0104907699 | Kinh doanh bất động sản | Trái phiếu phát hành ra công chúng | Đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch TPDNRL |
| 6 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 0100111948 | Hoạt động ngân hàng thương mại | Trái phiếu phát hành ra công chúng | Đăng ký niêm yết tại HNX |

Công ty và các công ty con lựa chọn mua trái phiếu của các công ty do đơn vị phân phối uy tín phân phối như Công ty Cổ phần Chứng khoán HD, Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) - CN Vĩnh Phúc, Công ty Cổ phần chứng khoán VPBANK và trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Cho đến nay, tất cả các trái phiếu Công ty và Công ty con mua đều được thanh toán gốc và lãi đúng hạn.

Tất cả các trái phiếu phát hành riêng lẻ đều được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức (hệ thống giao dịch TPDNRL). Các trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã niêm yết trên HNX. Các trái phiếu Công ty đã mua không có giao dịch thường xuyên trên hệ thống giao dịch nên không xác định được giá trị hợp lý.

**Đánh giá rủi ro đối với các khoản đầu tư trái phiếu**

Hoạt động đầu tư trái phiếu của Công ty và các công ty con được triển khai với mục tiêu tối ưu hóa việc sử dụng dòng tiền, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý vốn và gia tăng thu nhập tài chính ổn định. Bên cạnh đó, việc đầu tư vào các công cụ nợ có chất lượng cao giúp Công ty và các công ty con tạo thêm giá trị cho cổ đông, thông qua việc cải thiện lợi nhuận và tối ưu hóa cơ cấu tài sản trong khi vẫn duy trì mức độ rủi ro hợp lý. Đồng thời, thông qua việc tham gia vào thị trường trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp và các tổ chức tài chính uy tín, Công ty và các công ty con góp phần hỗ trợ thanh khoản và thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của nền kinh tế.

Các khoản đầu tư trái phiếu của Công ty và các công ty con có thể phát sinh một số rủi ro tài chính, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, và rủi ro lãi suất, đặc biệt trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp còn tiềm ẩn các biến động. Tuy nhiên, các rủi ro này được Công ty và các công ty con đánh giá là không cao và trong tầm kiểm soát nhờ vào việc đầu tư thận trọng kèm theo các quy tắc phòng ngừa rủi ro rõ ràng. Cụ thể, Công ty và các công ty con duy trì tỷ trọng đầu tư trái phiếu ở mức giới hạn dưới 13% tổng tài sản hợp nhất (đạt 11,75% trong năm 2024 và 12,81% trong năm 2025), qua đó hạn chế tác động tiêu cực tiềm tàng đến tình hình tài chính tổng thể.

Về rủi ro tín dụng, Công ty và các công ty con lựa chọn trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín, có lịch sử tài chính lành mạnh và khả năng trả nợ ổn định, qua đó giảm thiểu nguy cơ mất vốn hoặc chậm thanh toán. Đồng thời, danh mục đầu tư được tập trung chủ yếu vào trái phiếu ngắn hạn (kỳ hạn dưới 6 tháng), giúp hạn chế rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Ngoài ra, tại 31/12/2025 trái phiếu có giá trị ghi sổ 157.118 triệu VND (1/1/2025: 233.782 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con. Tại ngày 10/6/2026, trái phiếu được phân phối bởi Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) - CN Vĩnh Phúc và trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có số dư 105.981 triệu đồng đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng.

- **Hàng tồn kho**

**Bảng 49: Hàng tồn kho (Hợp nhất)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | 31/03/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi đường | 203.161 | - | 168.893 | - | 1.346 | - |
| Nguyên vật liệu | 369.970 | - | 373.225 | (8.107) | 529.172 | (8.107) |
| Công cụ và dụng cụ | 13 | - | 13 | - | 79 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 56.800 | - | 53.899 | - | 80.400 | - |
| Thành phẩm | 437.467 | - | 383.147 | (12.255) | 380.162 | (11.939) |
| Hàng hóa | 18.022 | - | 15.518 | - | 12.919 | - |
| Hàng gửi đi bán | 79 | - | 58.082 | - | 35 | - |
| **Tổng cộng** | **1.085.513** | **-** | **1.052.778** | **(20.362)** | **1.004.114** | **(20.046)** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, tự lập quý 1/2026*

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho 2025 tăng so với 2024

Tại ngày 31/12/2025, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 20.362 triệu VND, tăng so với đầu năm. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Công ty trích lập là dự phòng đối với thành phẩm (12.255 triệu VND) cao hơn nguyên vật liệu (8.107 triệu VND) do thành phẩm gắn với mẫu mã, kích thước, màu sắc và xu hướng thiết kế cụ thể của từng thị trường; nếu tiêu thụ chậm, sản phẩm có thể lỗi mốt và phải giảm giá để bán. Trong khi đó, nguyên vật liệu chủ yếu là các vật tư tiêu chuẩn như đất sét, bột đá, PVC và phụ gia, có tính ổn định cao, ít bị ảnh hưởng bởi xu hướng thị trường và vẫn có thể sử dụng cho nhiều đơn hàng khác, kể cả khi lưu kho trong thời gian dài.

Nguyên nhân của việc trích lập dự phòng chủ yếu là do trong năm 2025 Công ty mở rộng quy mô hoạt động, doanh thu thuần đạt 6.997.594 triệu VND (tăng 15,9% so với doanh thu thuần năm 2024), kéo theo giá trị hàng tồn kho và số lượng mã sản phẩm tăng đáng kể. Việc tăng dự phòng chủ yếu tập trung ở một số mã thành phẩm và nguyên vật liệu chậm luân chuyển. Đối với thành phẩm, đây chủ yếu là các mẫu mã tiêu thụ chậm hoặc không còn phù hợp với xu hướng thị trường; đối với nguyên vật liệu, chủ yếu là một số vật tư chuyên biệt có tốc độ sử dụng thấp. Công ty đã thực hiện trích lập theo nguyên tắc thận trọng nhằm phản ánh hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Đánh giá hiệu quả quản trị hàng tồn kho và phương án giảm thiểu

Tại ngày 31/12/2025, hàng tồn kho của Công ty đạt 1.052,8 tỷ đồng, chiếm khoảng 18,3% tổng tài sản hợp nhất, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 20,4 tỷ đồng, tương đương khoảng 1,9% giá trị hàng tồn kho. Đối với mức dự phòng này phần lớn hàng tồn kho vẫn có khả năng tiêu thụ và sử dụng bình thường, do đó rủi ro ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty là không trọng yếu.

Tỷ trọng hàng tồn kho ở mức dưới 20% tổng tài sản là phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất của Công ty trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, bao gồm gạch ốp lát và sàn SPC, là các ngành có chu kỳ sản xuất liên tục, cần duy trì tồn kho nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm để bảo đảm tiến độ giao hàng cho khách hàng trong nước và xuất khẩu. Với giá vốn hàng bán năm 2025 đạt khoảng 5.654.142 triệu VND, mức tồn kho bình quân tương đương khoảng 69 ngày giá vốn, tương ứng vòng quay hàng tồn kho khoảng 5,29 vòng/năm, là mức bình thường đối với doanh nghiệp sản xuất quy mô lớn có danh mục sản phẩm đa dạng và mạng lưới xuất khẩu rộng.

Rủi ro chủ yếu là khả năng giảm giá đối với một số mã thành phẩm chậm luân chuyển. Tuy nhiên, tỷ lệ dự phòng hiện tại ở mức thấp so với tổng hàng tồn kho, Công ty có phương án giảm thiểu trích lập dự phòng bằng cách chủ động trích lập đầy đủ theo nguyên tắc thận trọng và thường xuyên rà soát cơ cấu tồn kho, điều chỉnh kế hoạch sản xuất theo nhu cầu thị trường và đẩy mạnh tiêu thụ để hạn chế tối đa tổn thất phát sinh.

**Bảng 50: Hàng tồn kho (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | 31/03/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi đường | 203.161 | - | 168.893 | - | 1.346 | - |

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | 31/03/2026 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên vật liệu | 249.504 | - | 191.386 | (8.107) | 294.511 | (8.107) |
| Công cụ và dụng cụ | 13 | - | 14 | - | 79 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 48.889 | - | 39.221 | - | 61.910 | - |
| Thành phẩm | 307.026 | - | 232.974 | (11.086) | 248.801 | (11.086) |
| Hàng hóa | 2.490 | - | 4.816 | - | 3.143 | - |
| Hàng gửi đi bán | 79 | - | 58.082 | - | 35 | - |
| **Tổng cộng** | **811.162** | **-** | **695.387** | **(19.193)** | **609.825** | **(19.193)** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, tự lập quý 1/2026*

- **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

*Đơn vị: đồng*

**Bảng 51: Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Hợp nhất)**

| | Thuế suất | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| Doanh thu chưa thực hiện nhưng chịu thuế trong năm hiện hành | 20% | - | 15.133.731.701 |
| Giá vốn hàng bán liên quan đến doanh thu chưa thực hiện nhưng chịu thuế | 20% | - | (11.609.442.223) |
| Chênh lệch chi phí khấu hao giữa thuế và kế toán | 20% | - | 1.835.578.610 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch nội bộ | 20% | - | 1.317.745.467 |
| **Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại** | | **-** | **6.677.613.555** |

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, tự lập quý 1/2026*

Các khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời giữa ghi nhận kế toán và thuế. Cụ thể, Công ty ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với phần doanh thu chưa thực hiện đã tính thuế trong kỳ hiện hành, giá vốn liên quan đến các khoản doanh thu chưa thực hiện, chênh lệch chi phí khấu hao giữa kế toán và thuế, cùng với các khoản phát sinh từ giao dịch nội bộ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch nội bộ phát sinh chủ yếu từ việc Công ty mẹ chuyển nhượng tài sản cố định cho các công ty con, làm phát sinh chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ kế toán và giá trị tính thuế của tài sản. Bên cạnh đó, khoản mục này còn liên quan đến phần chi phí lãi vay được vốn hóa tại công ty con đối với các khoản vay từ Công ty mẹ.

Các khoản này sẽ được hoàn nhập và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong các kỳ tiếp theo khi điều kiện ghi nhận doanh thu, chi phí hoặc giao dịch liên quan được thực hiện theo quy định kế toán và thuế.

### *2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

**Tài sản cố định hữu hình**

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị: 5 – 12 năm
- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn: 1 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3 – 10 năm
- Tài sản khác: 10 năm

**Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất: được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận bằng chi phí đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 48 đến 49 năm.

Phần mềm máy vi tính: Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Công ty cam kết việc thực hiện thời gian khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Chính sách trích khấu hao của Công ty được thực hiện xuyên suốt, không thay đổi theo quy định của pháp luật.

### *2.1.3. Mức lương bình quân*

Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty năm 2025 đạt 18,2 triệu đồng/người/tháng.

**Bảng 52: Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---|---|---|
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 14,7 | 18,2 |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Thu nhập bình quân của người lao động của Công ty (hợp nhất) trong năm 2024 và năm 2025 lần lượt là: 14,7 triệu đồng/người/tháng và 18,2 triệu đồng/người/tháng. Dựa vào tổng số lượng

nhân viên và chi phí nhân công được trình bày tại BCTC đã được kiểm toán của các doanh nghiệp cùng ngành như Tổng công ty Viglacera, CTCP Vicostone, CTCP Gỗ An Cường và CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê , mức thu nhập của người lao động tại Tổ chức phát hành được xem là phù hợp với so với các doanh nghiệp cùng ngành và cao so với các doanh nghiệp trên cùng địa bàn tỉnh Phú Thọ (dưới 10 triệu đồng/tháng) do Công ty tận dụng được nguồn nhân lực tại địa phương.

**Bảng 53: Thu nhập bình quân của người lao động của các doanh nghiệp cùng ngành**

| Công ty | Số lượng nhân viên (*) | Tổng chi phí lương, chi phí nhân công (VNĐ) (*) | Thu nhập bình quân (**) (VNĐ/người/tháng) | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Năm 2024 | Năm 2025 |
| Tổng CTCP Viglacera (HOSE: VGC) | Năm 2024: 6.340<br>Năm 2025: 6.141 | Năm 2024: 1.451.031.732.596<br>Năm 2025: 1.736.448.232.094 | 19.072.447 | 23.563.592 |
| CTCP Vicostone (HOSE: VCS) | Năm 2024: 827<br>Năm 2025: 841 | Năm 2024: 117.106.957.785<br>Năm 2025: 149.092.414.037 | 11.800.379 | 14.773.327 |
| CTCP Gỗ An Cường (HOSE: ACG) | Năm 2024: 2.465<br>Năm 2025: 2.572 | Năm 2024: 588.843.532.678<br>Năm 2025: | 19.906.813 | 22.773.688 |
| CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (HOSE: PLP) | Năm 2024: 133<br>Năm 2025: | Năm 2024: 31.091.852.113<br>Năm 2025: | 19.481.110 | 15.160.150 |

*Nguồn: (*) BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025, (**) Vietcap tính toán*

### *2.1.4. Tình hình công nợ*

**Bảng 54: Tình hình công nợ của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Riêng lẻ | | | Hợp nhất | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
| Nợ phải thu | 1.465.191 | 1.345.703 | 1.240.958 | 1.143.441 | 1.182.121 | 1.260.224 |
| Nợ phải trả | 2.413.093 | 3.155.765 | 2.690.579 | 3.171.758 | 3.977.950 | 3.398.680 |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ và hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025, BCTC tự lập Quý 1/2026*

### *2.1.5. Các khoản phải thu*

**Bảng 55: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | % Tăng/(giảm) 2025-2024 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|
| **I. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **1.137.047** | **1.181.603** | **3,9%** | **1.259.706** |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 1.045.330 | 1.104.478 | 5,7% | 1.123.725 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 34.549 | 51.893 | 50,2% | 99.421 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 7.659 | 5.280 | (31,1%) | 0 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 79.302 | 58.888 | (25,7%) | 75.094 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | (29.949) | (38.952) | 30,1% | (38.952) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 155 | 16 | (89,7%) | 418 |
| **II. Các khoản phải thu dài hạn** | **6.394** | **518** | **(91,9%)** | **1.380** |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 6.394 | 518 | (91,9%) | 1.380 |
| **Tổng cộng** | **1.143.441** | **1.182.121** | **3,4%** | **1.261.086** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập*

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024 và 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất ghi nhận lần lượt 29,9 tỷ đồng và 38,9 tỷ đồng dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn. Tại ngày 31/03/2026, dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn vẫn giữ nguyên như tại 31/12/2025, Công ty và công ty con không phát sinh thêm bất kỳ các khoản phải thu quá hạn nào.

Trong các khoản phải thu hợp nhất của Công ty, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các năm qua. Tổng các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2025 là 1.181,6 tỷ đồng, tương đương 99,96% tổng khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn hợp nhất toàn Công ty. Tại ngày 31/3/2026 là 1.259,7 tỷ tương ứng với tỷ lệ 99,89%.

- **Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Bảng 56: Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| Novalis International Limited (1) | 335.835 | 660.215 | 743.497 |
| FD Sales Company LLC (2) | 115.738 | 89.256 | 75.239 |
| M S International, Inc. (3) | 176.269 | 58.954 | 9.170 |
| United Weavers of America (4) | 178.040 | 47.979 | 64.940 |
| Các khách hàng khác (5) | 239.448 | 248.074 | 230.879 |
| **Tổng cộng** | **1.045.330** | **1.104.478** | **1.123.725** |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và riêng lẻ Quý 1/2026*

(1) Công nợ xuất khẩu Tấm ốp lát SPC cho Novalis International Limited, số dư nguyên tệ tại 31/12/2025: 25,3 triệu USD tương ứng với 660.215 triệu VND (1/1/2025: 13,3 triệu USD tương ứng với 335.835 triệu VND).

(2) Công nợ xuất khẩu Gạch ốp lát cho FD Sales Company LLC, số dư nguyên tệ tại 31/12/2025: 3,4 triệu USD tương ứng với 89.256 triệu VND (đầu năm là 4,5 triệu USD tương ứng với 115.738 triệu VND)

(3) Công nợ xuất khẩu Tấm ốp lát SPC cho M S International, Inc., số dư nguyên tệ tại 31/12/2025: 2,2 triệu USD tương ứng với 58.954 triệu VND (đầu năm là 7,0 triệu USD tương ứng với 176.269 triệu VND)

(4) Công nợ xuất khẩu Tấm ốp lát SPC, Tấm ốp lát Composite, Phụ kiện Composite cho United Weavers of America, số dư nguyên tệ tại 31/12/2025: 1,8 triệu USD tương ứng với 47.979 triệu VND (đầu năm là 7 triệu USD tương ứng với 178.040 triệu VND)

(5) Khoảng gần 300 khách hàng khác có công nợ giá trị dưới 32.565 triệu VND trên mỗi công ty.

Tại thời điểm 31/03/2026, giá trị khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 1.123,7 tỷ đồng, tăng 1,74% so với thời điểm cuối năm 2025.

***Đánh giá ảnh hưởng rủi ro đối với phải thu đối tác nước ngoài***

Năm 2025, các khoản phải thu khách hàng của CTCP Công nghiệp Á Mỹ đạt 1.104 tỷ đồng, trong đó khoảng 77,54% tập trung ở các khách hàng nước ngoài lớn gồm Novalis International Limited, FD Sales Company LLC, M S International, Inc. và United Weavers of America. Riêng Novalis International Limited chiếm khoảng 59,8% tổng phải thu khách hàng của Công ty. Mức độ tập trung này cho thấy Á Mỹ có sự phụ thuộc nhất định vào một số đối tác chiến lược, dẫn đến rủi ro nếu các khách hàng này giảm đơn hàng, thay đổi nhà cung cấp hoặc gặp khó khăn tài chính. Bên cạnh đó, do phần lớn doanh thu đến từ hoạt động xuất khẩu, Công ty cũng đối mặt với các rủi ro về biến động nhu cầu tiêu dùng tại thị trường Mỹ, chính sách thương mại và tỷ giá.

Tuy nhiên, mức độ rủi ro được đánh giá ở mức chấp nhận được nhờ vị thế cạnh tranh của Việt Nam và Á Mỹ trong ngành vật liệu xây dựng, đặc biệt là sản phẩm sàn vinyl. Việt Nam hiện là quốc gia xuất khẩu sàn vinyl lớn nhất vào thị trường Mỹ với khoảng 46% thị phần năm 2025, vượt xa Trung Quốc (15%) và các quốc gia sản xuất khác. Xu hướng dịch chuyển đơn hàng khỏi Trung Quốc do các biện pháp thuế quan của Mỹ đã giúp Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất mới của ngành. So với Trung Quốc, Việt Nam có chi phí lao động chỉ bằng khoảng 42%, chi phí điện năng thấp hơn và ít chịu các biện pháp chống bán phá giá, qua đó tạo lợi thế đáng kể về giá thành và khả năng cạnh tranh.

Đối với riêng Á Mỹ, lợi thế không chỉ đến từ chi phí sản xuất mà còn từ năng lực phát triển sản phẩm. Công ty không chỉ đóng vai trò là nhà sản xuất gia công (OEM – Original Equipment Manufacturer), tức sản xuất theo thiết kế, mẫu mã và yêu cầu kỹ thuật do khách hàng cung cấp, mà còn từng bước chuyển dịch sang mô hình ODM (Original Design Manufacturer), trong đó Công ty chủ động nghiên cứu, thiết kế và phát triển sản phẩm mới trước khi cung cấp cho khách hàng. Trong hai năm gần đây, Công ty đã dần chuyển dịch từ mô hình OEM sang ODM, chủ động nghiên cứu xu hướng màu sắc, vân bề mặt và phát triển các bộ sưu tập phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng Mỹ. Hoạt động R&D liên tục giúp Công ty đưa ra các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, đồng thời xây dựng sự am hiểu sâu sắc về nhu cầu của từng phân khúc khách hàng. Ngoài ra, Á Mỹ sở hữu danh mục sản phẩm đa dạng gồm SPC, WPC, LVT, tấm ốp tường và các dòng sản phẩm vinyl thế hệ mới, cùng với hệ thống công nghệ sản xuất hiện đại và công suất lớn. Những yếu tố này tạo ra rào cản thay thế đáng kể, khiến các khách hàng lớn khó tìm được nhà cung cấp khác có khả năng đáp ứng đồng thời về chất lượng, quy mô, tốc độ phát triển sản phẩm mới và mức giá cạnh tranh tương đương Á Mỹ.

Do đó, mặc dù Công ty có mức độ tập trung công nợ tương đối cao ở một số khách hàng xuất khẩu lớn, rủi ro mất khách hàng được giảm thiểu nhờ lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong chuỗi cung ứng sàn vinyl toàn cầu và năng lực ODM, R&D, công nghệ sản xuất cũng như khả năng thấu hiểu thị trường Mỹ của Á Mỹ. Đây là những yếu tố hỗ trợ duy trì mối quan hệ hợp tác dài hạn với các khách hàng chiến lược và góp phần bảo đảm khả năng thu hồi công nợ của Công ty.

- Phải thu về cho vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2025 là 8 khoản cho vay với các cán bộ nhân viên của Công ty với lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tại thời điểm 31/3/2026, có 6 khoản cho vay giá trị gần 1,4 tỷ đồng đã được thu hồi, còn 2 khoản cho vay giá trị gần 3,9 tỷ chưa đến hạn thu hồi. Do áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2026, khoản cho vay này đang được theo dõi tại Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trên báo cáo tài chính quý 1/2026.
- Phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phí bản quyền hèm SPC (phải thu về đặt cọc), lãi tiền gửi và cho vay, phải thu khoản giải phóng mặt bằng, tiền ứng trước cho ban quản lý dự án, đặt cọc tiền thuê đất và ký cược ký quỹ.
- Dự phòng phải thu khó đòi:

Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và 2025 và báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2026, tình hình trích lập dự phòng phải thu khó đòi của Công ty như sau:

**Bảng 57: Khoản dự phòng phải thu khó đòi (Hợp nhất)**

| Khoản dự phòng phải thu khó đòi | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| Ngắn hạn | 29.949 | 38.952 | 38.952 |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập*

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập được thực hiện theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán và tại Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý ác khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Chi tiết các khoản phải thu khó đòi của Công ty tại ngày 31/12/2025:

**Bảng 58: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| GBI Tile & Stone INC | - | 19.327 | 19.327 |
| Amygres Pte, Ltd | 24.108 | 24.108 | 24.108 |
| Brown Trading Est | 2.937 | 2.937 | 2.937 |
| Glass Tile & Stone Inc | 309 | 312 | 312 |
| Arab Alsharq Est | - | 672 | 672 |
| Clover International | - | 225 | 225 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hoàng Thịnh Phát | 726 | 726 | 726 |
| Các đối tượng khác | 2.274 | 3.438 | 3.438 |
| **Tổng cộng** | **30.354** | **51.745** | **51.745** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026*

**Bảng 59: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi (Hợp nhất) năm 2025**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Đối tượng | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Nguyên nhân quá hạn | Khả năng thu hồi |
|---|---|---|---|---|---|---|
| GBI Tile & Stone Inc | 19.327 | (7.501) | 11.826 | Từ dưới 1 năm đến dưới 2 năm | Khách hàng đã ngừng giao dịch | Có khả năng thu hồi một phần |
| Amygress Pte, Ltd (*) | 24.108 | (24.108) | - | Từ trên 2 năm đến trên 3 năm | Khách hàng đã phá sản | Không có khả năng thu hồi |
| Brown Trading Est | 2.937 | (2.937) | - | Trên 3 năm | Khách hàng đã ngừng giao dịch | Không có khả năng thu hồi |
| Glass Tile & Stone Inc | 312 | (312) | - | Trên 3 năm | Khách hàng đã ngừng giao dịch | Không có khả năng thu hồi |
| Arab Alsharq Est | 672 | (672) | - | Trên 3 năm | Khách hàng đã ngừng giao dịch | Không có khả năng thu hồi |
| Clover International | 225 | (225) | - | Trên 3 năm | Khách hàng đã ngừng giao dịch | Không có khả năng thu hồi |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hoàng Thịnh Phát | 726 | (726) | - | Trên 3 năm | Khách hàng đã ngừng giao dịch | Không có khả năng thu hồi |
| Các khách hàng khác (17 khách hàng) (**) | 3.438 | (2.471) | 967 | Trên 6 tháng | Khách hàng đã ngừng giao dịch | Có khả năng thu hồi một phần |
| **Tổng cộng** | **51.745** | **(38.952)** | **12.793** | | | |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập; Á Mỹ cung cấp*

(*) Khoản phải thu khó đòi đối với Amygress Pte, Ltd: Tại 31/12/2024, Á Mỹ đã trích lập dự phòng toàn bộ (100%) đối với khoản nợ quá hạn của Amygres Pte, Ltd do khách hàng này đã đệ đơn phá sản và có phán quyết của tòa án về việc phá sản.

(**) Khoản phải thu khó đòi đối với Các khách hàng khác là khoản nợ xấu đối với 17 khách hàng, trong đó có khoản nợ xấu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sản xuất Minh Tiến (nợ quá hạn 6 tháng đến dưới 1 năm 1.381 triệu VND, trích lập 30%) và các khoản cộng nợ khó đòi của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại ACT với 16 khách hàng (nợ quá hạn từ 2 đến 3 năm và trên 3 năm số dư 2.057 triệu VND đã trích lập 100%).

***Đánh giá rủi ro và phương án giảm thiểu rủi ro đối với nợ xấu và nợ khó đòi***

- Các khoản công nợ được trích lập chủ yếu thuộc về các khách hàng đã ngừng giao dịch với Công ty từ thời điểm bắt đầu trích lập dự phòng, do đó Công ty đã chủ động đánh giá thận trọng và trích lập dự phòng ở mức cao, trong đó nhiều khoản nợ quá hạn trên 3 năm đã được trích lập 100% giá trị.
- Công ty đánh giá rủi ro ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh trong các kỳ tiếp theo là không trọng yếu. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty tiếp tục đôn đốc thu hồi công nợ, thực hiện các biện pháp pháp lý khi cần thiết, đồng thời tăng cường kiểm soát tín dụng và hạn chế phát sinh công nợ đối với các khách hàng có mức độ rủi ro cao.

**Bảng 60: Các khoản phải thu của Công ty (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | % Tăng/(giảm) 2025-2024 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|
| **I. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **1.161.340** | **1.192.403** | **2,7%** | **1.240.958** |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 1.096.975 | 1.076.482 | (1,9%) | 1.144.219 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 41.477 | 51.625 | 24,5% | 94.050 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 7.659 | 66.279 | 765,4% | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 43.293 | 34.911 | (19,4%) | 39.181 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | (28.203) | (36.894) | 30,8% | (36.894) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | - | (100,0%) | 402 |
| **II. Các khoản phải thu dài hạn** | **303.851** | **153.300** | **(49,5%)** | |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 101.005 | - | (100,0%) | - |
| Phải thu dài hạn khác | 202.846 | 153.300 | (24,4%) | - |
| **Tổng cộng** | **1.465.191** | **1.345.703** | **(8,2%)** | **1.240.958** |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý 1/2026*

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024 và 31/12/2025. Công ty mẹ không có bất kỳ các khoản phải thu quá hạn nào chưa được trích lập dự phòng.

- **Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Bảng 61: Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| **Bên liên quan – các công ty con** | | | |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT (1) | 501.189 | 245.115 | 292.383 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera (2) | 280.376 | 92.102 | 31.119 |
| Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn (3) | 45.888 | 81 | 2.466 |
| **Bên khác** | | | |
| Novalis International Limited (4) | 335.516 | 660.216 | 743.497 |
| Các công ty khác (5) | 35.012 | 78.968 | 74.756 |
| **Tổng cộng** | **1.197.981** | **1.076.482** | **1.144.219** |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và riêng lẻ Quý 1/2026*

(1) Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT bao gồm 2 phần:

- Công nợ CTCP Công nghiệp Á Mỹ ủy thác xuất khẩu cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT có số dư nguyên tệ tại 31/12/2025 là 9,27 triệu USD tương ứng với 241.764 triệu VND (1/1/2025: 17,3 triệu USD tương ứng với 435.912 triệu VND).
- Công nợ CTCP Công nghiệp Á Mỹ bán hàng hóa (Gạch và SPC) cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT có số dư tại 31/12/2025: 3.351 triệu VND (1/1/2025: 65.277 triệu VND).

(2) Phải thu Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera bao gồm 2 phần:

- Công nợ CTCP Công nghiệp Á Mỹ ủy thác xuất khẩu cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera có số dư có số dư nguyên tệ tại 31/12/2025 là 2,3 triệu USD tương ứng với 58.972 triệu VND (1/1/2025: 7,1 triệu USD tướng ứng với 179.370 triệu VND).
- Công nợ bán thành phẩm (gạch) và nguyên vật liệu sản xuất cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera số dư tại 31/12/2025: 33.129 triệu VND (1/1/2025: 101.006 triệu VND).

(3) Công nợ bán hàng hóa với Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn bao gồm 2 phần:

- Công nợ CTCP Công nghiệp Á Mỹ ủy thác xuất khẩu cho Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn có số dư có số dư nguyên tệ tại 31/12/2025 là 0,003 triệu USD tương ứng với 81 triệu VND (1/1/2025: 0,18 triệu USD tướng ứng với 4.546 triệu VND).
- Công nợ bán thành phẩm (SPC) và nguyên vật liệu sản xuất cho Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn số dư tại 31/12/2025: 0 VND (1/1/2025: 41.343 triệu VND).

(4) Công nợ xuất khẩu Tấm ốp lát SPC cho Novalis International Limited, số dư nguyên tệ tại 31/12/2025: 25,3 triệu USD tương ứng với 660.215 triệu VND (1/1/2025: 13,3 triệu USD tương ứng với 335.516 triệu VND).

(5) Công nợ bán thành phẩm, hàng hóa với các công ty có giá trị dưới 32.564 triệu VND trên mỗi công ty.

- **Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**Bảng 62: Trả trước cho người bán ngắn hạn (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| **Bên liên quan** | | | |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera – công ty con (1) | 25.500 | 12.504 | 38.806 |
| **Bên khác** | | | |
| Công ty TNHH Kết cấu thép cơ khí xây dựng Hưng Yên (2) | - | 12.164 | 14.045 |
| Công Ty TNHH Tư Vấn Kỹ Thuật Điện An Phát (3) | 300 | 4.038 | 1.974 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Cơ khí Đại Dương (4) | 112 | 3.495 | 3.537 |
| Nhà cung cấp khác (5) | 15.565 | 19.424 | 35.688 |
| **Tổng cộng** | **41.477** | **51.625** | **94.050** |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và riêng lẻ Quý 1/2026*

(1) Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera – công ty con là khoản phí bản quyền hèm liên quan đến sản phẩm sàn SPC, do Hera thu hộ, chi hộ khoản phí bản quyền hèm của Á Mỹ cho đơn vị sở hữu bản quyền hèm Unilin.

(2) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Kết cấu thép cơ khí xây dựng Hưng Yên là số dư tạm ứng theo các hợp đồng thi công, sản xuất và lắp dựng kết cấu thép cho một số hạng mục phụ trợ, phục vụ hoạt động sản xuất và vận hành tại các nhà máy của Công ty. Các hạng mục bao gồm: nhà để xe cho người lao động tại nhà máy SPC, nhà để xe cho người lao động tại nhà máy AMYGRES và nhà xưởng 2 tầng khu vực UV.

(3) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật điện An Phát là số dư tạm ứng liên quan đến các công việc tư vấn thiết kế, lắp đặt đầu cực, thí nghiệm và nghiệm thu hệ thống trạm biến áp phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty, bao gồm trạm biến áp số 5 – AMYGRES, trạm biến áp số 4 tại nhà máy SPC và trạm biến áp số 2. Tại ngày 01/01/2025, số dư chủ yếu là khoản tạm ứng cho công tác sửa chữa xử lý thấm dầu và bổ sung dầu máy biến áp 35KV.

(4) Khoản trả trước cho Công ty TNHH Xây dựng và Cơ khí Đại Dương là số dư tạm ứng/thanh toán cho việc thi công phần kết cấu các hạng mục nhà xưởng 2 tầng khu vực GM (khu vực giàn máy lưu trữ sau lò). Tại ngày 01/01/2025, số dư chủ yếu là khoản tạm ứng thi công xây dựng, sửa chữa các hạng mục công trình lắp đặt kho chất đốt sinh thái..

(5) Các khoản trả trước cho các nhà cung cấp có giá trị dưới 2.615 triệu VND mỗi nhà cung cấp.

- **Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn**

**Bảng 63: Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn (Riêng lẻ)**

| Chỉ tiêu | Năm đáo hạn | Lãi suất | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Phải thu cho vay ngắn hạn** | | | **7.659** | **66.280** | **85.610** |
| Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn – công ty con (1) | 2026 | 6% | - | 61.000 | 81.000 |
| Cán bộ nhân viên (2) | 2026 | 5 - 6,5% /năm | 7.659 | 5.280 | 4.610 |
| **Phải thu cho vay dài hạn** | | | **202.846** | **153.300** | **153.300** |
| Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn – công ty con (3) | 2027 | 6% | 202.846 | 33.300 | 33.300 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera– công ty con (4) | 2026 | 7,5% | - | 120.000 | 120.000 |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và riêng lẻ Quý 1/2026, Á Mỹ cung cấp*

(1) Phải thu về cho vay ngắn hạn 61 tỷ đồng tại 31/12/2025 (81 tỷ đồng tại 31/03/2026) đối với Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn là căn cứ trên Hợp đồng vay tiền ngày 01 tháng 02 năm 2024 (khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi trong năm 2026) giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ và Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn với mục đích thực hiện dự án sản xuất gạch ốp lát khổ lớn, đá thiêu kết và tấm ốp lát composite theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6100865188 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) cấp cho Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn, lãi suất 6%/năm, kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày phát sinh từng khoản vay. Giao dịch cho vay này đã được Hội đồng quản trị của CTCP Công nghiệp Á Mỹ thông qua theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

(2) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các hợp đồng cho vay với các cán bộ nhân viên của Công ty với lãi suất 6%/năm (1/1/2025: 5 - 6,5%/năm), không có tài sản đảm bảo. Đây là là các khoản cho vay với mục đích hỗ trợ cán bộ công nhân viên có thành tích tốt trong công việc. Công ty không có chính sách chung về việc cho vay cán bộ công nhân viên của Công ty mà Công ty có phương án hỗ trợ tài chính cho cán bộ công nhân viên trong một số trường hợp đặc biệt như xây dựng nhà ở, khám chữa bệnh hoặc các nhu cầu cấp thiết khác. Việc cho vay được thực hiện trên cơ sở xem xét từng trường hợp cụ thể và phải được phê duyệt bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty. Hiện nay, không có cán bộ công nhân viên nào đang có khoản vay với Công ty là cổ đông Công ty.

(3) Phải thu về cho vay dài hạn đối với Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn căn cứ trên Hợp đồng vay tiền ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ và Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn với mục đích thực hiện dự án sản xuất gạch ốp lát khổ lớn, đá thiêu kết và tấm ốp lát composite theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6100865188, lãi suất 6%/năm, kỳ hạn vay 24 tháng kể từ ngày phát sinh từng khoản vay. Giao dịch cho vay này đã được Hội đồng quản trị của CTCP Công nghiệp Á Mỹ thông qua theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

(4) Phải thu về cho vay dài hạn đối với Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera căn cứ trên Hợp đồng vay tiền ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ và Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera với mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ gốc vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera, lãi suất 7,5%/năm, kỳ hạn vay 13 tháng kể từ ngày phát sinh từng khoản vay. Giao dịch cho vay này đã được Hội đồng quản trị của CTCP Công nghiệp Á Mỹ thông qua theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý: Do áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2026, Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn được theo dõi tại Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trên báo cáo tài chính quý 1/2026.

### *2.1.6. Các khoản phải trả*

Các khoản phải trả và các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua. Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản phải trả và các khoản nợ bao gồm lãi và gốc, đảm bảo uy tín của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này và không vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng/cam kết với các đối tác.

**Bảng 64: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | % Tăng/(giảm) 2025-2024 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|
| **Nợ ngắn hạn** | **2.967.555** | **3.826.287** | **28,9%** | **3.244.907** |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 901.277 | 1.099.540 | 22,0% | 862.524 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 40.273 | 49.129 | 22,0% | 30.459 |
| Thuế và các khoản phải nộp | 210.909 | 220.434 | 4,5% | 49.657 |
| Phải trả người lao động | 71.527 | 78.651 | 10% | 30.800 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 47.471 | 39.339 | (17,1%) | 70.459 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 25 | 25 | 1,9% | 17 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 12.757 | 12.604 | (1,2%) | 19.734 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 1.683.317 | 2.326.564 | 38,2% | 2.181.257 |
| **Nợ dài hạn** | **204.202** | **151.664** | **(25.7%)** | **153.773** |
| Phải trả người bán dài hạn | 4.214 | 4.118 | (2,3)% | 6.227 |
| Phải trả dài hạn khác | 750 | 0 | (100,0%) | 0 |
| Vay dài hạn | 197.945 | 147.546 | (25.5%) | 147.546 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 1.293 | 0 | 100%) | 0 |
| **Tổng cộng** | **3.171.758** | **3.977.950** | **25,4%** | **3.398.680** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập*

**Bảng 65: Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | % Tăng/(giảm) 2025-2024 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|
| IVICT (Singapore) PTE., Ltd (1) | 238.558 | 264.763 | 11,0% | 202.425 |
| SACMI IMOLA S.C., (2) | - | 85.844 | Không áp dụng | - |
| Golden Sharp Corporation Limited (3) | 26.582 | 53.694 | 102,0% | 7.836 |
| NOVALIS International Limited (4) | 19.667 | 40.944 | 108,2% | 76.523 |
| Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam (5) | 79.270 | 39.719 | -49,9% | 22.371 |
| Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ và Thương mại Thuận Thành (6) | 57.043 | 32.821 | -42,5% | 23.360 |
| Các công ty khác (7) | 484.372 | 585.875 | 21,0% | 530.009 |
| **Tổng cộng** | **905.491** | **1.103.658** | **21,9%** | **862.524** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập*

(1) Công nợ nhập khẩu nguyên vật liệu PVC đối với IVICT (Singapore) PTE., Ltd có số dư nguyên tệ tại 31/12/2025 là 10,0 triệu USD tương ứng 264.763 triệu VND (1/1/2025: 9,3 triệu USD tương ứng 238.558 triệu VND).

(2) Công nợ nhập khẩu máy ép bigslab đối với SACMI IMOLA S.C., có số dư nguyên tệ tại 31/12/2025 là 2,7 triệu EUR tương ứng 85.844 triệu VND.

(3) Công nợ mua Dây chuyền trộn SPC, Dây chuyền đùn SPC, máy nghiền phế, máy dán đế, máy ép lạnh và mua nguyên liệu Film đối với Golden Sharp Corporation Limited có số dư nguyên tệ tại 31/12/2025 là 2,0 triệu USD tương ứng 53.694 triệu VND (mua Hệ thống máy tạo hèm, máy dán đế, dây chuyền đùn, máy ép lạnh, máy tạo hèm, máy dán, máy phào chỉ, nguyên liệu film có số dư tại 1/1/2025: 1,0 triệu USD tương ứng 26.582 triệu VND).

(4) Công nợ nhập khẩu nguyên vật liệu film và layer tháng 12/2025 đối với NOVALIS International Limited có số dư nguyên tệ tại 31/12/2025 là 1,6 triệu USD tương ứng với 40.944 triệu VND (1/1/2025: 0,8 triệu USD tương ứng 19.667 triệu VND).

(5) Công nợ mua nguyên vật liệu tấm đế đối với Công ty TNHH Runyang Technology Việt Nam.

(6) Công nợ mua nguyên vật liệu than cục đối với Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch Vụ và Thương Mại Thuận Thành.

(7) Công nợ với các công ty khác là khoản phải trả cho các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 32.326 triệu VND trên mỗi công ty.

**Bảng 66: Các khoản phải trả của Công ty (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | % Tăng/(giảm) 2025-2024 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|
| **Nợ ngắn hạn** | **2.413.092** | **3.092.465** | **28,2%** | **2.627.279** |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 809.539 | 1.073.984 | 32,7% | 846.729 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 3.702 | 2.873 | -22,4% | 2.959 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 197.168 | 190.765 | -3.2% | 45.732 |
| Phải trả người lao động | 44.337 | 46.845 | 5,7% | 18.785 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 45.778 | 36.017 | -21,3% | 34.901 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 11.942 | 11.910 | -0,3% | 13.930 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 25 | 25 | 0% | 17 |
| Vay ngắn hạn | 1.300.600 | 1.730.046 | 33,0% | 1.664.224 |
| **Nợ dài hạn** | **-** | **63.300** | | **63.300** |
| Người mua trả trước dài hạn | - | 63.300 | - | 63.300 |
| Vay dài hạn | - | - | - | - |
| **Tổng cộng** | **2.413.092** | **3.155.765** | **30.8%** | **2.690.578** |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập*

- **Tình hình thanh toán các khoản nợ**

**Bảng 67: Tổng dư nợ vay của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2024 | 31/12/2025 | % Tăng/(giảm) 2025-2024 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1. Vay ngắn hạn** | | | **1.683.317** | **2.326.564** | **38,21%** | **2.181.257** |
| **Vay ngắn hạn (*)** | | | **1.558.911** | **2.176.093** | **39,59%** | **2.112.404** |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 3,1% - 6,8% | 485.094 | 913.236 | 88,3% | 623.268 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên | VND | 3,64% - 7,2% | 471.432 | 420.800 | -10,7% | 659.407 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 4,35% - 6,3% | 34.617 | 170.289 | 391,9% | 292.830 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 4,8% | - | 149.820 | Không áp dụng | 100.136 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 3,6% - 6,4% | 382.484 | 202.467 | -47,1% | 404.694 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng | VND | 4,8% | 578 | - | -100,0% | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên | USD | 4% | - | 175.067 | Không áp dụng | 18.364 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | USD | 3,7% - 4% | - | 132.388 | Không áp dụng | 13.705 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | USD | 3,5%- 3,6% | 107.771 | 12.025 | -88,8% | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | USD | 3,6% | 76.936 | - | Không áp dụng | |
| **Vay dài hạn đến hạn trả** | | | **124.406** | **150.471** | **6,93%** | **68.853** |
| **2. Vay dài hạn (không bao gồm vay dài hạn đến hạn trả)** | | | **197.945** | **147.546** | **-16,65%** | **147.546** |
| Vay ngân hàng/tổ chức tài chính (*) | | | 197.945 | 147.546 | -25,46% | 147.546 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 8,3% - 12% | 86.284 | 48.173 | -31,9% | 48.173 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 8,3% - 11,5% | 111.661 | 40.728 | -30,7% | 40.728 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên | VND | 6,2%- 8,1% | - | 58.645 | Không áp dụng | 58.645 |
| **Tổng nợ vay** | | | **1.881.262** | **2.474.110** | **31,51%** | **2.329.803** |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập*

**Bảng 68: Tổng dư nợ vay của Công ty (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2024 | 31/12/2025 | % Tăng/(giảm) 2025 so với 2024 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1. Vay ngắn hạn** | | | **1.300.600** | **1.730.046** | **33,02%** | **1.664.224** |
| **Vay ngắn hạn ngân hàng (*)** | | | **1.300.600** | **1.730.046** | **33,02%** | **1.664.224** |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 4,4% - 6,5% | 333.616 | 688.561 | 106,4% | 433.844 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên | VND | 4,5% - 6,4% | 471.432 | 336.933 | -28,5% | 578.693 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 4,35% - 6,3% | 34.617 | 170.289 | 391,9% | 292.830 |
| Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 4,8% | - | 149.820 | Không áp dụng | 100.136 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | VND | 4,5% - 6,4% | 275.651 | 64.962 | -76,4% | 245.017 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng | VND | 4,8% | 578 | - | -100,0% | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên | USD | 4% | - | 175.067 | Không áp dụng | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | USD | 3,7% - 4% | - | 132.388 | Không áp dụng | 13.705 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | USD | 3,6% | 107.771 | 12.025 | -88,8% | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc | USD | 3,6% | 76.936 | - | Không áp dụng | - |
| **2. Vay dài hạn** | | | **-** | **-** | | **-** |
| Vay ngân hàng/tổ chức tài chính | | | - | - | Không áp dụng | - |
| **Tổng nợ vay** | | | **1.300.600** | **1.730.046** | **33,02%** | **1.664.224** |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập*

(*) Các khoản vay ngắn hạn với lãi suất 3,1% - 7,2%/năm và các khoản vay dài hạn với lãi suất 6,2 % - 12%/năm là các khoản vay bằng đồng VND và USD từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước, các khoản vay này được bảo đảm bằng các khoản đầu tư tài chính, phải thu ngắn hạn khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Công ty.

**Đánh giá, phân tích hoạt động vay nợ ngắn hạn và dài hạn**

Tại ngày 31/12/2025, tổng dư nợ vay của CTCP Công nghiệp Á Mỹ đạt 2.474 tỷ đồng, tăng 593 tỷ đồng, tương đương 31,5% so với đầu năm. Trong đó, dư nợ vay ngắn hạn đạt 2.176 tỷ đồng, chiếm 88,0% tổng dư nợ vay, trong khi dư nợ vay dài hạn đạt 298 tỷ đồng, chiếm 12,0%. Cơ cấu này cho thấy Công ty đang sử dụng chủ yếu nguồn vốn tín dụng ngắn hạn để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động và hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc sử dụng nợ vay ngắn hạn lớn có lãi suất thấp hơn nhiều so với vay dài hạn để Công ty tối ưu chi phí vay.

Trong năm 2025, dư nợ vay ngắn hạn tăng thêm 617 tỷ đồng, chủ yếu đến từ việc gia tăng hạn mức tín dụng tại BIDV, VietinBank, Vietcombank và một số khoản vay bằng USD. Việc gia tăng vay ngắn hạn diễn ra trong bối cảnh Công ty mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, đặc biệt khi nhà máy Hoa Sơn và dây chuyền mới của nhà máy Á Mỹ SPC đi vào vận hành thương mại, kéo theo nhu cầu vốn cho nguyên vật liệu, hàng tồn kho, các khoản phải thu khách hàng và chi phí vận hành tăng lên. Điều này cho thấy nguồn vốn vay đang được sử dụng để hỗ trợ tăng trưởng hoạt động kinh doanh cốt lõi thay vì tài trợ cho các khoản đầu tư tài chính hoặc các hoạt động ngoài ngành.

Ngược lại, dư nợ vay dài hạn giảm từ 322 tỷ đồng xuống còn 298 tỷ đồng. Đồng thời, phần nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng tăng từ 124 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng, phản ánh việc các khoản vay đầu tư trước đây đang bước vào giai đoạn trả nợ gốc. Sau khi loại trừ phần đến hạn trả trong năm tiếp theo, dư nợ dài hạn thực tế còn lại chỉ đạt 148 tỷ đồng, giảm 25,5% so với đầu năm. Xu hướng này cho thấy Công ty đang từng bước thu hẹp nghĩa vụ nợ trung và dài hạn, đồng thời chưa phát sinh các khoản vay đầu tư mới có quy mô lớn trong năm 2025.

Xét về cơ cấu chủ nợ, nguồn vốn vay của Công ty được tài trợ chủ yếu bởi các ngân hàng thương mại hàng đầu như BIDV, VietinBank, Vietcombank, MSB và VPBank. Việc duy trì quan hệ tín dụng với nhiều tổ chức tín dụng lớn giúp Công ty đa dạng hóa nguồn vốn, giảm phụ thuộc vào một chủ nợ duy nhất và tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, BIDV và VietinBank là hai đối tác tín dụng lớn nhất, đồng thời cũng là các ngân hàng tài trợ cho các khoản vay đầu tư trung và dài hạn của Công ty.

Về chi phí vốn, các khoản vay ngắn hạn bằng VND có lãi suất dao động từ 3,1% đến 6,8%/năm, trong khi các khoản vay dài hạn có lãi suất từ 6,2% đến 12%/năm. Mặt bằng lãi suất này được đánh giá tương đối phù hợp đối với doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, đồng thời phản ánh khả năng tiếp cận tín dụng tương đối tốt của Công ty. Việc tăng tỷ trọng vay ngắn hạn cũng góp phần giúp Công ty tận dụng được nguồn vốn có chi phí thấp hơn so với vay dài hạn.

Toàn bộ các khoản vay được bảo đảm bằng các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình. Giá trị tài sản bảo đảm lớn cho thấy Công ty vẫn còn nền tảng tài sản tương đối tốt để hỗ trợ khả năng tiếp cận vốn tín dụng.

Nhìn chung, cơ cấu nợ vay năm 2025 phản ánh giai đoạn tăng trưởng và mở rộng hoạt động của Công ty. Việc dư nợ vay tăng chủ yếu đến từ các khoản vay ngắn hạn phục vụ vốn lưu động cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh đang được mở rộng và có nhu cầu vốn lớn hơn. Bên cạnh đó, dư nợ dài hạn được duy trì ở mức hợp lý và có xu hướng giảm dần, giúp hạn chế áp lực chi phí tài chính dài hạn. Tuy nhiên, tỷ trọng nợ vay ngắn hạn ở mức cao cũng làm gia tăng yêu cầu đối với công tác quản trị dòng tiền, tốc độ thu hồi công nợ và khả năng luân chuyển hàng tồn kho nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn trong những năm tiếp theo.

**Dòng tiền của Công ty năm 2024, 2025**

Năm 2025, CTCP Công nghiệp Á Mỹ tiếp tục duy trì khả năng tạo tiền tốt từ hoạt động kinh doanh với dòng tiền thuần đạt 899 tỷ đồng theo số liệu hợp nhất, mặc dù giảm 13,5% so với mức 1.040 tỷ đồng của năm 2024. Dòng tiền kinh doanh dương ở mức cao cho thấy hoạt động cốt lõi của Công ty vẫn vận hành hiệu quả và tạo nguồn tiền ổn định để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính. Với chi phí lãi vay thực trả khoảng 107 tỷ đồng trong năm, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh cao gấp hơn 8 lần nghĩa vụ thanh toán lãi vay, phản ánh khả năng thanh toán nợ vay ở mức an toàn.

Tuy nhiên, lưu chuyển tiền thuần năm 2025 ghi nhận âm 342 tỷ đồng, trong khi năm 2024 dương 380 tỷ đồng, làm số dư tiền và tương đương tiền cuối năm giảm từ 632 tỷ đồng xuống còn 291 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ dòng tiền đầu tư âm 708 tỷ đồng và dòng tiền tài chính âm 532 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã chi khoảng 425 tỷ đồng để đầu tư tài sản cố định, đồng thời thực hiện chi trả cổ tức lên tới 1.133 tỷ đồng. Do đó, dòng tiền âm chủ yếu phản ánh nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và chính sách phân phối lợi nhuận cho cổ đông, thay vì xuất phát từ sự suy giảm của hoạt động kinh doanh.

Nhìn chung, mặc dù lượng tiền mặt cuối năm giảm đáng kể, Công ty vẫn duy trì khả năng thanh khoản tương đối tốt nhờ dòng tiền kinh doanh ổn định, khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng lớn từ các ngân hàng và năng lực tạo tiền đủ để đáp ứng các nghĩa vụ nợ vay trong ngắn hạn và trung hạn.

**Về khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn**

Tại ngày 31/03/2026, dư nợ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty là 2.181 tỷ đồng. Tuy nhiên, khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn của Công ty không chỉ phụ thuộc vào số dư tiền và tương đương tiền tại một thời điểm mà được bảo đảm bởi nhiều nguồn tiền và tài sản có tính thanh khoản cao.

Nguồn thanh toán các khoản vay ngắn hạn của Công ty được bảo đảm từ nhiều nguồn, bao gồm:

- Dòng tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các khoản phải thu khách hàng phát sinh từ hoạt động xuất khẩu và tiêu thụ sản phẩm trong nước;
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và các tài sản tài chính đến hạn thu hồi trong kỳ, có thể chuyển đổi thành tiền để bổ sung nguồn thanh toán;
- Dòng tiền tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên với quy mô doanh thu lớn, vòng quay vốn lưu động ổn định và khả năng tạo lợi nhuận liên tục;
- Các hạn mức tín dụng ngắn hạn và tín dụng lưu động đã được các ngân hàng thương mại cấp, phục vụ nhu cầu vốn lưu động theo chu kỳ kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì hệ thống quản trị dòng tiền và công nợ chặt chẽ nhằm bảo đảm khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn. Trong trường hợp khách hàng thanh toán chậm hơn kế hoạch, Công ty có thể chủ động triển khai đồng thời nhiều giải pháp nhằm duy trì thanh khoản và đáp ứng đầy đủ nghĩa vụ đối với các tổ chức tín dụng, bao gồm:

- Theo dõi, đánh giá thường xuyên tình hình công nợ phải thu; thiết lập hạn mức tín dụng và kiểm soát điều kiện thanh toán đối với từng khách hàng trên cơ sở năng lực tài chính và lịch sử giao dịch;

- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, thực hiện đối chiếu và nhắc nợ định kỳ, đồng thời áp dụng các biện pháp bảo đảm thanh toán phù hợp đối với các khách hàng có mức độ rủi ro cao;
- Sử dụng các sản phẩm tài trợ thương mại của ngân hàng và tổ chức tài chính như chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán (factoring), xác nhận thanh toán L/C và các hình thức tài trợ khoản phải thu khác nhằm chuyển đổi nhanh các khoản phải thu thành tiền mặt;
- Chủ động sử dụng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và tiền gửi đến hạn để bổ sung nguồn vốn thanh toán khi cần thiết;
- Duy trì quan hệ tín dụng với nhiều ngân hàng thương mại lớn, qua đó có khả năng cơ cấu lại kỳ hạn vốn lưu động hoặc sử dụng các hạn mức tín dụng dự phòng trong trường hợp phát sinh nhu cầu thanh khoản ngắn hạn.

Ngoài ra, Công ty hiện đang sử dụng bảo hiểm tín dụng thương mại (bảo hiểm công nợ) đối với một số khách hàng và thị trường xuất khẩu phù hợp. Thông qua các tổ chức bảo hiểm tín dụng quốc tế, Công ty được hỗ trợ đánh giá năng lực tài chính, xếp hạng tín dụng và cảnh báo sớm các rủi ro thanh toán của khách hàng, giúp chủ động kiểm soát rủi ro trước khi ký kết hợp đồng hoặc mở rộng hạn mức bán hàng.

Trong trường hợp phát sinh nợ quá hạn hoặc khách hàng mất khả năng thanh toán thuộc phạm vi bảo hiểm, Công ty có thể được bồi thường theo tỷ lệ bảo hiểm đã thỏa thuận, qua đó giảm thiểu tổn thất tài chính, bảo vệ dòng tiền và hạn chế ảnh hưởng đến khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn.

Việc kết hợp giữa hệ thống quản trị công nợ chặt chẽ, bảo hiểm tín dụng thương mại, các công cụ tài trợ thương mại và nguồn tài sản tài chính có tính thanh khoản cao giúp Công ty chủ động quản trị rủi ro thanh khoản, duy trì dòng tiền ổn định và bảo đảm khả năng thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ gốc và lãi vay đối với các tổ chức tín dụng.

### *2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định*

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Bảng 69: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | (4.632) | (5.259) | (3.905) |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | 65 | 65 | 58 |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | - | (156) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 201.988 | 207.280 | 46.925 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 6.518 | 11.550 | (2.023) |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | (5.195) | (4.573) | (4.573) |
| Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác | 0 | 1.001 | (3.274) |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 826 | (4.818) | (285) |

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| Tổng cộng | **199.570** | **205.246** | **32.768** |
| Trong đó: | | | |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | (11.339) | (15.187) | (16.889) |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 210.909 | 220.434 | 49.657 |

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập*

**Bảng 70: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Riêng lẻ)**

*Đơn vị: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | 31/12/2025 | 31/03/2026 |
|---|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | (5.764) | (5.764) | (5.764) |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | 65 | 65 | 65 |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | - | (67) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 190.825 | 181.113 | 45.667 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 6.276 | 9.586 | (1.831) |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | (5.196) | (4.573) | (4.573) |
| Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác | - | - | |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 2 | (263) | (282) |
| **Tổng cộng** | **186.209** | **180.165** | **45.732** |
| ***Trong đó*** | | | |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | (10.600) | (10.600) | (12.516) |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 197.169 | 190.765 | 45.732 |

*Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2024, 2025 được kiểm toán và Quý 1/2026 tự lập*

Theo Công văn số 1234/PTH-QLDN2 ngày 09/04/2026 của Cục thuế tỉnh Phú Thọ về việc xác nhận nợ thuế, Cục thuế tỉnh Phú Thọ xác nhận: căn cứ dữ liệu trên hệ thống quản lý thuế tập trung TMS của cơ quan thuế tại ngày 09/04/2026, Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ không có tiền thuế nợ với Thuế tỉnh Phú Thọ.

### *2.1.8. Trích lập các quỹ*

Công ty không thực hiện việc trích lập các quỹ các năm gần đây.

### *2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất*

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2025 đến nay, trong quá trình sản xuất kinh doanh không có những biến biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty.

## *2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

### *2.2.1. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu*

**Bảng 71: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)**

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| **1. Khả năng thanh toán** | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>*Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn* | Lần | 1,22 | 0,97 |
| Hệ số thanh toán nhanh<br>*(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn* | Lần | 0,85 | 0,70 |
| **2. Cơ cấu vốn** | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 59,6% | 69,2% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 147,8% | 224,4% |
| **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Năm 2024** | **Năm 2025** |
| **3. Năng lực hoạt động** | | | |
| Vòng quay tổng tài sản<br>*Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân* | Vòng | 1,28 | 1,26 |
| Vòng quay vốn lưu động<br>*Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân* | Vòng | 1,97 | 1,92 |
| Vòng quay hàng tồn kho<br>*Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân* | Vòng | 4,57 | 5,34 |
| **4. Khả năng sinh lời** | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)<br>*Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần* | % | 13,0% | 10,2% |
| Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)<br>*Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân* | % | 16,7% | 12,9% |
| Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)<br>*Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân* | % | 49,8% | 41,3% |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) (*) | Đồng/cp | 5.490 | 4.995 |

*Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025*

(*) Thu nhập trên cổ phần (EPS) được tính trên cơ sở số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đã điều chỉnh hồi tố đối với các đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2025 và sau ngày kết thúc năm tài chính (30/03/2026), nhằm đảm bảo tính so sánh giữa các kỳ.

**Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty**

- ***Về khả năng thanh toán***

  Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng hoàn thành các nghĩa vụ nợ trong ngắn hạn của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp không rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt mức 0,97 lần tại thời điểm cuối năm 2025, giảm đáng kể so với tỷ lệ 1,22 lần tại thời điểm cuối năm 2024. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt mức 0,7 lần tại thời điểm cuối năm 2025, giảm nhẹ so với tỷ lệ 0,85 lần tại thời điểm năm 2024.

- ***Về cơ cấu vốn***

Kể từ năm 2024 cơ cấu vốn của công ty vẫn duy trì ở mức hợp lý. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng nhẹ từ 59,6% lên 69,2% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 147,8% năm 2024 lên 224,4% tại cuối năm 2025.

- ***Về năng lực hoạt động***

Vòng quay tổng tài sản được duy trì ở mức 1,28 vòng năm 2024 và 1,26 vòng năm 2025; vòng quay vốn lưu động đạt 1,97 vòng và 1,92 vòng, cho thấy tài sản và vốn lưu động được luân chuyển hiệu quả để tạo doanh thu. Đồng thời, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 4,57 vòng lên 5,34 vòng, phản ánh khả năng chuyển đổi hàng tồn kho thành doanh thu ngày càng được cải thiện.

- ***Về khả năng sinh lời***

Các chỉ số sinh lời của Công ty năm 2025 duy trì ở mức tốt, với ROS, ROA và ROE lần lượt đạt 10,2%, 12,9% và 41,3%. Biến động chủ yếu gắn với thay đổi cơ cấu hoạt động trong quá trình mở rộng quy mô.

Mặc dù hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,22 lần tại ngày 31/12/2024 xuống 0,97 lần tại ngày 31/12/2025 và tương ứng hệ số thanh toán nhanh giảm từ 0,85 lần xuống 0,70 lần do nhu cầu vốn lưu động phục vụ tăng trưởng kinh doanh và xuất khẩu, Công ty vẫn duy trì khả năng tạo lợi nhuận ở mức cao với ROS đạt 10,2%, ROA đạt 12,9% và ROE đạt 41,3% trong năm 2025. Các chỉ tiêu này cho thấy hoạt động kinh doanh tiếp tục tạo ra nguồn tiền và lợi nhuận đáng kể để hỗ trợ khả năng thanh toán nợ vay. Việc các hệ số thanh toán giảm chủ yếu xuất phát từ nhu cầu gia tăng vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng trưởng xuất khẩu, thay vì phản ánh sự suy giảm khả năng thanh toán của Công ty.

**Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty:** Không có.

### *2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (riêng lẻ)*

**Bảng 72: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Riêng lẻ)**

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| **1. Khả năng thanh toán** | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>*Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn* | Lần | 1,30 | 1,00 |
| Hệ số thanh toán nhanh<br>*(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn* | Lần | 0,96 | 0,78 |
| **2. Cơ cấu vốn** | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 56,1% | 67,8% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 128,0% | 210,3% |
| **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Năm 2024** | **Năm 2025** |
| **3. Năng lực hoạt động** | | | |
| Vòng quay tổng tài sản<br>*Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân* | Vòng | 1,51 | 1,44 |
| Vòng quay vốn lưu động | Vòng | 2,14 | 2,07 |

| Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2024 | 31/12/2025 |
|---|---|---|---|
| *Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân* | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho<br>*Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân* | Vòng | 5,89 | 7,08 |
| **4. Khả năng sinh lời** | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)<br>*Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần* | % | 13,4% | 11,2% |
| Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)<br>*Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân* | % | 20,3% | 16,1% |
| Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)<br>*Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân* | % | 48,8% | 42,7% |

*Nguồn: Tính toán từ BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024 và 2025*

**Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính của Công ty (Riêng lẻ)**

- ***Về khả năng thanh toán***

  Các chỉ số về khả năng thanh toán cho thấy khả năng hoàn thành các nghĩa vụ nợ trong ngắn hạn của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp không rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt mức 1,0 lần tại thời điểm cuối năm 2025, giảm đáng kể so với tỷ lệ 1,3 lần tại thời điểm cuối năm 2024. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt mức 0,78 lần tại thời điểm cuối năm 2025, giảm 0,18 lần so với mức năm 2024.

- ***Về cơ cấu vốn***

  Công ty duy trì một cơ cấu vốn an toàn. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng nhẹ từ mức 56,1% năm 2024 lên 67,8% tại thời điểm cuối năm 2025.

- ***Về năng lực hoạt động***

  Vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động năm 2025 lần lượt là 1,44 vòng và 2,07 vòng, giảm nhẹ so với chỉ số năm 2024, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu thuần tăng 14,3%, tổng tài sản tăng 20% trong khi tài sản ngắn hạn tăng 18,2%.

- ***Về khả năng sinh lời***

  Các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty giảm nhẹ trong năm 2025 do kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty giảm nhẹ. Vì vậy, chỉ số ROA và ROE của Công ty trong năm 2025 lần lượt đạt mức 16,1% và 42,7% so với năm 2024.

**Ý kiến của tổ chức kiểm toán về các chỉ tiêu tài chính của Công ty:** Không có.

## 3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết

### *3.1. Ý kiến Báo cáo tài chính năm 2024*

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty tại Báo cáo kiểm toán độc lập số: 24-02-00580-25-02 ngày 16/05/2025: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ*

*hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.".*

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty tại Báo cáo kiểm toán độc lập số: 24-02-00580-25-01 ngày 29/04/2025: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

### *3.2. Ý kiến Báo cáo tài chính năm 2025*

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty tại Báo cáo kiểm toán độc lập số: 25-02-00711-26-2 ngày 06/04/2026: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.".*

Ý kiến của Công ty TNHH KPMG, tổ chức đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Công ty tại Báo cáo kiểm toán độc lập số: 25-02-00711-26-1 ngày 28/03/2026: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*

## 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

### *4.1. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận và cổ tức năm 2025-2026*

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Á Mỹ được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2026/NQ – ĐHĐCĐ-AMY ngày 20/04/2026.

**Bảng 73: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2026 trên cơ sở hợp nhất**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2026 | | Thực hiện Quý 1/2026 |
|---|---|---|---|---|
| | Thực hiện | Kế hoạch | % tăng/giảm so với năm trước | Thực hiện |
| Tổng doanh thu thuần | 6.998 | 9.063 | 29,5% | 1.786 |
| Lợi nhuận sau thuế | 750,7 | 935 | 24,6% | 194 |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Tổng doanh thu thuần | 10,73% | 10,32% | -3,82% | 10,84% |
| Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân | 38,32% | 35,2% | -8,14% | 10,41% |
| Tỷ lệ cổ tức (Cổ tức/mệnh giá cổ phiếu) | Cổ tức tiền mặt: 115%<br>Cổ tức cổ phiếu: 22% | Từ 25% đến 40% | | Cổ tức cổ phiếu: 26% |

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2026 tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/2026/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 20/04/2026.

*Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ*

### *4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nói trên*

➢ **Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận**

Trong năm 2026, Công ty định hướng tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì vị thế trong các lĩnh vực vật liệu xây dựng hiện hữu. Với kết quả kinh doanh tích cực năm 2025 khi doanh thu thuần đạt 6.998 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 750,7 tỷ đồng, Công ty đặt kế hoạch năm 2026 với doanh thu thuần 9.063 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 935 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng lần lượt khoảng 29,5% và 24,6% so với thực hiện năm trước. Trong quý 1/2026, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.785,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 193,6 tỷ đồng, tạo nền tảng tích cực cho việc hoàn thành kế hoạch năm.

Trên cơ sở đó, Công ty tiếp tục tập trung phát triển các định hướng chiến lược dài hạn như sau:

- **Tự chủ toàn diện chuỗi cung ứng:** Công ty hướng tới nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và chủ động nguồn cung nguyên vật liệu, gia tăng tỷ lệ sử dụng nguyên liệu trong nước nhằm chủ động nguồn cung, giảm phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu và hạn chế các rủi ro liên quan đến biến động thuế quan, chi phí logistics và chính sách thương mại quốc tế đối với các sản phẩm có thành phần nhập khẩu. Đối với nhóm sản phẩm gạch ốp lát, Công ty đã sử dụng phần lớn nguyên liệu trong nước. Đối với nhóm sản phẩm vinyl/SPC, Công ty tiếp tục tìm kiếm và đánh giá các nhà cung cấp nguyên liệu phù hợp, tối ưu công thức sản xuất và tăng cường kiểm soát tồn kho nhằm hạn chế rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào.

- **Nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường:** Công ty tập trung phát triển các dòng vật liệu xây dựng chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu tại các thị trường chủ lực như Mỹ và mở rộng sang các thị trường mới có tiềm năng tăng trưởng như Nam Mỹ, châu Âu, châu Á và thị trường nội địa. Việc mở rộng thị trường giúp Công ty giảm mức độ phụ thuộc vào một thị trường đơn lẻ và hạn chế tác động nếu chính sách thương mại tại một thị trường thay đổi bất lợi.
- **Tăng cường kiểm soát xuất xứ hàng hóa và minh bạch chuỗi cung ứng:** Công ty tiếp tục hoàn thiện hồ sơ chứng minh nguồn gốc nguyên liệu, quy trình sản xuất tại Việt Nam, hồ sơ nhập khẩu nguyên liệu, định mức sản xuất và chứng từ xuất khẩu để đáp ứng yêu cầu kiểm tra của khách hàng, cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý tại thị trường nhập khẩu.
- **Tối ưu chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả vận hành:** Công ty tiếp tục cải tiến quy trình sản xuất, tối ưu định mức nguyên vật liệu, nâng cao tỷ lệ thành phẩm đạt chuẩn, giảm hao hụt, tăng hiệu suất dây chuyền và kiểm soát chi phí logistics. Đây là giải pháp quan trọng nhằm bù đắp một phần áp lực giảm biên lợi nhuận trong bối cảnh cạnh tranh và biến động chính sách thương mại.
- **Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D):** Công ty tiếp tục phát huy năng lực nghiên cứu sản phẩm mới dựa trên đội ngũ kỹ thuật và ban lãnh đạo có nhiều kinh nghiệm trong ngành vật liệu xây dựng và gạch ốp lát. Định hướng R&D tập trung vào các dòng sản phẩm thân thiện môi trường, an toàn cho người sử dụng, có tính thẩm mỹ cao và phù hợp xu hướng tiêu dùng hiện đại. Công ty ưu tiên phát triển sản phẩm mới theo hướng chọn lọc, tập trung vào các dòng sản phẩm có nhu cầu thị trường rõ ràng, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, an toàn, độ bền và tính thẩm mỹ của các khách hàng quốc tế. Công ty ưu tiên các sản phẩm có khả năng nâng cao giá trị gia tăng, gia tăng khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu từ các quốc gia khác và phù hợp với xu hướng tiêu dùng tại các thị trường phát triển.
- **Duy trì quan hệ dài hạn với các khách hàng lớn và tăng cường năng lực đáp ứng đơn hàng.** Công ty tiếp tục phối hợp với khách hàng trong việc phát triển mẫu mã, cải tiến tiêu chuẩn kỹ thuật, tối ưu lịch giao hàng và cơ chế thương mại phù hợp, qua đó duy trì đơn hàng ổn định, giảm rủi ro gián đoạn doanh thu và nâng cao khả năng cạnh tranh trong dài hạn.

Với các giải pháp nêu trên, Công ty đánh giá các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty như biến động về thuế quan, phòng vệ thương mại và chi phí phát triển sản phẩm mới có thể tạo áp lực nhất định lên biên lợi nhuận trong ngắn hạn, nhưng chưa làm thay đổi nền tảng hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty. Công ty sẽ tiếp tục theo dõi sát diễn biến chính sách tại các thị trường xuất khẩu, chủ động điều chỉnh kế hoạch kinh doanh và cơ cấu sản phẩm nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

**Đối với từng lĩnh vực hoạt động cụ thể:**

- **Gạch ốp lát và ngói**

Trong lĩnh vực gạch ốp lát và ngói, Công ty tiếp tục duy trì vị thế là một trong những nhà cung cấp lớn trên thị trường nội địa. Năm 2025, sản lượng gạch tiêu thụ tăng nhẹ 0,2% so với cùng kỳ, trong khi sản lượng ngói giảm 12,1% do ảnh hưởng của nhu cầu thị trường xây dựng dân dụng. Tuy nhiên, doanh thu toàn mảng vẫn đạt khoảng 2.315 tỷ đồng với biên lợi nhuận gộp đạt 20,4%, cho thấy hiệu quả hoạt động và khả năng duy trì biên lợi nhuận ổn định của Công ty.

Bên cạnh việc duy trì hệ thống phân phối truyền thống, Công ty tiếp tục tập trung phát triển các dòng sản phẩm cao cấp, mẫu mã đa dạng và ứng dụng công nghệ bề mặt hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

- **Sàn vinyl (SPC, WPC, LVT)**

Sàn vinyl tiếp tục là lĩnh vực tăng trưởng trọng điểm của Công ty. Trong năm 2025, tổng sản lượng sản phẩm vinyl tiêu thụ tăng 36,7% so với năm 2024, doanh thu đạt khoảng 4.500 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp đạt 19,3%, đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận hợp nhất.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng từ thị trường xuất khẩu, Công ty đang triển khai dự án nâng cấp dây chuyền sản xuất và cải tạo nhà máy SPC nhằm nâng cao công suất, tối ưu hiệu quả vận hành và cải thiện chất lượng sản phẩm. Việc đầu tư này giúp Công ty duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu sàn SPC hàng đầu vào thị trường Mỹ, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh trong bối cảnh yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng quốc tế ngày càng cao.

Song song với hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh, Công ty tiếp tục phát huy các lợi thế cạnh tranh hiện có:

- **Chuỗi giá trị khép kín:** Công ty từng bước hoàn thiện chuỗi cung ứng từ sản xuất nguyên vật liệu, sản xuất thành phẩm, đóng gói đến phân phối, qua đó nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng và tối ưu chi phí vận hành.
- **Công nghệ và tự động hóa hiện đại:** Công ty tiếp tục đầu tư hệ thống quản lý sản xuất hiện đại, dây chuyền tự động hóa và nhà xưởng công nghệ cao nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm phụ thuộc vào nhân công và cải thiện tính ổn định của chất lượng sản phẩm.
- **Danh mục sản phẩm đa dạng:** Công ty phát triển dải sản phẩm phong phú về phân khúc, màu sắc, vật liệu và thiết kế nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu thị trường, đồng thời bắt kịp các xu hướng mới trong ngành vật liệu ốp lát và nội thất trên thế giới.

➢ **Các nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận liên quan**

Công ty đã triển khai các nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận liên quan nhằm đảm bảo duy trì chuỗi cung ứng, kiểm soát chi phí và tuân thủ pháp lý, cụ thể như sau:

- **Đối với Bộ phận Mua hàng:**

- Nhanh chóng thiết lập lại chuỗi cung ứng theo hướng giảm phụ thuộc vào Trung Quốc, bao gồm cả các công ty có nguồn gốc Trung Quốc nhưng đặt nhà máy tại các quốc gia khác.
- Ưu tiên tìm kiếm và chuyển dịch nguồn cung sang các đối tác có xuất xứ hàng hóa từ Mỹ và các công ty Mỹ đặt tại nước ngoài.
- minh bạch hóa nguồn gốc xuất xứ của nguyên liệu nhằm đảm bảo hàng hóa Công ty không phải là hàng trung chuyển transshipment (sẽ phải chịu mức thuế cao hơn lên tới 40%)
- Xếp thứ tự ưu tiên tiếp theo là các quốc gia được Hoa Kỳ xếp vào nhóm "thân thiện" trong chính sách thương mại.

- **Đối với Bộ phận Sản xuất:**

- Đẩy mạnh tiến trình tự động hóa nhằm tăng năng suất và ổn định chất lượng sản phẩm. Tự chủ được quy trình nghiên cứu sản xuất nhằm gia tăng hàm lượng chất xám trong các sản phẩm.

- Triển khai các giải pháp tinh gọn quy trình sản xuất theo hướng giảm lãng phí, tối ưu hóa chi phí và tăng hiệu quả sử dụng nhân lực, nguyên vật liệu.
- Đánh giá lại layout nhà máy và công đoạn để phát hiện cơ hội cải tiến nhanh.

▪ **Đối với Bộ phận Hải quan & Thuế:**

- Theo dõi sát sao các cập nhật chính sách về thuế suất nhập khẩu, quy định về xuất xứ hàng hóa từ phía Hoa Kỳ và các cơ quan liên quan.
- Chủ động làm việc với các đơn vị tư vấn chuyên sâu về thuế và hải quan quốc tế để đánh giá rủi ro và đề xuất giải pháp phòng ngừa về mặt pháp lý và thương mại.
- Thường xuyên cập nhật cho các bộ phận liên quan về các thay đổi có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu, đặc biệt là các điều kiện về quy tắc xuất xứ mới.

▪ **Đối với khối kinh doanh**

- Phát triển mở rộng thị trường nội địa: Tăng cường độ phủ hệ thống phân phối thông qua việc mở rộng kênh bán lẻ, đại lý, showroom trực tiếp. Đẩy mạnh các hình thức bán hàng OEM, hợp tác với nhà thầu xây dựng và chuỗi dự án bất động sản để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vào phân khúc công trình.
- Tái cơ cấu thị trường xuất khẩu: Xem xét giảm dần tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ đối với những nhóm hàng bị ảnh hưởng mạnh bởi thuế suất, đồng thời mở rộng thị trường mới tại châu Á, châu Âu và các khu vực có FTA thuận lợi với Việt Nam.

➢ **Đánh giá về khả năng đạt được kế hoạch**

Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong năm 2025 và diễn biến tích cực trong quý I/2026, Công ty được đánh giá có nền tảng tương đối thuận lợi để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Khả năng hoàn thành kế hoạch năm 2026 của Công ty được hỗ trợ bởi một số yếu tố chính sau:

▪ **Động lực tăng trưởng từ mảng sàn vinyl:** Đây tiếp tục là lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng cao và biên lợi nhuận tốt của Công ty. Năm 2025, doanh thu mảng vinyl đạt khoảng 4.500 tỷ đồng với mức tăng trưởng sản lượng 36,7%, cho thấy nhu cầu thị trường, đặc biệt tại thị trường xuất khẩu, vẫn duy trì tích cực. Việc tiếp tục đầu tư nâng cấp dây chuyền SPC giúp Công ty mở rộng công suất và nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo dư địa tăng trưởng cho giai đoạn tiếp theo.

▪ **Biên lợi nhuận duy trì ở mức tích cực:** Các mảng kinh doanh chủ lực của Công ty đều duy trì biên lợi nhuận gộp tương đối cao, trong đó mảng vinyl đạt 19,3% và mảng gạch ốp lát, ngói đạt 20,4% trong năm 2025. Điều này cho thấy Công ty có khả năng kiểm soát chi phí sản xuất và tối ưu cơ cấu sản phẩm hiệu quả.

▪ **Năng lực sản xuất và chuỗi cung ứng được cải thiện:** Chiến lược tự chủ nguyên liệu, đầu tư công nghệ và phát triển chuỗi giá trị khép kín giúp Công ty hạn chế phần nào tác động của biến động chi phí đầu vào, logistics và rủi ro thương mại quốc tế.

▪ **Tiềm năng phục hồi của thị trường xây dựng và bất động sản:** Trong trường hợp thị trường bất động sản và đầu tư xây dựng dân dụng phục hồi tích cực hơn trong năm 2026, nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng có thể cải thiện đáng kể, hỗ trợ tăng trưởng cho các mảng gạch ốp lát và vật liệu hoàn thiện nội thất của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty vẫn có thể đối mặt với một số thách thức như biến động giá nguyên liệu đầu vào, cạnh tranh gia tăng trong ngành vật liệu xây dựng, rủi ro thương mại tại các thị trường xuất khẩu lớn và diễn biến phục hồi chưa đồng đều của thị trường bất động sản. Dù vậy, với nền tảng sản xuất hiện có, hệ thống khách hàng ổn định, năng lực xuất khẩu và kết quả kinh doanh đã đạt được trong thời gian qua, kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty được đánh giá là có cơ sở và khả thi.

### *4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận*

Trên cơ sở vai trò của đơn vị tư vấn chuyên nghiệp, Vietcap đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích hoạt động kinh doanh cũng như đánh giá triển vọng phát triển của CTCP Công nghiệp Á Mỹ trong giai đoạn tới.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty được xây dựng trên cơ sở phù hợp với năng lực sản xuất hiện hữu, chiến lược mở rộng thị trường và xu hướng tăng trưởng của ngành vật liệu ốp lát. Công ty sở hữu hệ thống nhà máy có quy mô lớn, danh mục sản phẩm đa dạng từ gạch ốp lát đến các sản phẩm vinyl như SPC, WPC, LVT và tấm ốp tường, đồng thời đã xây dựng được mạng lưới khách hàng quốc tế ổn định tại các thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ, Mexico, châu Âu và Nam Mỹ. Việc đầu tư công nghệ, phát triển sản phẩm theo mô hình ODM, bổ sung thêm dòng sản phẩm mới và mở rộng công suất là những yếu tố hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng trong thời gian tới.

Tuy nhiên, Tổ chức tư vấn cũng lưu ý rằng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn chịu ảnh hưởng từ diễn biến của kinh tế vĩ mô, biến động giá nguyên vật liệu, chi phí logistics, tỷ giá và các chính sách thương mại của các quốc gia nhập khẩu, đặc biệt là các biện pháp thuế quan và phòng vệ thương mại tại thị trường Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh trong ngành vật liệu xây dựng và nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu cũng có thể tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Mặc dù vậy, với nền tảng tài chính ổn định, năng lực sản xuất lớn, kinh nghiệm phát triển sản phẩm và mạng lưới khách hàng quốc tế đã được thiết lập, Tổ chức tư vấn nhận thấy Công ty đã có sự chủ động trong việc nhận diện các rủi ro trọng yếu và xây dựng các giải pháp ứng phó phù hợp nhằm hạn chế các tác động bất lợi có thể phát sinh.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Tổ chức tư vấn đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty có tính khả thi cao. Chúng tôi xin lưu ý rằng mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế và của Công ty. Những đánh giá này chỉ có ý nghĩa tham khảo đối với các nhà đầu tư.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

### 1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

*"Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó."*

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500552524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 25/09/2015, do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 06/04/2026, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

### 2. Thông tin về cổ đông lớn

#### *2.1. Đối với cổ đông lớn là cá nhân*

Tại ngày 31/03/2026, danh sách cổ đông là cá nhân nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty như sau:

| STT | Tên cổ đông | Chức vụ trong Công ty | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % / Vốn điều lệ thực góp |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lương Văn Mỹ | Chủ tịch HĐQT | 40.635.365 | 28,13% |
| 2 | Đinh Quốc Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 37.191.691 | 25,75% |
| 3 | Trần Tuấn Đại | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 35.814.220 | 24,79% |
| 4 | Trần Ngọc Anh | Thành viên HĐQT | 11.019.759 | 7,63% |
| 5 | Nguyễn Ngọc Sơn | Thành viên HĐQT | 8.264.820 | 5,72% |

#### *2.2. Đối với cổ đông lớn là tổ chức*

Tại ngày 31/03/2026, Công ty không có cổ đông tổ chức nắm giữ trên 5% vốn cổ phần.

Trước 30/06/2024, CTCP Công nghiệp Á Mỹ có cổ đông lớn là CTCP Đầu tư AMY GRUPO, sở hữu 48,95% vốn điều lệ của CTCP Công nghiệp Á Mỹ. Ngày 30/06/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư AMY GRUPO chuyển nhượng cổ phiếu CTCP Công nghiệp Á Mỹ cho 9 cổ đông khác. Hiện nay CTCP Đầu tư AMY GRUPO đang thực hiện thủ tục giải thể và ngừng hoạt động.

#### *2.3. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan:*

Không có.

### *2.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết*

Cổ đông lớn được nhận cổ tức hàng năm theo Phương án được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Ngoài ra, các cổ đông lớn giữ chức vụ trong Ban Tổng giám đốc còn nhận thù lao lương thưởng do Công ty chi trả như sau:

| STT | Họ và tên | Thù lao, lương, thưởng năm 2024 | Thù lao, lương, thưởng năm 2025 |
|---|---|---|---|
| 1 | Lương Văn Mỹ | 1.850.010.808 đồng | 2.058.980.577 đồng |
| 2 | Đinh Quốc Tuấn | 1.813.458.470 đồng | 2.029.455.835 đồng |
| 3 | Trần Tuấn Đại | 1.813.458.470 đồng | 2.027.372.220 đồng |
| 4 | Trần Ngọc Anh | 1.477.453.790 đồng | 1.616.835.560 đồng |

### *2.5. Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết*

Không có

## 3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng

### *3.1.* Thông tin về việc rà soát tiêu chuẩn và điều kiện của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát theo các tiêu chuẩn quy định tại Luật Doanh nghiệp và lộ trình về quản trị công ty đáp ứng điều kiện quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết

3.1.1. Thông tin về việc rà soát tiêu chuẩn và điều kiện của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát theo các tiêu chuẩn quy định tại Luật Doanh nghiệp

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tiêu chuẩn quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan | Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn |
|---|---|---|---|---|
| **I. Hội đồng quản trị** | | | | |
| 1 | Lương Văn Mỹ | Chủ tịch HĐQT | **Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:**<br>"a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;<br>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; | Đáp ứng |
| 2 | Đinh Quốc Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT | | |
| 3 | Trần Tuấn Đại | Phó Chủ tịch HĐQT | | |
| 4 | Trần Ngọc Anh | Thành viên HĐQT | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 5 | Nguyễn Ngọc Sơn | Thành viên HĐQT | c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;<br>d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ."<br>**Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP:**<br>"3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác." | |
| 6 | Nguyễn Hữu Vinh | Thành viên HĐQT độc lập | **Ngoài điều kiện như đối với Thành viên HĐQT, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp quy định về thành viên độc lập HĐQT:**<br>"a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;<br>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;<br>c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;<br>d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;<br>đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ." | Đáp ứng |
| 7 | Segura Tomas Alejandro | Thành viên HĐQT độc lập | | |
| **II. Ban kiểm soát** | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Dương Phú Đạt | Trưởng Ban Kiểm soát | **Điều 168 Luật Doanh nghiệp:**<br>"1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.<br>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.<br>3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ."<br>**Điều 169 Luật Doanh nghiệp:**<br>1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:<br>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;<br>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;<br>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;<br>d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;<br>đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.<br>2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; | |
| 2 | Nguyễn Thị Thu Hương | Thành viên Ban Kiểm soát | | |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh Hòa | Thành viên Ban Kiểm soát | | Đáp ứng |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | | người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty. | |
| **III. Tổng Giám đốc** | | | | |
| 1 | Đinh Quốc Tuấn | Tổng Giám đốc | **Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp:**<br>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;<br>b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;<br>c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.<br>Khoản 6 Điều 291 Nghị định 155/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP:<br>"6. Giám đốc, Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.". | Đáp ứng |

3.1.2. Công ty đã đáp ứng các quy định về quản trị công ty đại chúng cho các công ty niêm yết để thực hiện niêm yết cổ phiếu sau khi chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng:

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2026/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 20/04/2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ thông qua Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025.
- Đại hội đồng cổ đông Công ty cũng đã thông qua việc bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT") mới vào HĐQT nhiệm kỳ 2026-2031 để đảm bảo đáp ứng thành phần Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP , được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP. Theo đó, với tổng số 7 thành viên HĐQT, Công ty đã đáp ứng điều kiện theo quy định của công ty niêm yết với 2/7 là thành viên độc lập HĐQT (ông Nguyễn Hữu Vinh và ông Segura Tomas Alejandro), và 3/7 là thành viên HĐQT không điều hành. Chi tiết theo mục 3.2 dưới đây.
- Công ty đã có người phụ trách công bố thông tin là ông Trương Quang Nhật - chuyên viên tài chính của Công ty. Để tăng cường quản trị công ty, Công ty sẽ ban hành Quy

chế Công bố thông tin tuân thủ quy định về việc tổ chức và công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam sau khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Như vậy, hiện nay Công ty đang thực hiện việc quản trị Công ty theo các tiêu chuẩn áp dụng cho công ty đại chúng niêm yết. Theo đó, Công ty cam kết về việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng theo Chương VIII Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và các văn bản pháp luật có liên quan. Công ty vẫn tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung (nếu cần thiết) nhằm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty đại chúng, công ty niêm yết sau khi hoàn thành đợt chào bán và niêm yết thành công cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

### *3.2. Hội đồng quản trị*

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1 | Lương Văn Mỹ | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Đinh Quốc Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 3 | Trần Tuấn Đại | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| 4 | Trần Ngọc Anh | Thành viên HĐQT |
| 5 | Nguyễn Ngọc Sơn | Thành viên HĐQT |
| 6 | Nguyễn Hữu Vinh | Thành viên HĐQT độc lập |
| 7 | Segura Tomas Alejandro | Thành viên HĐQT độc lập |

#### *3.2.1. Ông Lương Văn Mỹ – Chủ tịch Hội đồng quản trị*

- Họ tên: Lương Văn Mỹ
- Ngày/tháng/năm sinh: 19/10/1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Chế tạo máy
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1995 – 1998 | Nhà máy Cơ khí Phổ Yên | Phó Giám đốc |
| 1999 – 2000 | Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Vĩnh Phúc | Chuyên viên |
| 2000 – 2002 | Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc | Giám đốc |

| | | |
|---|---|---|
| 2003 – 2007 | Công ty Cổ phần Prime Đại Việt | Giám đốc |
| 2008 – 2009 | Công ty Cổ phần Prime Trường Xuân | Giám đốc |
| 2010 – 2014 | Tập đoàn Prime | Trưởng ban Kỹ thuật |
| 2015 – 07/2016 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Vitto | Cố vấn cao cấp |
| 04/2018 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Thành viên HĐQT |
| 03/2026 – nay | Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại ACT | Chủ tịch Công ty |
| 08/2016 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Chủ tịch HĐQT |

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera
  - Chủ tịch Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại ACT
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 40.635.365 cổ phần, chiếm tỷ lệ 28,13% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 40.635.365 cổ phần, chiếm tỷ lệ 28,13% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Số cổ phần của những người có liên quan: 2.097.255 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,452% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

| STT | Tên | Chức vụ tại Công ty | Mối quan hệ | Số lượng cp | Tỷ lệ sở hữu % |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lương Thị Thu Phượng | Trưởng phòng mua hàng | Con gái | 1.384.219 | 0,958% |
| 2 | Lương Ngọc Dũng | Trợ lý giám đốc | Con trai | 24.300 | 0,017% |
| 3 | Đào Đức Dương | Không có | Con rể | 688.736 | 0,477% |

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Lương Văn Mỹ và những người có liên quan: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

| Năm | Thù lao (triệu đồng) | Tiền lương (triệu đồng) | Tiền thưởng (triệu đồng) | Cổ phiếu ESOP | | Khác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số lượng (cổ phiếu) | Giá (đồng/ cổ phiếu) | |
| 2024 | 1.347,9 | - | 502,0 | - | - | - |
| 2025 | 1.513,9 | - | 545,1 | - | - | - |
| 3T2026 | 404,7 | - | - | - | - | - |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

| Tên người nội bộ và người có liên quan | Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích | Hoạt động chính của doanh nghiệp khác | Mối quan hệ với doanh nghiệp khác | Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với Á Mỹ | Phương án kiểm soát xung đột lợi ích | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ông Lương Văn Mỹ | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | Thành viên HĐQT | Công ty con | Các Hợp đồng, giao dịch ký kết được các cấp có thẩm quyền thông qua bảo đảm đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát các xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty | Hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty<br>Đồng thời là khách hàng và là nhà cung cấp của Công ty |
| Ông Lương Văn Mỹ | Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại ACT | Bán buôn | Chủ tịch | Công ty con | | |

### *3.2.2. Ông Đinh Quốc Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT*

- Họ tên: Đinh Quốc Tuấn
- Ngày/tháng/năm sinh: 15/10/1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Hóa học
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 2000 – 2001 | Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc | Tổ trưởng |

| | | |
|---|---|---|
| 2002 – 03/2003 | Công ty Cổ phần Prime Hoa Cương | Quản đốc |
| 04/2003 – 05/2004 | Công ty Cổ phần Prime Tiền Phong | Quản đốc |
| 06/2004 – 12/2004 | Công ty Cổ phần Prime Tiền Phong | Trợ lý Giám đốc |
| 01/2005 – 07/2005 | Công ty Cổ phần Prime Tiền Phong | Phó Giám Đốc |
| 08/2005 – 04/2007 | Công ty Cổ phần Prime Tiền Phong | Giám đốc |
| 05/2007 – 03/2011 | Công ty Cổ phần Prime Group | Phó Giám Đốc |
| 04/2011 – 04/2013 | Công ty Cổ phần Prime Group | Tổng Giám Đốc |
| 06/2013 – 07/2016 | Công ty TNHH Vitto – VP | Giám đốc |
| 08/2016 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 04/2018 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Thành viên HĐQT |
| 05/2025 – nay | Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh | Chủ tịch HĐQT |
| 06/2025 – nay | Công ty Cổ phần PMT.P&E | Chủ tịch HĐQT |
| 05/2025 – nay | Công ty Cổ phần Công nghệ vật liệu nhựa | Chủ tịch HĐQT |
| 04/2026 – nay | Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản VTD | Chủ tịch HĐQT |

- Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần PMT.P&E
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ vật liệu nhựa
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản VTD
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 37.191.691 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,75% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 37.191.691 cổ phần, chiếm 25,75% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Đinh Quốc Tuấn và những người có liên quan: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

| Năm | Thù lao (triệu đồng) | Tiền lương (triệu đồng) | Tiền thưởng (triệu đồng) | Cổ phiếu ESOP | | Khác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số lượng (cổ phiếu) | Giá (đồng/ cổ phiếu) | |
| 2024 | - | 1.364,6 | 448,8 | - | - | - |
| 2025 | - | 1.507,2 | 522,2 | - | - | - |
| 3T2026 | - | 395,8 | - | - | - | - |

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

| Tên người nội bộ và người có liên quan | Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích | Hoạt động chính của doanh nghiệp khác | Mối quan hệ với doanh nghiệp khác | Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với Á Mỹ | Phương án kiểm soát xung đột lợi ích | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ông Đinh Quốc Tuấn | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | Thành viên HĐQT | Công ty con | Các Hợp đồng, giao dịch ký kết được các cấp có thẩm quyền thông qua bảo đảm đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát các xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty | Hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty<br>Đồng thời là khách hàng và là nhà cung cấp của Công ty |
| Ông Đinh Quốc Tuấn | Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh | Sản xuất sản phẩm từ plastic | Chủ tịch HĐQT | Công ty liên quan đến người nội bộ của Á Mỹ | | |
| Ông Đinh Quốc Tuấn | Công ty Cổ phần PMT.P&E | Sản xuất sản phẩm từ plastic | Chủ tịch HĐQT | Công ty liên quan đến người nội bộ của Á Mỹ | | |
| Ông Đinh Quốc Tuấn | Công ty Cổ phần Công nghệ vật liệu nhựa | Sản xuất sản phẩm từ plastic | Chủ tịch HĐQT | Công ty liên quan đến người nội bộ của Á Mỹ | | |

### *3.2.3. Ông Trần Tuấn Đại – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị*

– Họ tên: Trần Tuấn Đại

– Ngày/tháng/năm sinh: 03/01/1978

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: Đại học

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Luật
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 2002 – 2003 | Công ty TNHH Toàn Cầu Xanh | Trưởng phòng Nhân sự |
| 2004 – 04/2005 | Công ty TNHH Vĩnh Phúc | Trưởng phòng Nhân sự |
| 05/2005 – 09/2005 | Công ty Cổ phần Prime Group | Trưởng ban |
| 10/2005 – 11/2007 | Công ty Cổ phần Prime Group | Trợ lý Tổng Giám đốc |
| 12/2007 – 04/2013 | Công ty Cổ phần Prime Group | Trưởng ban Nguồn lực |
| 06/2013 – 07/2016 | Công ty TNHH Vitto – VP | Phó Giám đốc |
| 04/2018 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Thành viên HĐQT |
| 09/2016 – nay | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | Giám đốc |
| 09/2024 – nay | Công ty Cổ phần Giải pháp Bizfix Lab | Tổng giám đốc |
| 08/2024 – nay | Công ty Cổ phần Innotek Holding | Tổng giám đốc |
| 08/2018 – nay | Công ty Cổ phần Đầu tư Amane | Phó chủ tịch HĐQT |
| 03/2025 – nay | Công ty Cổ phần Innotek Bình Minh | Chủ tịch HĐQT |
| 08/2016 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |

- Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera
  - Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT
  - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giải pháp Bizfix Lab
  - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Innotek Holding
  - Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư Amane
  - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Innotek Bình Minh
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 35.814.220 cổ phần, chiếm tỷ lệ 24,79% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 35.814.220 cổ phần, chiếm tỷ lệ 24,79% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Trần Tuấn Đại và những người có liên quan: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

| Năm | Thù lao (triệu đồng) | Tiền lương (triệu đồng) | Tiền thưởng (triệu đồng) | Cổ phiếu ESOP | | Khác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số lượng (cổ phiếu) | Giá (đồng/ cổ phiếu) | |
| 2024 | - | 1.364,6 | 448,8 | - | - | - |
| 2025 | - | 1.505,1 | 522,2 | - | - | - |
| 3T2026 | - | 395,8 | - | - | - | - |

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

| Tên người nội bộ và người có liên quan | Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích | Hoạt động chính của doanh nghiệp khác | Mối quan hệ với doanh nghiệp khác | Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với Á Mỹ | Phương án kiểm soát xung đột lợi ích | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ông Trần Tuấn Đại | Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT | Bán buôn | Giám đốc | Công ty con | Các Hợp đồng, giao dịch ký kết được các cấp có thẩm quyền thông qua bảo đảm đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát các xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty | Hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty |
| Ông Trần Tuấn Đại | Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét | Thành viên HĐQT | Công ty con | | Đồng thời là khách hàng và là nhà cung cấp của Công ty |
| Ông Trần Tuấn Đại | Công ty Cổ phần đầu tư Amane | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT | Công ty liên quan đến người nội bộ của Á Mỹ | | Là khách hàng và là nhà cung cấp của Công ty |

### *3.2.4. Ông Trần Ngọc Anh – Thành viên Hội đồng quản trị*

– Họ tên: Trần Ngọc Anh

- Ngày/tháng/năm sinh: 16/06/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Trung cấp
- Năng lực chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành Cơ khí
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 12/2001 – 11/2003 | Công ty Cổ phần Prime Hoa Cương | Nhân viên |
| 12/2003 – 06/2005 | Công ty Cổ phần Prime Tiền Phong | Quản đốc |
| 07/2005 – 07/2007 | Công ty Cổ phần Prime Tiền Phong | Trợ lý Quản đốc |
| 08/2007 – 01/2009 | Công ty Cổ phần Prime Group | Nhân viên |
| 02/2009 – 04/2009 | Công ty Cổ phần Prime Trường Xuân | Nhân viên |
| 05/2009 – 08/2010 | Công ty Cổ phần Prime Hoa Cương | Phó Giám đốc |
| 09/2010 – 05/2011 | Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc | Phó Giám đốc |
| 06/2011 – 07/2016 | Công ty TNHH Hoàn Mỹ | Giám đốc |
| 08/2016 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc sản xuất |
| 03/2025 – nay | Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh | Giám đốc - Thành viên Hội đồng quản trị |
| 04/2025 - nay | Công ty cổ phần Công nghệ Vật Liệu Nhựa | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 06/2025 - nay | Công ty Cổ phần PMT.P&E | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 04/2026 - nay | Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 04/2026 - nay | Công ty Cổ phần ATD Thịnh Vượng | Chủ tịch Hội đồng quản trị |

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc sản xuất
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh
  - Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Công nghệ Vật Liệu Nhựa
  - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần PMT.P&E
  - Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn
  - Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần ATD Thịnh Vượng
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 11.019.759 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,63% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 11.019.759 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,63% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Trần Ngọc Anh và những người có liên quan: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

| Năm | Thù lao (triệu đồng) | Tiền lương (triệu đồng) | Tiền thưởng (triệu đồng) | Cổ phiếu ESOP | | Khác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số lượng (cổ phiếu) | Giá (đồng/ cổ phiếu) | |
| 2024 | - | 1.082,6 | 394,8 | - | - | - |
| 2025 | - | 1.196,7 | 420,2 | - | - | - |
| 3T2026 | - | 314,9 | - | - | - | - |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

| Tên người nội bộ và người có liên quan | Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích | Hoạt động chính của doanh nghiệp khác | Mối quan hệ với doanh nghiệp khác | Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với Á Mỹ | Phương án kiểm soát xung đột lợi ích | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ông Trần Ngọc Anh | Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | Sản xuất vật liệu xây dựng | Thành viên HĐQT | Công ty con | Các Hợp đồng, giao dịch ký kết được các cấp có thẩm quyền thông qua bảo đảm đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát các xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty | Hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty<br>Đồng thời là khách hàng và là nhà cung cấp của Công ty |
| Ông Trần Ngọc Anh | Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh | Sản xuất sản phẩm từ plastic | Thành viên HĐQT - Giám đốc | Công ty liên quan đến người nội bộ của Á Mỹ | | |
| Ông Trần Ngọc Anh | Công ty Cổ phần PMT.PE | Sản xuất sản phẩm từ plastic | Thành viên HĐQT | Công ty liên quan đến người nội bộ của Á Mỹ | | |

| Tên người nội bộ và người có liên quan | Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích | Hoạt động chính của doanh nghiệp khác | Mối quan hệ với doanh nghiệp khác | Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với Á Mỹ | Phương án kiểm soát xung đột lợi ích | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ông Trần Ngọc Anh | Công ty cổ phần Công nghệ Vật Liệu Nhựa | Sản xuất sản phẩm từ plastic | Thành viên HĐQT | Công ty liên quan đến người nội bộ của Á Mỹ | | |

### *3.2.5. Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị*

- Họ tên: Nguyễn Ngọc Sơn
- Ngày/tháng/năm sinh: 04/08/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cao đẳng
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân thực hành chuyên ngành Chế tạo phụ tùng cơ khí
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 02/2002 - 09/2006 | Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc | Nhân viên |
| 10/2006 - 08/2007 | Công ty Cổ phần Prime Vĩnh Phúc | Quản đốc xưởng lò nung |
| 09/2007 - 12/2009 | Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên | Quản đốc |
| 01/2010 - 10/2012 | Công ty Cổ phần Prime Phổ Yên | Chuyên viên |
| 11/2012 - 05/2016 | Công ty TNHH Hoàn Mỹ | Trợ lý Giám đốc |
| 06/2016 - 07/2016 | Công ty TNHH Vitto – VP | Phó Giám đốc sản xuất |
| 08/2016 - 08/2017 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Giám đốc kỹ thuật |
| 09/2017 - nay | Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | Giám đốc |
| 12/2021 - nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 04/2026 – nay | Công ty cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 04/2026 - nay | Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư SQ Holdings | Chủ Tịch HĐQT |

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn
- Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư SQ Holdings

– Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 8.264.820 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,72% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 8.264.820 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,72% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
– Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Nguyễn Ngọc Sơn và những người có liên quan: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

| Tên người nội bộ và người có liên quan | Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích | Hoạt động chính của doanh nghiệp khác | Mối quan hệ với doanh nghiệp khác | Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với Á Mỹ | Phương án kiểm soát xung đột lợi ích | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ông Nguyễn Ngọc Sơn | Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn | Sản xuất vật liệu xây dựng | Thành viên HĐQT - Giám đốc | Công ty con | Các Hợp đồng, giao dịch ký kết được các cấp có thẩm quyền thông qua bảo đảm đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát các xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty | Hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty<br>Đồng thời là khách hàng và là nhà cung cấp của Công ty |

### *3.2.6. Ông Nguyễn Hữu Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập*

– Họ tên: Nguyễn Hữu Vinh
– Ngày/tháng/năm sinh: 16/11/1978

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Sau đại học
- Năng lực chuyên môn: Tiến sỹ chuyên ngành Nghệ thuật thiết kế
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Công ty | Chức vụ |
|---|---|---|
| 2002 - 2006 | Khoa Kiến trúc nội thất, trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh | Giảng viên |
| 2006 - 2023 | Khoa Kiến trúc nội thất, trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh | Phó trưởng khoa |
| 2024 - nay | Khoa Kiến trúc nội thất, trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh | Phó trưởng khoa – Phụ trách khoa |
| 04/2026 - nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập |

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Phó trưởng khoa – Phụ trách khoa của Khoa Kiến trúc nội thất, trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Nguyễn Hữu Vinh và những người có liên quan: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### *3.2.7. Ông Segura Tomas Alejandro – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập*

- Họ tên: Segura Tomas Alejandro
- Ngày/tháng/năm sinh: 24/09/1979
- Quốc tịch: Tây Ban Nha
- Trình độ học vấn: Sau đại học
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quốc tế hóa và Chiến lược kinh doanh toàn cầu
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Công ty | Chức vụ |
|---|---|---|
| 2000 - 2006 | Công ty Esmalglass-Itaca Group, nhiều khu vực | Nhân viên kỹ thuật |
| 2006 - 2008 | Công ty Esmalglass-Itaca Group, khu vực Đông Nam Á | Quản lý kinh doanh khu vực |
| 2008 - 2013 | Công ty Esmalglass-Itaca Group, tại Malaysia | Quản lý văn phòng khu vực |
| 2013 - 2018 | Công ty Esmalglass-Itaca Group, tại Thổ Nhĩ Kỳ và UAE | Quản lý kinh doanh khu vực |
| 2018 - nay | Chi nhánh Tập đoàn Altadia (bao gồm các công ty Công ty Esmalglass-Itaca Group, Younexa và Fritta) tại Việt Nam | Giám đốc quốc gia Việt Nam và giám đốc kinh doanh khu vực Châu Á Thái Bình Dương |
| 04/2026 - nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập |

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - Giám đốc quốc gia Việt Nam và giám đốc kinh doanh khu vực Châu Á Thái Bình Dương của Chi nhánh tập đoàn Altadia (bao gồm các công ty Công ty Esmalglass-Itaca Group, Younexa và Fritta) tại Việt Nam
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Segura Tomas Alejandro và những người có liên quan: Không có

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty:

| Tên người nội bộ và người có liên quan | Tên doanh nghiệp khác có liên quan lợi ích | Hoạt động chính của doanh nghiệp khác | Mối quan hệ với doanh nghiệp khác | Mối quan hệ của doanh nghiệp khác với Á Mỹ | Phương án kiểm soát xung đột lợi ích | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ông Segura Tomas Alejandro | Chi nhánh Tập đoàn Altadia (bao gồm các công ty Công ty Esmalglass-Itaca Group, Younexa và Fritta) tại Việt Nam | Cung cấp vật liệu và hóa chất cho ngành gạch men - gốm sứ | Giám đốc quốc gia Việt Nam và giám đốc kinh doanh khu vực Châu Á Thái Bình Dương | Công ty liên quan đến người nội bộ của Á Mỹ | Các Hợp đồng, giao dịch ký kết được các cấp có thẩm quyền thông qua bảo đảm đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, từ đó kiểm soát các xung đột lợi ích giữa người nội bộ/người có liên quan và Công ty | Hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty |

### *3.3. Ban kiểm soát*

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1 | Dương Phú Đạt | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 | Nguyễn Thị Thu Hương | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh Hòa | Thành viên Ban Kiểm soát |

#### *3.3.1. Ông Dương Phú Đạt– Trưởng Ban kiểm soát*

– Họ tên: Dương Phú Đạt

– Ngày/tháng/năm sinh: 07/10/1999

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: Đại học

– Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kiểm toán

– Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 04/2021 – 06/2021 | CTCP Tin học Viễn thông Petrolimex | Nhân viên phòng Kế toán – Tài chính |
| 07/2021 – 08/2022 | Công ty TNHH Kiểm toán An Việt – Chi nhánh Hà Nội | Trợ lý kiểm toán |
| 09/2022 – 10/2024 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Chuyên viên Kiểm soát nội bộ |
| 11/2024 – 12/2025 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Trưởng nhóm Kiểm toán nội bộ |
| 12/2025 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Trưởng Ban Kiểm soát |

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 14.175 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 14.175 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Dương Phú Đạt và những người có liên quan: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

| Năm | Thù lao (triệu đồng) | Tiền lương (triệu đồng) | Tiền thưởng (triệu đồng) | Cổ phiếu ESOP | | Khác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số lượng (cổ phiếu) | Giá (đồng/ cổ phiếu) | |
| 2024 | - | - | - | - | - | - |
| 2025 | - | - | 48,4 | - | - | - |
| 3T2026 | - | 41,1 | - | - | - | - |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### *3.3.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban kiểm soát*

- Họ tên: Nguyễn Thị Thu Hương

- Ngày/tháng/năm sinh: 26/03/2001
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kiểm toán
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 08/2023 – 08/2024 | Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Đại Việt | Trợ lý kiểm toán |
| 09/2024 – 04/2025 | Công ty TNHH Tư vấn – Kiểm toán S&S | Trợ lý kiểm toán |
| 05/2025 – 11/2025 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nhân viên Kiểm toán nội bộ |
| 12/2025 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Thành viên Ban Kiểm soát |

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Nguyễn Thị Thu Hương và những người có liên quan: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

| Năm | Thù lao (triệu đồng) | Tiền lương (triệu đồng) | Tiền thưởng (triệu đồng) | Cổ phiếu ESOP | | Khác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số lượng (cổ phiếu) | Giá (đồng/ cổ phiếu) | |
| 2024 | - | - | - | - | - | - |
| 2025 | - | - | 16,8 | - | - | - |
| 3T2026 | - | 11,2 | - | - | - | - |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### *3.3.3. Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Thành viên Ban kiểm soát*

- Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Hòa
- Ngày/tháng/năm sinh: 04/04/2001
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 11/2023 – 11/2025 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Nhân viên Kiểm toán nội bộ |
| 12/2025 – nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Thành viên Ban Kiểm soát |

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Nguyễn Thị Thanh Hòa và những người có liên quan: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

| Năm | Thù lao (triệu đồng) | Tiền lương (triệu đồng) | Tiền thưởng (triệu đồng) | Cổ phiếu ESOP | | Khác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số lượng (cổ phiếu) | Giá (đồng/ cổ phiếu) | |
| 2024 | - | - | - | - | - | - |
| 2025 | - | - | 23,6 | - | - | - |
| 3T2026 | - | 29,7 | - | - | - | - |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

### *3.4. Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng*

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 1 | Đinh Quốc Tuấn | Tổng Giám đốc |
| 2 | Trần Tuấn Đại | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Trần Thị Thanh Nga | Kế toán trưởng |

#### *3.4.1. Ông Đinh Quốc Tuấn – Tổng Giám đốc*

Thông tin như Mục 3.2.2 Phần VI của Bản cáo bạch.

#### *3.4.2. Ông Trần Tuấn Đại – Phó Tổng Giám đốc*

Thông tin như Mục 3.2.2 Phần VI của Bản cáo bạch.

#### *3.4.3. Bà Trần Thị Thanh Nga – Kế toán trưởng*

- Họ tên: Trần Thị Thanh Nga
- Ngày/tháng/năm sinh: 28/05/1990
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|---|---|
| 01/2013 – 09/2015 | Công ty cổ phần Prime Đại Việt | Nhân viên kế toán |
| 09/2015 - 08/2017 | Công ty TNHH Vitto - VP | Phụ trách kế toán |
| 08/2017 - 05/2019 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Vitto | Thư ký Hội đồng thành viên |
| 05/2019 - 09/2020 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Vitto | Kế toán trưởng |
| 10/2020 - 12/2021 | Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại ACT | Phó phòng kinh doanh nội địa |
| 12/2021 - 10/2024 | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Trưởng phòng ERP |
| 04/2026 - nay | Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản VTD | Kế toán trưởng |
| 10/2024 - nay | Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ | Kế toán trưởng |

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

  Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản VTD

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 82.350 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,06% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 82.350 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,06% VĐL
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
  - Số cổ phần của những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Trần Thị Thanh Nga và những người có liên quan: Không có.
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

| Năm | Thù lao (triệu đồng) | Tiền lương (triệu đồng) | Tiền thưởng (triệu đồng) | Cổ phiếu ESOP | | Khác |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số lượng (cổ phiếu) | Giá (đồng/ cổ phiếu) | |
| 2024 | - | 394,7 | 121,0 | - | - | - |
| 2025 | - | 640,4 | 225,1 | - | - | - |
| 3T2026 | - | 182,3 | - | - | - | - |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

### 1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

### 2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

### 3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng là 16.100.000 (Bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm) cổ phiếu, tương đương 11,15%(*) số lượng cổ phiếu đang lưu hành, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu được Tổ Chức Phát Hành phát hành mới: 16.100.000 cổ phiếu, tương đương 11,15%(*) số lượng cổ phiếu đang lưu hành; và
- Số lượng cổ phiếu được chào bán thuộc sở hữu của cổ đông hiện hữu: 0 cổ phiếu, tương đương 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

*(*) Tỷ lệ này được làm tròn lên từ số thập phân 16.100.000 / 144.456.811 ≈ 11,1452%*

### 4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 161.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi mốt tỷ đồng).

### 5. Giá chào bán

48.900 đồng/cổ phiếu.

### 6. Phương pháp tính giá

Mức giá chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là mức giá do HĐQT quyết định dựa trên nguyên tắc xác định giá đã được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2026/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 20/04/2026, theo đó giá chào bán mỗi cổ phiếu nằm trong khoảng từ 47.900 đồng/cổ phiếu đến 57.500 đồng/cổ phiếu (tương ứng với 75% đến 90% giá trị định giá 01 cổ phiếu sau khi làm tròn của Công ty tại Chứng thư thẩm định giá số 061/2026/311/CT ngày 20/04/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là 63.865 đồng/cổ phiếu). Phương pháp tính giá được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K áp dụng như sau:

Dựa trên đặc điểm riêng của doanh nghiệp về tính chất ngành nghề, cơ cấu tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh, mục đích thẩm định giá, cơ sở giá trị của tài sản, mức độ sẵn có của các dữ liệu, thông tin và tình hình chung của thị trường... Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K lựa chọn phương pháp được áp dụng trong Báo cáo thẩm định giá số 061/2026/311/BC (kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 061/2026/311/CT ngày 20/4/2026) là phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp.

*Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp* xác định giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua ước tính tổng của giá trị chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp cần thẩm định giá với giá trị hiện tại của các tài sản phi hoạt động của doanh nghiệp tại thời điểm thẩm định giá.

Căn cứ vào cơ sở giá trị của tài sản thẩm định giá, kết quả khảo sát hiện trạng tài sản, áp dụng phương pháp trên trong tính toán, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K thông báo kết quả thẩm định giá tài sản như sau:

**Bảng 74: Kết quả thẩm định giá**

*Đơn vị tính: đồng*

| STT | Chỉ tiêu | Diễn giải | Giá trị |
|---|---|---|---|
| **1** | **Giá trị doanh nghiệp đã bao gồm tài sản phi hoạt động** | | **11.763.554.172.887** |
| 2 | Giá trị khoản nợ có chi phí sử dụng vốn | | 2.328.803.083.216 |
| 3 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 208.958.183.295 |
| **4** | **Giá trị vốn chủ sở hữu cổ đông công ty** | **(4) = (1) - (2) - (3)** | **9.225.792.906.375** |
| 5 | Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | Cổ phần | 144.456.811 |
| **6** | **Giá trị một cổ phần** | **(6) =(4)/(5)** | **63.865** |

*Nguồn: Chứng thư thẩm định giá số 061/2026/311/CT ngày 20/4/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K*

## 7. Phương thức phân phối

Đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành.

***Phương thức phân phối***

Cổ Phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua đại lý phân phối được chỉ định là:

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/11/2007 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trách nhiệm chung của đại lý phân phối:

- Cung cấp và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua Cổ Phiếu của nhà đầu tư. Tổ chức nhận đăng ký mua Cổ Phiếu là các công ty chứng khoán được lựa chọn và đã được UBCKNN cấp Giấy phép thực hiện nghiệp vụ kinh doanh môi giới chứng khoán theo Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu;
- Hướng dẫn nhà đầu tư đăng ký mua Cổ Phiếu của Tổ chức đăng ký niêm yết;
- Gửi báo cáo và danh sách nộp tiền mua Cổ Phiếu của nhà đầu tư cho Tổ chức đăng ký niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán; và
- Các công việc khác có liên quan để quá trình chào bán diễn ra thành công.

***Nguyên tắc phân phối Cổ Phiếu***

Á Mỹ sẽ thực hiện phân phối Cổ Phiếu một cách công khai, công bằng và minh bạch theo đúng quy định của pháp luật. Đại lý phân phối sẽ không phải cam kết số lượng bán tối thiểu hay bán tối đa và đại lý phân phối sẽ được chào bán cho nhà đầu tư theo số lượng mà Á Mỹ được phép phát hành.

***Phương án xử lý số lượng Cổ Phiếu đăng ký mua vượt số lượng Cổ Phiếu được phép chào bán***

Trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua lớn hơn số lượng cổ phiếu được phép chào bán, cổ phiếu sẽ được phân phối tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư và đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài. Số cổ phiếu nhà đầu tư được phân phối sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Tổ chức đăng ký niêm yết sẽ hoàn trả lại tiền cho nhà đầu tư (nếu có) theo quy định tại Hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ ("Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu"). Việc phân phối cổ phiếu đảm bảo nguyên tắc phân phối theo đúng quy định tại Điều 26 Luật Chứng Khoán và đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua Cổ Phiếu, Công ty sẽ tổng hợp danh sách nhà đầu tư đăng ký mua, và do đó nhà đầu tư sẽ được phân bổ theo đúng một tỷ lệ phân bổ công bằng theo quy định của pháp luật liên quan.

***Phương án cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết***

Nếu còn cổ phiếu chưa phân phối hết sau khi kết thúc đợt chào bán (bao gồm cả số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ) ("Cổ Phiếu Cần Phân Phối") thì số Cổ Phiếu Cần Phân Phối đó sẽ được xử lý theo cách thức chào bán tiếp cho các nhà đầu tư với các điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư, giá chào bán không được thuận lợi hơn các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu và đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài, cụ thể như sau:

- Tiêu chí xác định nhà đầu tư: Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, nhà đầu tư được lựa chọn theo các tiêu chí do HĐQT xây dựng như sau:
  - Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước mong muốn và có năng lực tài chính để sở hữu cổ phiếu của Tổ chức đăng ký niêm yết; hoặc
  - Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán Cổ Phiếu Cần Phân Phối; Giá chào bán Cổ Phiếu Cần Phân Phối không thấp hơn giá đã chào bán cho các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu.
- Cổ Phiếu Cần Phân Phối được chào bán cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, và đảm bảo tuân thủ phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và điều kiện theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
- Trong trường hợp hết thời gian phân phối Cổ Phiếu theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu số Cổ Phiếu Cần Phân Phối vẫn không được phân phối hết

cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng Cổ Phiếu chưa được phân phối hết này và điều chỉnh giảm tổng số lượng Cổ Phiếu chào bán theo đúng số lượng Cổ Phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt chào bán.

- Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ thực hiện các thủ tục để xin gia hạn thời gian chào bán Cổ Phiếu (nếu cần thiết).

## 8. Đăng ký mua cổ phiếu

***Số lượng đăng ký mua***

Tối thiểu 100 Cổ Phiếu/nhà đầu tư, tối đa không quá 8.027.800 Cổ Phiếu/nhà đầu tư (tương đương 5% vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau Đợt Chào Bán) và phải đăng ký theo bội số của 100 cổ phiếu.

Trong trường hợp tổng khối lượng đặt mua vượt quá tổng số lượng cổ phiếu chào bán, Công ty sẽ phân phối hết số cổ phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Số cổ phiếu nhà đầu tư được phân phối sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ còn dư do làm tròn được xử lý theo Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết.

***Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:***

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong bản thông báo chào bán Cổ Phiếu ra công chúng ("Bản Thông Báo Chào Bán") và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho cổ đông tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

***Phương thức thanh toán***

Chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Tổ chức đăng ký niêm yết theo thông tin tại Tiểu mục 11, Mục VII của Bản Cáo Bạch này.

***Phương thức đăng ký mua cổ phiếu***

Theo thông báo tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu.

## 9. Lịch trình phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối dự kiến: trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày. Lịch trình chào bán cổ phiếu ra công chúng sau dự kiến khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng như sau:

**Bảng 75: Lịch trình chào bán cổ phiếu ra công chúng**

| Nội dung công việc | Thời gian dự kiến thực hiện |
|---|---|
| Ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực | D |

| | |
|---|---|
| Tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện công bố thông tin về đợt chào bán, bao gồm việc công bố Bản Thông Báo Chào Bán trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp | D+1 đến D+3 |
| Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Cổ Phiếu | D+4 đến D+32 |
| Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua cổ phiếu dự kiến | D+4 |
| Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua cổ phiếu dự kiến | D+23 |
| Tổ chức đăng ký niêm yết thông báo kết quả đăng ký đặt mua cho nhà đầu tư | D+24 đến D+25 |
| Nhà đầu tư hoàn thành việc nộp tiền đăng ký đặt mua cổ phiếu theo thông báo kết quả đăng ký đặt mua của Tổ chức đăng ký niêm yết | D+26 đến D+32 |
| Tổ chức đăng ký niêm yết ban hành quyết định về việc xử lý số Cổ Phiếu Cần Phân Phối và triển khai phân phối số cổ phiếu này (nếu có) | D+33 đến tối đa D+91 |
| Tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả đợt chào bán | Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán |
| Tổ chức đăng ký niêm yết hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán | Trong vòng 5 ngày kể từ ngày Tổ chức đăng ký niêm yết nhận được xác nhận của UBCKNN về kết quả đợt chào bán cổ phiếu |
| Thời gian chuyển giao Cổ Phiếu cho nhà đầu tư | Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán |

*Ghi chú: Sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, Tổ chức đăng ký niêm yết sẽ thông báo về thời gian phân phối cụ thể của đợt chào bán tại Bản Thông Báo Chào Bán và Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu*

**10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu**

Toàn bộ cổ phiếu chào bán (không bao gồm số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết trong Đợt chào bán được HĐQT phân phối tiếp theo *Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết*) sẽ được tự do chuyển nhượng; và

Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết trong Đợt Chào Bán được HĐQT phân phối tiếp theo *Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết* sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư).

**11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Bình Xuyên với thông tin như sau:

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Số tài khoản: 58689999

Mở tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Bình Xuyên

Loại tiền tài khoản: VND

**12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

### 13. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối Cổ Phiếu không đáp ứng điều kiện tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn, hoặc các trường hợp khác được quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán.

Phương án hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đăng ký mua Cổ Phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp và thu hồi số Cổ Phiếu đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

*Phương thức thu hồi cổ phiếu đã phát hành:*

- Đối với cổ phiếu đã được nhà đầu tư lưu ký: Công ty sẽ phối hợp cùng Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và các thành viên lưu ký (Công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản chứng khoán và lưu ký cổ phiếu Công ty) để thực hiện thủ tục thu hồi cổ phiếu theo quy định của VSDC.
- Đối với cổ phiếu chưa được nhà đầu tư lưu ký: Nhà đầu tư thực hiện thủ tục thu hồi cổ phiếu tại trụ sở của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ (vào các ngày làm việc trong tuần) theo thông báo của Công ty về việc hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu nêu trên.

*Phương thức hoàn trả tiền mua cổ phiếu:*

- Tổ Chức Phát Hành thực hiện chuyển khoản toàn bộ số tiền mua cổ phiếu của nhà đầu tư về tài khoản ngân hàng của NĐT do đại lý phân phối cung cấp trong Danh Sách NĐT (Đại lý phân phối căn cứ thông tin NĐT cung cấp trong Giấy Đăng Ký Mua).

*Các điều khoản cam kết bồi thường cho nhà đầu tư nếu không tuân thủ trong thời hạn nêu trên:*

Trong trường hợp quá thời hạn hoàn trả toàn bộ tiền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ phải chịu lãi chậm trả tính trên số tiền trả chậm tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi toàn bộ số tiền chậm trả và lãi chậm trả đã được thanh toán toàn bộ cho nhà đầu tư. Lãi chậm trả là 100% lãi suất tiền gửi bình quân 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng TMCP tại Việt Nam là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) tính trên số ngày chậm trả tương ứng. Lãi suất này được xác định tại ngày đến hạn thanh toán.

### 14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo thông tin tại Tiểu mục 9, mục IV của Bản Cáo Bạch này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50% (năm mươi phần trăm).

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật là 50%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tại ngày ký của Bản cáo bạch này là 0%.

HĐQT cam kết thực hiện các biện pháp đảm bảo đợt chào bán đáp ứng tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

- HĐQT sẽ phối hợp với các cổ đông hiện hữu (trong trường hợp cổ đông thực hiện chuyển nhượng cổ phần Công ty cho các nhà đầu tư nước ngoài) và đại lý phân phối (trong quá trình thực hiện phân phối cổ phiếu của đợt chào bán) để đảm bảo các giao dịch chuyển nhượng của cổ đông và/hoặc quá trình phân phối cổ phiếu của đợt chào bán không làm vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định. Trong trường hợp các cổ đông hiện hữu trong nước chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài dẫn đến vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định, Công ty sẽ thông báo cho các đối tượng nêu trên để hủy bỏ hoặc giảm quy mô giao dịch chuyển nhượng nhằm đảm bảo các nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng cổ phần không dẫn đến vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 50% theo quy định.
- Đối với toàn bộ cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán, HĐQT sẽ quyết định phân phối tiếp cho các nhà đầu tư trong nước và/hoặc nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi thực hiện phân phối tiếp không làm vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định. Trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đăng ký tham gia đợt phân phối tiếp dẫn đến vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định, HĐQT sẽ thông báo với các nhà đầu tư nước ngoài để giảm quy mô đăng ký, đồng thời thực hiện phân phối cho nhà đầu tư trong nước hoặc hủy bỏ không phân phối tiếp phần tỷ lệ vượt đó nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi thực hiện phân phối tiếp không vượt mức 50% theo quy định.

## 15. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của luật thuế thu nhập cá nhân, luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### *15.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân*

***Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:***

Điều 16, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) quy định:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần x Thuế suất 0,1%

***Thu nhập từ cổ tức:***

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

- Cá nhân là cán bộ nhân viên được thưởng bằng cổ phiếu theo kế hoạch phát hành cổ phần thưởng cho người lao động (ESOP) chưa phải nộp thuế từ tiền lương, tiền công. Khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

### *15.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức*

***Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:***

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

  - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 14 Nghị định 320/2025/NĐ-CP và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 19 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.
  - Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.
  - Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.
  - Tổng doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 15% và 17% quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.

- Tổ chức nước ngoài: Theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

***Thu nhập từ cổ tức:***

Được miễn thuế theo quy định quy định tại Khoản 7, Điều 4 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

## 16. Thông tin về các cam kết

### *16.1. Cam kết của cổ đông lớn*

Các cổ đông lớn cam kết cùng nhau nắm giữ tối thiểu 32.111.363 cổ phần (tương đương tối thiểu 20% vốn điều lệ sau chào bán của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ) trong thời gian là một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng. Trong thời gian cam kết trên, Các cổ đông lớn sẽ không thực hiện bất kỳ giao dịch chuyển nhượng nào đối với phần cổ phần thuộc phạm vi cam kết (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác). Cam kết này có hiệu lực kể từ ngày 20/04/2026 và kết thúc sau một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

**Bảng 76: Cam kết của cổ đông lớn**

| STT | Họ và tên | Số CCCD/ CC | Số lượng cổ phần sở hữu trước thời điểm chào bán | Tỷ lệ sở hữu trước chào bán | Số lượng cổ phần cam kết nắm giữ tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán | Tỷ lệ cam kết nắm giữ 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (*) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lương Văn Mỹ | 001051013116 | 40.635.365 | 28,13% | 9.816.427 | 6,11% |
| 2 | Đinh Quốc Tuấn | 025076000584 | 37.191.691 | 25,75% | 8.984.527 | 5,60% |
| 3 | Trần Tuấn Đại | 027078000511 | 35.814.220 | 24,79% | 8.651.766 | 5,39% |
| 4 | Trần Ngọc Anh | 026074000982 | 11.019.759 | 7,63% | 2.662.082 | 1,66% |
| 5 | Nguyễn Ngọc Sơn | 001080028812 | 8.264.820 | 5,72% | 1.996.561 | 1,24% |
| | **Tổng cộng** | | **132.925.855** | **92,02%** | **32.111.363** | **20,00% (*)** |

*(*) Lưu ý: Tỷ lệ này được tính toán căn cứ trên giả định đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty với số lượng 16.100.000 cổ phiếu được chào bán hết, theo đó số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sau đợt chào bán là 160.556.811 cổ phiếu.*

### *16.2. Các cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết*

a) *Cam kết về việc thực hiện niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán:*

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện đăng ký niêm yết toàn bộ cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật.

*b) Các cam kết khác liên quan đến đợt chào bán:*

Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết:

- Tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Á Mỹ được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn như được quy định tại Điểm (d) Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng Khoán;

- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích như được quy định tại Điểm (e) Khoản 3 Điều 15 Luật Chứng Khoán;

- Việc phát hành Cổ Phiếu hoặc xử lý Cổ Phiếu Cần Phân Phối (nếu có) đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Á Mỹ như được quy định tại Điều 77 Luật Chứng Khoán, Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- Tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP về việc xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua;

- Tuân thủ quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

- Việc phân phối Cổ Phiếu đáp ứng quy định về việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ, công ty con như được quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;

- Đáp ứng đầy đủ cơ cấu thành viên HĐQT áp dụng đối với công ty niêm yết. Đồng thời, các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Ban Kiểm soát, và Ban Tổng Giám đốc của Tổ chức đăng ký niêm yết đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

## 17. Thông tin về kế hoạch đăng ký niêm yết

### *17.1. Kế hoạch dự kiến niêm yết*

- Nơi đăng ký niêm yết: Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Thông tin về việc đăng ký niêm yết: Công ty đã nộp bộ hồ sơ đăng ký niêm yết đồng thời đến Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cam kết tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

- Thời điểm dự kiến đăng ký niêm yết: Trong năm 2026, sau khi được Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định chấp thuận niêm yết.

### *17.2. Thông tin về việc đáp ứng điều kiện niêm yết*

- Thông tin về việc đáp ứng điều kiện niêm yết tại thời điểm hiện tại và kế hoạch đảm bảo điều kiện niêm yết sau khi hoàn thành đợt chào bán như sau:

| Điều kiện niêm yết | Căn cứ và kế hoạch về việc đáp ứng điều kiện niêm yết |
|---|---|
| Điểm a, Khoản 1, Điều 109, Nghị định 155: *"Là công ty cổ phần có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ 30 tỷ đồng trở lên căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, đồng thời giá trị vốn hóa đạt tối thiểu 30 tỷ đồng tính theo bình quân gia quyền giá thanh toán cổ phiếu trong đợt chào bán ra công chúng gần nhất theo quy định của Nghị định này hoặc giá tham chiếu cổ phiếu giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom trung bình gia quyền 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và/hoặc bình quân giá quyền giá thanh toán trong đợt bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp cổ phần hóa"* | • Là công ty cổ phần: Đã đáp ứng<br>*Căn cứ:* Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500552524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 25/09/2015, do Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 06/04/2026<br>• Là công ty cổ phần có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ 30 tỷ đồng trở lên căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán: Đã đáp ứng<br>*Căn cứ:* Công ty có vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025 là 1.070.050.530.000 đồng theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán; và<br>• Giá trị vốn hóa đạt tối thiểu 30 tỷ đồng tính theo bình quân gia quyền giá thanh toán cổ phiếu trong đợt chào bán ra công chúng gần nhất: Đảm bảo đáp ứng sau khi Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thành công<br>*Căn cứ:* Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 07/2026/NQ-HĐQT-AMY ngày 05/06/2026 |

| Điều kiện niêm yết | Căn cứ và kế hoạch về việc đáp ứng điều kiện niêm yết |
|---|---|
| | giá chào bán dự kiến của đợt chào bán 48.900 đồng/cổ phiếu.<br>• Giả định đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty với số lượng 16.100.000 cổ phiếu được chào bán hết, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán là 160.556.811 cổ phiếu.<br>• Theo đó, Công ty sẽ có giá trị vốn hóa là 8.316,8 tỷ đồng theo giá chào bán dự kiến |
| Điểm b, khoản 1, điều 109, Nghị định 155: *"Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết; đã giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom tối thiểu 02 năm, trừ trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đã chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa"* | • Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và đăng ký niêm yết: Đã đáp ứng<br>*Căn cứ:* Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/2026/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 20/04/2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và đăng ký niêm yết tại HOSE |
| Điểm c, khoản 1, điều 109, Nghị định 155, đã được sửa đổi bởi điểm a, khoản 36, Điều 1, Nghị định 245: *"Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm đăng ký niêm yết tối thiểu là 5% và hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi; không có lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán, trong trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc của kỳ lập báo cáo tài chính bán niên thì căn cứ trên báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán.*<br>*Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với niêm yết mà nộp hồ sơ hợp lệ đến Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các chỉ tiêu nêu trên căn cứ trên báo cáo tài chính năm được kiểm toán theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 111a Nghị định này"* | • Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm đăng ký niêm yết tối thiểu là 5%: Đã đáp ứng<br>*Căn cứ:* Theo các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán, tỷ lệ ROE của Công ty trong năm 2025 đạt 41,3%<br>• Hoạt động kinh doanh của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi: Đã đáp ứng<br>*Căn cứ:* Theo các báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025 đã được kiểm toán, Công ty đã đạt lợi nhuận sau thuế lần lượt là 814,6 tỷ đồng và 750,7 tỷ đồng<br>• Không có lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trong trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên thì căn cứ trên báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán: Đã đáp ứng<br>*Căn cứ:* Theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán, Công ty không có lỗ lũy kế và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 đạt 470,6 tỷ đồng |
| Điểm d, khoản 1, điều 109, Nghị định 155: *"Trừ trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa,* | • Trường hợp vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết từ 1.000 tỷ đồng trở lên, tỷ lệ tối thiểu |

| Điều kiện niêm yết | Căn cứ và kế hoạch về việc đáp ứng điều kiện niêm yết |
|---|---|
| *tổ chức đăng ký niêm yết phải có tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ; trường hợp vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết từ 1.000 tỷ đồng trở lên, tỷ lệ tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết"* | là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ: Đảm bảo đáp ứng<br>*Căn cứ:* Vốn điều lệ của Công ty hiện tại là 1.444.568.110.000 đồng căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 2500552524 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 06/04/2026. Theo Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu ("Phương án chào bán") được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua tại Nghị quyết số 04/2026/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 20/04/2026 và kế hoạch triển khai khi tiết Phương án chào bán đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua tại Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐQT-AMY ngày 20/04/2026, số lượng cổ phiếu dự kiến đăng ký chào bán là 16.100.000 cổ phiếu (tương đương 11,15% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết sau khi kết thúc đợt chào bán) và số lượng cổ phiếu mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối đa không quá 8.027.800 cổ phiếu (tương đương 5% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết sau khi kết thúc đợt chào bán).<br>Như vậy, trong trường hợp Công ty thực hiện chào bán thành công theo Phương án chào bán nêu trên, Công ty đảm bảo đáp ứng điều kiện 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ. |
| Điểm đ, khoản 1, điều 109, Nghị định 155: *"Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo,* | • Đảm bảo đáp ứng<br>• Công ty và các cổ đông có liên quan cam kết thực hiện sau khi Công ty đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng như sau: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên có văn bản cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo |

| Điều kiện niêm yết | Căn cứ và kế hoạch về việc đáp ứng điều kiện niêm yết |
|---|---|
| *không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ".* | |
| Điểm e, khoản 1, điều 109, Nghị định 155: *"Công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán."* | • Đã đáp ứng<br>Căn cứ: Theo Công văn số 21/2026/CV-AMY ngày 20/04/2026, Công ty cam kết Công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán |
| Điểm g, khoản 1, điều 109, Nghị định 155: *"Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết, trừ trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty chứng khoán"* | • Đã đáp ứng<br>*Căn cứ:* Hợp đồng tư vấn số 04/2025/HĐ-IBHN.Vietcap ngày 02/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ và Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap; Công ty cổ phần Chứng khoán Vietcap là đơn vị tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết của Công ty |

## 18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

# VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

## 1. Mục đích chào bán

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán với các mục đích sau:

(i) tăng tính minh bạch, uy tín và thương hiệu của Công ty;

(ii) tăng khả năng tiếp cận đa dạng các nguồn vốn, phục vụ chiến lược tăng trưởng của Công ty;

(iii) nâng cao năng lực tài chính của Công ty, trả nợ vay, bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm chủ động sẵn nguồn lực để trong tương lai Công ty có thể nghiên cứu, lên kế hoạch để đầu tư mới hoặc nâng công suất các nhà máy của Công ty và các công ty con.

## 2. Phương án khả thi

Không áp dụng.

## 3. Thông tin về tình hình triển khai dự án:

Không áp dụng.

# IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đã được HĐQT Công ty thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2026/NQ-HĐQT-AMY ngày 05/06/2026 triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu. Tổng số tiền Công ty dự kiến thu được từ Đợt Chào Bán là 787.290.000.000 đồng, sẽ được phân bổ theo mục đích sử dụng với chi tiết như sau:

**Bảng 77: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán**

| STT | Mục đích sử dụng vốn | Kế hoạch sử dụng vốn (đồng) | % tương ứng với số tiền thu được từ đợt chào bán | Tiến độ giải ngân |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng** | **480.000.000.000** | **60,97%** | **Năm 2026** |
| 1.1 | Trả nợ vay ngắn hạn cho Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam Chi nhánh Bình Xuyên theo Hợp đồngcho vay hạn mức số 25.093.0008/2025-HĐCVHM/NHCT262-AMY ngày 14/10/2025 | 130.000.000.000 | 16,51% | Năm 2026 |
| 1.2 | Trả nợ vay ngắn hạn cho Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 31.21216/2025-HĐCVHM/NHCT246 -AMY ngày 15/10/2025. | 70.000.000.000 | 8,89% | Năm 2026 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1.3 | Trả nợ vay ngắn hạn cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/9313161/HĐTD ngày 06/08/2025 | 250.000.000.000 | 31,75% | Năm 2026 |
| 1.4 | Trả nợ vay ngắn hạn cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00052956.22963/2025/HDTDHM ngày 31/10/2025 | 30.000.000.000 | 3,81% | Năm 2026 |
| **2** | **Bổ sung vốn lưu động, cụ thể thanh toán cho các nhà cung cấp dưới đây** | **307.290.000.000** | **39,03%** | **Năm 2026** |
| 2.1 | Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ và Thương mại Thuận Thành | 92.000.000.000 | 11,69% | Năm 2026 |
| 2.2 | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Miền Bắc | 53.000.000.000 | 6,73% | Năm 2026 |
| 2.3 | Công ty TNHH Kỹ thuật Vật liệu mới Linbo Việt Nam | 43.000.000.000 | 5,46% | Năm 2026 |
| 2.4 | Công ty TNHH Kinh doanh và Xuất nhập khẩu Minh Châu | 18.000.000.000 | 2,29% | Năm 2026 |
| 2.5 | Công ty TNHH Quốc Tế LH | 34.000.000.000 | 4,32% | Năm 2026 |
| 2.6 | Công ty Cổ phần HOPEWAY | 16.000.000.000 | 2,03% | Năm 2026 |
| 2.7 | Công ty Cổ phần In và Bao bì Goldsun | 27.000.000.000 | 3,43% | Năm 2026 |
| 2.8 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Avestar | 13.000.000.000 | 1,65% | Năm 2026 |
| 2.9 | Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Bình Minh Anh | 11.290.000.000 | 1,43% | Năm 2026 |
| | **Tổng cộng** | **787.290.000.000** | **100%** | |

*Nguồn: CTCP Công nghiệp Á Mỹ*

Số tiền ròng thu được từ đợt chào bán là tổng số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán sau khi trừ đi các loại phí chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán bao gồm nhưng không giới hạn bởi phí tư vấn, phí kiểm toán vốn và sử dụng vốn, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán… Số tiền ròng thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng theo tiến độ phù hợp với tiến độ của các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán. Tùy thuộc vào Số tiền ròng thu được từ đợt chào bán, HĐQT quyết định việc phân bổ Số tiền ròng thu được từ đợt chào bán theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống.

**Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ Đợt Chào Bán:** Trong trường hợp Công ty không huy động đủ số tiền dự kiến theo kế hoạch cho các mục đích nêu trên, HĐQT

được quyết định hoặc trình ĐHĐCĐ thông qua các phương án bao gồm nhưng không giới hạn bởi: (i) điều chỉnh Phương án sử dụng vốn và tiến độ triển khai các mục đích sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế, (ii) sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty, (iii) huy động từ nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, và (iv) huy động nguồn vốn từ (các) cổ đông chiến lược/đối tác khác (nếu có) để đảm bảo cho các mục đích kinh doanh đã được hoạch định.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán để phù hợp với tình hình thực tế thì HĐQT bảo đảm thực hiện tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Trong thời gian số tiền thu được từ đợt chào bán chưa được sử dụng để giải ngân cho các mục đích sử dụng vốn, Công ty được phép sử dụng để gửi tiết kiệm ngân hàng.

*Lưu ý: Bảng trên được tính dựa trên giả định tổng số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 16.100.000 cổ phiếu với giá chào bán là 48.900 đồng/cổ phiếu. Các loại chi phí, lệ phí liên quan đến Đợt chào bán có thể thay đổi tùy thuộc vào hợp đồng thực tế với các bên cung cấp dịch vụ thứ ba và biểu phí, lệ phí do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thực hiện chào bán.*

**1. Thông tin về các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng**

Công ty sử dụng một phần số tiền thu được từ đợt chào bán để trả các khoản vay đáo hạn vào tháng 8, 9 năm 2026 sau:

- Các khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bình Xuyên theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 25.093.0008/2025-HĐCVHM/NHCT262-AMY ngày 14/10/2025 là các khoản vay có dư nợ tổng 132.807.899.678 đồng tính đến thời điểm 20/04/2026, lãi suất vay vốn từ 7% đến 7,2%, với mục đích thanh toán chi phí để sản xuất gạch và SPC. Các khoản vay ngắn hạn có thời điểm đáo hạn vào tháng 8, 9 năm 2026.
- Các khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 31.21216/2025-HĐCVHM/NHCT246 -AMY ngày 15/10/2025 là các khoản vay có dư nợ tổng 83.893.509.408 đồng tính đến thời điểm 20/04/2026, lãi suất vay vốn từ 7% đến 7,2%, với mục đích thanh toán chi phí nguyên vật liệu sản xuất gạch và SPC. Các khoản vay ngắn hạn có thời điểm đáo hạn vào tháng 8, 9 năm 2026.
- Các khoản vay ngắn hạn cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/9313161/HĐTD ngày 06/08/2025 là các khoản vay có dư nợ tổng 257.449.596.297 đồng tính đến thời điểm 20/04/2026, lãi suất vay vốn từ 6,8% đến 7%, với mục đích Thanh toán tiền hàng và thanh toán LC (thư tín dụng) đến hạn. Các khoản vay ngắn hạn có thời điểm đáo hạn vào tháng 8, 9 năm 2026.
- Các khoản vay ngắn hạn cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00052956.22963/2025/HDTDHM ngày 31/10/2025 là các khoản vay có dư nợ tổng 55.008.574.860 đồng tính đến thời điểm 20/04/2026, lãi suất vay vốn 7%, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động

kinh doanh của Công ty. Các khoản vay ngắn hạn có thời điểm đáo hạn vào tháng 8, 9 năm 2026.

Các khoản nợ vay ngắn hạn phát sinh tại 04 ngân hàng trên được dùng để bổ sung vốn lưu động Công ty thông qua việc thanh toán các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ cho các nhà cung cấp. Để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh cũng như duy trì mức tăng trưởng hàng năm, Công ty phải duy trì thường xuyên, liên tục các khoản vay nợ hạn mức với các ngân hàng này.

Các khoản nợ vay ngắn hạn với mỗi ngân hàng sẽ bao gồm một hoặc nhiều khế ước nhận nợ (hoặc giấy nhận nợ hoặc đơn xin vay vốn) tương ứng với từng lần giải ngân của ngân hàng cho Công ty. Do tính chất quay vòng liên tục của việc mua - bán hàng và vốn lưu động, nên thời hạn của các khoản vay cho mỗi lần giải ngân thường dao động từ 3 (ba) tháng đến 6 (sáu) tháng. Số dư nợ vay theo các khế ước nhận nợ của mỗi hợp đồng vay sẽ thay đổi liên tục do việc thanh toán khoản nợ cũ và sau đó, giải ngân khoản nợ mới để tiếp tục cho việc mua hàng mới và tài trợ vốn lưu động của Công ty. Trong trường hợp thời gian triển khai đợt chào bán của Á Mỹ kéo dài hơn so với dự kiến, căn cứ các Hợp đồng tín dụng/cho vay hạn mức nêu trên, Công ty dự kiến sử dụng 480 tỷ đồng từ số tiền thu được của đợt chào bán để thanh toán các khoản vay đã được giải ngân theo các hợp đồng này. Việc thanh toán sẽ được ưu tiên thực hiện đối với các khoản giải ngân đến hạn gần nhất tại thời điểm Công ty được phép sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo quy định của pháp luật và bảo đảm hoàn thành trong năm 2026.

**2. Bổ sung vốn lưu động**

Nhu cầu về vốn lưu động của Công ty trong năm 2026 được tính toán chi tiết như bảng dưới đây:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu | | Giá trị |
|---|---|---|
| Phải thu ngắn hạn khách hàng bình quân năm 2025 | (1) | 1.074.904 |
| Hàng tồn kho bình quân năm 2025 | (2) | 1.058.964 |
| Phải trả người bán ngắn hạn bình quân năm 2025 | (3) | 1.000.408 |
| Vốn lưu động ròng năm 2025 | (4) = (1) + (2) - (3) | 1.133.460 |
| Doanh thu thuần năm 2025 (*) | (5) | 6.997.594 |
| % Vốn lưu động ròng/Doanh thu thuần năm 2025 | (6) = (4) / (5) | 16,20% |
| **Doanh thu thuần năm 2026 (dự kiến)** | (7) | 9.063.000 |
| **Vốn lưu động ròng năm 2026 (dự kiến)** | (8) = (6) * (7) | 1.468.011 |
| **Nhu cầu vốn lưu động ròng cần bổ sung trong năm 2026** | (9) = (8) – (4) | 334.551 |

*Lưu ý:*

- *Số liệu tài chính từ mục (1) – (3) được trình bày ở trên được tính bằng bình quân số dư đầu kỳ và cuối kỳ của năm 2025;*
- *Tỷ lệ Vốn lưu động ròng/Doanh thu thuần của năm 2026 được giả định tương đương với tỷ lệ này của năm 2025;*

- *Doanh thu thuần năm 2026 được tính toán dựa trên kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty thông qua.*

Căn cứ số liệu tính toán ở bảng trên, trong năm 2026 Công ty sẽ cần bổ sung khoảng 334.551 triệu đồng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

Theo đó, 91,85% nhu cầu vốn lưu động (tương đương 307,29 tỷ đồng) được lấy nguồn từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng trong năm 2026 và 8,15% nhu cầu vốn còn lại (tương đương 27.261 tỷ đồng) sẽ được huy động từ nguồn vốn tự có của Công ty hoặc từ nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

Về phương án sử dụng 307.290.000.000 đồng thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để bổ sung vốn lưu động, cụ thể đối với từng loại nguyên vật liệu đầu vào, Công ty sử dụng một phần từ số tiền thực tế Công ty thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để thanh toán cho một trong các nhà cung cấp chính đối với từng nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Thông tin chi tiết như sau:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

**Bảng 78: Kế hoạch thanh toán cho các nhà cung cấp**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Loại hàng hóa | Tổng giá trị nguyên vật liệu mua vào năm 2025 | Nhà cung cấp dự kiến | Thời điểm bắt đầu giao dịch với Á Mỹ | Giá trị đã thanh toán (đồng) | | | Giá trị ước tính thanh toán cho 5 tháng từ tháng 8/2026 đến hết tháng 12/2026 | Số tiền dự kiến sử dụng từ nguồn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng | Hợp đồng | Hiệu lực của Hợp đồng | Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Năm 2025 | Quý 1/2026 | Giá trị thanh toán bình quân 01 tháng của Quý 1/2026 | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) = (7)/3 | (9) = (8)*5 | (10) | (11) | (12) | (13) |
| 1 | Than | 363.698 | Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ và Thương mại Thuận Thành | Năm 2023 | 420.857 | 95.179 | 31.726 | 158.632 | 92.000 | Hợp đồng 01/2026/HĐ NT/AMY-TT kí ngày 02/01/2026 | Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ pháp lý với nhau mà không còn phát sinh giao dịch hoặc vướng mắc gì khác. | Không có quan hệ |
| 2 | Điện | 203.823 | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện lực Miền Bắc | Năm 2016 | 219.723 | 54.595 | 18.198 | 90.992 | 53.000 | Hợp đồng NSPC_TH_25_02_047 ngày 12/02/2025 | 5 năm kể từ 12/02/2025 đến hết ngày 11/02/2030 | Không có quan hệ |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Tấm IXPE (Đế SPC) | 76.107 | Công ty TNHH Kỹ thuật Vật liệu mới Linbo Việt Nam | Năm 2025 | 58.223 | 44.097 | 14.699 | 73.495 | 43.000 | Hợp đồng AMY/LB-20250612 ký ngày 12/06/2025 | Hiệu lực từ 12/06/2025 đến hết 31/12/2026. Hết thời hạn này, hợp đồng tự động kéo dài 12 tháng tiếp theo và không quá 2 năm | Không có quan hệ |
| 4 | Các sản phẩm Keo | 56.649 | Công ty TNHH Kinh doanh và Xuất nhập khẩu Minh Châu | Năm 2021 | 59.123 | 18.434 | 6.145 | 30.723 | 18.000 | Hợp đồng nguyên tắc 020126/HĐNT/MC-AM ngày 02/01/2026 | Hợp đồng có hiệu lực kể từ 02/01/2026 đến hết ngày 02/01/2027 | Không có quan hệ |
| 5 | Vecni UV | 92.507 | Công ty TNHH Quốc Tế LH | Năm 2024 | 91.716 | 34.730 | 11.577 | 57.884 | 34.000 | Hợp đồng LH-AM/06.2024/HDNT ký ngày 06/06/2024 | Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có hiệu lực vô thời hạn và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi một trong các bên chấm dứt. | Không có quan hệ |
| 6 | Thiết bị, phụ tùng, máy móc, chi tiết | 53.886 | Công ty Cổ phần HOPEWAY | Năm 2019 | 64.242 | 16.440 | 5.480 | 27.400 | 16.000 | Hợp đồng 01/2026/HĐNT/AMY-HW ký ngày 03/01/2026 | Hợp đồng có hiệu lực kể từ 03/01/2026 đến hết ngày 31/12/2027 | Không có quan hệ |
| 7 | Bao bì | 101.752 | Công ty Cổ phần In và Bao bì Goldsun | Năm 2020 | 108.059 | 28.106 | 9.369 | 46.843 | 27.000 | Hợp đồng 01/2025/HĐNT/AMY-GS ký ngày 01/01/2025 | Hợp đồng có hiệu lực kể từ 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2028 | Không có quan hệ |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Bao bì | 40.807 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Avestar | Năm 2023 | 42.405 | 13.447 | 4.482 | 22.412 | 13.000 | Hợp đồng 01/2025/HĐ NT/AMY-AVT ký ngày 02/01/2025 | Hợp đồng có thời hạn kể từ 02/01/2025 và hết hiệu lực khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ pháp lý mà không còn phát sinh giao dịch hoặc vướng mắc gì khác. Cho đến nay Á Mỹ và CTCP Tập đoàn Bao bì Avestar vẫn đang phát sinh giao dịch liên tục thường xuyên. | Không có quan hệ |
| 9 | Pallet | 65.168 | Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Bình Minh Anh | Năm 2021 | 75.335 | 15.928 | 5.309 | 26.547 | 11.290 | Hợp đồng 2912-2025/HĐNT/ AMY-BMA ký ngày 29/12/2025 | Hợp đồng có hiệu lực kể từ 29/12/2025 đến hết ngày 31/12/2028 | Không có quan hệ |
| | **TỔNG CỘNG** | **1.054.396** | | | **1.139.682** | **320.957** | **106.986** | **534.929** | **307.290** | | | |

*Nguồn sử dụng: Một phần từ số tiền thực tế Công ty thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và một phần từ nguồn tự có của Công ty và/hoặc nguồn vay ngân hàng.*

Danh sách trên bao gồm các nhà cung cấp truyền thống của Công ty, cung cấp các loại nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất thành phẩm. Công ty đã duy trì quan hệ hợp tác ổn định, lâu dài với các nhà cung cấp này trong nhiều năm, qua đó góp phần đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty và các nhà cung cấp ký kết hợp đồng nguyên tắc, quy định các điều khoản chung về hợp tác thương mại như tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, phương thức giao nhận, điều kiện thanh toán, trách nhiệm bảo hành và các quyền, nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu đơn hàng thực tế và diễn biến giá nguyên vật liệu tại từng thời điểm, Công ty thực hiện đặt hàng theo từng đợt với nhà cung cấp thông qua các đơn đặt hàng mua, trong đó quy định chi tiết về chủng loại nguyên vật liệu, số lượng, đơn giá, thời gian giao hàng và các điều kiện thực hiện liên quan.

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, quy mô hoạt động của Công ty dự kiến tăng trên 25% so với năm 2025, kéo theo nhu cầu nguyên vật liệu và giá trị mua hàng từ các nhà cung cấp nêu trên tăng tương ứng. Công ty dự kiến sử dụng một phần nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng để thanh toán cho các nhà cung cấp trong giai đoạn từ tháng 8/2026 đến tháng 12/2026. Giá trị thanh toán dự kiến được xác định trên cơ sở giá trị thanh toán thực tế năm 2025, Quý I/2026 và điều chỉnh phù hợp với kế hoạch tăng trưởng sản xuất kinh doanh năm 2026.

## X. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

### 1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

### 2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

### 3. Mã cổ phiếu (dự kiến)

AMY

### 4. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 160.556.811 (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm mười một) cổ phiếu, trong đó có:

a. 144.456.811 (Một trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm mười một) cổ phiếu đang lưu hành, tương đương với 100% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành; và

b. 16.100.000 (Mười sáu triệu một trăm nghìn) cổ phiếu sau khi thực hiện thành công việc chào bán lần đầu ra công chúng, tương đương 11,15%(*) số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

*(*) Tỷ lệ này được làm tròn lên từ số thập phân 16.100.000 / 144.456.811 ≈ 11,1452%*

### 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký niêm yết

Theo quy định tại Điều 109, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng

Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

Theo điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019 quy định cổ đông lớn trước thời điểm chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của tổ chức phát hành phải cam kết cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của tổ chức phát hành tối thiểu là 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Các cổ đông lớn cam kết nắm giữ cổ phiếu theo điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán 2019 tại Mục 16.1 Phần VIII của Bản cáo bạch này.

Các cổ đông sáng lập không bị hạn chế chuyển nhượng do đã thỏa mãn điều kiện 03 năm từ khi thành lập.

Danh sách các cá nhân và tổ chức bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP chi tiết như sau:

| STT | Tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng từ ngày niêm yết | Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lương Văn Mỹ | Chủ tịch HĐQT | 40.635.365 | 40.635.365 | 20.317.683 |
| 2 | Đinh Quốc Tuấn | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 37.191.691 | 37.191.691 | 18.595.846 |
| 3 | Trần Tuấn Đại | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 35.814.220 | 35.814.220 | 17.907.110 |
| 4 | Trần Ngọc Anh | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc sản xuất | 11.019.759 | 11.019.759 | 5.509.880 |
| 5 | Nguyễn Ngọc Sơn | Thành viên HĐQT | 8.264.820 | 8.264.820 | 4.132.410 |
| 6 | Nguyễn Hữu Vinh | Thành viên HĐQT độc lập | - | - | - |
| 7 | Segura Tomas Alejandro | Thành viên HĐQT độc lập | - | - | - |
| 8 | Dương Phú Đạt | Trưởng Ban Kiểm soát | 14.175 | 14.175 | 7.088 |
| 9 | Nguyễn Thị Thu Hương | Thành viên Ban Kiểm soát | - | - | - |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh Hòa | Thành viên Ban Kiểm soát | - | - | - |
| 11 | Trần Thị Thanh Nga | Kế toán trưởng | 82.350 | 82.350 | 41.175 |

## 6. Phương pháp tính giá

Hội đồng quản trị Công ty sẽ quyết định giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là giá chào bán thành công được công bố tại kết quả chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty.

## 7. Các loại thuế có liên quan

### *7.1. Đối với Công ty*

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Căn cứ điểm 4, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ: Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp "*Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn; Nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; Sản xuất, khai thác và tinh chế muối trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP; Đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông, thủy sản và thực phẩm, bao gồm cả đầu tư để trực tiếp bảo quản hoặc đầu tư để cho thuê bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm*".

Căn cứ điểm 5, điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015 NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ: Công ty áp dụng "*thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn*".

Căn cứ điểm 1, điều 6 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015 NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ: Công ty được áp dụng miễn thuế TNDN với "*Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; Thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản.*"

Căn cứ điểm 4, điều 19 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành thuế TNDN tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, công ty áp dụng thuế suất 17% đối với: "*Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới: sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống (bao gồm xây dựng và phát triển các ngành nghề truyền thống về sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản thực phẩm, các sản phẩm văn hóa).*

*Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới vào các lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế quy định tại khoản này kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 áp dụng thuế suất 17%.*"

Căn cứ điểm 3 điều 6 thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 hướng dẫn thi hành nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các nghị định quy

định về thuế; Công ty áp dụng: *" Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại Khoản 4 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp (trừ Khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện – kinh tế xã hội thuận lợi). "*

Đối với thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty sẽ được áp dụng mức thuế suất 20% theoLuật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 và Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Đối với Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu: Không chịu thuế GTGT.
- Đối với các hoạt động khác: 10%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác như: Thuế môn bài, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, v.v. Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành tại Việt Nam. Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### *7.2. Đối với nhà đầu tư cá nhân*

**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

Điều 16, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) quy định:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần x Thuế suất 0,1%

**Thu nhập từ cổ tức:**

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.
- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiền hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

- Cá nhân là cán bộ nhân viên được thưởng bằng cổ phiếu theo kế hoạch phát hành cổ phần thưởng cho người lao động (ESOP) chưa phải nộp thuế từ tiền lương, tiền công. Khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

### *7.3. Đối với nhà đầu tư tổ chức*

**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

  - Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 14 Nghị định 320/2025/NĐ-CP và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 19 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.
  - Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.
  - Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.
  - Tổng doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 15% và 17% quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP..

- Tổ chức nước ngoài: Theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

**Thu nhập từ cổ tức:**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 7, Điều 4 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

# XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

## 1. Tổ chức tư vấn

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap)**

***Trụ sở chính:***

Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

***Phòng giao dịch Nguyễn Huệ***

Tòa nhà Vinatex – Tài Nguyên, số 10 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 8882 6868 Fax : (84-28) 3914 3209

***Phòng giao dịch Hàm Nghi***

Tầng 16, Tòa nhà Doji, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 8882 6868

***Chi nhánh Hà Nội:***

Tầng 6, Tòa nhà số 109 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điên thoại : (84-24) 6262 6999 Fax : (84-24) 6278 2688

***Phòng giao dịch Mỹ Đình***

SAP, A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One), Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)

Điên thoại : (84-28) 8882 6868 Fax : (84-24) 6278 2688

**Ý kiến của Tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán**

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap đã thu thập được về CTCP Công nghiệp Á Mỹ và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap có một số nhận định như sau: Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Bên cạnh đó, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển của ngành.

Khối lượng chào bán đợt này là tối đa 16.100.000 cổ phiếu, là đợt chào bán có quy mô tương tự so với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây. Với vị thế hiện tại của Công ty, Tổ chức tư vấn đánh giá tính khả thi của đợt chào bán này là cao.

## 2. Đại lý phân phối

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap)**

***Trụ sở chính:***

Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

### 3. Tổ chức kiểm toán

**Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn KPMG**

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa nhà Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 3946 1600

Website: https://kpmg.com/vn/vi/home.html

**Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán và Tư Vấn UHY**

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: + 84 2456 783 999

Website: https://uhyvietnam.com.vn/

## XII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

## XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

*Phú Thọ, ngày ...05 tháng ...6.. năm 2026*

*Đại diện Tổ chức đăng ký niêm yết*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Á MỸ**

| | |
|---|---|
| **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** | **TỔNG GIÁM ĐỐC** |
| **LƯƠNG VĂN MỸ** | **ĐINH QUỐC TUẤN** |
| **KẾ TOÁN TRƯỞNG** | **TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT** |
| **TRẦN THỊ THANH NGA** | **DƯƠNG PHÚ ĐẠT** |

*Đại diện Tổ chức tư vấn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN QUANG BẢO**

## XIV. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 1:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500552524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 25/09/2015, do Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 06/04/2026.
2. **Phụ lục II:**
   - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/2026/NQ-ĐHĐCĐ-AMY ngày 20/04/2026.
   - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2026/NQ-HĐQT-AMY ngày 05/06/2026 triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu.
3. **Phụ lục III:** Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ.
4. **Phụ lục IV:**
   - BCTC riêng và hợp nhất năm tài chính 2024 và 2025 được kiểm toán.
   - BCTC riêng và hợp nhất quý I năm 2026.
5. **Phụ lục V:** Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày 07/04/2026 được kiểm toán.